

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN**



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH GDTC**

**Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo  
của Bộ Giáo dục và Đào tạo**

**Bình Định, tháng 10 năm 2020**



**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN, ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng  
 Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ	PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Ông Nguyễn Đình Hiền	PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Ông Nguyễn Sỹ Đức	TS, Trưởng khoa GDTC-QP	Phó Chủ tịch	
4	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn K.GDTC-QP	Thư ký	
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn	PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên	
6	Ông Lê Xuân Vinh	TS, Trưởng phòng ĐTDH	Thành viên	
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến	ThS, Trưởng phòng KT&BDCL	Thành viên	
8	Ông Nguyễn Thanh Hùng	TS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Thành viên	
9	Ông Mai Thế Anh	ThS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Thành viên	
10	Ông Lê Minh Tú	ThS, CT Công đoàn K.GDTC-QP	Thành viên	
11	Ông Trương Quốc Duy	ThS, Bí thư Đoàn TN K.GDTC-QP	Thành viên	
12	Ông Bùi Văn Kiên	ThS, Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên	
13	Ông Lê Hữu Đàng	Sinh viên K GDTC-QP, K40	Thành viên	

(danh sách gồm có 13 người)



## MỤC LỤC

PHẦN I. KHÁI QUÁT .....	1
1. Đặt vấn đề.....	1
1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.....	1
1.2. Mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo .....	2
2. Tổng quan chung.....	4
2.1. Giới thiệu về Trường ĐHQN.....	4
2.2. Giới thiệu về Khoa GDTC- QP .....	8
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ .....	12
Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.....	12
Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học.....	12
Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo. ....	14
Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai .....	17
Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo.....	20
Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật.....	20
Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật .....	23
Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận .....	25
Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học .....	27
Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra.....	28
Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng .....	31
Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp.....	33
Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học.....	36
Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan .....	36
Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.....	38
Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học .....	40

Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học .....	43
Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra .....	43
Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học .....	46
Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng .....	49
Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập .....	51
Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên .....	54
Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	55
Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng .....	58
Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....	60
Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá .....	61
Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....	63
Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	65
Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	66
Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên .....	68
Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng .....	69
Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai .....	71
Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá .....	72

Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó .....	73
Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.....	74
Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học .....	76
Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật .....	77
Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá .....	79
Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của người học .....	80
Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học .....	83
Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học .....	85
Tiêu chuẩn 9. CSVC và trang thiết bị .....	88
Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	89
Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	90
Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	92
Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu .....	93
Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật .....	95
Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng .....	97
Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học. ....	97
Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến.....	99
Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học .....	104
Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến .....	106

Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến.....	108
Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra .....	111
Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	111
Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	114
Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng .....	116
Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng .....	117
Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.....	119
Phần III. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH GDTC .....	136
Phần IV. PHỤ LỤC .....	139
Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO .....	139
Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC .....	159



## **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>CĐR</b>	Chuẩn đầu ra
<b>CLĐT</b>	Chất lượng đào tạo
<b>CSVC</b>	Cơ sở vật chất
<b>CTĐT</b>	Chương trình đào tạo
<b>CTDH</b>	Chương trình dạy học
<b>CVHT</b>	Cố vấn học tập
<b>ĐCCT</b>	Đề cương chi tiết
<b>ĐHQN</b>	Đại học Quy Nhơn
<b>GDDH</b>	Giáo dục đại học
<b>GD&amp;ĐT</b>	Giáo dục và Đào tạo
<b>GDTC</b>	Giáo dục thể chất
<b>GDTC-QP</b>	Giáo dục thể chất – Quốc phòng
<b>HTSV&amp;QHĐN</b>	Hỗ trợ sinh viên và Quan hệ doanh nghiệp
<b>GV</b>	Giảng viên
<b>KHCN&amp;HTQT</b>	Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế
<b>KLTN</b>	Khóa luận tốt nghiệp
<b>KQHT</b>	Kết quả học tập
<b>KTĐG</b>	Kiểm tra đánh giá
<b>KT&amp;BDCL</b>	Khảo thí và Bảo đảm chất lượng
<b>NCKH</b>	Nghiên cứu khoa học
<b>NCS</b>	Nghiên cứu sinh
<b>SV</b>	Sinh viên
<b>TC</b>	Tín chỉ
<b>TĐTT</b>	Thể dục thể thao
<b>THPT</b>	Trung học Phổ thông







## PHẦN I. KHÁI QUÁT

### 1. Đặt vấn đề

#### 1.1. Tóm tắt báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo

Chất lượng CTĐT đóng vai trò quan trọng, quyết định CLĐT của trường Đại học. Trong xu thế hội nhập và nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nói chung, giáo dục đại học nói riêng thì việc thẩm định, đánh giá chất lượng CTĐT một cách toàn diện theo các chuẩn mực quốc gia, khu vực và quốc tế là hết sức cần thiết.

Trong nhiều năm qua, Khoa GDTC-QP, Trường ĐHQN thường xuyên quan tâm đến chất lượng CTĐT, đã và đang áp dụng nhiều giải pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng CTĐT ngành GDTC. Do đó, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và đăng ký ĐÁNH GIÁ NGOÀI CTĐT ngành GDTC theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ GD&ĐT, theo các công văn hướng dẫn số 1074, 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT.

Chúng tôi coi đây là cơ hội tốt để tự xem xét, đánh giá một cách hệ thống, toàn diện và khách quan CTĐT đại học ngành GDTC để thấy rõ thực trạng chất lượng, hiệu quả của CTĐT; từ đó xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục, tiến tới điều chỉnh mục tiêu CTĐT theo hướng đạt chuẩn khu vực, quốc tế.

Cấu trúc của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC bao gồm 4 phần:

+ Phần I: Khái quát, mô tả ngắn gọn mục đích, quy trình tự đánh giá CTĐT, phương pháp và công cụ đánh giá để cung cấp thông tin về bối cảnh của hoạt động tự đánh giá nhằm giúp người đọc hiểu rõ hơn nội dung của báo cáo tự đánh giá. Đồng thời, phần này cũng cần mô tả sự tham gia của các bên liên quan (khoa, ban, phòng, GV, nhân viên, người học,...), cách thức tổ chức các thành phần này tham gia hoạt động tự đánh giá CTĐT.

+ Phần II: Tự đánh giá theo các tiêu chuẩn, tiêu chí với các tiểu mục là: (1) Mô tả - phân tích chung về toàn bộ tiêu chuẩn và chỉ ra các minh chứng cụ thể; (2) Nêu những điểm mạnh của CTĐT; (3) Điểm tồn tại; (4) Kế hoạch cải tiến chất lượng và (5) Tự đánh giá.

+ Phần III: Kết luận về những điểm mạnh, điểm cần phát huy của đơn vị đào tạo, được tổng hợp theo từng tiêu chuẩn, tóm tắt những tồn tại, cần cải tiến chất lượng, kế hoạch cải tiến chất lượng và tổng hợp kết quả tự đánh giá.

+ Phần IV: Phụ lục, bao gồm bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT theo công văn số 1074, 1075 của Bộ GD&ĐT ngày 28/06/2016, công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, cơ sở dữ liệu gồm kiểm định chất lượng CTĐT, các quyết định văn bản liên quan khác và danh mục minh chứng.

## **1.2. Mục đích, phạm vi, quy trình tự đánh giá, phương pháp và công cụ đánh giá chương trình đào tạo**

### **a. Mục đích tự đánh giá**

Tự đánh giá CTĐT là một khâu quan trọng trong việc đảm bảo chất lượng CTĐT của Nhà trường, đơn vị. Đây là quá trình để Khoa GDTC - QP dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành, tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của CTĐT ngành GDTC, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan khác thuộc CTĐT; từ đó tiến hành xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch hành động nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT; đồng thời đăng ký ĐÁNH GIÁ NGOÀI để được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng CTĐT.

Ngoài ra, hoạt động tự đánh giá còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Khoa trong toàn bộ hoạt động đào tạo, NCKH, dịch vụ xã hội theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu đã được xác định của Nhà trường, của đơn vị. Đồng thời để Khoa tiếp tục xây dựng và phát triển, trở thành một trong những đơn vị có vị thế đứng đầu khu vực Miền Trung - Tây Nguyên và cả nước trong việc đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực giáo viên GDTC ở THPT và NCKH, từng bước vươn tới tầm quốc gia, khu vực và quốc tế.

### **b. Phạm vi tự đánh giá**

Đánh giá các hoạt động của Khoa GDTC-QP và các đơn vị phối hợp của Trường ĐHQN trong việc thực hiện CTĐT ngành GDTC theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

Thời gian đánh giá: giai đoạn 2015 - 2020.

### **c. Nội dung tự đánh giá**

Nội dung chính của Báo cáo tự đánh giá CTĐT ngành GDTC dựa theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ GD&ĐT ban hành. CTĐT ngành GDTC được đánh giá dựa trên 11 tiêu chuẩn, với 50 tiêu chí. Trong đó, các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4 tập trung vào mục tiêu, CDR, bản mô tả CTĐT, cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy - học; tiêu chuẩn 5 đánh giá về KQHT của người học; tiêu chuẩn 6, 7 tự đánh giá về đội ngũ cán bộ, GV, nghiên cứu viên và đội ngũ nhân viên; tiêu chuẩn 8 tập trung đánh giá các yếu tố liên quan đến người học và hoạt động hỗ trợ người học; tiêu chuẩn 9 gắn với các vấn đề về CSVC và trang thiết bị; tiêu

chuẩn 10 đưa ra những nhận định chính xác trong việc nâng cao chất lượng CTĐT và NCKH; tiêu chuẩn 11 đưa ra các đánh giá về kết quả đầu ra của cả CTĐT ngành GDTC.

#### **d. Phương pháp và công cụ đánh giá**

Quy định tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH ban hành kèm theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH số 1074/KTKĐGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Văn bản hướng dẫn tự đánh giá CTĐT số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục, Bộ GD&ĐT;

Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDDH.

Sau khi có quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDTC, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch tự đánh giá CTĐT ngành GDTC; thành lập các nhóm chuyên trách phụ trách những tiêu chuẩn khác nhau, cụ thể:

- + Nhóm 1 do TS. Nguyễn Thanh Hùng làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 1, 2, 3.
- + Nhóm 2 do TS. Nguyễn Sỹ Đức làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 6,7,11.
- + Nhóm 3 do TS. Mai Thế Anh làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 5,8,9.
- + Nhóm 4 do PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn làm nhóm trưởng phụ trách tiêu chuẩn 4,10.

Đối với mỗi tiêu chí đánh giá được tiến hành xem xét theo trình tự sau:

- Mô tả, làm rõ thực trạng của CTĐT;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu để đưa ra những nhận định, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và những biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng CTĐT.

Quá trình tự đánh giá CTĐT được tiến hành một cách khách quan, trung thực, công khai và minh bạch; các giải thích, nhận định, kết luận được đưa ra đều dựa trên các minh chứng cụ thể, rõ ràng, đủ độ tin cậy.

Sau khi tham gia tập huấn viết báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT do Nhà trường tổ chức, Khoa GDTC-QP đã lên kế hoạch chi tiết để thực hiện đánh giá CTĐT ngành GDTC và tổ chức họp viên chức toàn Khoa để phổ biến kế hoạch, phân công nhiệm vụ rõ ràng và triển khai thực hiện các mảng công việc chính như: *Thu thập thông tin liên lạc, dữ liệu từ SV năm cuối, cựu SV, nhà tuyển dụng, GV, chuyên gia; Điều tra khảo sát bằng bảng hỏi; Thu thập minh chứng; Viết báo cáo tiêu chuẩn; Viết dự thảo báo cáo tổng hợp; Duyệt dự thảo*

*báo cáo; Lưu giữ minh chứng...* Quá trình tiến hành tự đánh giá CTĐT ngành GDTC, nhất là viết báo cáo tự đánh giá đều có sự thống nhất và tham gia của tất cả các thành viên trong Khoa; đồng thời huy động một số cá nhân, đơn vị liên quan trong trường tham gia phối hợp, hỗ trợ các nhóm công tác của Hội đồng để triển khai tự đánh giá CTĐT.

#### **e. Quy trình tự đánh giá**

Quy trình tự đánh giá chất lượng CTĐT được thực hiện theo các bước chính sau:

Bước 1: Thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm công tác;

Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho từng nhóm;

Bước 3: Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng;

Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng thu được;

Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá;

Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Khoa và Trường để đọc và góp ý kiến; rà soát, hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;

Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

#### **f. Phương pháp mã hóa minh chứng**

Mã thông tin và minh chứng (Mã minh chứng) được ký hiệu bằng chuỗi có ít nhất 11 ký tự, bao gồm 1 chữ cái, 3 dấu chấm và 7 chữ số; cứ 2 chữ số có 1 dấu chấm (.) để phân cách theo công thức sau: Hn.ab.cd.ef.

Trong đó:

- H: viết tắt “Hộp minh chứng” (Minh chứng của mỗi tiêu chuẩn được tập hợp trong 1 hộp hoặc một số hộp).

- n: số thứ tự của hộp minh chứng được đánh số từ 1 đến hết (trường hợp  $n \geq 10$  thì chuỗi ký hiệu có 12 ký tự trở lên).

- ab: số thứ tự của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn 1 viết 01, tiêu chuẩn 10 viết 10).

- cd: số thứ tự của tiêu chí (tiêu chí 1 viết 01, tiêu chí 10 viết 10).

- ef: số thứ tự của minh chứng theo từng tiêu chí (thông tin và minh chứng thứ nhất viết 01, thứ 15 viết 15).

Ví dụ: H1.01.01.01: là minh chứng thứ nhất của tiêu chí 1 thuộc tiêu chuẩn 1, được đặt ở hộp 1; H10.10.05.05: là minh chứng thứ 5 của tiêu chí 5 thuộc tiêu chuẩn 10, được đặt ở hộp 10.

## **2. Tổng quan chung**

### **2.1. Giới thiệu về Trường ĐHQN**

Trường ĐHQN, tiền thân là cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập năm 1977 theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Năm 1981, Hội đồng Bộ trưởng đã ra Quyết định số 02/HĐBT ngày 13/7/1981 thành



lập Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn trực thuộc Bộ Giáo dục, “có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng giáo viên các trường phổ thông trung học”.

Năm 2003, Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn được Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 đổi tên thành Trường ĐHQN, “có nhiệm vụ: 1. Đào tạo giáo viên trình độ đại học và từng bước mở thêm các ngành nghề đào tạo phù hợp với khả năng của trường và nhu cầu nhân lực xã hội; 2. NCKH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội”.

Trải qua hơn 40 năm xây dựng và phát triển, Trường ĐHQN đã từng bước lớn mạnh không ngừng; quy mô và lĩnh vực đào tạo ngày càng mở rộng và ổn định; trình độ, chất lượng đào tạo ngày càng đảm bảo và nâng cao; đội ngũ GV, viên chức không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng; CSVN, trang thiết bị phục vụ giảng dạy, học tập và NCKH ngày càng được đầu tư xây dựng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa; công tác NCKH và hợp tác quốc tế không ngừng mở rộng, đi vào chiều sâu...

Trường đã có nhiều đóng góp to lớn trong việc đào tạo đội ngũ giáo viên, nhất là giáo viên THPT; đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trình độ cao cho các lĩnh vực khoa học tự nhiên và xã hội, lĩnh vực kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, góp phần to lớn vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội cũng như nâng cao dân trí của khu vực và cả nước.

#### ***\* Sứ mệnh và tầm nhìn của Trường ĐHQN***

Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN. Sứ mệnh và tầm nhìn của Nhà trường được xác định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và các nguồn lực của Nhà trường; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước; được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trên các văn bản, phương tiện truyền thông nội bộ và bên ngoài xã hội.

**Sứ mệnh:** “Trường ĐHQN là cơ sở giáo dục đại học đa ngành, đa lĩnh vực có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội.”

**Tầm nhìn:** “Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế.”

#### **Giá trị cốt lõi:**

“Trách nhiệm - Chuyên nghiệp - Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.”

**\* Triết lý giáo dục của Trường ĐHQN**

Triết lý giáo dục của Nhà trường được công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHQN, với nội dung

**“Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp”**

và với ý nghĩa như sau:

**Toàn diện:** Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội.

**Khai phóng:** Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội.

**Thực nghiệp:** Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

**\* Cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV, viên chức của Trường**

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN được thực hiện theo Điều 14 Luật GDDH, bao gồm:

- Hội đồng trường;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Phòng chức năng, trung tâm, trạm;
- Khoa, bộ môn;
- Các trung tâm dịch vụ đào tạo, các viện NCKH và công nghệ; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Hội đồng khoa học và đào tạo và các hội đồng tư vấn.

Đội ngũ GV, viên chức của Nhà trường hiện có đảm bảo về số lượng và phát triển về chất lượng. Tính đến tháng 12/2019, Nhà trường có 16 khoa, 12 phòng, 02 viện, 06 trung tâm và 01 trạm y tế với 771 viên chức trong đó có 545 GV cơ hữu, 01 GS, 32 PGS, 141 TSKH/TS, 359 Thạc sĩ, 12 đại học và hơn 140 GV đang làm NCS trong nước và nước ngoài; tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ chiếm hơn 32%, vượt chỉ tiêu đã đề ra trong quy hoạch phát triển đội ngũ GV của Nhà trường giai đoạn 2010-2020.

**\* Quy mô đào tạo, NCKH và hợp tác quốc tế**

Trường ĐHQN là cơ sở đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, gồm các ngành sư phạm, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, kinh tế, kỹ thuật và công nghệ, trong đó ngành sư phạm là thế mạnh của Trường. Trường hiện đào tạo 46 ngành đại học với quy mô 13.000 SV; đào tạo 21 chuyên ngành thạc sĩ và 3 chuyên ngành tiến sĩ với quy mô 1.000 học viên, NCS.

Hoạt động NCKH, ứng dụng và chuyển giao công nghệ là một nhiệm vụ quan trọng được Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ. Trong 5 năm trở lại đây, đội ngũ GV, nghiên cứu viên Nhà trường đã chủ trì và thực hiện thành công hàng chục đề tài cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp Tỉnh; có hàng trăm bài báo được công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế danh tiếng. Số đề tài hiện đang triển khai thực hiện gồm: 02 đề tài cấp Nhà nước; 30 đề tài Nafosted; 22 đề tài cấp Bộ; 09 đề tài cấp Tỉnh và 243 đề tài cấp Trường. Chỉ tính 05 năm trở lại đây có đến 210 bài báo được đăng trên các tạp chí SCI, SCIE, SSCI, A&HCI, ESCI; 371 bài báo quốc tế và 1120 bài báo trong nước. Đặc biệt, PGS.TS. Nguyễn Sum (Khoa Toán) của Trường được nhận giải thưởng Tạ Quang Bửu và được Tạp chí Asian Scientist vinh danh là một trong 2 nhà khoa học của Việt Nam xếp trong danh sách 100 nhà khoa học hàng đầu của Châu Á năm 2018. Bên cạnh đó, Nhà trường đã tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quốc gia và quốc tế, thu hút đông đảo các nhà khoa học, nhà nghiên cứu đến từ các trường đại học, viện nghiên cứu uy tín trong nước và nước ngoài.

Nhà trường chú trọng đẩy mạnh và phát triển hợp tác quốc tế theo chiều sâu trong liên kết đào tạo, NCKH, trao đổi học thuật với nhiều trường đại học, viện nghiên cứu trong khu vực và trên thế giới như: Bỉ, Pháp, Ý, Bồ Đào Nha, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan..., đem lại cho các GV, nhà khoa học trẻ của Trường nhiều cơ hội để đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu, tiếp cận các nền khoa học và giáo dục tiên tiến trên thế giới.

**\* CSVC, trang thiết bị**

Diện tích đất hiện tại của Nhà trường là 240.112m<sup>2</sup>, trong đó 130.610m<sup>2</sup> ở tại địa chỉ 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, và 109.502m<sup>2</sup> ở Khu thực nghiệm Nhơn Tân, xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trường có hệ thống giảng đường, hội trường, phòng thí nghiệm, thực hành, phòng máy tính, phòng học ngoại ngữ đủ đáp ứng cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH; có đủ hệ thống phòng làm việc đáp ứng cho các phòng, ban, khoa, bộ môn. Trung tâm Thông tin tư liệu của Trường có đủ đầu sách, tài liệu, giáo trình, báo, tạp chí, có hệ thống phòng đọc, phòng mượn phục vụ nhu cầu nghiên cứu, học tập của GV và người học. Nhà luyện tập thể dục thể thao với gần 1.800m<sup>2</sup> diện tích sàn tập, được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt cho việc dạy học, các hoạt động vui chơi, giải trí, văn hóa, thể thao của SV.

Hệ thống công nghệ thông tin và truyền thông được chú trọng đầu tư và ngày càng hoàn thiện, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và đào tạo. Các phần mềm được triển khai ứng dụng: Cổng thông tin điện tử - Portal, Quản lý nhân sự - HRM, Quản lý khảo sát ý kiến SV - eSurvey, Quản lý tạp chí khoa học - JMS,...; mở rộng kết nối mạng nội bộ, mạng Internet Wifi; triển khai dịch vụ Internet Wifi tại các khu KTX; triển khai E-Learning. Thực hiện công tác truyền thông trên cổng thông tin điện tử, mạng Internet, mạng xã hội và các kênh thông tin khác; vận hành Website tiếng Anh.

**\* Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục**

Từ năm 2007, theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN đã thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và các CTĐT giáo viên. Năm 2016, Nhà trường tiếp tục triển khai tự đánh giá và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Năm 2017, Trường được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và đã được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho Trường ĐHQN (theo Quyết định số 120/QĐ-CEA.UD ngày 12/10/2017 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Đà Nẵng).

Kết quả kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục là điều kiện hết sức quan trọng để Nhà trường đảm bảo và nâng cao chất lượng các CTĐT, trong đó có CTĐT ngành GDTC.

**2.2. Giới thiệu về Khoa GDTC- QP**

**\* Quá trình hình thành và phát triển**

Năm 1977, hai năm sau ngày thống nhất đất nước, cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập (theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng giáo viên THPT cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ Thể dục tiền thân của Khoa GDTC-QP hiện nay được thành lập năm 1977 và thuộc Khoa Toán, một trong 5 khoa đầu tiên của Trường lúc bấy giờ. Tổ Thể dục giảng dạy cho SV (SV) những kiến thức về GDTC.

Ngày 25 tháng 7 năm 2005, trường ĐHQN ra quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB thành lập Khoa TĐTT thuộc Trường ĐHQN trên cơ sở sát nhập hai Bộ môn: GDTC và Giáo dục quốc phòng. Đây là dấu mốc quan trọng cho quá trình phát triển của ngành GDTC, GDTC-QP. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, theo quyết định số 86/QĐ- ĐHQN đổi tên Khoa TĐTT thành Khoa GDTC - QP Trường ĐHQN.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Nhà trường, Khoa GDTC-QP ngày càng trưởng thành, vững mạnh và là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài; là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành GDTC có uy tín khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước; là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

**\* *Sứ mệnh và tầm nhìn***

Để phát triển theo định hướng nêu trên, Khoa GDTC đã lập kế hoạch chiến lược phát triển với những mục tiêu, định hướng, quy mô phát triển và quan điểm chỉ đạo, các nhiệm vụ ưu tiên... thể hiện rõ sứ mệnh và tầm nhìn đến năm 2030 của Khoa như sau:

- **Sứ mệnh:** Khoa GDTC – QP là đơn vị đào tạo và NCKH có uy tín, chất lượng trong lĩnh vực GDTC, giáo dục quốc phòng và an ninh; là đơn vị tổ chức giảng dạy và tham mưu xây dựng chiến lược đào tạo, NCKH, hợp tác, phối hợp với các tổ chức và cá nhân trong các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực GDTC và TDDT, giáo dục quốc phòng và an ninh.

- **Tầm nhìn:** Đến năm 2030, Khoa GDTC – QP trở thành một khoa có vị thế trong cả nước về quy mô, chất lượng đào tạo, NCKH trong công tác đào tạo giáo viên có trình độ cử nhân và thạc sĩ, cung cấp nguồn nhân lực cho khu vực Nam Trung bộ, Tây Nguyên và trên cả nước.

**\* *Về cơ cấu tổ chức và đội ngũ GV***

Cơ cấu tổ chức của Khoa được thực hiện theo quy định tại Điều lệ trường đại học. Cụ thể:

- + Trưởng khoa, Phó Trưởng khoa
- + Hội đồng khoa
- + Bộ môn

Khoa GDTC- QP hiện có 01 Trưởng khoa, 02 Phó Trưởng khoa; Hội đồng khoa gồm: Chủ tịch Hội đồng và 06 thành viên; 02 Bộ môn gồm: Phương pháp dạy học, Thẻ chất – Quốc phòng. Bên cạnh đó, Khoa còn có Chi bộ Đảng, Công đoàn bộ phận, Liên chi đoàn Thanh niên và Liên chi hội SV.

Đội ngũ GV của Khoa ngày càng được bổ sung số lượng, nâng cao trình độ, chất lượng, được đào tạo bài bản, có trình độ chuyên môn cao, có phương pháp sư phạm tốt và tâm huyết với nghề. Hiện nay, Khoa có đội ngũ viên chức cơ hữu gồm 24 người; trong đó có 17 GV với 01 PGS, 04 TS, 12 Thạc sĩ trong đó có 02 NCS (đang học trong nước). Đặc biệt, số GV có trình độ tiến sĩ trở lên chiếm tỷ lệ 29,4% trên tổng số GV cơ hữu, số tiến sĩ chủ yếu được đào tạo ở trong nước. Hầu hết GV của Khoa được tham gia tập huấn và học tập nâng cao trình độ thường xuyên. Ngoài ra, Khoa còn có mối quan hệ thường xuyên với các cơ sở đào tạo uy tín trong và ngoài nước.

**\* *Quy mô và chương trình đào tạo***

Trong hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 4.500 cử nhân Sư phạm TDDT và cử nhân GDTC, hơn 3.000 cử nhân GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 99 SV GDTC hệ đại học chính quy, 179 học viên GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Chuyên ngành và trình độ đào tạo hiện nay Khoa đang đảm nhiệm là trình độ Đại học chính quy và liên thông ngành GDTC. Ngoài ra, Khoa còn thực hiện các nhiệm vụ bồi dưỡng thương xuyên cho giáo viên (GV) các trường phổ thông các cơ sở giáo dục, NCKH về lĩnh vực GDTC nhằm phục vụ đào tạo và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của khu vực Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.

CTĐT ngành GDTC có mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có phẩm chất chính trị đạo đức và sức khỏe tốt, nắm vững các tri thức cơ bản về GDTC, có trình độ chuyên sâu về sư phạm nói chung và phương pháp giảng dạy GDTC ở trường THPT nói riêng. Chương trình trang bị cho người học khối kiến thức chung, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ về GDTC làm nền tảng cho việc truyền đạt kiến thức ở trường phổ thông và có thể tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.

CTĐT ngành GDTC được thiết kế đảm bảo người học được cung cấp thông tin, kiến thức, được rèn luyện phương pháp tư duy cũng như các kỹ năng tác nghiệp, các kỹ năng mềm thông qua các học phần mang tính liên ngành và chuyên sâu của GDTC và khoa học giáo dục. CTĐT ngành GDTC có tham khảo từ Trường Đại học TĐTT Đà Nẵng, Trường Đại học TĐTT Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm TĐTT TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học sư phạm TĐTT Hà Nội, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh; đồng thời định kỳ 2 năm một lần được rà soát, điều chỉnh, cập nhật, đổi mới thông qua thực tế đào tạo và các thay đổi về chương trình giáo dục của Bộ GD&ĐT.

#### ***\* Về NCKH và hợp tác quốc tế***

Khoa GDTC – QP có nhiều nhiều cá nhân tham gia nghiên cứu về TĐTT, GDTC để thực hiện các nhiệm vụ khoa học, ứng dụng thực tiễn. Với kết quả thành công trong nghiên cứu, 01 GV của Khoa đã được công nhận trí thức tiêu biểu về khoa học công nghệ tỉnh Bình Định (năm 2018). Về công bố khoa học, từ năm 2015 đến nay, GV của Khoa đã đăng tải 33 bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín trong nước.

Bên cạnh đó, Khoa đã đăng cai tổ chức thành công Hội thi Nghiệp vụ - Văn hóa – Thể thao toàn quốc 2005, Giải Bóng bàn người giáo viên nhân dân năm 2016... Trong các kỳ thi Đại hội TĐTT, các giải Thể thao tỉnh Bình Định và toàn quốc, đội tuyển TĐTT SV khoa GDTC đã đạt được nhiều thành tích như Nhì toàn đoàn Đại hội TĐTT tỉnh Bình Định lần thứ 5 (2006); Giải nhì Bóng chuyền SV toàn quốc năm 2006; Giải ba toàn đoàn Điền kinh-Quốc phòng tại Huế năm 2009; Giải nhất bóng đá, bóng chuyền khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Giải nhất Bóng đá đại hội TĐTT tỉnh Bình định năm 2005. Đặc biệt, tại các kỳ SEA GAME SV của Khoa tham gia thi đấu đạt thành tích cao như: Lê Minh Tùng giành huy chương bạc hạng cân 51 kg tại SEA Games 23 năm 2005, tại SEA Games 30 năm 2019, SV Phạm Thị Hồng Lệ của

Khoa GDTC-QP giành huy chương đồng ở nội dung marathon- 42 km, huy chương bạc cự ly 10.000m.

Với những thành tích đã đạt được, tập thể Khoa GDTC-QP và GV trong Khoa đã được tặng bằng khen, giấy khen từ các cấp, tổ chức, ban ngành khác từ trung ương đến địa phương.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO CÁC TIÊU CHUẨN, TIÊU CHÍ

### Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

#### Mở đầu

Khoa GDTC-QP là một trong 12 khoa đào tạo của Trường ĐHQN và là một trong những cơ sở đào tạo giáo viên hàng đầu về ngành GDTC tại Khu vực Nam Trung Bộ- Tây Nguyên. CTĐT ngành GDTC được xây dựng trên cơ sở các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của Trường ĐHQN. Trước khi xây dựng CTĐT, Khoa đưa ra mục tiêu và CDR của CTĐT vì đây là hai nội dung cốt lõi nhất của toàn bộ CTĐT. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên mục tiêu và CDR là cách tiếp cận hướng đến người học, nhằm vừa đảm bảo thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của trường đại học, vừa đảm bảo cho người học có được những năng lực mong đợi vốn được xây dựng dựa trên nhu cầu của các bên liên quan.

CTĐT của Khoa đã thể hiện mục tiêu rõ ràng, cụ thể, cấu trúc hợp lý, được thiết kế một cách có hệ thống, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của đào tạo trình độ đại học và đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Mục tiêu của CTĐT được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường ĐHQN và phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học được quy định tại Luật giáo dục đại học.

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT, Khoa xây dựng CDR một cách rõ ràng, đầy đủ, bao quát được các yêu cầu chung cũng như yêu cầu chuyên biệt mà SV ngành GDTC cần đạt được sau khi tốt nghiệp. Ngoài việc tuân thủ các quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN, CDR cũng được xây dựng trên cơ sở tham khảo CTĐT của các trường đại học có uy tín trong cả nước, các ý kiến đóng góp của các Sở GD&ĐT, các trường THPT và các giáo viên, GV GDTC. Sau mỗi năm học, Khoa tiến hành rà soát, điều chỉnh CDR nhằm không ngừng hoàn thiện và nâng cao CLĐT, đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục. CDR được công bố công khai cho người học, GV và các đơn vị tuyển dụng thông qua nhiều kênh khác nhau.

***Tiêu chí 1.1. Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của cơ sở giáo dục đại học, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học***

#### 1. Mô tả

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, đầy đủ, được thảo luận cụ thể qua các cuộc họp của Bộ môn, Hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu của CTĐT ngành GDTC là phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ GDTC và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động TDTT trong trường học [H1.01.01.01], [H1.01.01.02], [H1.01.01.03]. Mục tiêu cụ thể nhằm đạt được giá trị



cốt lõi sau đây: Về kiến thức trang bị những kiến thức đại cương về khoa học chính trị và pháp luật, về khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cũng như kiến thức cơ bản và nền tảng của lĩnh vực GDTC, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn học GDTC và tổ chức các hoạt động TĐTT trong nhà trường và có thể tiếp tục học tập ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ; về kỹ năng có kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động TĐTT của nhà trường. Có kỹ năng triển khai và thực hiện công tác NCKH trong lĩnh vực GDTC, sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường THPT, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học hoặc làm việc tại các cơ quan ngành TĐTT; về năng lực, có năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những kết luận và chịu trách nhiệm về chuyên môn, có năng lực tự học và tự nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, cán bộ TĐTT [H1.01.01.04]. Các mục tiêu hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, đó là “*đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên; góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội*” và phân đầu “*Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ là trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực định hướng ứng dụng có uy tín cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng của khu vực Đông Nam Á; có vị thế quan trọng về hợp tác đào tạo, nghiên cứu, trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa trong nước và quốc tế*” [H1.01.01.05].

Các mục tiêu của CTĐT ngành GDTC hoàn toàn phù hợp với mục tiêu của Luật giáo dục 2015, 2019 về đào tạo con người và mục tiêu của giáo dục đại học (GDĐH) được quy định tại điều 2, 3, 4 Luật Giáo dục 2019 “*Mục tiêu giáo dục nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế*” [H1.01.01.06]. Mục tiêu này cũng phù hợp với các quy định của Bộ GD&ĐT, các quy định, hướng dẫn của trường ĐHQN [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10] [H1.01.01.11], [H1.01.01.12], [H1.01.01.13], [H1.01.01.14]. Mục tiêu của CTĐT cũng được các Bộ môn, Hội đồng Khoa GDTC-QP họp, góp ý và thông qua [H1.01.01.15].

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC là phản ánh được nhu cầu của các Sở GD&ĐT, các trường THPT, cụ thể là đào tạo giáo viên đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện của nền giáo dục Việt Nam [H1.01.01.16], [H1.01.01.17], [H1.01.01.18].

## **2. Điểm mạnh**

Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của Luật GDĐH, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đó là: đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, có phẩm chất chính trị, có đạo đức, có kiến thức, có kỹ năng nghề nghiệp; Mục tiêu của CTĐT còn được cụ thể hoá ở 3 giá trị cốt lõi về kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT. CDR CTĐT có cập nhật các nội dung mới nhất của chuyên ngành GDTC phù hợp với thực tế đổi mới chương trình môn học GDTC trong các trường phổ thông.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc khảo sát định kỳ lấy ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên liên quan về mục tiêu của CTĐT ngành GDTC chưa được tiến hành thường xuyên, kịp thời.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2019 - 2020, Khoa đã thành lập Hội cựu SV ngành GDTC và tiếp tục lấy ý kiến phản hồi của cựu người học đã tốt nghiệp và các Sở GD&ĐT về các nội dung cụ thể của mục tiêu để điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng giai đoạn.

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2019, nhằm phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông mới mà Bộ GD&ĐT vừa ban hành.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 1.2. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.***

### **1. Mô tả**

Trên cơ sở mục tiêu của CTĐT ngành GDTC, Khoa GDTC-QP đã tổ chức xây dựng CDR của CTĐT theo đúng quy trình được hướng dẫn của Trường ĐHQN. Nội dung CDR của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, thể hiện trong bản Mô tả chương trình. CTĐT thường xuyên được cập nhật chỉnh sửa theo quy định và được công khai thông qua các văn bản, quyết định cũng như trên website của Trường, của Khoa và các kênh thông tin dựa trên văn bản quyết định tổ chức đánh giá, sửa đổi, bổ sung, cập nhật CTĐT của Nhà trường [H1.01.02.01]. Các CDR được xây dựng chi tiết, rõ ràng thông qua 3 yếu tố cốt lõi mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp: kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm, vì vậy giúp người dạy và người học dễ dàng xác định và thực hiện mục tiêu học tập và giảng dạy; CDR được cập nhật thường xuyên theo quy định cho phù hợp với các yêu cầu thực tế, CDR phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường ĐHQN [H1.01.02.02]. CDR này được nhóm chuyên gia biên

soạn, thảo luận, đóng góp ý kiến; sau đó tiến hành họp lấy ý kiến của các GV trong bộ môn, của Hội đồng Khoa GDTC-QP, lấy ý kiến của các bên liên quan và được chính thức ban hành và công bố công khai với xã hội [H1.01.02.03], [H1.01.02.04], [H1.01.02.05], [H1.01.02.06], [H1.01.02.07], [H1.01.02.08].

CĐR của CTĐT bao quát được cả các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp.

*Về kiến thức và lập luận ngành:* CTĐT ngành GDTC hướng đến trang bị cho người học những kiến thức cơ bản liên quan đến các hiểu biết về lý luận chính trị, kiến thức tâm lý học trong hoạt động nghề nghiệp, ngoại ngữ, sử dụng CNTT trong học tập, hoạt động nghề nghiệp và nghiên cứu.

Những kiến thức Cơ sở ngành về sinh lý TĐTT, Y học TĐTT, Vệ sinh học TĐTT, đo lường TĐTT, quản lý TĐTT, Lịch sử TĐTT, Sinh cơ TĐTT, Phương pháp NCKH chuyên ngành; những kiến thức chuyên ngành giúp SV xác định và nắm vững khối kiến thức nền tảng của ngành GDTC và của từng chuyên ngành chuyên sâu về PPDH các môn học ở trường THPT, gồm Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Võ thuật, Điền kinh, Thể dục, hoạt động phong trào TĐTT,... giúp SV vận dụng và sử dụng sáng tạo các kiến thức chuyên ngành vào việc rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp.

Trong khối kiến thức phát triển hoạt động nghề nghiệp, SV được trang bị kiến thức lập kế hoạch dạy học và giáo dục; Vận dụng được kiến thức ngành, chuyên ngành và đánh giá các hoạt động dạy học và giáo dục, thực tập nghề nghiệp, triển khai quy trình thực tập nghề nghiệp, áp dụng các giải pháp thực tập nghề nghiệp hiệu quả, đánh giá và cải tiến hoạt động nghề nghiệp. CĐR của các học phần đã phủ khắp trong nội dung CĐR của CTĐT.

*Về kỹ năng và phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp:* CĐR ngành GDTC xác định rõ ràng những kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp mà SV phải đạt được. Về kỹ năng nghề nghiệp, SV phải có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình trước đám đông; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm; và kỹ năng lập kế hoạch; tổ chức các hoạt động nội, ngoại khóa TĐTT. Kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá xử lý các tình huống trong giảng dạy và tổ chức hoạt động cá nhân và nhóm theo lĩnh vực TĐTT.

CĐR ngành GDTC cũng xác định những phẩm chất cá nhân và đạo đức nghề nghiệp như: Yêu nghề; thích nghi với nghề nghiệp; tác phong khoa học, chuyên nghiệp trong công việc; ý thức phấn đấu, phát triển nghề nghiệp; thương yêu, tôn trọng, đối xử công bằng với mọi học sinh.

*Về mức tự chủ và trách nhiệm:* Có phẩm chất chính trị đúng đắn, đạo đức tốt; yêu ngành nghề, nghiêm túc trong công việc, có ý thức trách nhiệm cao. Làm việc độc lập hoặc làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và khoa

học của các vấn đề của mình. Có trách nhiệm cao với công việc được giao và có đủ năng lực để hoàn thành công việc.

Các nội dung của CĐR đã được thể hiện đầy đủ thông qua 3 chủ đề trên. Bên cạnh đó đối với các kỹ năng về ngoại ngữ và tin học, căn cứ vào qui định Nhà trường cũng có quy định cụ thể về CĐR đối với hai kỹ năng này dành cho SV từng ngành, từng khoá cụ thể [H1.01.02.09], [H1.01.02.10]. Các nội dung của CĐR ngành GDTC đảm bảo các năng lực GDTC, năng lực sư phạm mà SV tốt nghiệp cần đạt được nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông [H1.01.02.11]. SV tốt nghiệp ngành GDTC có thể giảng dạy ở các trường phổ thông, trung cấp, cao đẳng và đại học và các cơ quan ngành TĐTT trên cả nước.

CĐR của CTĐT hoàn toàn được đo lường và đánh giá được thông qua 03 mức đánh giá năng lực của mỗi chủ đề của CĐR, bao gồm: L = Mức thấp; M = Mức trung bình; H = Mức cao. Bên cạnh đó Khoa cũng xây dựng các Ma trận trong CTĐT, trong đó thể hiện rõ mức độ đóng góp của các học phần đến CĐR của CTĐT. Hơn nữa, ĐCCT của mỗi học phần đều có CĐR và phù hợp với Ma trận của CĐR của CTĐT [H1.01.02.12], [H1.01.02.13].

CTĐT ngành GDTC được quảng bá, phổ biến rộng rãi dưới nhiều hình thức khác nhau như tờ rơi tuyển sinh của Khoa, Trường; qua các phương tiện thông tin của Trường, của Khoa [H1.01.02.14], [H1.01.02.15].

Với việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR dựa trên việc tham khảo từ các nguồn thông tin, ý kiến đóng góp nhiều chiều, Khoa đã hệ thống lại được khung CTĐT và đưa ra được bộ CĐR phù hợp, hoàn thiện. Qua đó, GV, người học và đơn vị sử dụng lao động dễ dàng nắm bắt được đầy đủ thông tin, hiểu rõ hơn và đánh giá đúng chất lượng dạy và học ngành GDTC.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR ngành GDTC ngành GDTC được xác định rõ ràng, súc tích, phản ánh được mục tiêu của CTĐT và xác định cụ thể mức năng lực SV tốt nghiệp cần đạt được.

CĐR bao quát được các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp với các mức năng lực cụ thể.

## **3. Điểm tồn tại**

Đây là lần đầu Khoa thực hiện công tác xây dựng CTĐT ngành GDTC theo hướng tiếp cận hiện đại nên quy trình xây dựng CĐR chưa được lấy ý kiến rộng rãi của các bên liên quan để kiểm tra sự phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP kết hợp với Phòng KT&BDCL xây dựng bộ công cụ đánh giá người học khi tốt nghiệp để kiểm tra phù hợp với mức độ đạt được CĐR của CTĐT. Khoa GDTC-QP sẽ đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng

bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của SV với CĐR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CĐR.

Đồng thời, CĐR của CTĐT cũng sẽ được Khoa tiếp tục rà soát, hiệu chỉnh và cập nhật từng học phần và sẽ cùng Hội đồng Khoa đánh giá, rà soát, đề xuất điều chỉnh CĐR của toàn bộ CTĐT theo hướng hiện đại hóa, cập nhật, tiếp cận quốc tế và đáp ứng với những biến đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, chính trị tại Việt Nam.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 1.3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được định kỳ rà soát, điều chỉnh và được công bố công khai***

#### **1. Mô tả**

Theo định kỳ cập nhật, rà soát, điều chỉnh CTĐT, Trường đã ban hành kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi, cập nhật CTĐT và cử cán bộ tham gia tập huấn “Xây dựng CTĐT đáp ứng CĐR” [H1.01.03.01], [H1.01.03.02]. CĐR của CTĐT được thể hiện rõ trong CTĐT ngành GDTC hiện hành và bản mô tả CTĐT và ĐCDT các học phần nhằm cụ thể hóa các hoạt động có thể đạt được các CĐR đã đề ra [H1.01.03.03], [H1.01.03.04]. CĐR được các bên liên quan đánh giá là phù hợp với các quy định về CĐR hiện hành và CĐR ngày càng cụ thể, rõ ràng hơn, giúp SV định hướng tốt hơn trong việc hoàn thành chương trình học tập của mình. Trong quá trình xây dựng CĐR của CTĐT ngành GDTC, nội dung của CĐR đã được gửi đi để lấy ý kiến của các bên liên quan, bao gồm các Sở GD&ĐT, các trường THPT, các cựu SV và các GV Khoa GDTC-QP về các kết quả mong đợi sau đào tạo dựa trên danh mục CĐR, cấu trúc CTĐT [H1.01.03.05],[H1.01.03.06], [H1.01.03.07].

Quy trình xây dựng CĐR ngành GDTC bao gồm các bước sau: Nhà trường lên kế hoạch tổ chức tập huấn về xây dựng CĐR cho GV theo kế hoạch, Nhà trường giao nhiệm vụ cho Khoa GDTC-QP xây dựng CĐR của ngành GDTC mà Khoa quản lý; Khoa thành lập nhóm chuyên gia để xây dựng dự thảo CĐR và tổ chức lấy ý kiến đóng góp của Bộ môn, các bên liên quan để hoàn thiện CĐR; Hội đồng Khoa hoàn thiện CĐR và báo cáo Hội đồng khoa học - đào tạo Trường; CĐR sau khi được tiếp thu, hoàn thiện được công bố thông qua website của Trường, của Khoa, Sổ tay SV (SV), ... giúp GV, người học và các bên liên quan dễ dàng nắm được CĐR của ngành GDTC [H1.01.03.02], [H1.01.03.08], [H1.01.03.09], [H1.01.03.10], [H1.01.03.11], [H1.01.03.12].

CĐR CTĐT ngành GDTC thể hiện năng lực người học đạt được khi tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu về năng lực, phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe; cùng với ma trận thể hiện sự đóng góp của các khối kiến thức vào việc đạt CĐR của CTĐT mà người học cần đạt được [H1.01.03.13].

CĐR CTĐT ngành GDTC phản ánh đúng yêu cầu của các bên liên quan bằng

việc lấy ý kiến đóng góp của GV, nhà tuyển dụng lao động, cựu người học [H1.01.03.14].

CĐR của CTĐT ngành GDTC đã được thường xuyên tiến hành, rà soát, điều chỉnh theo đúng quy định. CTĐT theo hệ thống TC được ban hành năm 2010 được điều chỉnh lần thứ nhất vào năm 2015 tuy nhiên bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình. Các năm 2017, 2019 Nhà trường tiếp tục tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật chương trình đào tạo đại học hệ chính quy dựa trên các quy chế đào tạo mới được cập nhật [H1.01.03.15], [H1.01.03.16]. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT được xây dựng bài bản hơn, gồm các bước: Các bộ môn hợp xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR và khung CTĐT dựa trên thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Hội đồng Khoa hợp góp ý và thông qua khung đào tạo đại học và CĐR của CTĐT; Khoa hoàn thiện ĐCCT các học phần của CTĐT; Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CTĐT và Trường ban hành CTĐT và ĐCCT các học phần [H1.01.03.17]. Năm 2020, Nhà trường đã ban hành CTĐT ngành GDTC cùng với đầy đủ bản mô tả CTĐT, CTDH, ĐCCT các học phần, trong đó đã nêu rõ tên cơ sở đào tạo; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; loại hình và hình thức đào tạo; mục tiêu đào tạo; CĐR (bao gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ, tin học); ma trận kỹ năng; cấu trúc khóa học; mô tả vắn tắt nội dung và số TC các học phần; đội ngũ và CSVC thực hiện chương trình; giáo trình, bài giảng và các hướng dẫn thực hiện chương trình [H1.01.03.18], [H1.01.03.19].

CĐR của ngành GDTC được công bố công khai trên website của Khoa, niên giám CTĐT, Sổ tay quảng bá tuyển sinh, Sổ tay SV để các bên liên quan được biết [H1.01.03.20], [H1.01.03.21]. Việc rà soát, điều chỉnh CĐR và nâng cao chất lượng CTĐT luôn nằm trong kế hoạch và nhiệm vụ của Khoa GDTC-QP, Trường ĐHQN và được thực hiện 2 năm 1 lần [H1.01.03.22], [H1.01.03.23].

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xây dựng theo một quy trình khoa học, chặt chẽ theo hướng tiếp cận hiện đại, có tham khảo các chương trình tiên tiến của các trường đại học TDTT trên cả nước, chú trọng đến các yêu cầu của các bên liên quan và vị trí việc làm của SV sau khi tốt nghiệp.

CĐR được định kỳ rà soát, điều chỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN, có tham khảo các CTĐT ngành GDTC các trường uy tín trong nước và ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau như thông qua tuần sinh hoạt chính trị đầu khoá, gặp mặt tân SV Khoa GDTC-QP, các buổi sinh hoạt lớp, qua website của Khoa và Trường.

### 3. Điểm tồn tại

Nhà trường có triển khai khảo sát SV năm cuối về CTĐT có nội dung về CĐR tuy nhiên chưa cụ thể đến từng ngành đào tạo.

Việc lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cựu người học được thực hiện nhưng chưa rộng rãi đến các địa bàn của khu vực miền Trung - Tây nguyên.

Chưa tổ chức được các hội nghị, hội thảo chuyên đề thảo luận và góp ý về việc xây dựng CĐR trên diện rộng.

### 4. Kế hoạch hành động

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức một hội thảo với đại biểu mời là đại diện lãnh đạo các sở GD&ĐT, lãnh đạo các trường THPT, tổ trưởng tổ thể dục các trường THPT và các cựu SV để lắng nghe ý kiến phản hồi, góp ý về CĐR của CTĐT ngành GDTC, nhất là trong bối cảnh Chương trình giáo dục phổ thông mới (trong đó có chương trình môn GDTC) Bộ GD&ĐT chính thức ban hành triển khai thực hiện năm học 2020-2021. Trên cơ sở đó Khoa GDTC-QP sẽ điều chỉnh, bổ sung đề CĐR của CTĐT ngành GDTC được cập nhật, hoàn thiện hơn nữa.

Khoa sẽ thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động về CĐR trên hệ thống website Khoa một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí: 4/7*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 1**

CĐR của một ngành học trong một trường đại học là một trong các hệ thống thông số thể hiện sự gắn kết trường đại học với nhu cầu đào tạo của xã hội. CĐR của ngành GDTC là một trong những yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT của ngành, đồng thời cũng là cơ sở để hội nhập phát triển trong đào tạo. Với tầm quan trọng của CĐR đối với CTĐT, Khoa GDTC – QP cùng với Nhà trường đã chú trọng xây dựng một cách có khoa học dựa trên sự tham khảo CĐR của các trường đại học có uy tín trong nước cùng với sự đóng góp xây dựng của các nhà khoa học có uy tín, các nhà quản lý và các tổ chức sử dụng người học của Khoa sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu và CĐR của CTĐT là hai nội dung quan trọng không những đối với người học, người dạy mà còn quan trọng đối với các đơn vị tuyển dụng và sử dụng người học sau khi tốt nghiệp. Việc xây dựng mục tiêu và CĐR một cách rõ ràng, đầy đủ sẽ định hướng tốt cho cả quá trình đào tạo. Mục tiêu và CĐR của CTĐT còn thể hiện cam kết của cơ sở đào tạo trong việc cung cấp nhân lực có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của đơn vị sử dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường và với mục tiêu của GDDH. Mục tiêu của CTĐT được cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, kế hoạch đào tạo theo từng năm học, từng học kỳ và được quán triệt đến từng cán bộ, GV, SV nhằm hoàn thành tốt nhất mục tiêu đề ra.

CĐR của CTĐT ngành GDTC được thiết kế phát huy năng lực chủ động, sáng tạo của SV, đồng thời tạo môi trường thuận lợi cho SV chủ động trong học tập, tìm hiểu thông tin và nhận hỗ trợ từ phía GV hoặc CVHT. Qua đó, SV có điều kiện phát triển kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp cũng như phẩm chất cá nhân cần thiết.

Mặc dù CĐR được công bố công khai, tuy nhiên việc công bố CĐR và tiếp nhận ý kiến phản hồi từ các bên liên quan vẫn chưa được rộng rãi, thường xuyên. Sắp tới, Khoa sẽ đa dạng hơn các hình thức công khai cũng như tiếp nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan được nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Căn cứ vào đánh giá của các tiêu chí, trong 3 tiêu chí của tiêu chuẩn 1 Khoa GDTC-QP đánh giá 2 tiêu chí đạt 5/7 và 1 tiêu chí đạt 4/7.

## **Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo**

### **Mở đầu**

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC được thực hiện theo Kế hoạch của Nhà trường và xây dựng từ năm 2010, điều chỉnh năm 2013, 2015, 2017 và năm 2020, phù hợp với mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, của Khoa. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC cung cấp các thông tin về chương trình, dự kiến kết quả, cấu trúc khóa học, CĐR của toàn bộ chương trình và của từng học phần cụ thể, bản tổng hợp các học phần, các tiêu chí yêu cầu tuyển sinh, đề cương học phần cũng như các thông tin chi tiết về phương pháp dạy, học, kiểm tra/đánh giá học phần. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC được xây dựng rõ ràng, cung cấp đầy đủ thông tin quan trọng, chính thống được công bố công khai, dễ tiếp cận giúp người học, nhà tuyển dụng và xã hội nắm bắt các thông tin cần thiết, đặc biệt là các khối kiến thức và kỹ năng được trang bị thông qua chương trình. Bản mô tả CTĐT cũng là cơ sở để các nhà khoa học, các GV nghiên cứu về chương trình hiện hành, giúp Nhà trường đảm bảo các CĐR và đồng thời chứng minh khả năng đảm bảo đạt được CĐR đó. Ngoài ra, bản mô tả CTĐT còn là nguồn thông tin giúp các chuyên gia thẩm định, rà soát chương trình và các cơ quan quản lý có thẩm quyền kiểm định chương trình hiệu được mục tiêu của CTĐT và các KQHT dự kiến.

### ***Tiêu chí 2.1. Bản mô tả chương trình đào tạo đầy đủ thông tin và cập nhật***

#### **1. Mô tả**

Vào tháng 05 năm 2010, Trường đã ban hành kế hoạch và lộ trình xây dựng CTĐT trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống TC nhằm thay thế CTĐT theo hệ niên chế [H2.02.01.01]. Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, Khoa đã tiến hành xây dựng CTĐT ngành GDTC và được Trường ban hành vào tháng 09 năm 2010 cùng với các quy định thực hiện [H2.02.01.02], [H2.02.01.03]. Tuy nhiên, trong bản mô tả CTĐT ngành GDTC năm 2010 chỉ mới nêu được tóm tắt mục tiêu đào tạo, cấu trúc khóa học mà chưa thể hiện được sự đóng góp của các học phần



vào việc đạt được mục tiêu của chương trình cũng như chưa có bản mô tả ĐCCT các học phần, chưa có ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs), Mối quan hệ giữa chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp giảng dạy - học tập. Năm 2013 CTĐT ngành GDTC được tiến hành cập nhật, rà soát điều chỉnh một phần theo kế hoạch của Trường **[H2.02.01.03]**.

Theo kế hoạch cập nhật, rà soát điều chỉnh CTĐT, Trường ban hành kế hoạch rà soát, sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo hệ chính quy năm 2015, tuy nhiên bản mô tả CTĐT vẫn còn thiếu ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được CĐR của chương trình. Các năm 2017, 2019 Nhà trường tiếp tục tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật chương trình đào tạo đại học hệ chính quy dựa trên các quy chế đào tạo mới được cập nhật **[H2.02.01.04]**. Quy trình tổ chức xây dựng CTĐT được xây dựng bài bản hơn, gồm các bước: Các bộ môn hợp xây dựng mục tiêu đào tạo, CĐR và khung CTĐT dựa trên thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT; Hội đồng Khoa học góp ý và thông qua khung đào tạo đại học và CĐR của CTĐT; Khoa hoàn thiện ĐCCT các học phần của CTĐT; Hội đồng khoa học và đào tạo thông qua CTĐT và Trường ban hành CTĐT và ĐCCT các học phần **[H2.02.01.05]**. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC hiện hành đã nêu rõ tên cơ sở đào tạo; trình độ đào tạo; ngành đào tạo; loại hình và hình thức đào tạo; mục tiêu đào tạo; CĐR (bao gồm các chuẩn về kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm, trình độ ngoại ngữ, tin học); ma trận kỹ năng; cấu trúc khóa học; mô tả vắn tắt nội dung và số TC các học phần; đội ngũ và CSVC thực hiện chương trình; giáo trình, bài giảng và các hướng dẫn thực hiện chương trình.

Năm 2018 Nhà trường đã ban hành kế hoạch tập huấn và cử cán bộ tham gia tập huấn xây dựng CTĐT theo phương pháp tiếp cận OBE. Đến năm 2019 trường ban hành kế hoạch sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo hệ chính quy của Trường bổ sung 09 ngành **[H2.02.01.06]**. Quy trình tổ chức xây dựng CĐR, CTĐT ngành GDTC lần này hoàn thiện hơn năm 2015, 2017 bao gồm các bước như sau: Các bộ môn hợp để xây dựng CĐR, CTĐT cho ngành GDTC; Hội đồng Khoa thông qua CĐR và CTĐT; Các bộ môn họp bàn luận thống nhất CĐR và CTĐT dựa trên ý kiến của nhà tuyển dụng và cựu người học; Lấy ý kiến của các bên liên quan về CTĐT, hội đồng Khoa học góp ý CTĐT sau chỉnh sửa, bổ sung; Trường ban hành quyết định đã được thẩm định CTĐT ngành GDTC **[H2.02.01.07]**. Song song với đó, các GV trong Bộ môn đã tiến hành viết ĐCCT các học phần và đã được Bộ môn cũng như Hội đồng thẩm định cấp Khoa học đánh giá, góp ý cho hoàn thiện hơn **[H2.02.01.08]**. CTĐT ngành GDTC cùng với đề cương các học phần tương ứng được Trường ban hành vào tháng 8/2020 **[H2.02.01.09]**.

So với CTĐT năm 2015, bản mô tả CTĐT năm 2020 có một sự thay đổi đáng kể: giảm số đầu môn và một số học phần TC đối với các học phần khối kiến thức giáo dục đại cương Nhà trường qui định, tăng số đầu môn và TC cho các học phần liên quan đến kỹ năng phương pháp giảng dạy kỹ thuật và nghiệp vụ sư phạm; một số học phần được chuyển từ hình thức không bắt buộc sang bắt buộc và chuyên đề tự chọn; bổ sung mới chuyên đề tự chọn phù hợp làm tinh gọn, với 05 chuyên ngành tự chọn cho một trong các lĩnh vực phương pháp giảng dạy chuyên ngành. Cụ thể hơn, có 02 học phần cũ được thay thế bởi 04 học phần mới [H2.02.01.10]. CTĐT ngành GDTC được Khoa GDTC-QP biên soạn kỹ lưỡng và được thông qua sau các cuộc họp, góp ý và thống nhất từ Hội đồng trường, Khoa và Quyết định của Trường ĐHQN [H2.02.01.11], [H2.02.01.12], [H2.02.01.13].

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC giúp người học có cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, từ đó người học có thể lựa chọn phương thức và các học phần tương ứng phù hợp với công việc của mình sau khi tốt nghiệp. Các thông tin về CĐR, CTĐT, ma trận quan hệ giữa các học phần và CĐR, ĐCCT các học phần được công bố công khai trên các trang thông tin điện tử [H2.02.01.14], [H2.02.01.15].

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT ngành GDTC thường xuyên được điều chỉnh 2 năm một lần và cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại, thể hiện đầy đủ thông tin và tích hợp những nội dung mới nhất liên quan, tuân thủ theo quy định của Nhà trường. Ma trận hiển thị kết quả chương trình CĐR được thể hiện rõ trong bản mô tả chương trình và được cụ thể hóa trong các đề cương học phần của chương trình. Khung CTĐT có nhiều môn chuyên ngành tự chọn, giúp cho SV có nhiều lựa chọn theo định hướng chuyên môn và thế mạnh của mình, giúp các em phát huy năng lực và đam mê học tập, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học.

Qua bản mô tả CTĐT ngành GDTC, người học và xã hội hiểu được lộ trình dự kiến toàn bộ khóa học cũng như phương pháp dạy - học và kiểm tra đánh giá nhằm đạt được CĐR của ngành.

## **3. Điểm tồn tại**

Bản mô tả CTĐT hiện hành đã được cải tiến nhiều hơn so với các bản mô tả trước và đã mô tả hầu hết được các yêu cầu của một bản mô tả CTĐT. Tuy nhiên, bản mô tả CTĐT chưa nêu được tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT vì đây là lần đầu tiên CTĐT được xây dựng theo hướng hiện đại hóa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ tiếp tục rà soát, đánh giá và điều chỉnh lại tiến trình đào tạo thuộc các khối kiến thức theo lĩnh vực, khối ngành, nhóm ngành và chuyên ngành cho phù hợp hơn, theo hướng hỗ trợ thời gian nhiều hơn cho các nhóm

học phần ngành và chuyên ngành trên cơ sở lấy ý kiến đóng góp định kỳ của GV và SV. Đồng thời, Khoa cùng với Phòng Đào tạo Đại học sẽ xác định các tiêu chí tuyển sinh hay các yêu cầu đầu vào của CTĐT để có thể mô tả trong CTĐT hoàn thiện hơn. Tiếp tục rà soát chỉnh sửa Bản mô tả CTĐT ít nhất 2 năm một lần sao cho phù hợp với xu thế mới, phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

**Tiêu chí 2.2. Đề cương các học phần đầy đủ thông tin và cập nhật**

### **1. Mô tả**

Đề cương các học phần vừa đóng vai trò là bản mô tả quá trình giảng dạy, vừa đóng vai trò là bản cam kết giúp GV và SV thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi CDR chi tiết của môn học luôn được gắn liền với từng hoạt động dạy và học cũng như hoạt động đánh giá tương ứng. ĐCCT học phần là cơ sở để GV và người học thực hiện đúng trách nhiệm của mình. Mỗi bài học đều gắn liền với một mức độ nhất định của CDR. Bản mô tả CTĐT đều có các ĐCCT học phần tương ứng. Trong quá trình xây dựng, điều chỉnh đề cương các học phần chuyển đổi từ niên chế sang hệ thống TC, Khoa GDTC-QP đã bám sát các quy định và hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H2.02.02.01], [H2.02.02.02].

Việc biên soạn ĐCCT các học phần tuân thủ theo các văn bản hướng dẫn của Nhà trường. Đề cương học phần được thể hiện đầy đủ các thông tin, gồm:

- Thông tin chung về học phần: tên học phần, mã học phần, ngành/chuyên ngành đào tạo, bậc đào tạo, Khoa/Bộ môn phụ trách học phần, loại học phần là bắt buộc hay tự chọn, yêu cầu của mỗi học phần, phân bổ giờ TC đối với lý thuyết, thảo luận, bài tập, thực hành, tự học.

- Mô tả học phần
- Mục tiêu học phần: kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm
- Ma trận mục tiêu và CDR của CTĐT
- CDR học phần
- Tài liệu phục vụ môn học
- Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học
- Ma trận quan hệ giữa Phương pháp đánh giá và CDR
- Kế hoạch giảng dạy chi tiết
- Phương pháp kiểm tra/đánh giá kế hoạch học tập
- Thông tin về GV
- Các quy định chung

Đề cương đảm bảo thể hiện được sự tương hợp giữa ba yếu tố quan trọng: nội dung giảng dạy nhằm đạt được CDR của môn học; phương pháp giảng dạy của GV và học tập của SV để có thể đạt được các CDR đã nêu và phương pháp đánh giá để đánh

giá hiệu quả giảng dạy. Phần kiểm tra đánh giá SV được thực hiện thường xuyên, toàn diện và bằng nhiều cách: vấn đáp, tự luận, trắc nghiệm khách quan, hoạt động thực hành,...

Từng học phần có số TC xác định và được ký hiệu bằng một mã số riêng do Nhà trường quy định, gồm có 7 chữ số trong đó thể hiện khoa quản lý học phần, ngành đào tạo và số thứ tự. ĐCCT các học phần ngành GDTC được mô tả chi tiết trong CTĐT hiện hành [H2.02.02.03]. CTĐT này được thực hiện theo chủ trương chỉnh sửa, cập nhật lại CTĐT của Nhà trường, viết đề cương môn học theo mẫu mới theo phương pháp tiếp cận OBE, và mô tả các Ma trận trong CTĐT cho người học trong năm 2020 [H2.02.02.04], [H2.02.02.05], [H2.02.02.06].

CTĐT và nội dung các học phần ngành GDTC được triển khai đến các bộ môn làm cơ sở cho việc điều chỉnh theo kế hoạch, sau đó Hội đồng Khoa thảo luận và cho ý kiến để hoàn thiện hơn [H2.02.02.07]. Trên cơ sở đó, Khoa đã họp góp ý cho việc rà soát, đóng góp ý kiến về đề cương các học phần do bộ môn phụ trách [H2.02.02.08]. ĐCCT các học phần sau khi hoàn thiện được Hội đồng Khoa góp ý và Nhà trường họp phê duyệt và ban hành [H2.02.02.09]. Đối sánh với ĐCCT và CTĐT ngành GDTC được Khoa xây dựng và sau đó Nhà trường ban hành vào các năm 2015, 2017, 2020, ĐCCT các học phần và CTĐT hiện hành hoàn thiện, chi tiết hơn và thể hiện đầy đủ các yêu cầu của từng học phần. Ngoài ra, so với ĐCCT học phần công bố năm 2015, 2017, ĐCCT học phần công bố năm 2020 có sự thay đổi lớn về nội dung và hình thức: với cùng một học phần, ngoài mục tiêu chung gần như giống nhau, phiên bản mới còn có CDR của học phần mà SV phải đạt được sau khi kết thúc học phần, tương ứng với mức độ đạt được CDR CTĐT. Bên cạnh đó, ĐCCT học phần được công bố năm 2020 có thêm mục Mô tả học phần và trong khi phiên bản công bố năm 2015, 2017 chỉ trình bày nội dung chi tiết học phần thì phiên bản năm 2020 có cả kế hoạch giảng dạy chi tiết, gồm nội dung kiến thức của từng buổi học kèm theo yêu cầu đối với SV và phương pháp giảng dạy, học tập rất chi tiết; ma trận quan hệ CDR và hình thức đánh giá cũng được bổ sung. Trừ một số môn chung và cơ sở của ngành không thay đổi nhiều (chủ yếu thay đổi số lượng TC), có nhiều học phần mới được bổ sung để phù hợp với chương trình Giáo dục phổ thông mới và phù hợp với yêu cầu của các nhà tuyển dụng [H2.02.02.10].

ĐCCT học phần được các GV trực tiếp giảng dạy học phần biên soạn cẩn thận [H2.02.02.11]. Việc thông qua các ĐCCT học phần được thực hiện sau khi Hội đồng Khoa thống nhất ý kiến [H2.02.02.12], [H2.02.02.13].

## **2. Điểm mạnh**

Đề cương của các học phần cung cấp thông tin đầy đủ và công khai, theo đúng quy định của Trường ĐHQN. ĐCCT các học phần liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển hiện nay về lĩnh vực chuyên ngành GDTC. Mọi thông tin liên quan đến

học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ để SV đưa ra lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và trong toàn khóa học.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số đề cương học phần còn ít tài liệu tham khảo và cập nhật các nội dung mới chưa nhiều để SV có thể tham khảo dễ dàng. Các tài liệu tham khảo như tập bài giảng, giáo trình điện tử, tạp chí chuyên ngành GDTC, TĐTT còn chưa nhiều. Nguyên nhân là do nguồn kinh phí, phương pháp tiếp cận và cách tiếp cận các nguồn tài liệu này còn bị hạn chế. Điều này khiến cho GV, SV khó tiếp cận với các tài liệu hiện đại, mới, mang tính quốc tế nên đôi lúc chưa theo kịp những phát triển mới trong nghiên cứu, đào tạo.

Việc lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và các nhà sử dụng lao động, giáo viên về ĐCCT các học phần chưa được thực hiện trên quy mô rộng mà chủ yếu thực hiện ở các tỉnh Nam trung bộ và Tây Nguyên.

### **4. Kế hoạch hành động**

Để khắc phục tồn tại trên, từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất Nhà trường tiếp tục bổ sung, cập nhật và nâng cấp hệ thống học liệu, đặc biệt là hệ thống bài giảng, giáo trình phục vụ các học phần thuộc chuyên ngành GDTC. Đồng thời, Khoa tiếp tục rà soát, cập nhật, đánh giá đề cương các học phần một cách bài bản đáp ứng hơn nữa nhu cầu cập nhật của xã hội. Khoa sẽ đổi mới cách thức cũng như nội dung phiếu khảo sát để lấy ý kiến người học, các cựu SV và các nhà tuyển dụng, đặc biệt là phải mở rộng địa bàn khảo sát các cựu SV và các nhà tuyển dụng lao động.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 4/7**

***Tiêu chí 2.3. Bản mô tả chương trình đào tạo và đề cương các học phần được công bố công khai và các bên liên quan dễ dàng tiếp cận***

#### **1. Mô tả**

Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành GDTC hiện hành được phổ biến một cách rộng rãi, được rà soát chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến đóng góp của các bên liên quan từ ý kiến của GV, các Bộ môn, góp ý của đơn vị sử dụng (Sở GD&ĐT), giáo viên, cựu người học, SV và thông qua Hội đồng Khoa; Sau khi bản mô tả CTĐT theo CĐR ngành GDTC được Trường ĐHQN ban hành, Khoa GDTC-QP đã công bố công khai cho các bên liên quan nội dung của bản mô tả CTĐT [H2.02.03.01]. Đối sánh với bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần ban hành năm 2015 thì bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần hiện hành thể hiện đầy đủ hơn, chi tiết hơn các yêu cầu đối với người học; đồng thời người học cũng có thể nắm bắt rõ hơn các thông tin cụ thể về các học phần [H2.02.03.02], [H2.02.03.03].

Bản mô tả CTĐT cập nhật theo phương pháp tiếp cận OBE và đề cương các học phần sau khi điều chỉnh được Khoa GDTC-QP công bố công khai cho người học, GV,

cơ quan chủ quản, nhà sử dụng lao động bằng nhiều hình thức khác nhau: công bố công khai trên website Nhà trường, trên website Khoa; niên giám CTĐT; trong gặp mặt SV đầu khóa theo đúng quy định của Nhà trường. Khoa đã sử dụng bản mô tả CTĐT để giới thiệu về CTĐT đến từng GV các Bộ môn trong khoa [H2.02.03.03], [H2.02.03.04], [H2.02.03.05], [H2.02.03.06]. Dựa vào bản mô tả CTĐT, Khoa GDTC-QP chuẩn bị sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu của chương trình và tình hình nhân sự của Khoa, Bộ môn, đồng thời giúp GV nắm bắt kế hoạch giảng dạy của mình cũng như giữa các GV với nhau để phối hợp tạo nên sự liên thông giữa các môn học, giữa các năm học.

Bên cạnh đó, việc nắm bắt được bản mô tả CTĐT, đề cương các học phần giúp người học có được cái nhìn tổng quát về toàn bộ CTĐT, người học có thể nắm được việc đăng ký các học phần trong một học kỳ, xác định đúng kế hoạch học tập, lộ trình học tập trong cả năm và cả khóa học, người học và xã hội sẽ dễ dàng tiếp cận và nắm bắt được CDR, các kiến thức sẽ được trang bị sau khi tốt nghiệp, về kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành, khả năng nhận thức và giải quyết vấn đề, mức tự chủ và trách nhiệm mà người học có thể đảm nhận sau khi tốt nghiệp [H2.02.03.07], [H2.02.03.08], [H2.02.03.09], [H2.02.03.10]. Ý kiến phản hồi từ cơ quan quản lý, các nhà sử dụng lao động, GV, SV, cựu SV là cơ sở quan trọng để Khoa có được thông tin cần thiết cho việc rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần một cách hợp lý và hiệu quả nhất.

## **2. Điểm mạnh**

Bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần trong CTĐT ngành GDTC được công bố công khai rộng rãi với nhiều hình thức khác nhau, tạo điều kiện cho các bên liên quan như SV, cựu SV, các cơ quan quản lý, nhà sử dụng lao động, các bậc phụ huynh dễ dàng tiếp cận, tạo cơ hội tăng cường hợp tác, đồng thời có thể góp ý, xây dựng để Khoa có nhiều thông tin rà soát và sửa đổi CTĐT và ĐCCT học phần. Trên cơ sở đó giúp Nhà trường và các đơn vị sử dụng lao động tương tác trong đào tạo và sử dụng nhân lực cho xã hội, đáp ứng yêu cầu của các nhà sử dụng lao động.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc công bố công khai bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách bài bản và chuyên nghiệp vì chưa có sự phối hợp đồng bộ với các đơn vị có liên quan như Phòng ban trong nhà trường. Điều này ảnh hưởng đến việc đối chiếu so sánh các CTĐT cũ và mới của những người quan tâm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất Nhà trường trong việc phối hợp với Phòng Đào tạo đại học; Trung tâm HTSV&QHĐN; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và khoa học để Bản mô tả CTĐT được công bố công khai để các bên liên quan dễ dàng tiếp cận hơn.

Ngoài ra, Nhà trường cũng cần có phương án đảm bảo an toàn dữ liệu về CTĐT và ĐCCT học phần trên hệ thống website của Nhà trường.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 2**

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần của ngành GDTC là một yếu tố quan trọng trong việc nâng cao CLĐT, đồng thời là cơ sở để các bên liên quan hiểu rõ về CTĐT và tiến trình dạy học. Bản mô tả CTĐT và đề cương các học phần của ngành GDTC được xây dựng một cách bài bản theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Các thông tin trong bản mô tả CTĐT ngành GDTC được công bố rõ ràng, đầy đủ và tường minh. Ma trận hiển thị kết quả CDR được thể hiện rõ trong bản mô tả CTĐT và được cụ thể hóa trong các ĐCCT học phần. Bản mô tả CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật thường xuyên. Quá trình bổ sung, điều chỉnh của Khoa đều dựa trên nhiều nguồn thông tin khác nhau như ý kiến đóng góp, xây dựng của Hội đồng Khoa, cựu SV, GV, các đơn vị tuyển dụng, các nhà chuyên môn. Mọi thông tin liên quan đến bản mô tả CTĐT, đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, ... của học phần đều được cung cấp đầy đủ, được công bố công khai và dễ tiếp cận để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập của bản thân theo từng học kỳ, từng năm và toàn khóa học. Mặc dù vậy, việc cung cấp thông tin bản mô tả CTĐT và các ĐCCT học phần tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách rộng rãi; đối tượng lấy ý kiến phản hồi về CTĐT, ĐCCT học phần chưa được sâu rộng. Tuy nhiên, điều này không ảnh hưởng lớn đến tính hiệu quả của bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó 02 tiêu chí đạt 5/7 và 01 tiêu chí đạt 4/7.

### **Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học**

#### **Mở đầu**

Môn học GDTC là môn học bắt buộc trong chương trình đổi mới phổ thông các cấp, nó góp phần hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; phát triển kiến thức, kỹ năng vận động và tạo cơ hội để người học được trải nghiệm, áp dụng, vận dụng thể thao vào đời sống thực tiễn. Môn GDTC góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển phẩm chất và năng lực cho người học, trọng tâm là: trang bị cho SV kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe; kiến thức và kỹ năng vận động; hình thành thói quen tập luyện, khả năng lựa chọn môn thể thao phù hợp để luyện tập nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực và tố chất vận động; trên cơ sở đó giúp người học có ý thức, trách nhiệm đối với sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng, thích ứng với các điều kiện sống, sống vui vẻ, hoà đồng với mọi người. Vì vậy, khi xây dựng CTĐT ngành GDTC cấu trúc và nội dung CTDH là yếu tố quyết định đến CLĐT. Do đó,

Khoa GDTC-QP xây dựng CTDH ngành GDTC theo các quy định và hướng dẫn được ban hành bởi Bộ GD&ĐT. Trên cơ sở CTDH của ngành phải có sự kế thừa và phát huy CTDH của các trường đại học lớn, Khoa GDTC-QP cũng tham khảo CTDH của các trường đại học uy tín trong nước trong quá trình xây dựng CTDH. CTDH của ngành cũng được rà soát và điều chỉnh định kỳ theo từng giai đoạn phát triển của xã hội, đáp ứng linh hoạt nhu cầu nhân lực của thị trường sử dụng lao động, tuân thủ theo các văn bản quy định về xây dựng CTĐT của Bộ GD&ĐT.

CTDH ngành GDTC có mục tiêu rõ ràng và cụ thể, có cấu trúc được thiết kế một cách logic có hệ thống đáp ứng các yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, nguồn nhân lực chất lượng cho thực tế và khả năng học tập nâng cao trình độ. Bên cạnh đó, CTDH của ngành GDTC cũng được thiết kế đảm bảo sự liên thông đáp ứng nhu cầu chuyển đổi của người học. CTDH bao gồm các học phần được thiết kế theo trật tự từ khối kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành đến chuyên môn ngành. Học phần tiên quyết làm nền tảng cho các học phần tiếp theo. Các học phần song hành trong các khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn ngành được thiết kế có tính tích hợp. Mỗi học phần đều có vai trò quyết định trong việc đạt được CĐR.

### ***Tiêu chí 3.1. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả**

Dựa trên Khung trình độ quốc gia trình độ đại học, các yêu cầu CĐR về chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC, và CĐR về kiến thức và lập luận ngành, kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp, năng lực thực hành nghề nghiệp trong môi trường nhà trường và xã hội, CTĐT ngành GDTC được xây dựng [H3.03.01.01], [H3.03.01.02], [H3.03.01.03]. Theo đó, để đạt mục tiêu và CĐR, CTĐT ngành GDTC đã có sự kết hợp hài hòa giữa kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm; các khối kiến thức như kiến thức chung cũng như kiến thức ngành, đặc biệt là kiến thức về nghiệp vụ sư phạm và KLTN (hoặc học phần thay thế KLTN) [H3.03.01.02], [H3.03.01.03].

CTDH của ngành GDTC được thiết kế dựa trên các yêu cầu của CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể, chương trình được xây dựng và điều chỉnh dựa trên các ý kiến đóng góp của GV trong bộ môn, Hội đồng Khoa, phản hồi của các bên liên quan để đạt được mục tiêu đào tạo và CĐR. CTDH đảm bảo việc đạt được CĐR CTĐT ngành GDTC thể hiện cụ thể thông qua bản mô tả CTDH và ĐCCT học phần, ma trận thể hiện đóng góp của các học phần về mức độ đạt được CĐR của CTĐT và mô tả CĐR của CTĐT, bao gồm các nội dung: Mục tiêu đào tạo; CĐR của ngành và CĐR của mỗi học phần; Nội dung đào tạo; Kế hoạch giảng dạy (dự kiến); ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình



đào tạo PLOs, ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra PLOs; Phương pháp đánh giá (*Đánh giá tiến trình (Formative Assessment)* và *Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)*); Phương pháp kiểm tra, đánh giá người học và thời lượng đào tạo của ngành và mỗi học phần; ĐCCT các môn học **[H3.03.01.04]**, **[H3.03.01.05]**, **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.07]**, **[H3.03.01.08]**.

CTDH phù hợp mục tiêu của CTĐT, thể hiện trong nội dung từng học phần và từng khối kiến thức. Đảm bảo các học phần bổ sung, hỗ trợ nhau và liên quan chặt chẽ với nhau, đan xen quá trình học tập chuyên môn nghề nghiệp với rèn luyện các kỹ năng. Trình tự thực hiện các khối kiến thức và các học phần đạt CĐR một cách tối ưu. Trình tự các học phần mô tả rõ sự phát triển kiến thức, kỹ năng và mức tự chủ và trách nhiệm qua nghiên cứu, học tập ở một hoặc nhiều môn học trong một giai đoạn nhất định hoặc trong toàn bộ quá trình đào tạo **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.07]**, **[H3.03.01.08]**.

Trong CTDH, mỗi học phần có vai trò nhất định để đạt được CĐR **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.08]**. Cụ thể, chương trình của ngành hiện nay được thiết kế 138 TC, trong đó: Khối kiến đại cương (32 TC); Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (106 TC) bao gồm kiến thức: Kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, Kiến thức ngành, chuyên ngành, Kiến thức bổ trợ và KLTN, học phần thay thế.

Về Khối kiến thức giáo dục đại cương, ngoài (09 TC) của các học phần giáo dục quốc phòng – an ninh, khối kiến thức đại cương của ngành GDTC còn cung cấp các kiến thức về khoa học chính trị và pháp luật (17 TC), ngoại ngữ (07 TC), Kiến thức cơ sở chung (07 TC). Về Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp bao gồm: Khối kiến thức cơ sở ngành, khối ngành (24 TC); Kiến thức ngành, chuyên ngành (57 TC); Kiến thức bổ trợ (27 TC); KLTN, học phần thay thế (06 TC).

Việc xác định tổ hợp các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra/đánh giá KQHT của SV ngành GDTC trong tất cả các học phần trong CTĐT đều phù hợp, góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Điều này được thể hiện rất chi tiết và rõ ràng ở bản mô tả CTDH, bản mô tả học phần và bản Mô tả CĐR của CTĐT **[H3.03.01.06]**, **[H3.03.01.08]**. Cụ thể, về phương pháp giảng dạy, đội ngũ GV có sử dụng nhiều phương pháp khác nhau như: thuyết trình; nêu vấn đề; phương pháp trực quan; phương pháp tập luyện có định mức chặt chẽ; phương pháp trò chơi và phương pháp thi đấu; seminar hoặc kết hợp các phương pháp với nhau chẳng hạn như phương pháp sử dụng lời nói kết hợp với phương pháp thị phạm động tác,... nhằm góp phần đạt được CĐR **[H3.03.01.08]**. Về phương pháp kiểm tra đánh giá SV, nhằm hỗ trợ hiệu quả cho việc đạt được CĐR của CTĐT ngành GDTC, đội ngũ GV của Khoa cũng sử dụng nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá khác nhau như Điểm chuyên cần chiếm 10% điểm tổng kết học phần; Điểm đánh giá quá trình (Thi giữa kỳ) chiếm 30%; Điểm

thi cuối kỳ chiếm 60% [H3.03.01.06]. Đối với bài thi cuối kỳ có thể đánh giá SV bằng hình thức thi viết/vấn đáp hoặc thi thực hành,...[H3.03.01.06].

Các phương pháp giảng dạy, học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học được chú trọng nên đã góp phần hỗ trợ hiệu quả việc đạt được CĐR. Phương pháp dạy học tích cực “*lấy người học làm trung tâm*” như tổ chức thảo luận nhóm,... được thường xuyên thực hiện trong tất cả các học phần. Nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT được thực hiện nghiêm túc, công bằng, khách quan để đạt được CĐR [H3.03.01.08].

Cùng với việc trang bị kiến thức cho SV, cấu trúc của chương trình được xây dựng nhằm đảm bảo cho người học được trang bị các kỹ năng nghề nghiệp: kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phân tích, kỹ năng thị phạm động tác và kỹ năng tổ chức các hoạt động TĐTT,... các phẩm chất đạo đức nghề nghiệp được lồng ghép trong nội dung của các môn học, để người học tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, thể hiện sự chuyên nghiệp trong quá trình học tập và làm việc sau khi tốt nghiệp.

Để điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện CTDH, Khoa đã xem xét các ý kiến phản hồi của SV về các ý kiến của SV năm cuối, về hoạt động giảng dạy của GV, SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động về chất lượng đào tạo ngành GDTC, ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành GDTC về CĐR của CTĐT và về mối quan hệ giữa các học phần và CĐR của CTĐT với mong muốn đạt được các CĐR một cách tốt nhất [H3.03.01.02], [H3.03.01.09], [H3.03.01.10], [H3.03.01.11], [H3.03.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành GDTC được thiết kế đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức và phù hợp với CĐR của ngành. ĐCCT của từng học phần trong các khối kiến thức đều thể hiện tính gắn kết giữa các hoạt động dạy - học và đánh giá để đạt được CĐR, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH.

Nhà trường thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của người học về các hoạt động giảng dạy của GV, CLĐT của ngành được lấy ý kiến thông qua SV năm cuối và cựu SV ngành GDTC, CĐR của CTĐT và mối quan hệ giữa các học phần với CĐR của CTĐT được khảo sát thông qua các GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần trong CTDH ngành GDTC.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động, SV, cựu SV để xây dựng CTDH chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa GDTC-QP sẽ tiếp tục điều chỉnh, cập nhật, bổ sung CTDH ngành GDTC

dựa trên CĐR theo định kỳ ít nhất 2 năm 1 lần. Các học phần đều được thiết kế dựa trên CĐR của CTĐT. Tất cả các học phần trong CTĐT được dạy theo phương pháp tích cực “*lấy người học làm trung tâm*”, để người học được rèn luyện các kỹ năng cần thiết, phát huy được tính sáng tạo, tích cực chủ động, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho SV tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Việc lấy ý kiến đóng góp của nhà sử dụng lao động và cựu SV đối với CTDH sẽ được Nhà trường và Khoa thực hiện một cách đầy đủ và sâu rộng hơn từ năm học 2020-2021. Dựa trên những ý kiến đóng góp nhận được, CTDH sẽ được điều chỉnh, bổ sung,... một cách cụ thể, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt của tiêu chí: 5/7*

**Tiêu chí 3.2. Đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được chuẩn đầu ra là rõ ràng**

### **1. Mô tả**

Sự đóng góp của mỗi học phần theo CĐR được thể hiện rõ trong CTDH ngành GDTC. Tất cả các học phần trong CTĐT đều có ĐCCT, được biên soạn bởi GV trực tiếp giảng dạy ở các Bộ môn của Khoa và các Khoa phối hợp trong Nhà trường như Khoa Tài chính ngân hàng và Quản trị kinh doanh, Khoa Lý luận chính trị - Luật và Quản lý Nhà nước, Khoa Ngoại ngữ, Khoa Công nghệ thông tin, Khoa Khoa học tự nhiên, Khoa Khoa học xã hội và Nhân văn theo yêu cầu về chuyên môn của từng học phần, phù hợp với phương thức đào tạo theo TC và CĐR của CTĐT [H3.03.02.01], [H3.03.02.02], [H3.03.02.03]. Các đề cương học phần được xây dựng dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan (như nhà tuyển dụng, giáo viên, SV và cựu SV,...), các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, văn bản hướng dẫn và các khoá tập huấn của Trường ĐHQN [H3.03.02.01], [H3.03.02.02].

Mỗi học phần đều đóng vai trò nhất định trong khối kiến thức toàn khóa và thể hiện rõ mục đích hướng đến là đào tạo SV trở thành giáo viên THPT môn GDTC trong tương lai đảm bảo có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, các kỹ năng cần thiết khác và đặc biệt là khả năng thích ứng với yêu cầu đổi mới chương trình và sách giáo khoa hiện nay. Đề cương của từng học phần đều có phần mục tiêu và CĐR được thể hiện rõ ràng.

Các học phần được xây dựng có sự tương thích về nội dung và thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần nhằm đạt được CĐR. Điều này được thể hiện thông qua bản mô tả CTĐT, CTDH, ĐCCT các học phần [H3.03.02.03], [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Cụ thể, CTDH của ngành GDTC được cấu trúc thành các khối kiến thức theo trình tự từ cơ sở ngành đến kiến thức chuyên ngành, trong đó bao gồm hai khối kiến thức là giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp. Việc sắp xếp các học phần phù hợp theo trình tự logic và khoa học đảm bảo được tính kế thừa và bổ sung,

nâng cao và chuyên sâu. Điều này được thể hiện rất rõ trong CTĐT ngành GDTC năm 2020 [H3.03.02.03].

Đóng góp của mỗi một học phần về mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành GDTC là rõ ràng. Điều này được thể hiện chi tiết trong Ma trận đóng góp của mỗi học phần đối với mức độ đạt được CDR của CTĐT ngành GDTC [H3.03.02.04], [H3.03.02.05]. Bên cạnh đó, kế hoạch giảng dạy của Nhà trường cũng thể hiện đầy đủ các nguồn lực và tiến độ trong việc thực hiện CTDH nhằm hỗ trợ tốt cho việc đạt được CDR của CTDH [H3.03.02.06].

Theo kế hoạch rà soát, đánh giá, sửa đổi, hoàn chỉnh, cập nhật CTĐT đại học của Trường ĐHQN, Khoa GDTC-QP đã triển khai thực hiện việc điều chỉnh, cập nhật nội dung các học phần nhằm đáp ứng CDR của CTĐT ngành GDTC. Quá trình được thực hiện dựa trên các kết quả điều tra, khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng, cựu SV; ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CLĐT ngành GDTC; ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV; khảo sát việc làm của GV tốt nghiệp sau một năm ra trường [H3.03.02.07], [H3.03.02.08], [H3.03.02.09], [H3.03.02.10], [H3.03.02.11], [H3.03.02.12], [H3.03.02.13]. Việc tham khảo chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC cũng là yếu tố quan trọng để tăng cường sự đóng góp của mỗi học phần trong việc đạt được CDR CTĐT sát với thực tiễn [H3.03.02.014].

Thêm vào đó, Khoa GDTC-QP nhận thấy rằng, việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan cho nội dung các học phần trong CTDH nhằm phục vụ cho việc rà soát CTDH định kỳ là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế về nguồn nhân lực chất lượng cao. Do đó, Nhà trường và Khoa thường xuyên tiến hành khảo sát, lấy ý kiến các bên liên quan về các học phần trong CTDH. [H3.03.02.07], [H3.03.02.11].

## **2. Điểm mạnh**

ĐCCT mỗi học phần được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CDR của CTĐT, các học phần trong CTDH ngành GDTC được cấu trúc thành từng khối kiến thức gắn kết giữa các kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên môn ngành. Các học phần xác định rõ nội dung giảng dạy, tổ hợp các phương pháp dạy và học, phương pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp và hỗ trợ nhau tốt nhất để đảm bảo việc đạt được CDR của CTĐT.

Nội dung chi tiết của từng học phần trong CTDH thể hiện rõ mục tiêu, yêu cầu của học phần và thể hiện được sự gắn kết tương ứng trong các khối kiến thức đảm bảo quá trình dạy - học và đánh giá đạt được CDR CTĐT.

## **3. Điểm tồn tại**

Ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, người học đối với các học phần nhằm đảm bảo đạt được CDR CTĐT là chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc chưa đi sâu vào nội dung ĐCCT các học phần. Một số học phần còn dạy theo cách

truyền thông, chưa ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Theo kế hoạch chung của Nhà trường, ĐCCT cho tất cả các học phần sẽ tiếp tục được cập nhật và điều chỉnh theo định kì 2 năm 1 lần.

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

Khi xây dựng ĐCCT các học phần, Khoa yêu cầu các GV phải áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào bài giảng để bài giảng sinh động và trực quan, thu hút người học.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 3.3. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic, nội dung cập nhật và có tính tích hợp***

##### **1. Mô tả**

CTDH ngành GDTC của Khoa GDTC-QP, Trường ĐHQN được thiết kế theo quy định đào tạo trình độ đại học theo hệ thống TC của Trường ĐHQN. Kế hoạch giảng dạy hằng năm được xây dựng theo các công văn hướng dẫn của Nhà trường. Trong tổng 138 TC được xây dựng trong CTĐT bao gồm cả khối kiến thức chung về khối kiến thức giáo dục đại cương, khoa học chính trị và pháp luật; khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, kiến thức cơ sở ngành và khối ngành, khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức đào tạo, rèn luyện nghiệp vụ, kỹ năng nghề nghiệp, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp, KLTN và các học phần thay thế KLTN (không bao gồm nội dung GDTC và Giáo dục quốc phòng - an ninh); thể hiện rõ các học phần điều kiện, tiên quyết, thời lượng cho mỗi học phần và thời điểm, học kỳ dự kiến thực hiện [H3.03.03.01], [H3.03.03.02], [H3.03.03.03], [H3.03.03.04]. Các học phần được sắp xếp theo trình tự: các khối kiến thức chung được trang bị đầu tiên, xây dựng các kỹ năng mềm cần thiết, đạo đức và ý thức của SV; sau đó là các học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành; đây lại là nền tảng cho các học phần thuộc khối kiến thức ngành nâng cao và khối kiến thức chuyên ngành [H3.03.03.02], [H3.03.03.04].

Các học phần thực tập sư phạm được xây dựng song hành với các học phần lý thuyết và thực hành để hình thành cho SV các kỹ năng như: kỹ năng thiết kế dạy học, kỹ năng giảng dạy, kỹ năng thị phạm động tác và thuyết giảng, kỹ năng kiểm tra đánh giá KQHT [H3.03.03.05]. Ngoài ra, trong quá trình thực tập cũng hình thành kỹ năng giao tiếp và lòng yêu nghề cho người học. Hơn nữa, thông qua học phần này SV được rèn luyện và ôn tập lại kiến thức đã học và học tích lũy thêm những kiến thức từ thực tế.

Tính tích hợp cũng được thể hiện trong CTDH ngành GDTC. Các học phần

trong CTĐT không chỉ là các học phần lý thuyết mà còn có các học phần thực hành ứng dụng, các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và các học phần chuyên ngành ứng dụng thực tiễn cũng được thực hiện tại lớp học ở Trường với học sinh giả định và thực tập sư phạm giảng dạy thực tế tại các trường THPT [H3.03.03.05], [H3.03.03.06], [H3.03.03.07].

Theo chủ trương chung của Nhà trường, theo định kì ít nhất 2 năm 1 lần, tất cả các học phần đều được rà soát, cập nhật để điều chỉnh, bổ sung các kiến thức mới phù hợp với sự thay đổi của chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC [H3.03.03.06], [H3.03.03.08], [H3.03.03.09]. Các học phần được sửa đổi về nội dung cho phù hợp với yêu cầu của xã hội, cập nhật được kiến thức chuyên ngành theo xu thế chung của đào tạo bậc đại học và phù hợp với nội dung của chương trình giáo dục phổ thông môn GDTC [H3.03.03.05], [H3.03.03.09].

Theo đó, từ năm 2015 đến nay, Khoa đã tiến hành cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần vào năm 2015, 2017, 2020 [H3.03.03.02], [H3.03.03.05]. Để có thể thay đổi nội dung cho phù hợp, Nhà trường và Khoa GDTC-QP đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV, cựu SV ngành GDTC về CLĐT ngành GDTC và ý kiến của GV trực tiếp tham gia giảng dạy các học phần về CTDH ngành GDTC [H3.03.03.10], [H3.03.03.11], [H3.03.03.12]. Trong quá trình điều chỉnh, Khoa đã đối sánh CTĐT giữa các năm (2015, 2017, 2020), ngoài ra cũng luôn tham khảo CTDH tiên tiến của các trường đại học uy tín trong nước để ngày càng hoàn thiện CTDH ngành GDTC của Nhà trường. Qua tham khảo đối chiếu cho thấy chương trình của các trường tương đối định hướng các môn thể thao chuyên ngành giống nhau, tùy vào CSVC cũng như đội ngũ GV mà mỗi trường đưa ra nhiều môn thể thao tự chọn. [H3.03.03.13].

## **2. Điểm mạnh**

CTDH ngành GDTC được cấu trúc theo hệ thống khối kiến thức gắn kết logic theo hướng từ kiến thức cơ bản đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. CĐR CTĐT đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kĩ năng, mức tự chủ và trách nhiệm của Khung trình độ quốc gia trình độ đại học và đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và có tính tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng thực hành và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm.

## **3. Điểm tồn tại**

CTDH được thiết kế theo trình tự một cách logic theo các năm học, tuy nhiên thời lượng dành cho các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm so với các học phần thực hành chưa nhiều. Chưa tham khảo các CTDH của CTĐT ngành GDTC trên thế giới.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu SV. Đặc biệt, nâng cao thời lượng cho các học phần rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ sư phạm. Khi rà soát, cập nhật, điều chỉnh, bổ sung CTDH có tham khảo các CTDH tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao CLĐT ngành GDTC trong thời kì hội nhập.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 3**

Ý thức được tầm quan trọng của CTDH đối với CLĐT đại học, Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP đã chú trọng xây dựng CTDH một cách cẩn thận và khoa học. Để tránh trường hợp giáo dục lạc hậu, xa rời thực tiễn, Khoa cũng đã thường xuyên rà soát, cập nhật để hoàn thiện CTDH dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và tham khảo chương trình của các trường đại học có uy tín trong nước nhằm kịp thời đáp ứng nhu cầu xã hội.

CTDH được thiết kế logic, theo trình tự hợp lý và có hệ thống, mang tính tích hợp và đáp ứng xu hướng phát triển ngành GDTC. CTDH thể hiện được năng lực của SV tốt nghiệp. Các cán bộ, GV của Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, nhằm trợ giúp tốt hơn cho SV trong việc đạt được CDR. Các học phần chuyên sâu được xây dựng có tác dụng bổ trợ lẫn nhau, giúp SV lĩnh hội sâu sắc những kiến thức lý thuyết và thực hành trong CTĐT.

Mặc dù còn một số hạn chế trong phương pháp giảng dạy ở một số học phần, chưa kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tiễn, tuy nhiên CTDH của Khoa GDTC-QP nói chung đã được thiết kế một cách logic, mang tính tích hợp giữa lý thuyết và ứng dụng, nội dung luôn được cập nhật thường xuyên. CTDH bao gồm các học phần có nội dung bao quát các CDR của CTĐT. Người học được đảm bảo tiếp cận kiến thức một cách khoa học từ cơ bản đến chuyên sâu, từ đơn giản đến phức tạp, từ kiến thức chung đến kiến thức ngành hẹp. Dựa trên ĐCCT của mỗi học phần cụ thể, các học phần tiên quyết được đề ra một cách hợp lý, đầy đủ, không gây khó khăn cho người học trong việc lựa chọn đăng ký học phần. Các học phần thuộc khối kiến thức chung, các học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, khối kiến thức đào tạo và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm có nội dung phù hợp, bổ trợ cho nhau.

CTDH của Khoa GDTC-QP đã đáp ứng được xu hướng phát triển ngành GDTC trong cả nước. Các cán bộ, GV trong Khoa luôn có ý thức cập nhật, điều chỉnh nội dung đào tạo ở mỗi học phần, chú trọng phương pháp dạy học hiện đại, tích cực trong việc truyền đạt kiến thức nhằm trợ giúp tốt hơn cho người học để đạt được kết quả đầu ra. Các học phần chuyên sâu được xây dựng một cách logic, tương hỗ lẫn nhau. Do đó, các kiến thức lý thuyết, thực hành và những kỹ năng cần thiết khác được người học

lĩnh hội một cách đầy đủ và sâu sắc.

Tự đánh giá theo 3 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 3/3 tiêu chí trong đó cả 3 tiêu chí đều đạt 5/7.

#### **Tiêu chuẩn 4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

##### **Mở đầu**

Trong đào tạo đại học, phương pháp tiếp cận có vai trò quan trọng. Ngành GDTC cũng như nhiều ngành đào tạo khác trong trường ĐHQN chọn cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm, tổ chức các hoạt động dạy học và các hoạt động thực tập đạt được CĐR đã tuyên bố trong CTĐT, sử dụng các phương pháp dạy học đa dạng, nhằm phát triển tính chủ động sáng tạo trong học tập cho SV. Để làm được điều này, CTĐT xác định rõ mục tiêu đào tạo và CĐR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Cách tiếp cận này được cụ thể hóa ở việc thiết kế chương trình với các môn học kế tiếp nhau một cách logic, môn cơ sở là môn tiên quyết cho các môn học chuyên sâu, các hoạt động dạy và học đều hướng đến đạt được CĐR của học phần và CTĐT. Đồng thời, thông qua các hoạt động hỗ trợ thích hợp, tập thể cán bộ GV Khoa GDTC-QP hỗ trợ, hướng dẫn người học hình thành khả năng tự học, tự nghiên cứu, chủ động, sáng tạo trong học tập, từ đó góp phần nâng cao khả năng học tập suốt đời.

***Tiêu chí 4.1. Triết lý giáo dục hoặc mục tiêu giáo dục được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến tới các bên liên quan***

##### **1. Mô tả**

Nhà trường đã ban hành văn bản công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi theo Quyết định số 186/QĐ-ĐHQN ngày 13/02/2017 ĐHQN [H4.04.01.01]. Triết lý giáo dục của Trường cũng đã được công bố theo Quyết định số 3663/QĐ-ĐHQN ngày 28/12/2018 với nội dung “*Toàn diện - Khai phóng - Thực nghiệp*”, và được triển khai rộng rãi đến toàn thể viên chức, người lao động, SV, học viên trong toàn trường [H4.04.01.02].

Nội dung “Toàn diện” được xác định theo nghĩa Nhà trường hướng tới đào tạo các thế hệ người học phát triển toàn diện về trí tuệ, đạo đức, thể chất, năng khiếu cá nhân trong từng lĩnh vực; đem lại cho người học nền tảng vững chắc về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có sức khỏe và năng lực thẩm mỹ để sống và làm việc trong môi trường luôn thay đổi của xã hội. Nội dung “Khai phóng” được xác định theo nghĩa Nhà trường hướng tới phát huy tối đa tiềm năng của mỗi người học; tạo môi trường học tập và rèn luyện giúp người học phát triển nền tảng kiến thức và những kỹ năng cần thiết, chủ động, sáng tạo, tự tin, có khả năng thích ứng với sự thay đổi, có ý thức học tập suốt đời, đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân và đóng góp cho xã hội. Nội dung “Thực nghiệp” được xác định theo nghĩa Nhà trường hướng tới đào tạo gắn với thực tiễn, nhu cầu lao động; chú



trọng thực học, thực nghiệp; trang bị những kiến thức, kỹ năng cần thiết để người học có thể thành nghề, đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc và có khả năng phát triển từ nghề nghiệp.

Mục tiêu giáo dục của Nhà trường đã được tuyên bố rõ ràng trong chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020 tầm nhìn đến năm 2030, cụ thể như sau: *“Đến năm 2030, Trường ĐHQN sẽ trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, kết hợp một phần định hướng nghiên cứu, có đẳng cấp quốc gia vững chắc và vị trí nhất định trong khu vực Đông Nam Á, được kiểm định quốc tế, có quan hệ đào tạo và nghiên cứu rộng rãi với các trường đại học trong nước, trong khu vực Đông Nam Á và quốc tế; đáp ứng nhu cầu thị trường lao động chất lượng cao về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội - nhân văn, giáo dục và công nghệ; là cơ sở nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ khoa học - công nghệ hàng đầu của khu vực Nam Trung bộ và của đất nước; đủ sức cạnh tranh và khả năng hợp tác trong hệ thống đại học Việt Nam và khu vực với tín nhiệm xã hội cao trên cơ sở chuẩn hóa và chủ động hội nhập quốc tế”* [H4.04.01.03]. Tương tự như vậy, báo cáo tự đánh giá chất lượng Trường ĐHQN năm 2016 đã giúp cho cán bộ, GV, người học và xã hội biết đến mục tiêu giáo dục của Nhà trường và qua đó khẳng định vị thế của Nhà trường trong cộng đồng và xã hội [H4.04.01.04].

Trên cơ sở triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục chung, mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, đầy đủ, được thảo luận cụ thể qua các cuộc họp của Bộ môn, Hội đồng Khoa và được thể hiện ở mục tiêu của CTĐT ngành GDTC là phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có kiến thức vững vàng về chuyên môn, nghiệp vụ GDTC và khoa học giáo dục; có kỹ năng sư phạm giảng dạy, huấn luyện và tổ chức các hoạt động TDDT trong trường học [H4.04.01.05 ], [H4.04.01.06]. Về kiến thức CTĐT trang bị cho người học những kiến thức đại cương về khoa học chính trị và pháp luật, về khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cũng như kiến thức cơ bản và nền tảng của lĩnh vực GDTC, có năng lực sư phạm đáp ứng được yêu cầu giảng dạy môn học GDTC và tổ chức các hoạt động TDDT trong nhà trường. Về kỹ năng CTĐT trang bị cho người học các kỹ năng trong tổ chức và quản lý các hoạt động TDDT của nhà trường; kỹ năng triển khai và thực hiện công tác NCKH trong lĩnh vực GDTC. Về năng lực, mức tự chủ và trách nhiệm CTĐT trang bị cho người học năng lực dẫn dắt chuyên môn, đưa ra những kết luận và chịu trách nhiệm về chuyên môn, có năng lực tự học và tự nghiên cứu, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên, cán bộ TDDT để sau khi tốt nghiệp có thể làm công tác giảng dạy tại các trường THPT, trung học chuyên nghiệp, các trường dạy nghề, các trường cao đẳng, đại học hoặc làm việc tại các cơ quan ngành TDDT [H4.04.01.06].

Triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo cũng như CĐR của CTĐT về các mặt kiến thức, kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm của người học được phổ biến rộng rãi đến SV, GV, nhà tuyển dụng,... thông qua nhiều kênh khác nhau. Hằng năm Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân đầu khoá nhằm giúp cho SV năm thứ nhất tiếp cận với các hoạt động dạy và học [H4.04.01.07]. Bên cạnh đó, Khoa cũng thường xuyên phổ biến triết lý giáo dục, mục tiêu đào tạo cũng như CĐR của CTĐT thông qua những hoạt động ngoại khóa như các buổi gặp gỡ SV đầu năm học, tổ chức giao lưu các hoạt động thể thao trong và ngoài khoa [H4.04.01.08]. Ngoài ra, GV, SV, nhà tuyển dụng, cựu người học dễ dàng tiếp cận triết lý giáo dục, mục tiêu giáo dục của Nhà trường thông qua website chính thức của Nhà trường cũng như website Khoa GDTC-QP [H4.04.01.09].

Nhà trường và Khoa GDTC-QP đã tiến hành khảo sát và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan [H4.04.01.10]. Kết quả khảo sát GV và SV cho thấy phần lớn GV và SV đều hiểu rõ triết lý giáo dục của Nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành GDTC đã được công bố rõ ràng và phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội thông qua nhiều hình thức khác nhau như website Trường, website Khoa, diễn đàn, các văn bản hướng dẫn, v.v., đồng thời có khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong giai đoạn đánh giá, việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu SV, ... đối với triết lý giáo dục của Nhà trường, mục tiêu giáo dục của ngành GDTC chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ tăng cường việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục phổ thông, GV, SV cũng như cựu SV cho triết lý giáo dục của Nhà trường mục tiêu giáo dục của ngành GDTC.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 4.2. Các hoạt động dạy và học được thiết kế phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

Từ năm học 2009-2010, Nhà trường thực hiện chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang TC. Do vậy, CTĐT của ngành GDTC cũng được xây dựng theo hướng phù hợp với sự thay đổi này [H4.04.02.01], [H4.04.02.02], [H4.04.02.03], [H4.04.02.04], [H4.04.02.05].

Các hoạt động dạy và học trong khuôn khổ CTDH được thiết kế và xây dựng nhằm đạt được CDR của học phần, đóng góp vào mức độ đạt được CDR CTĐT. Chương trình được xây dựng hướng đến việc giúp người học tích lũy kiến thức, có năng lực tư duy logic; có kỹ năng chuyên môn giảng dạy và giáo dục, kỹ năng mềm; năng động, sáng tạo; có phẩm chất đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; phát huy tính tích cực và chủ động trong học tập [H4.04.02.04].

Để đáp ứng CDR của học phần GV trong Khoa đã chủ động đổi mới và sử dụng các phương pháp giảng dạy phù hợp, chẳng hạn sử dụng thuyết trình kết hợp với vấn đáp gợi mở, thảo luận và làm việc nhóm. Trong quá trình giảng dạy, tùy theo từng bối cảnh cụ thể người dạy đưa ra những liên hệ thực tế sinh động để làm sâu sắc thêm bài giảng, giao bài tập, chủ đề nghiên cứu để rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu cho SV [H4.04.02.05]. Hàng năm Khoa GDTC-QP khuyến khích, động viên các nhóm SV có học lực khá, giỏi và có niềm say mê tìm tòi khám phá tham gia các đề tài NCKH SV [H4.04.02.06], [H4.04.02.07].

Nhằm giúp SV có cơ hội tiếp xúc, làm quen với kỹ năng và nghiệp vụ giảng dạy sau khi tốt nghiệp, CTĐT của ngành có cấu trúc phù hợp giữa các học phần chung, học phần khoa học và học phần nghiệp vụ sư phạm [H4.04.02.05]. SV được tiếp xúc và thực hành việc soạn giáo án cũng như thực tập giảng dạy ở những học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. SV năm cuối được gửi về các trường phổ thông trong các đợt thực tập sư phạm (học kỳ 7/8) để tìm hiểu thực tế giảng dạy, giáo dục và thực hành trực tiếp trong môi trường giáo dục phổ thông [H4.04.02.08]. Cuối mỗi đợt thực tập sư phạm, thông tin tổng hợp được thu thập nhằm giúp cho Nhà trường có những đánh giá sơ bộ về khả năng đáp ứng yêu cầu công tác thực tiễn của SV sau khi tốt nghiệp [H4.04.02.09], [H4.04.02.10]. Đồng thời, Khoa phối hợp với phòng ban có liên quan khảo sát ý kiến phản hồi từ cựu SV, cơ sở giáo dục để có thêm cơ sở đánh giá, điều chỉnh các hoạt động dạy học cũng như các phương pháp dạy học sử dụng trong CTĐT [H4.04.02.11].

Bên cạnh đó, nhằm đánh giá và nâng cao chất lượng giảng dạy của GV, Nhà trường tiến hành song song nhiều hình thức khác nhau như: giám sát, kiểm tra hoạt động giảng dạy và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng GV theo định kỳ hàng tháng, đồng thời thực hiện lấy ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV từ người học trong từng học kỳ cũng như cả năm học thông qua website đào tạo TC. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn SV hài lòng về phương pháp dạy học của GV [H4.04.02.12].

## **2. Điểm mạnh**

Hoạt động dạy và học của các học phần đã đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, đội ngũ GV của Khoa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức cũng như kỹ năng kinh

nghiệm nhằm tạo điều kiện tốt nhất giúp SV lĩnh hội các kiến thức chuyên môn cũng như nghề nghiệp. Các hoạt động dạy - học thường xuyên được điều chỉnh cho phù hợp với từng khóa, từng năm học nhằm đạt CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Môi trường dạy và học thân thiện, có sự hợp tác, hỗ trợ cởi mở giữa GV và SV.

Khoa GDTC-QP đã đổi mới toàn diện phương pháp dạy và học theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người dạy và người học nhằm đáp ứng CDR của ngành.

### **3. Điểm tồn tại**

SV tham gia vào quá trình học chưa thật sự thích nghi với phương pháp dạy và học mới như tự học và tự nghiên cứu, đặc biệt là những SV năm nhất.

CSVCL trang thiết bị vẫn còn chưa đáp ứng kịp với nhu cầu đổi mới phương pháp giảng dạy; chất lượng đầu vào không đồng đều tạo nên những rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP chú trọng tổ chức các hội nghị thảo luận về phương pháp dạy và học mới cho SV đặc biệt là SV năm nhất để người học nắm bắt và thay đổi tư duy theo cách thức học tập trong môi trường đại học.

Khoa chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở bậc phổ thông; kiến nghị Nhà trường hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ dạy học cũng như đẩy mạnh công tác tuyển sinh nhằm cải tiến chất lượng đầu vào; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

**Tiêu chí 4.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng nâng cao khả năng học tập suốt đời của người học**

#### **1. Mô tả**

Các hoạt động dạy và học, từ các giờ học lý thuyết đến thực hành, các hoạt động tự học và NCKH của SV, các bài tập nhóm, thực hành, thảo luận, đi thực tập, thực tế cơ sở đều dựa trên mục tiêu là hình thành khả năng phân tích và tổng hợp, khả năng nhận diện vấn đề, tư duy phản biện, rèn luyện kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm cho SV. Do vậy CTĐT và ĐCCT của học phần đều có những thay đổi để phù hợp [H4.04.03.01], [H4.04.03.02]. Nội dung các học phần trong ĐCCT của CTĐT ngành GDTC thể hiện được sự đóng góp cụ thể của mỗi học phần, giúp SV tham gia vào các hoạt động dạy và học nhằm rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời của SV [H4.04.03.01], [H4.04.03.02].

CTĐT hướng đến việc trang bị những kiến thức đại cương về khoa học nói chung và kiến thức về GDTC một cách căn bản làm cơ sở chuẩn bị cho việc truyền đạt

kiến thức ở trường phổ thông cũng như có khả năng tiếp tục nghiên cứu ở bậc học cao hơn. Về kỹ năng, CTĐT giúp cho SV có năng lực sư phạm cần thiết cho giảng dạy môn thể dục ở trường THPT, rèn luyện năng lực vận động, phân tích và làm mẫu động tác... và kỹ năng giáo dục phục vụ công tác giảng dạy cho bậc học THPT.

Các hoạt động học tập đa dạng giúp SV hiểu được các chiến lược học tập khác nhau để có thể lựa chọn chiến lược phù hợp nhất cho từng nhiệm vụ học tập cụ thể. Hoạt động NCKH cũng như thực hiện KLTN đòi hỏi SV phải rèn luyện khả năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết vấn đề cụ thể, giúp cho SV có khả năng diễn đạt kiến thức, tìm tòi tài liệu, trình bày suy nghĩ của mình và phản biện lẫn nhau đã tạo ra sự say mê học hỏi, tăng hoạt động tự học, tự nghiên cứu nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV [H4.04.03.03], [H4.04.03.04], [H4.04.03.05], [H4.04.03.06].

Ngoài ra, SV được khuyến khích tham gia vào nhiều hoạt động chuyên môn như tọa đàm khoa học, hội thảo khoa học, tham gia NCKH [H4.04.03.07], [H4.04.03.08], [H4.04.03.09]. Việc SV tham gia NCKH, seminar, sinh hoạt nhóm đã tạo ra sự say mê học tập, nâng cao chất lượng việc rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho SV. Nhiều hoạt động ngoại khóa do các đoàn thể trong Trường, Khoa tổ chức cũng góp phần rèn luyện tinh thần học hỏi, kỹ năng tự học, nghiên cứu và giao lưu khoa học [H4.04.03.08], [H4.04.03.09], [H4.04.03.10].

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hàng năm Nhà trường tiến hành rà soát nguồn học liệu, kiểm tra hồ sơ bài giảng của GV, tài liệu giáo trình nhằm giúp SV tiếp cận dễ dàng nhất các nguồn học liệu cập nhật trên website của Khoa GDTC-QP và website của Trường ĐHQN, thư viện trường để phục vụ cho việc học tập và nghiên cứu [H4.04.03.10].

Về phía người dạy, đội ngũ GV luôn tích cực tìm tòi học hỏi trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau để nâng cao chất lượng bài giảng của mình, sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện các kỹ năng và nâng cao khả năng học tập suốt đời. Để giúp cho GV có thông tin phản hồi, Nhà trường thường xuyên tổ chức các đợt tương tác giữa hoạt động dạy và học. Do vậy, lắng ý kiến phản hồi của SV là một việc cần thiết và không thể thiếu, được thực hiện hàng năm [H4.04.03.10], [H4.04.03.11], [H4.04.03.12], [H4.04.03.13].

## **2. Điểm mạnh**

ĐCCT học phần đều mô tả được yêu cầu của hoạt động tự nghiên cứu/ tự học nhằm hướng đến việc nâng cao khả năng học tập suốt đời cho SV. GV trong Khoa sử dụng thành thạo, hiệu quả tổ hợp các phương pháp giảng dạy nhằm hỗ trợ người học rèn luyện và nâng cao các kỹ năng cần thiết.

Nhà trường, Khoa chú trọng tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động mang tính chuyên môn; GV tích cực tham gia hướng dẫn, hỗ trợ SV; người học nỗ lực và tích cực tham gia hoạt động chuyên môn, nghề nghiệp... đã góp phần tạo môi trường thuận lợi cho SV rèn luyện kỹ năng, kiến thức cần thiết chuẩn bị cho nghề nghiệp sau này.

### **3. Điểm tồn tại**

Số ít SV chưa có ý thức học tập tốt, việc học tập còn mang tính đối phó nên nhiều học phần chưa phát huy được sự tự giác và tính tích cực của SV trong quá trình tương tác với GV. Một số GV chưa có những biện pháp hiệu quả để kích lệ các khả năng tư duy phân biện, làm việc độc lập của SV.

CSVCL chưa tạo được sự linh động cho việc áp dụng các phương pháp dạy học tích cực và bài tập nhóm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020-2021, Khoa yêu cầu các GV bổ sung thêm tiêu chí “khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phân biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,...” vào tiêu chí đánh giá KQHT từng học phần của SV.

Với các học phần có tính thực hành, bài tập nhóm, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường bố trí địa điểm học phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tương tác giữa GV và SV.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 4**

Nhìn chung, phương pháp tiếp cận trong dạy và học của CTĐT ngành GDTC phù hợp, rõ ràng và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan (người dạy, người học, người tuyển dụng,...) thông qua nhiều kênh khác nhau: mô tả CTĐT; website chính thức của Khoa; các hoạt động ngoại khóa, hội thảo; các kênh hỗ trợ SV như Đoàn thanh niên, Hội SV.v.v.. Tập thể cán bộ giảng dạy của Khoa thường xuyên trau dồi kiến thức chuyên môn đồng thời tiếp cận phương pháp giảng dạy mới, từ đó góp phần cải thiện chất lượng của công tác dạy và học. Các hoạt động giảng dạy và học tập đa dạng, linh hoạt, giúp người học đạt CDR. Các hoạt động học tập đa dạng như NCKH, tự học, thảo luận, thuyết trình, thực tập, thực hành giúp SV có khả năng và tinh thần học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, có sự tương tác hiệu quả giữa GV và SV; các GV luôn tôn trọng và giúp đỡ người học.

Bên cạnh đó, vẫn còn những điểm tồn tại cần khắc phục, đó là thư viện chưa đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV và GV. Số ít SV chưa xác định được động cơ học tập đúng đắn, còn thụ động, thiếu kỹ năng tự học

và tự nghiên cứu. Việc đánh giá KQHT còn chú trọng nhiều vào khả năng nhớ và hiểu, chưa có sự ưu tiên đánh giá khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng tự học và các kỹ năng mềm khác. Hơn nữa, một số khó khăn về chất lượng SV đầu vào, về CSVC cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng đào tạo.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa GDTC-QP đánh giá tiêu chuẩn 4 có 3 tiêu chí, trong đó có 02 tiêu chí đạt 4/7 và 01 tiêu chí đạt 5/7.

### **Tiêu chuẩn 5. Đánh giá kết quả học tập của người học**

#### **Mở đầu**

Đánh giá KQHT của người học là một trong những khâu then chốt trong việc quyết định chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học. Việc đánh giá KQHT sẽ giúp Khoa và Nhà trường đánh giá lại quá trình giảng dạy, rà soát lại CĐR và hoàn thiện các dịch vụ hỗ trợ người học. Đặc biệt, việc đánh giá kết quả người học một cách nghiêm túc, đúng quy định là một kênh quan trọng giúp người học xây dựng động cơ học tập đúng đắn, nâng cao chất lượng học tập.

Việc đánh giá KQHT của người học ở CTĐT ngành GDTC được xây dựng dựa trên mục tiêu đào tạo của chương trình, các mức độ đạt được của CĐR của chương trình. Các quy định cơ bản về đánh giá được thông báo công khai tới người học thông qua các buổi sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV, các buổi sinh hoạt lớp cuối mỗi tháng. Đặc biệt, trước khi bắt đầu học mỗi học phần, người học được thông báo về kế hoạch, hình thức và tiêu chí kiểm tra đánh giá sử dụng trong học phần đó. Phương pháp đánh giá KQHT đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng đồng thời được ghi chép lại để đánh giá, phát triển và thử nghiệm các phương pháp mới. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập và công khai qua nhiều kênh để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT.

***Tiêu chí 5.1: Việc đánh giá kết quả học tập của người học phải được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được của chuẩn đầu ra***

#### **1. Mô tả.**

Nhà trường có các quy trình, kế hoạch rõ ràng về việc đánh giá KQHT của người học. Mục tiêu về CĐR của chương trình đào tạo là cơ sở để Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN và khoa GDTC-QP phối hợp xây dựng hệ thống văn bản quy định các nội dung đánh giá kết quả học tập phù hợp, dựa trên việc phân tích, đánh giá kết quả điểm thi tuyển sinh đầu vào và kết quả học tập của SV hàng năm [H5.05.01.01]. Nội dung về việc kiểm tra đánh giá KQHT được thể hiện thông qua các quy định, quyết định của Nhà trường. Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập [H5.05.01.02], [H5.05.01.03], [H5.05.01.04]. Trước mỗi năm học, Nhà trường tổ chức thảo luận,

thống nhất và ban hành kế hoạch đào tạo, trong đó quy định thời điểm cụ thể cho các lần đánh giá kết quả học tập của người học, **[H5.05.01.05]**, **[H5.05.01.06]**. Các quy định này được cập nhật và thông báo công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa, Sổ tay sinh viên và nội dung Tuần sinh hoạt công dân đầu khóa. **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.08]**.

Các quy trình, tài liệu hướng dẫn việc thiết kế các phương pháp, công cụ kiểm tra, đánh giá phù hợp với mục đích, mục tiêu cần đánh giá tương ứng với mức độ đạt được CDR. Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập gồm có hình thức kiểm tra đánh giá liên tục trong quá trình học tập, thi kết thúc học phần hoặc khóa luận tốt nghiệp. Quy trình kiểm tra, thi kết thúc học phần được thực hiện theo quy định chung của Trường, từ khâu ra đề, coi thi, chấm thi, công bố kết quả đến xử lý khiếu nại. GV xác định các nội dung và cách thức kiểm tra, đánh giá dựa trên mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ đã được nêu trong đề cương chi tiết học phần. **[H5.05.01.09]**

Các phương pháp kiểm tra đánh giá KQHT của người học được thiết kế phù hợp để đo lường được mức độ đạt CDR. Việc đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế logic, khoa học dựa vào việc phân tích đánh giá điểm thi, đề thi sau mỗi kỳ thi kết thúc học kỳ. Tổ hợp các phương pháp KTĐG kết quả học tập của người học được thiết kế đa dạng, phù hợp nhằm đảm bảo khả năng đo lường mức độ đạt được CDR, bao gồm: Bài tập kiểm tra kỹ thuật, thể lực, bài tập tổng hợp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thuyết trình nhóm, tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tiểu luận v.v..., tùy theo đặc thù từng học phần **[H5.05.01.10]**. SV được biết các quy định về kiểm tra đánh giá để điều chỉnh phương pháp học tập của mình trong quá trình học.

Bản mô tả CTĐT, CTĐT, CDR và ĐCCT các học phần ngành GDTC được cập nhật từ năm 2015 và chỉnh sửa bổ sung vào năm 2017, và được ban hành năm 2020. CTĐT năm 2020 được thiết kế theo hướng tiếp cận hiện đại và được đối sánh với CTĐT các phiên bản cũ năm 2015 và 2017, đối sánh với CTĐT ngành GDTC của những trường có uy tín về lĩnh vực đào tạo TĐTT và GDTC trên toàn quốc như: ĐH TĐTT Đà Nẵng, ĐH TĐTT TP HCM, ĐH TĐTT Bắc Ninh, ĐH SP TĐTT TP HCM và ĐH SP TĐTT Hà Nội **[H5.05.01.09]**. Việc xây dựng CTĐT, CDR và ĐCCT các học phần ngành GDTC có quy định rõ về yêu cầu cách thức KTĐG, tỷ trọng điểm thành phần và yêu cầu đạt được; ngân hàng đề thi, hình thức KTĐG bám sát mục tiêu học phần và CDR cần đạt được. ĐCCT học phần đều nêu rất rõ mục tiêu, yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng, thái độ. Các mục tiêu, yêu cầu này đều được hội đồng khoa, ý kiến các chuyên gia, các bên liên quan và tổ bộ môn thảo luận, thống nhất dựa trên các mức độ đáp ứng CDR **[H5.05.01.11]**. Những yêu cầu này chính là tiêu chuẩn để kiểm tra quá trình thu nhận tri thức và rèn luyện của người học theo các thang bậc (biết, hiểu, vận dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá).



Nội dung, cách thức KTĐG kết quả học tập môn học của người học được xây dựng từ mục tiêu, CDR môn học và được cụ thể hóa qua từng tiết học, hoạt động dạy học. Nội dung đánh giá môn học bao gồm đánh giá quá trình, đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Đánh giá quá trình được thực hiện thông qua kết quả của đánh giá tính chuyên cần, ý thức, thái độ học tập. Phương pháp đánh giá trong toàn bộ quá trình học được sử dụng rất đa dạng: bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành...đối với đánh giá giữa kì; tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, thực hành, tiểu luận học phần đối với đánh giá cuối kì và được quy định trong các ĐCCT học phần **[H5.05.01.07]**, **[H5.05.01.09]**. Việc tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học nhằm đánh giá tốt nhất mức độ đạt được CDR của người học: trắc nghiệm phù hợp với đánh giá các mức độ biết, hiểu; tự luận thường dùng để đánh giá khả năng hiểu, vận dụng, phân tích, và tổng hợp và vấn đáp đánh giá rất tốt việc am hiểu kiến thức nền tảng của người học. Thực hành đánh giá rất tốt kỹ năng thực hiện các kỹ thuật động tác, kỹ năng thị phạm, làm mẫu động tác của người học. Đề thi kết thúc học phần các môn học của ngành GDTC đều được trưởng bộ môn và lãnh đạo khoa phê duyệt trên cơ sở xem xét khả năng đánh giá của đề thi theo 6 mức độ biết, hiểu, vận dụng, phân tích - tổng hợp và sáng tạo; khả năng đáp ứng mục tiêu và nội dung của từng học phần; sự phù hợp về nội dung, kĩ năng, phương pháp và tính khả thi, tính mới, độ khó của đề thi. Nội dung KTĐG học phần đảm bảo tính chính xác, khoa học, phù hợp với nội dung môn học được quy định trong CTĐT, độ bao quát kiến thức tương ứng mức độ đạt được CDR là những yêu cầu và tiêu chuẩn quan trọng để thẩm định chất lượng của các đề thi.

Sau mỗi kỳ thi GV và bộ môn tiến hành phân tích đề thi dựa trên thang điểm mà SV đạt được để xem xét điều chỉnh đề thi cho phù hợp sự đáp ứng CDR của CTĐT nếu cần thiết **[H5.05.01.10]**.

Riêng với học phần thực tập tại các trường THPT, GV phụ trách hướng dẫn và giáo viên hướng dẫn tại trường phổ thông cùng đánh giá SV theo quy định, điều này đảm bảo cả ba chuẩn kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm đều được đánh giá không chỉ trên tham chiếu của cơ sở xây dựng CTĐT là Khoa, mà còn với tham chiếu của đơn vị sử dụng lao động trực tiếp là các trường THPT **[H5.05.01.12]**. Để có đủ điều kiện làm khóa luận tốt nghiệp, SV cần đạt điều kiện cần theo yêu cầu của Nhà trường. Đề tài khóa luận tốt nghiệp phải phù hợp với định hướng chuyên môn của khung CTĐT và có tính ứng dụng cao. Khóa luận tốt nghiệp đều có quy định cụ thể về quy cách trình bày, tiêu chí đánh giá. Hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp được thành lập theo đúng quy định, tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng đảm bảo độ tin cậy, công bằng đối với SV. Đối với đánh giá khóa luận tốt nghiệp, các yêu cầu cụ thể về ý thức, thái độ, ý nghĩa đề tài và phương pháp nghiên cứu, kết quả nghiên cứu được đặt ra đối với khóa luận **[H5.05.01.13]**, **[H5.05.01.14]**.

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường và Khoa có các quy định rõ ràng về đánh giá KQHT của người học. Công tác KTĐG KQHT của người học không ngừng đổi mới và cải tiến theo hướng đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu, CĐR từng học phần và CTĐT.

## 3. Điểm tồn tại

Mặc dù chú trọng thiết kế việc đánh giá KQHT theo các thang bậc cao của CĐR nhưng việc KTĐG chưa thật sự đồng đều về mức độ bao quát mục tiêu, nội dung môn học, CTĐT, độ khó cũng như đáp ứng yêu cầu đánh giá cả kiến thức và kỹ năng, đảm bảo cân bằng các mức độ nhớ, hiểu, phân tích, vận dụng, sáng tạo.

Việc thiết kế, sử dụng các phương pháp, công cụ KTĐG chủ yếu dựa vào quy định của Bộ GD&ĐT, vào ĐCCT học phần. Khoa chưa sử dụng có hiệu quả các phương pháp, công cụ KTĐG phù hợp để đo lường mức độ đạt được CĐR CTĐT.

## 4. Kế hoạch hành động

Bắt đầu từ năm học 2020 - 2021, các bộ môn phụ trách các học phần thuộc CTĐT ngành GDTC tiếp tục thực hiện việc rà soát các hình thức KTĐG nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với nội dung giảng dạy và CĐR, đồng thời thực hiện việc phân tích đánh giá KQHT của người học để điều chỉnh phương pháp kiểm tra đánh giá một cách hợp lý. Tiếp tục tổ chức phân tích định lượng kết quả kiểm tra - thi của người học sau mỗi kỳ thi kết thúc học phần, để đánh giá chính xác hơn KQHT của SV.

## 5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 5/7*

***Tiêu chí 5.2. Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) rõ ràng và được thông báo công khai tới người học***

### 1. Mô tả

Các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học của ngành GDTC - Khoa GDTC-QP được xác định rõ ràng theo Quy chế đào tạo đại học của Trường ĐHQN và những văn bản hướng dẫn cụ thể của Nhà trường trong từng học kỳ, phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Nhà trường, các quy định về đánh giá kết quả học tập của người học rất rõ ràng. Các quy định này bao gồm Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.02.01], [H5.05.02.02], [H5.05.02.03], [H5.05.02.04]. Các quy định, các văn bản hướng dẫn này và ĐCCT các học phần được thông báo

công khai cho người học trên website của Nhà trường, Khoa GDTC-QP, Sổ tay sinh viên **[H5.05.02.05]**, **[H5.05.02.06]**.

Các hình thức KTĐG (vấn đáp cá nhân, thảo luận, thuyết trình, bài tập nhóm, bài tập kiểm tra thực hành...) có thể thực hiện xuyên suốt thời gian môn học. Theo đó, kiểm tra giữa kỳ được thực hiện vào tuần thứ 8 của học kỳ, bài kiểm tra cuối kỳ được thực hiện sau khi kết thúc môn học (theo kế hoạch của nhà trường). Về trọng số điểm: Giai đoạn 2015 - 2020, trọng số điểm là: chuyên cần (10%), giữa kì (20%), cuối kỳ (70%); thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi các nội dung liên quan đến kì thi cuối kì được thực hiện theo đúng hướng dẫn của Nhà trường. Từ năm 2020, Khoa cải tiến các hình thức KTĐG kết quả học tập của người học tiếp cận năng lực nhằm đảm bảo việc đánh giá kết quả học tập theo quá trình và theo tiếp cận năng lực của người học, theo đó đánh giá điểm chuyên cần (10%), điểm quá trình (30%) và điểm thi kết thúc môn học (60%) **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.05]**. Tiêu chí về KTĐG học phần, khóa luận tốt nghiệp được quy định cụ thể trong ĐCCT các học phần. Đối với khóa luận tốt nghiệp đại học, Nhà trường và Khoa cũng đã có các quy định rõ ràng: trách nhiệm của SV và GV hướng dẫn SV thực hiện khóa luận tốt nghiệp, trình bày nội dung khóa luận tốt nghiệp, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm đề án tốt nghiệp, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện **[H5.05.02.01]**, **[H5.05.02.02]**, **[H5.05.02.07]**.

Các quy định về KTĐG học tập của người học (bao gồm thời gian, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan) cũng được Khoa và Nhà trường triển khai, thông báo công khai tới người học. Ngay từ khi nhập học, Nhà trường, Khoa bố trí lịch sinh hoạt công dân đầu khóa cho SV và chào tân SV, qua đó phổ biến các nội dung liên quan đến các quy định, công bố mục tiêu và các CDR của ngành đào tạo, hướng dẫn SV lập kế hoạch học tập phù hợp nhằm đáp ứng các CDR đã được công bố **[H5.05.02.08]**.

Kế hoạch đào tạo, tổ chức kỳ thi và thời gian thi kết thúc học phần do Phòng Đào tạo Đại học lên kế hoạch và được Nhà trường phê duyệt sau đó được công bố cho SV ngay từ đầu năm học. Cuối mỗi học kỳ, Phòng KT&BDCL lập kế hoạch thi và thông báo cho SV biết thông qua tài khoản cá nhân ít nhất là 2 tuần trước khi kỳ thi bắt đầu, **[H5.05.02.09]**, **[H5.05.02.10]**.

Người học được cung cấp sổ tay sinh viên ngay từ đầu khóa để các em nắm bắt cụ thể về thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và các nội dung liên quan trong các kỳ thi - kiểm tra **[H5.05.02.06]**. Mỗi học kỳ nhà trường tổ chức thi tập trung một lần, SV có lý do chính đáng như: ốm đau, bệnh tật, tai nạn

được làm đơn đề nghị Nhà trường bố trí thi lại ở học kỳ phụ hoặc ở kỳ thi gần nhất nhằm đảm bảo tiến độ học tập. Trợ lý khoa nhập điểm chuyên cần và giữa kỳ (chậm nhất 10 ngày kể từ khi kết thúc giảng dạy của học phần) và công bố công khai trên các trang thông tin của khoa và nhà trường. Người học có quyền phản hồi nếu có gì sai sót bằng việc viết đơn đề nghị phúc khảo bài thi, bảo lưu kết quả, điều chỉnh điểm thi... theo đúng quy trình [H5.05.02.11], [H5.05.02.12].

Với mục tiêu đảm bảo chất lượng đào tạo, Nhà trường đã ban hành Quy định CĐR ngoại ngữ, tin học đối với SV đại học hệ chính quy và thông báo đến toàn bộ SV được biết [H5.05.02.13], [H5.05.02.14]. Theo đó, khi được công nhận tốt nghiệp bậc đại học hệ chính quy, SV phải đạt chuẩn bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, CĐR tin học theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Ngoài ra hàng năm nhà trường còn tổ chức tổng kết năm học, nhằm đánh giá lại chất lượng dạy và học từ đó phát huy những ưu điểm đã đạt được và khắc phục những hạn chế thiếu sót nhằm xây dựng trường ĐHQN phát triển mạnh hơn trong tương lai [H5.05.02.15].

## **2. Điểm mạnh**

Các quy định và kế hoạch về kiểm tra đánh giá KQHT của người học theo CTĐT ngành GDTC là rõ ràng và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin, do vậy giúp người học hiểu và nắm rõ các quy định về kiểm tra, đánh giá KQHT.

KQHT của SV được phản hồi nhanh chóng vào tài khoản cá nhân của từng SV, giúp SV chủ động trong lập kế hoạch học tập, học cải thiện.

Kết thúc mỗi học kỳ, Nhà trường đều thực hiện khảo sát ý kiến của người học về công tác kiểm tra đánh giá KQHT, nhằm có những điều chỉnh kịp thời cải thiện KQHT theo CĐR.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù các quy định về đánh giá KQHT của người học đã được trình bày chi tiết, rõ ràng trong đề cương học phần, được GV phổ biến trực tiếp vào đầu kỳ học, được đăng tải trên trang web của Nhà trường, tuy nhiên lượng truy cập vào website của Khoa còn hạn chế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP sẽ tăng cường sử dụng website để đăng tải thường xuyên các hoạt động kiểm tra đánh giá KQHT trong tiến trình học cho người học chủ động học tập và nghiên cứu. Nhà trường, Khoa và các bộ môn tiếp tục phối hợp thực hiện tốt hơn nữa quy định về đánh giá kết quả học tập của người học và thông báo đồng bộ các kênh công khai cho người học.

## **5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí: 4/7***

***Tiêu chí 5.3. Phương pháp đánh giá kết quả học tập đa dạng, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng***

**1. Mô tả**

Phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học được xác định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ, Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, Quy định tổ chức và quản lý thực tập, Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy [H5.05.03.01], [H5.05.03.02], [H5.05.03.03], [H5.05.03.04].

Hình thức thi kết thúc học phần đa dạng, đáp ứng mục tiêu học phần, đảm bảo độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng, bao gồm thi viết (tự luận, trắc nghiệm), vấn đáp, thực hành hoặc kết hợp giữa các hình thức trên và được quy định rõ trong ĐCCT học phần và quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ [H5.05.03.01], [H5.05.03.05]. Đề thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp hay nội dung thi thực hành đều phải đảm bảo kiểm tra được kiến thức, kỹ năng cơ bản của học phần, đảm bảo mặt bằng chất lượng giữa các hình thức đào tạo. Quy trình biên soạn đề thi, duyệt đề thi, nộp đề thi, in sao đề thi, bảo quản đề thi đảm bảo tính bảo mật, khách quan, chính xác, công bằng. Cuối mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức một kỳ thi kết thúc học phần. Phòng KT&ĐCL xây dựng kế hoạch thi, chọn và in sao đóng gói đề thi giao cho khoa quản lý học phần tổ chức coi thi, làm phách, chấm thi, lên điểm và nhập điểm thi, quy trình thực hiện theo đúng quy chế [H5.05.03.01], [H5.05.03.06].

Để đảm bảo tính khách quan, công bằng trong công tác chấm bài thi, mỗi bài thi đều do hai cán bộ chấm thi độc lập, thực hiện như quy chế chấm thi tuyển sinh, bảng điểm mỗi học phần, ngoài hai GV chấm thi, đều có ký xác nhận của Trưởng bộ môn, Trưởng khoa [H5.05.03.01]. Trợ lý khoa quản lý học phần ráp phách và lên bảng điểm học phần cho các học phần thi viết. Các bài thi vấn đáp, thực hành được chấm bởi hai GV. Người học được quyền phản hồi nếu điểm nhập sai bằng việc viết đơn đề nghị điều chỉnh điểm theo đúng quy trình [H5.05.03.07]. Nhà trường tổ chức thanh tra tất cả các khâu từ in sao, quản lý đề thi, coi thi, chấm thi, nhập điểm, kiểm tra tính chính xác của việc lên điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần [H5.05.03.08].

Các học phần trong CTĐT trình độ đại học được đánh giá qua 03 cột điểm, trong đó điểm chuyên cần chiếm trọng số 10%, điểm đánh giá quá trình học tập chiếm trọng số 30% và điểm thi kết thúc học phần chiếm trọng số 60% [H5.05.03.05]. Với khóa luận tốt nghiệp, Khoa thực hiện theo Quy định về việc giao khóa luận tốt nghiệp cho SV cuối khóa hệ chính quy, quy trình chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu chấm khóa luận tốt nghiệp, phiếu nhận xét của GV hướng dẫn, GV phản biện [H5.05.03.04],

**[H5.05.03.09].** Việc chấm khóa luận tốt nghiệp có tiêu chí rõ ràng về thái độ làm việc, khung lý thuyết, phương pháp sử dụng, kết quả thực tiễn,... Các tiêu chí này đảm bảo độ giá trị trong đánh giá khóa luận tốt nghiệp. Cách tính điểm của học phần khóa luận tốt nghiệp cụ thể như sau: Điểm đánh giá khóa luận tốt nghiệp là trung bình cộng các điểm các thành viên hội đồng chấm khóa luận tốt nghiệp, điểm của GV hướng dẫn và điểm của GV phản biện **[H5.05.03.04]**.

Ngoài ra, cuối mỗi kỳ thi học kỳ, khoa, nhà trường tổ chức họp tổng kết công tác tổ chức thi kết thúc học phần, phân tích đánh giá đề thi tổng hợp ý kiến phản hồi của SV về CTĐT và hoạt động giảng dạy của GV, cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ đào tạo qua đó xác định phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá đa dạng, đảm bảo giá trị, độ tin cậy, sự công bằng và đánh giá được mức độ tích lũy của người học về kiến thức, kỹ năng thực hành và năng lực phát hiện, giải quyết vấn đề **[H5.05.03.08]**, **[H5.05.03.10]**, **[H5.05.03.11]**, **[H5.05.03.12]**.

## **2. Điểm mạnh**

Công tác đánh giá KQHT của người học được thực hiện theo đúng quy trình, phương pháp kiểm tra đánh giá được đa dạng hóa, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

Đề thi đảm bảo độ tin cậy được Bộ môn duyệt trước khi đưa vào sử dụng. Đa số ý kiến phản hồi của người học hài lòng về tính nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp của các quy trình và phương pháp kiểm tra đánh giá của GV.

Tổ chức tổng hợp ý kiến phản hồi của SV nhằm đảm bảo phương pháp, quy trình đánh giá KQHT của SV tin cậy và công bằng.

## **3. Điểm tồn tại**

Hình thức thi trắc nghiệm chỉ mới được triển khai ở một số học phần. Nhà trường, Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi học phần.

Vẫn còn một số học phần chỉ dừng lại ở việc đánh giá kiểm tra về lý thuyết, chỉ thiên về đánh giá dưới hình thức tái hiện kiến thức. Điều này một phần có thể ảnh hưởng đến tính khách quan của quá trình đánh giá.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ xây dựng ngân hàng đề thi, tổ chức thống kê, phân tích định lượng kết quả thi nhằm đánh giá mức độ phù hợp của đề thi. Đa dạng hóa phương pháp KTĐG, đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo, mục tiêu từng học phần và CDR của CTĐT.

## **5. Tụ đánh giá:** *Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 5.4. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập***

**1. Mô tả**

Nhà trường và khoa đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức thi, kiểm tra, đánh giá kết quả của SV qua mỗi học kỳ phù hợp với yêu cầu của CĐR. Các quy chế này được phổ biến rộng trên các nguồn thông tin khác nhau để giúp người học và người dạy dễ dàng nắm bắt. Kết quả học tập của người học được tổng hợp và đưa vào báo cáo tổng kết công tác đào tạo hàng năm, báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới của Khoa. Trong đó có thống kê tỷ lệ SV khá giỏi các khóa, tỷ lệ SV tốt nghiệp của mỗi năm học và kết quả xét lên lớp hàng năm nhằm theo dõi kết quả học tập của SV sau các năm học, với mục đích đánh giá công tác đào tạo của khoa qua đó thấy được ưu và nhược điểm trong quản lý, CTĐT, ĐCCT, CĐR ..., để khắc phục nhược điểm và phát huy ưu điểm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ngành GDTC [H5.05.04.01], [H5.05.04.02] [H5.05.04.03].

Kết quả học tập của người học như: điểm chuyên cần, điểm quá trình, điểm kết thúc học phần, điểm khóa luận tốt nghiệp... được giảng viên, Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học: thông tin trực tiếp đến SV, thông tin trên trang web của khoa, Trường và qua tài khoản của người học. Thông qua tài khoản cá nhân của mình, SV có thể truy cập và nắm bắt được kết quả học tập của mình. Các kết quả học tập của SV được trợ lý học tập của Khoa cập nhật lên phần mềm quản lý đào tạo chậm nhất 2 tuần sau khi kết thúc kỳ thi và được lưu giữ đầy đủ theo đúng tiến trình học tập của người học, rõ ràng, có thể tiếp cận, tra cứu dễ dàng [H5.05.04.04], [H5.05.04.05].

Đồng thời, sau khi có kết quả học tập mỗi học kỳ của người học, các CVHT đều tiến hành tổ chức họp lớp để khuyến khích, động viên SV có kết quả học tập tốt; nhắc nhở những SV có ý thức học tập chưa tốt; giải đáp những thắc mắc của người học trong học tập; tư vấn cho người học phương pháp học có hiệu quả. Ngay khi nhận được kết quả học tập, SV có quyền gửi đơn đề nghị xem lại các điểm thành phần, nếu phát hiện có sai sót trong khâu nhập điểm so với kết quả mà GV đã công bố hoặc đề nghị phúc khảo bài thi kết thúc học phần nếu thấy kết quả chưa tương xứng với bài làm của mình. Trợ lý học tập báo lại trưởng bộ môn các trường hợp phúc khảo và giải quyết, phản hồi lại cho SV trong vòng 7 ngày [H5.05.04.06].

Trong mỗi học kỳ, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá kết quả học tập của SV nhằm tuyên dương, khen thưởng các em có thành tích xuất sắc đồng thời cảnh báo hoặc ngưng tiến độ học tập đối với các SV có kết quả học tập không đạt yêu cầu [H5.05.04.07], [H5.05.04.08]. Các trường hợp bị cảnh báo hoặc ngưng tiến độ, Nhà trường phối hợp với Khoa thông báo đến phụ huynh được biết, đồng thời hỗ trợ các em

cải thiện kết quả học tập trong học kỳ thứ 3 của các năm học [H5.05.04.09], [H5.05.04.10]. Đầu mỗi khóa học nhà trường và khoa đã cung cấp cho người học sổ tay sinh viên, các văn bản hướng dẫn SV làm các thủ tục như: xin nghỉ học tạm thời, thôi học, khiếu nại [H5.05.04.11], [H5.05.04.12].

Kết quả học tập của người học được khoa và Trường quản lý chặt chẽ, lưu trữ đầy đủ và chính xác bằng hệ thống sổ sách lưu trữ ở các đơn vị quản lý đào tạo, Khoa GDTC-QP và lưu trữ trên phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường và được sao lưu định kỳ [H5.05.04.05]. Điều này giúp hỗ trợ tích cực công tác kiểm tra, tính toán, xử lý số liệu cũng như tra cứu kết quả học tập của người học dễ dàng, nhanh chóng, tiện lợi.

Trong mỗi học kỳ, Phòng Thanh tra – Pháp chế đều kiểm tra khâu lên điểm, rập phách và nhập điểm vào phần mềm và lập biên bản có xác nhận của Khoa và phòng Thanh tra – Pháp chế. Kết quả học tập được thông báo đến SV bằng nhiều hình thức khác nhau [H5.05.04.03], [H5.05.04.13].

Cuối mỗi học kỳ và năm học, căn cứ vào các Quy định lấy ý kiến phản hồi của SV, các bên liên quan về hoạt động giảng dạy của GV [H5.05.04.14], Phòng KT&BDCL tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về hoạt động dạy học của giảng viên, ý kiến SV năm cuối về chất lượng ngành đào tạo, cơ sở vật chất, hoạt động hỗ trợ đào tạo trong đó có tiêu chí đánh giá việc công bố, phản hồi kết quả học tập của SV kịp thời, đúng quy định không [H5.05.04.15], [H5.05.04.16]. Sau mỗi đợt khảo sát ý kiến phản hồi của SV và SV đã tốt nghiệp, Phòng KT&BDCL tổng hợp dữ liệu, xử lý và báo cáo kết quả phản hồi của SV cho lãnh đạo Nhà trường và các khoa nhằm nắm bắt tình hình giảng dạy của GV, giúp GV có những điều chỉnh, cải tiến góp phần nâng cao chất lượng dạy học [H5.05.04.17]. Kết quả khảo sát hàng năm cho thấy trên 75% SV hài lòng với việc công bố, phản hồi kết quả học tập của SV kịp thời, đúng quy định [H5.05.04.18].

## **2. Điểm mạnh**

KQHT của người học được thông báo kịp thời, được lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Trong quá trình học tập, SV được tạo điều kiện trao đổi với CVHT, GV bộ môn, và Trợ lý học tập của Khoa.

SV được cấp tài khoản riêng, đảm bảo việc thông báo KQHT nhanh chóng, tiện lợi và riêng tư.

Sau khi có KQHT ở mỗi học kỳ, Khoa đều triển khai cho CVHT tổ chức họp lớp để khuyến khích SV có KQHT tốt và động viên, tư vấn cho SV thuộc diện cảnh báo học tập nhằm giúp các SV này cải thiện KQHT.

Trường, Khoa đã có đầy đủ các hệ thống văn bản liên quan đến hoạt động chấm thi, xét tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp; tuân thủ theo các quy định một cách chặt chẽ, hạn chế được sai sót trong quá trình cung cấp KQHT, văn bằng tốt nghiệp. Hệ



thông văn bằng được cấp đúng quy định, sổ cấp văn bằng rõ ràng, thuận tiện cho việc theo dõi và kiểm tra.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc công bố điểm thi kết thúc học phần cho SV đôi khi còn chậm do sự chậm trễ trong công tác chấm thi kết thúc học phần của một số ít GV. Điều này ảnh hưởng đến quyết định đăng ký học phần, kế hoạch học tập của SV, đặc biệt đối với SV chuẩn bị tốt nghiệp.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC- QP tiếp tục thực hiện nghiêm túc các quy định về thông tin, lưu trữ KQHT của SV một cách đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa kiến nghị với Nhà trường cải tiến phần mềm quản lý, cương quyết xử lý những cán bộ, GV làm chậm việc công bố KQHT của người học.

### **5. Tự đánh giá: Mức độ đạt được của tiêu chí 5/7.**

#### ***Tiêu chí 5.5. Người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về kết quả học tập***

##### **1. Mô tả**

Việc khiếu nại về kết quả học tập được Nhà trường quy định cụ thể trong Quy định tổ chức thi kết thúc học phần đào tạo đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời Khoa GDTC-QP cũng ban hành quy định về việc thực hiện quy trình kiểm tra, phúc khảo [H5.05.05.01]. Quy trình này được công bố cho SV dễ dàng tiếp cận, cụ thể như sau:

Các quy trình và hình thức khiếu nại được triển khai ngay từ khi SV nhập học, thông qua sổ tay SV, tuần sinh hoạt công dân đầu khóa và các giờ sinh hoạt lớp trong giai đoạn trước khi kết thúc học phần [H5.05.05.02], [H5.05.05.03].

Kết quả học tập của người học được Khoa và Nhà trường thông báo kịp thời và công khai đến GV và người học: thông tin trên website của Trường, qua tài khoản của người học để người học có phản hồi và khiếu nại kết quả học tập [H5.05.05.04].

Đối với điểm quá trình, SV khiếu nại trực tiếp với GV giảng dạy học phần đó khi công bố điểm trên lớp. Theo đó, trong 5 năm gần đây, không có trường hợp nào khiếu nại về điểm chuyên cần và giữa kỳ. Đối với điểm thi kết thúc học phần, người học nếu thấy kết quả thi trên phần mềm không tương xứng với bài làm của mình thì làm đơn gửi Văn phòng Khoa đề nghị xem xét lại [H5.05.05.05]. Văn phòng Khoa phối hợp với giáo viên để giải quyết cho SV theo quy định. Bài thi sau khi chấm phúc khảo được ghi vào biên bản, có chữ ký của 2 cán bộ chấm thi. Kết quả phúc khảo bài thi sau mỗi kỳ được đưa vào Sổ tổng hợp theo từng kỳ để lưu và đây là kết quả học tập cuối cùng của học phần [H5.05.05.06]. Tất cả các trường hợp khiếu nại về kết quả học tập của SV đều được giải quyết kịp thời, thỏa đáng, đúng quy trình, quy định.

Chính vì vậy, tỉ lệ sinh viên khá giỏi được nhận học bổng khuyến khích học tập, tỉ lệ sinh viên được xét lên lớp, số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm cùng với các quyền lợi khác có liên quan đến việc sử dụng KQHT của khoa luôn khá chính xác [H5.05.05.07].

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình khiếu nại được công bố rộng rãi, người học dễ dàng tiếp cận. Khoa đã giải quyết tốt việc khiếu nại về KQHT để hỗ trợ cho người học trong quá trình học tập tại Trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số SV vẫn chưa nắm rõ quy trình khiếu nại KQHT.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa và CVHT tiếp tục phổ biến các quy định liên quan đến khiếu nại cho SV và nhắc nhở thời gian khiếu nại sau mỗi kỳ thi. Ngoài ra, Ban chủ nhiệm Khoa kịp thời nắm bắt các đơn khiếu nại của SV và phân công GV thực hiện nghiêm túc việc kiểm tra lại bài thi.

## **5. Tự đánh giá: *Mức độ đạt được của tiêu chí 4/7.***

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 5**

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành cử nhân GDTC được thực hiện đúng theo quy định của Bộ GD&ĐT và Nhà trường, phù hợp với CDR được ban hành và được thông báo rõ ràng và công khai tới người học với các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để người học cải thiện việc học tập. Tuy nhiên việc tiếp cận với quy trình khiếu nại KQHT của người học chưa được thuận lợi.

Căn cứ vào đánh giá các tiêu chí, Khoa GDTC-QP đánh giá tiêu chuẩn 5 có 5 tiêu chí đạt yêu cầu 5/5, trong đó 02 tiêu chí đạt 4/7 và 03 tiêu chí đạt 5/7.

### **Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên**

#### **Mở đầu**

Đội ngũ GV là chủ thể, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục đào tạo và NCKH, dịch vụ và sự phát triển của Nhà trường. Trường ĐHQN có sứ mệnh đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; bồi dưỡng nhân tài; NCKH, truyền bá tri thức và chuyển giao công nghệ; phục vụ hiệu quả sự phát triển bền vững của đất nước, đặc biệt đối với khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên góp phần thúc đẩy tiến bộ xã hội. Điều này cũng có nghĩa là Nhà trường cần có một lực lượng GV có trình độ và đủ năng lực để tham gia công tác giảng dạy và NCKH. Nhà trường luôn xác định công tác chuẩn hóa và nâng cao chất lượng, trình độ cho cán bộ GV là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường và phải được thực hiện một cách liên tục.

Đội ngũ GV của Khoa GDTC-QP được quy hoạch, tuyển dụng đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và hoạt động bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý các cấp. Việc tuyển dụng, tiếp nhận, bồi dưỡng và đề bạt cán bộ được thực hiện công khai, đúng quy định và dựa trên yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm giảng dạy và thành tích NCKH của các ứng viên. Khoa luôn phân công nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo và các công việc khác phù hợp với trình độ, kinh nghiệm, năng lực của từng GV. Những thành tích, đóng góp về NCKH, hoạt động chuyên môn, các hoạt động đoàn thể luôn được Khoa quan tâm và đánh giá cao, tạo động lực cho GV hoàn thành tốt nhiệm vụ.

***Tiêu chí 6.1. Việc quy hoạch đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Đội ngũ GV có vị trí hết sức quan trọng, “cái gốc” của công tác giáo dục, quyết định trực tiếp đến kết quả giáo dục - đào tạo. Do đó, làm tốt công tác đào tạo gắn với quy hoạch, đảm bảo cho đội ngũ này luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, trong sáng về đạo đức, lối sống, có trình độ tri thức toàn diện, chuyên sâu, yêu nghề, tâm huyết với công việc, có phong cách, tác phong sư phạm mẫu mực là nhiệm vụ vô cùng quan trọng mà Khoa và Nhà trường cần phải làm thường xuyên thực hiện để có thể đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của từng năm học. Chính vì vậy, việc xây dựng một đội ngũ GV đủ về số lượng, có trình độ chuyên môn cao, có cơ cấu chuyên môn phù hợp và đảm bảo tính kế thừa, liên tục trong thực hiện CTĐT là một việc cần thiết. Khoa thường xuyên có kế hoạch rà soát số lượng GV cần bổ sung để thay thế cho các GV nghỉ hưu hoặc chuyển công tác và cho những năm tiếp theo. Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất Nhà trường tuyển đủ số lượng, đảm bảo tiêu chuẩn GV và đáp ứng được yêu cầu của CTĐT.

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn từ 2016 đến 2020, tầm nhìn đến năm 2030, trong tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường và trong sứ mệnh, tầm nhìn của Khoa, việc đào tạo giáo viên ngành sư phạm nói chung và ngành GDTC riêng được coi là nhiệm vụ hàng đầu, theo hướng đáp ứng tối đa nguyện vọng của người học và nhu cầu xã hội trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước [H6.06.01.01], [H6.06.01.02]. Trong chủ trương của Nhà trường và của Khoa, hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện rõ ở công tác giảng dạy, đào tạo và hoạt động NCKH.

Khoa đã chủ động trong công việc quy hoạch đội ngũ GV nhằm đáp ứng cho nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Việc thực hiện quy hoạch đội ngũ GV của Khoa theo quy trình chặt chẽ và phù hợp với quy định chung

của Nhà trường và theo nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ GV [H6.06.01.03], [H6.06.01.04].

Đội ngũ viên chức hiện nay của Khoa gồm 24 người (nam: 21; nữ: 03) trong đó gồm 16 GV cơ hữu chuyên ngành GDTC được phân bổ làm 02 bộ môn (bộ môn Phương pháp dạy học và bộ môn Thử chất - Quốc phòng) [H6.06.01.05], [H6.06.01.06]. Hiện cán bộ cơ hữu của Khoa có độ tuổi bình quân là 39.66 [H6.06.01.06]. Số cán bộ GV có học hàm PGS: 01 (chiếm 6.25%), số cán bộ đạt trình độ TS: 04 (chiếm 25%), số cán bộ đang làm NCS là 02 (chiếm 12.5%), còn lại là thạc sĩ. Phân hạng GV, bao gồm GV cao cấp: 01, GV chính: 03, GV: 12 [H6.06.01.06].

*Bảng 6.1.1. Bảng tổng hợp số liệu học hàm, học vị của đơn vị trong giai đoạn đánh giá*

Học hàm Học vị	2015-2016		2016-2017		2017-2018		2018-2019		2019-2020	
	SL	TỈ LỆ	SL	TỈ LỆ	SL	TỈ LỆ	SL	TỈ LỆ	SL	TỈ LỆ
PGS-TSKH	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
PGS-TS	0	0	0	0	0	0	1	6,25	1	6,25
Tiến sĩ	1	5,26	1	5,26	4	22,22	3	18,75	4	25,00
Thạc sĩ	17	89,48	18	94,74	14	77,78	12	75,00	11	68,75
ĐH	1	5,26	0	0	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng số GV</b>	<b>19</b>		<b>19</b>		<b>18</b>		<b>16</b>		<b>16</b>	
<b>Tổng số GV qui đổi</b>	19.3		20		22		21		22	

(Nguồn: Phòng Tổ chức – Nhân sự)

Để đảm bảo về mặt số lượng và chất lượng đội ngũ, Lãnh đạo Khoa đã xây dựng lộ trình đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, sử dụng, tuyển dụng viên chức đảm bảo đội ngũ kế cận, đảm bảo cơ cấu độ tuổi dựa trên các quy chế, quy hoạch của Nhà trường; đề án vị trí việc làm của Khoa; khối lượng công việc đang thực hiện của GV và lực lượng cán bộ của Khoa [H6.06.01.07], [H6.06.01.08], [H6.06.01.09].

Đội ngũ GV của Khoa không chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy chuyên môn mà còn tích cực trong công tác NCKH, nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn thông qua việc dự các hội nghị, hội thảo, seminar trong và ngoài tỉnh [H6.06.01.10]. Hằng năm GV của Khoa có nhiều bài báo được công bố trên các tạp chí, kỷ yếu chuyên ngành uy tín trong và ngoài nước [H6.06.01.10]. Việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho GV luôn được Khoa rất quan tâm và có hình thức hỗ trợ phù hợp. Các GV của Khoa được tạo mọi điều kiện thuận lợi để đi học tập, nghiên cứu sinh và tham gia các khóa học bồi dưỡng tại Trường [H6.06.01.11], [H6.06.01.12], [H6.06.01.13].

Bên cạnh đó, việc bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho các GV trẻ luôn được Khoa quan tâm hỗ trợ và nhiệm vụ này do các bộ môn đảm nhận. Mỗi GV trẻ trước khi đứng lớp đều được bộ môn phân công một GV có kinh nghiệm lâu năm hướng dẫn, bồi dưỡng về chuyên môn để đảm bảo chuyên môn và nghiệp vụ của các GV trẻ được vững chắc [H6.06.01.14].

Việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo Khoa đều thực hiện công khai, đúng quy trình, tiêu chí bổ nhiệm rõ ràng và được thực hiện đúng quy định của Nhà trường. Nhà trường có ban hành *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN* [H6.06.01.04]. Quy định này được thực hiện thống nhất trong Nhà trường. Trưởng bộ môn được bổ nhiệm theo nhiệm kỳ dựa trên các tiêu chí về trình độ, năng lực và thành tích NCKH của cán bộ giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo cũng như năng lực NCKH [H6.06.01.04].

Khoa luôn kịp thời đề nghị Nhà trường ra quyết định bổ nhiệm vào ngạch theo quy định đối với trường hợp GV hết thời gian tập sự; hay đề nghị Nhà trường cử đi thi nâng ngạch nếu GV của Khoa đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước [H6.06.01.15], [H6.06.01.16].

Định kỳ hằng năm, Nhà trường có thực hiện hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của GV. Căn cứ trên kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi, Khoa đã có cải tiến phương pháp giảng dạy để nâng cao chất lượng đào tạo đồng thời chấn chỉnh những mặt còn tồn tại. Theo kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đội ngũ GV của Khoa đã đáp ứng tốt với nhu cầu đào tạo [H6.06.01.17].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường và Khoa trong thời gian qua đã luôn quan tâm việc phát triển đội ngũ GV nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có tính kế thừa, đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy và quản lý cũng như các hoạt động chuyên môn khác. Nhờ có kế hoạch tuyển dụng và thực hiện tuyển dụng đúng quy định, Khoa đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết lớn và sẵn sàng thực hiện các hoạt động giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Một số GV còn đang thời gian đi học nên chưa tập trung nhiều vào công tác giảng dạy và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tỷ lệ GV có trình độ Tiến sĩ trở lên còn thấp, tỷ lệ GV nam/nữ còn mất cân đối.

Nhà trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút những GV được đào tạo chính quy tại các trường đại học lớn, uy tín ở trong nước.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa sẽ định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ GV của Khoa. Lãnh đạo Khoa tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho đội ngũ GV trẻ kế cận của Khoa được học tập, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nhằm đảm bảo về năng lực và trình độ trong nhiệm vụ giảng dạy đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Ngoài ra, Khoa kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những GV có trình độ chuyên môn cao.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 6.2. Tỷ lệ giảng viên/người học và khối lượng công việc của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được đo lường, giám sát làm căn cứ cải tiến chất lượng hoạt động đào tạo, NCKH phục vụ cộng đồng***

##### **1. Mô tả**

Hàng năm, thực hiện công tác 3 công khai đối với toàn xã hội theo quy định của Bộ GD&ĐT, Trường ĐHQN công bố tổng số GV cơ hữu và tổng số SV để các đơn vị chức năng và toàn xã hội giám sát **[H6.06.02.01]**.

Hiện nay tổng số cán bộ của Khoa là 16 GV cơ hữu ngành GDTC; trong đó gồm 01 PGS.TS, 04 TS, 11 Thạc sĩ (trong đó có 02 đang học NCS). Số GV đạt trình độ PGS, tiến sĩ là 05 (chiếm 31,25%). Số lượng GV quy đổi của ngành cử nhân GDTC hiện nay là 22 và số lượng người học chính quy ngành GDTC năm học 2019 - 2020 là 99 SV chính quy và 179 không chính quy. Như vậy, tỷ lệ SV/GV của ngành GDTC là 4,5/1 đối với hệ chính quy và 12,6/1 đối với hệ không chính quy. Tỷ lệ này có thể nói là rất thấp so với chuẩn quy định của Bộ GD&ĐT về tiêu chí tỷ lệ số SV chính quy tính trên một GV quy đổi (tỷ lệ sau quy đổi của khối ngành I là 20/1) **[H6.06.02.02]**. Điều này dẫn đến số giờ giảng của GV cho SV ngành GDTC khá ít. Từ thực tế này, Khoa luôn có chính sách phân bổ hợp lý, công bằng tổng số giờ giảng cho SV thuộc các ngành khác của Trường ĐHQN và các lớp vừa làm vừa học ở các tỉnh Bình Định, Đắk Lắk, Quảng Nam, Kon Tum, ... nhằm đảm bảo khối lượng giờ giảng hằng năm cũng như chất lượng giảng dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng của đội ngũ GV. Do vậy, các GV của Khoa đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và số giờ định mức về NCKH hằng năm theo đúng quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Bên cạnh đó, do chỉ tiêu tuyển sinh Đại học hằng năm cho ngành GDTC bị giới hạn, Khoa đã tích cực, chủ động trong việc xây dựng chương trình đào tạo và đội ngũ GV đủ điều kiện để mở thêm ngành học mới (cao học chuyên ngành); đồng thời Khoa đã đẩy mạnh công tác quảng bá tuyển sinh ở tất cả các hệ (Đại học, vừa làm vừa học, liên thông từ CĐ lên ĐH) bằng nhiều hình thức để tăng số lượng tuyển sinh hằng năm. Điều này đã góp phần quan

trọng giúp Khoa luôn bảo đảm khối lượng giờ giảng, NCKH và phục vụ cộng đồng của GV trong tình hình hiện nay.

Trong công tác giám sát và thi đua, vào cuối mỗi năm học, các GV đều thực hiện việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học và xác định kế hoạch trong năm học tới thông qua bản tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học theo vị trí việc làm. Việc đánh giá được thực hiện theo quy trình và có sự đánh giá của Trưởng bộ môn, Lãnh đạo Khoa. Căn cứ chức năng nhiệm vụ theo chức danh, căn cứ nhiệm vụ được giao, cá nhân tự đánh giá khối lượng, chất lượng công việc và mức độ hoàn thành, Bộ môn đánh giá, Lãnh đạo Khoa đánh giá, cuối cùng Hội đồng Thi đua – Khen thưởng cấp trường đánh giá, bình xét xếp loại thi đua [H6.06.02.03]. Bên cạnh đó, công tác lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV hằng năm cũng là một kênh thông tin để GV tham khảo nhằm phát huy và điều chỉnh công tác giảng dạy [H6.06.02.04]. Việc làm thường niên này không chỉ giúp từng GV đánh giá được năng lực thực hiện nhiệm vụ của mình, từ đó đề xuất các giải pháp tự học tập nâng cao trình độ mà còn giúp các cấp quản lý có được cái nhìn tổng quan về tình hình thực hiện nhiệm vụ giảng dạy trong Khoa, từ đó có định hướng chiến lược thích hợp.

Khối lượng, thời gian làm việc, định mức giờ chuẩn của GV được thực hiện theo chế độ làm việc đối với GV của Bộ GD&ĐT, Quyết định về việc ban hành Quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN [H6.06.02.05]. Việc thực hiện công tác giảng dạy và NCKH của GV có sự giám sát chặt chẽ của Bộ môn, Khoa và các phòng chức năng của Trường [H6.06.02.06]. GV thực hiện không đủ khối lượng giờ dạy bị trừ phụ cấp ưu đãi, không thực hiện NCKH bị trừ giờ chuẩn theo quy định của Trường [H6.06.02.05]. GV Khoa rất tích cực tham gia hoạt động NCKH, được thể hiện rõ qua các đề tài các cấp, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học, kỷ yếu hội nghị trong và ngoài tỉnh [H6.06.02.07], [H6.06.02.08]

## **2. Điểm mạnh**

Khoa có đầy đủ đội ngũ GV đảm nhiệm công tác giảng dạy ngành GDTC nói chung và theo hướng chuyên ngành nói riêng; khối lượng công việc của GV được quy định rõ ràng và phân công hợp lý theo chức danh và có sự giám sát chặt chẽ của các đơn vị chức năng trong Nhà trường.

Đội ngũ GV cơ hữu của Khoa có trình độ chuyên môn cao và giàu kinh nghiệm để giảng dạy cho SV ngành GDTC, giảng dạy cho SV thuộc nhiều ngành khác của Trường ĐHQN và các lớp hệ vừa làm vừa học ở các tỉnh Đắk Lắk, Quảng Nam, Kon Tum, Bình Định.

Nhà trường đã ban hành các văn bản quy định định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH. Trên cơ sở đó, hằng năm các cán bộ GV đã thực hiện đầy đủ số giờ giảng dạy tối thiểu và hoàn thành số giờ định mức về NCKH theo quy định.

### **3. Điểm tồn tại**

GV thực hiện nhiều đề tài NCKH nhưng đa số các đề tài nghiên cứu còn thiên về lý thuyết nên tính ứng dụng vào thực tiễn và phục vụ cộng đồng chưa cao.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, lãnh đạo Khoa sẽ tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng, đặc biệt ưu tiên cho các tỉnh khu vực Miền Trung và Tây Nguyên.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

**Tiêu chí 6.3. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn giảng viên, nghiên cứu viên (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai**

#### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn GV rất rõ ràng, cụ thể (bao gồm cả đạo đức và năng lực học thuật) để bổ nhiệm, điều chuyển. Trong đó 02 tiêu chuẩn quan trọng nhất chính là tư cách đạo đức và trình độ chuyên môn. Các tiêu chí tuyển dụng gồm: 1- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng tốt; 2 - Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho GV đại học, cao đẳng. Có bằng thạc sĩ trở lên đối với GV giảng dạy các môn lý thuyết của CTĐT đại học; có bằng tiến sĩ đối với GV giảng dạy và hướng dẫn chuyên đề, luận văn, luận án trong các CTĐT thạc sĩ, tiến sĩ; 3 - Có trình độ ngoại ngữ, tin học đáp ứng yêu cầu công việc; 4 - Đủ sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; 5 - Lý lịch bản thân rõ ràng [H6.06.03.01]. Việc tuyển dụng và lựa chọn GV cũng được thực hiện theo nhu cầu thực tế của Khoa và dựa vào danh mục vị trí việc làm. Trong kỳ thi tuyển dụng, mỗi ứng viên phải trải qua phần thi giảng và trả lời phỏng vấn trực tiếp của Hội đồng tuyển dụng. Nhà trường thông báo công khai điều kiện tuyển dụng cũng như kết quả thi tuyển trên website của Trường ĐHQN và đồng thời niêm yết trên bản tin của Phòng Tổ chức - Nhân sự [H6.06.03.02]. Sau khi trúng tuyển, các GV đều phải thực hiện nhiệm vụ biên soạn bài giảng, thông qua bài giảng ở bộ môn và giảng thử tại bộ môn rồi mới lên lớp chính thức. Trong 1 năm thử việc, theo quy định của Nhà trường, Lãnh đạo Khoa cử một GV hướng dẫn trực tiếp cho GV mới được tuyển dụng [H6.06.03.01], [H6.06.03.03]. Ngoài ra, đối với công tác bổ nhiệm chức danh và bổ nhiệm cán bộ quản lý, Trường và Khoa luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định cụ thể về tiêu chuẩn bổ nhiệm chức danh của GV (GV chính, GV cao cấp, Phó Giáo sư, Giáo sư)



cũng như tiêu chuẩn bổ nhiệm các chức vụ quản lý Trưởng/Phó Khoa, Trưởng bộ môn, trong đó nhấn mạnh đến các yếu tố thuộc về công tác giảng dạy và NCKH. Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý Khoa được thực hiện nghiêm túc, đúng quy định và tuân theo *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức quản lý các đơn vị trực thuộc trường ĐHQN*. Trong những năm qua, nhiều GV trong Khoa đã được bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng năng lực và chuyên môn của cá nhân. [H6.06.03.04], [H6.06.03.05], [H6.06.03.06].

## **2. Điểm mạnh**

Trường có văn bản quy định rõ ràng các tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV, nghiên cứu viên để bổ nhiệm và công khai rộng rãi đến toàn thể viên chức trong Trường. Trên cơ sở đó, Khoa tuyển được đội ngũ GV đáp ứng các tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, NCKH và nghiệp vụ sư phạm. Các ứng viên sau khi được tuyển dụng có đủ năng lực giảng dạy và NCKH, tuân thủ nghiêm chỉnh sách pháp luật của Đảng, Nhà nước, giữ gìn đạo đức nhà giáo và đạt nhiều thành tích trong công tác.

## **3. Điểm tồn tại**

Tiêu chí tuyển dụng, lựa chọn GV để bổ nhiệm có yêu cầu rất cao nhưng chế độ ưu đãi, điều kiện làm việc chưa thật sự tốt nên chưa thu hút được nguồn GV có trình độ cao.

## **4. Kế hoạch hành động**

Chủ động đề xuất với Nhà trường những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút nguồn GV có trình độ cao.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 6.4. Năng lực của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và được đánh giá***

#### **1. Mô tả**

Dựa trên Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT ngày 28/11/2014 trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ; tiêu chuẩn về trình độ đào tạo và bồi dưỡng; tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của GV, Trường ĐHQN cũng có văn bản quy định rõ ràng để xác định năng lực của đội ngũ GV. Theo đó, năng lực của GV được xác định rõ ràng, bao gồm giảng dạy và đánh giá SV; xây dựng CTĐT; đổi mới phương pháp giảng dạy; tham gia NCKH, biên soạn tài liệu học tập, đảm nhiệm một số công tác có liên quan đến SV và không ngừng học tập nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ [H6.06.04.01].

Trong định hướng phát triển của Khoa, đầu tư phát triển đội ngũ GV cả về số lượng và đặc biệt về chất lượng luôn là một trong những mục tiêu then chốt. Mặc dù, ứng viên được tuyển làm GV của Trường ĐHQN nói chung và tại Khoa GDTC - QP nói riêng đều phải đáp ứng các tiêu chuẩn về học vị, ngoại ngữ, NCKH và nghiệp vụ

sur phạm, nhưng sau khi trúng tuyển, họ đều được cử đi bồi dưỡng các khóa học về kỹ năng và nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức [H6.06.04.01]. Đội ngũ GV của Khoa cũng nỗ lực để nâng cao trình độ chuyên môn, hàng năm khoa luôn tạo điều kiện để GV được học tập, tham gia NCKH và điều đó được thể hiện rõ ràng qua các bài báo được công bố hàng năm trên các tạp chí chuyên ngành uy tín trong nước, cũng như số lượng đề tài NCKH các cấp mà GV của Khoa đã và đang thực hiện [H6.06.04.02]. Vì vậy, về cơ bản, trình độ chuyên môn của GV về cơ bản đáp ứng được tốt yêu cầu của công việc. Điều này được thể hiện tổng thể trong bảng mô tả vị trí việc làm và bảng thống kê trình độ của GV [H6.06.04.03].

Năng lực của GV được đánh giá thường xuyên, công khai và dân chủ thông qua các hoạt động đánh giá viên chức hàng năm [H6.06.04.04]. Căn cứ vào bản tự đánh giá của GV, tham khảo thêm các ý kiến đóng góp của Bộ môn và Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Nhà trường tiến hành đánh giá và ban hành các văn bản công nhận kết quả đánh giá phân loại viên chức [H6.06.04.05], [H6.06.04.06]. Bên cạnh đó, khi kết thúc mỗi năm học Nhà trường đều triển khai công tác tổng kết thi đua năm học. Trên cơ sở bình xét ở khoa, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường sẽ tiến hành bình xét và ban hành quyết định công nhận kết quả thi đua khen thưởng. Từ năm 2015 đến nay, Khoa GDTC-QP liên tục nhận được danh hiệu tập thể lao động tiên tiến, đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH được khen thưởng cấp Trường, Tỉnh vinh danh [H6.06.04.07], [H6.06.04.08].

Công tác đánh giá NCKH của GV cũng được thực hiện thường niên, được ghi nhận trong các bản thống kê NCKH của GV hàng năm, năng lực của GV cũng được đánh giá thông qua các sinh hoạt seminar định kỳ, qua hoạt động biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo [H6.06.04.09], [H6.06.04.10]. Từ năm 2015 đến nay, Khoa đã có 4 giáo trình đăng ký biên soạn, trong đó có 03 giáo trình đã được thẩm định và 01 giáo trình đã được xuất bản [H6.06.04.11].

Như vậy, năng lực của đội ngũ GV được xác định rõ ràng, nhất quán. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau. Trên cơ sở đó, GV không ngừng hoàn thiện và nâng cao về năng lực giảng dạy và nghiên cứu; các cấp quản lý có cơ sở xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển cán bộ phù hợp.

## **2. Điểm mạnh**

Năng lực của đội ngũ cán bộ giảng dạy được xác định rõ ràng. Khoa và Nhà trường thực hiện đánh giá năng lực GV đa dạng về hình thức và ở nhiều cấp độ khác nhau.

Đội ngũ GV của Khoa đều hoàn thành vượt mức nhiệm vụ giảng dạy, NCKH và hoạt động cộng đồng hàng năm. Nhiều GV được tặng danh hiệu thi đua bậc cao về thành tích giảng dạy và NCKH.

### **3. Điểm tồn tại**

Trình độ ngoại ngữ của đội ngũ GV chưa được đồng đều.

### **4. Kế hoạch hành động**

Hàng năm, Khoa luôn tạo mọi điều kiện cho GV tham gia vào các lớp bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm và các lớp bồi dưỡng năng lực Tiếng Anh do Nhà trường tổ chức, và cử GV có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ GV trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

*Tiêu chí 6.5. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó*

#### **1. Mô tả**

Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên được Trường ĐHQN xác định rõ, thể hiện qua: Đề án nâng cao chất lượng đào tạo và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT giai đoạn 2015 - 2020; Đề án nâng cao chất lượng giáo dục chính trị tư tưởng, tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh giai đoạn 2015-2020; Thông báo công khai thông tin về đội ngũ GV cơ hữu của Trường ĐHQN; Thống kê trình độ ngoại ngữ và tin học của đội ngũ cán bộ quản lý và GV [H6.06.05.01], [H6.06.05.02], [H6.06.05.03], [H6.06.05.04]. Đồng thời, Khoa GDTC - QP cũng đã tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế. Nhà trường cũng chú trọng lắng ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy từ đó lập kế hoạch phát triển đội ngũ GV cụ thể đáp ứng nhu cầu thực tế [H6.06.05.05], [H6.06.05.06].

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV và chuyên viên, Trường ĐHQN đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực. Hàng năm, Nhà trường đều triển khai các thông báo về chương trình tuyển sinh đào tạo trong nước và nước ngoài của Bộ GD&ĐT đến tất cả các đơn vị trong Trường, và sau đó Khoa phổ biến đến toàn thể GV của Khoa. Nhà trường và Khoa luôn khuyến khích, tạo điều kiện cho các GV có nhu cầu học tập, nghiên cứu. Nếu GV đáp ứng đủ các tiêu chuẩn tuyển sinh Nhà trường đều cử đi học tập và có chính sách ưu đãi cụ thể cho từng đối tượng theo quy định chung của Trường [H6.06.05.07]. Nhiều GV được đào tạo ngắn hạn và dài hạn trong nước; nhiều GV được tham gia lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm; được đào tạo nâng cao trình độ từ đại học lên thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước

[H6.06.05.08], [H6.06.05.09], [H6.06.05.10]. Các GV được tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí khi tham gia các hội nghị, hội thảo ở trong nước và quốc tế và được cử đi hợp tác NCKH [H6.06.05.07]. Dựa theo nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, Nhà trường tạo điều kiện cho GV tham gia học các lớp Bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ và phương pháp giảng dạy chuyên ngành bằng tiếng Anh, các lớp Bồi dưỡng GV chính [H6.06.05.11].

Việc tuyển GV của Trường được thực hiện theo nhu cầu nguồn nhân lực thực tế và được thực hiện công khai, minh bạch nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao về công tác tại Trường [H6.06.05.12]. Bên cạnh đó, Nhà trường còn ban hành những chính sách đãi ngộ cụ thể quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn của GV để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đào tạo, phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên [H6.06.05.07], [H6.06.05.13].

## **2. Điểm mạnh**

Trường ĐHQN đã xác định rõ nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên và đồng thời thực hiện triển khai nhiều hoạt động, biện pháp để đáp ứng nhu cầu đó.

Nhà trường đã có chế độ đãi ngộ cụ thể về kinh phí và thời gian để khuyến khích GV, chuyên viên tích cực nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

## **3. Điểm tồn tại**

Do trình độ ngoại ngữ của một bộ phận GV còn hạn chế nên chưa đáp ứng được tiêu chuẩn tuyển sinh đối với nhiều chương trình hợp tác đào tạo, NCKH với các trường đại học ở nước ngoài. Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hàng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện.

Một số khóa nâng cao trình độ ngoại ngữ được bố trí thời gian học chưa thuận lợi, phù hợp để GV tham gia. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết GV đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC- QP sẽ thường xuyên khảo sát nhằm xác định chính xác nhu cầu đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ GV, chuyên viên, đồng thời có kế hoạch cụ thể để triển khai định kỳ hằng năm. Đồng thời kiến nghị Nhà trường thay đổi hình thức tổ chức một số khóa đào tạo, các khóa học ngoại ngữ vào thời gian hợp lý hơn để GV có thể tham gia học tập tốt nhất.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 6.6. Việc quản trị theo kết quả công việc của giảng viên, nghiên cứu viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN triển khai sâu rộng để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã ban hành các văn bản và những Quy định cụ thể về khối lượng công việc cho từng đối tượng cán bộ (GV, chuyên viên). Đối với GV phải đảm bảo số giờ chuẩn theo quy định, bao gồm: số giờ chuẩn giảng dạy và NCKH trong một năm học căn cứ vào *Quy định thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy, NCKH của GV* và danh mục vị trí việc làm của GV [H6.06.06.01], [H6.06.06.02]. Dựa vào đó Khoa thực hiện tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của từng GV hằng năm theo hướng dẫn và các quy chế về khen thưởng, kỷ luật để làm cơ sở bình xét các hình thức khen thưởng khác nhau. Các hoạt động thi đua, khen thưởng được tổ chức nghiêm túc và đạt hiệu quả, thể hiện qua Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN; Các Công văn, Quyết định thành lập Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Các Quyết định về công nhận, khen thưởng các danh hiệu thi đua của cán bộ quản lý hằng năm [H6.06.06.03]; [H6.06.06.04].

Để đẩy mạnh công tác NCKH, Nhà trường đã có Quy định về khen thưởng đối với các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế [H6.06.06.05]. Các bài báo và các đề tài sau khi nghiệm thu được quy đổi điểm cho GV là chủ nhiệm đề tài, thành viên tham gia nghiên cứu làm cơ sở bình xét thi đua [H6.06.06.06].

Những GV hoàn thành tốt công việc giảng dạy, NCKH và các công việc được giao khác được xem xét bình chọn các danh hiệu xứng đáng như: Lao động tiên tiến, Chiến sỹ thi đua các cấp, Giấy khen của Hiệu trưởng.... Việc xem xét khen thưởng cho cán bộ chính là việc ghi nhận thành tích trong quá trình công tác của cá nhân. Những cá nhân có thành tích cao, xuất sắc sẽ được tăng lương trước hạn. Việc ghi nhận thành tích và khen thưởng kịp thời cho cán bộ sẽ tạo động lực cho cán bộ phát huy hết khả năng trong giảng dạy và NCKH [H6.06.06.07].

### **2. Điểm mạnh**

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Trường ĐHQN quy định và triển khai chặt chẽ, đảm bảo minh bạch, công bằng trong cán bộ, viên chức đã tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở, giấy khen của Hiệu trưởng, bằng khen của Bộ GD&ĐT, bằng khen cấp Tỉnh, bằng khen Công đoàn Ngành, được khen thưởng về thành tích NCKH, được nâng lương trước hạn.

### **3. Điểm tồn tại**

Sự phối hợp nghiên cứu, đăng tải các công trình nghiên cứu chung trên các tạp chí, nhà xuất bản có uy tín giữa các GV cùng bộ môn và với các GV của các tổ bộ môn khác trong Khoa chưa mang lại hiệu quả như mong muốn.

Hiện nay việc quản trị theo kết quả công việc của GV, nghiên cứu viên về NCKH của Nhà trường vẫn chưa được định lượng chính xác. Do vậy, việc khen thưởng chưa có sự khác biệt đối với GV là tác giả chính, tác giả liên hệ của các công trình khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng. Khoa và Trường có hình thức khen thưởng vào cuối năm học đối với các GV có công trình nghiên cứu đăng tải trên các tạp chí uy tín để tạo động lực hơn nữa cho các GV, đồng thời dựa vào kết quả NCKH của GV để xếp loại GV cuối năm.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 6.7. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của giảng viên và nghiên cứu viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### **1. Mô tả**

NCKH là hoạt động vô cùng quan trọng, giúp cho cán bộ GV hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo và hợp tác quốc tế trong thời đại Cách mạng 4.0, các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV luôn được Khoa và Nhà trường quan tâm. Đầu năm học, các GV phải đề ra những mục tiêu NCKH cụ thể (tham gia thực hiện đề tài/dự án các cấp; hướng dẫn SV làm NCKH, KLTN), đảm bảo đủ số giờ NCKH phải đảm nhiệm theo chức danh đã được quy định. Cuối mỗi năm học Nhà trường và Khoa tổ chức tổng kết, đánh giá để đảm bảo về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH của GV. Điều này được thể hiện qua quy định về định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV Trường ĐHQN; các tài liệu quy định về tuyển chọn, thực hiện đề tài KH&CN các cấp và số tay NCKH của GV [H6.06.07.01]. Các loại hình hoạt động và định mức NCKH mà GV tham gia bao gồm: thực hiện các đề tài, dự án KH&CN theo đề xuất của các cấp [H6.06.07.02]; công bố các bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, trên các kỷ yếu hội nghị [H6.06.07.03]; biên soạn giáo trình, tài liệu tham khảo; hướng dẫn SV làm NCKH [H6.06.07.04]; tổ chức các seminar chuyên môn [H6.06.07.05]. Kết quả NCKH hàng năm của GV được quy định cụ thể trong *định mức thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và NCKH của GV* và trong bảng thống kê số giờ NCKH của GV hàng năm [H6.06.07.06]. Dựa vào đó, Khoa và Nhà trường tiến hành đánh giá và phân

loại công chức, viên chức định kỳ hằng năm một cách chính xác, công bằng [H6.06.07.07].

Các công trình nghiên cứu của đội ngũ GV luôn được giám sát chất lượng bởi Hội đồng Khoa, Hội đồng khoa học và đào tạo Trường ĐHQN, [H6.06.07.08], [H6.06.07.09]. Hằng năm không có đề tài nghiên cứu nào bị thanh lý do chậm tiến độ. Khoa GDTC-QP và Nhà trường luôn khuyến khích cán bộ GV phối hợp, liên kết thực hiện NCKH với các GV từ các trường đại học có uy tín trong và ngoài nước để nâng cao trình độ NCKH và giảng dạy để phục vụ cho công tác đào tạo tại Khoa và Nhà trường.

## **2. Điểm mạnh**

Có hệ thống văn bản quy định cụ thể về số lượng và chất lượng các hoạt động NCKH mà GV phải thực hiện. Các hoạt động NCKH của GV được giám sát đánh giá hàng năm bởi các cá nhân, khoa và có cải tiến chất lượng qua hàng năm.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng đề tài hàng năm được Nhà trường phân bổ về Khoa để GV và SV nghiên cứu còn quá ít so với nhu cầu. Kinh phí dành cho các đề tài nghiên cứu còn hạn chế. Khoa chưa có đề tài nghiên cứu với đối tác nước ngoài.

Các công trình nghiên cứu mang tính liên ngành với các khoa khác trong trường và ngoài trường còn chưa phong phú.

## **4. Kế hoạch hành động**

Khoa GDTC - QP sẽ tiếp tục thực hiện nhiều loại hình nghiên cứu khác nhau gồm: đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp nhà nước; công bố các bài báo khoa học trên các tạp chí chuyên ngành trong và ngoài nước; xuất bản sách chuyên khảo, đặc biệt là công bố kết quả NCKH trên các tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI.

Từ năm học 2020 - 2021, thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức khác nhau, Khoa sẽ đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa GV của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa sẽ chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 6**

Cùng với Trường ĐHQN, Khoa GDTC-QP đã luôn nỗ lực để hoàn thành tốt nhiệm vụ quy hoạch đội ngũ GV (bao gồm việc thu hút, tiếp nhận, bổ nhiệm, bố trí, chấm dứt hợp đồng và cho nghỉ hưu), nhờ đó mà đội ngũ GV cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Đội ngũ GV trong Khoa có trình độ chuyên môn cao, năng động và nhiệt huyết, do vậy, công tác giảng dạy và NCKH của Khoa đã có những

thành tích nhất định. Trong giảng dạy, đội ngũ GV của Khoa luôn hoàn thành vượt mức giờ giảng theo quy định và đa số GV có kết quả đánh giá giảng dạy ở mức cao theo thăm dò ý kiến từ SV. Trong NCKH, tuy vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhưng đội ngũ GV của Khoa cũng đã tích cực tham gia vào tất cả loại hình nghiên cứu, nhiều GV được khen thưởng về thành tích NCKH.

Công tác đánh giá, quy hoạch, đào tạo, phát triển đội ngũ GV, chuyên viên của Khoa và Nhà trường đã đáp ứng nhu cầu của GV, phù hợp với chiến lược phát triển của Nhà trường. Năng lực của đội ngũ GV, chuyên viên được đánh giá một cách chính xác và khách quan.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai sâu rộng và nghiêm túc để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Các loại hình và số lượng các hoạt động nghiên cứu của GV và chuyên viên đã được Trường, Khoa xác định, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng.

Tự đánh giá theo 7 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành cử nhân GDTC đã đạt yêu cầu 7/7 tiêu chí trong đó 03 tiêu chí đạt 4/7, 04 tiêu chí đạt 5/7.

## **Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên**

### **1. Mở đầu**

Trong trường Đại học, bên cạnh đội ngũ GV, một bộ phận khác đóng vai trò quan trọng không thể thiếu đó là đội ngũ nhân viên, những người làm công tác tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Đội ngũ nhân viên có nhiệm vụ hỗ trợ, cùng với đội ngũ GV hoàn thành nhiệm vụ đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng khác. Do vậy, Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP rất coi trọng công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên. Để tuyển dụng và sử dụng đội ngũ nhân viên một cách có hiệu quả, các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm được xác định và phổ biến công khai.

Trong những năm qua, bên cạnh việc chú trọng công tác quy hoạch, tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên, Nhà trường còn tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ, có cơ chế đánh giá năng lực, khen thưởng và công nhận đối với đội ngũ này để tạo động lực hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng mục tiêu chiến lược của Nhà trường đã đề ra. Bên cạnh việc chú trọng bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, công tác kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ nhân viên và các dịch vụ hỗ trợ cũng được triển khai nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng phục vụ.



***Tiêu chí 7.1. Việc quy hoạch đội ngũ nhân viên (làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được thực hiện đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030, Nhà trường phân tích dự báo nhu cầu, xây dựng đề án vị trí việc làm và đánh giá về thực trạng nhân sự nói chung và đội ngũ viên chức hành chính nói riêng [H7.07.01.01], [H7.07.01.02], từ đó thực hiện việc quy hoạch đội ngũ này dựa trên chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ viên chức nhằm đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* [H7.07.01.03].

Trong quá trình triển khai thực hiện đổi mới cơ cấu Trường ĐHQN và Đề án vị trí việc làm của từng đơn vị, Thư viện cũng đã xây dựng Đề án đổi mới hoạt động của Thư viện theo hướng hiện đại [H7.07.01.04], đội ngũ nhân viên của Thư viện hiện có 15 viên chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ tin học, ngoại ngữ đáp ứng tốt yêu cầu khai thác tài liệu, sách, báo, giáo trình phục vụ công tác đào tạo, NCKH của cán bộ, GV, học viên và SV trong toàn trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng [H7.07.01.05], [H7.07.01.06]. Bên cạnh việc phục vụ yêu cầu cho công tác đào tạo và NCKH, đội ngũ nhân viên của Thư viện còn tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Ngày hội sách (dành cho bạn đọc trong Trường và trên địa bàn tỉnh Bình Định); tổ chức triển lãm sách (nhân ngày Sách Việt Nam), Hướng dẫn tra cứu cơ sở dữ liệu ProQuest... [H7.07.01.07].

Về đội ngũ nhân viên hỗ trợ làm việc tại văn phòng Khoa, theo cơ cấu chung của Nhà trường, Khoa GDTC-QP có 01 thư ký, 01 trợ lý giáo vụ và 01 chuyên viên quản lý kho dụng cụ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và kinh nghiệm trong công tác, có trách nhiệm giải quyết các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Khoa như: triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo các hệ đào tạo hàng năm của khoa đến SV; quản lý điểm, vào điểm và công bố điểm thi các học phần; quản lý đăng ký học kỳ, học kỳ phụ, xét học bổng, ngừng học, thôi học, cảnh báo học vụ, xét tốt nghiệp, phát giấy chứng nhận KQHT; quản lý công tác NCKH SV; tham gia thực hiện đánh giá KQHT và rèn luyện của SV, khen thưởng và kỷ luật SV theo học kỳ và năm; giải đáp thắc mắc của SV...; Tham gia thực hiện công tác bảo dưỡng, bảo trì, quản lý CSVC trong đơn vị; cung cấp, bảo quản và sửa chữa các dụng cụ phục vụ cho nhu cầu học tập và rèn luyện của cán bộ GV và SV. Trong những năm qua đội ngũ này đã thực hiện tốt

các công việc được phân công, đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập, và nghiên cứu GV, học viên và SV [H7.07.01.08].

Ngoài ra, đội ngũ nhân viên của Trường đang làm việc tại các đơn vị như: các Phòng ban (Hành chính – Tổng hợp, Kế hoạch – Tài chính, Thanh tra – Pháp chế, KT&BDCL,...), Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông, phòng máy tính, phòng thực hành, Trung tâm HTSV&QHĐN và các dịch vụ hỗ trợ khác đều đủ về số lượng, đảm bảo về phẩm chất, năng lực, hoàn thành tốt nhiệm vụ, đáp ứng các yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí công tác [H7.07.01.09], [H7.07.01.10]. Theo kết quả khảo sát chất lượng hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên Nhà trường cho thấy phần lớn SV hài lòng với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên của nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng [H7.07.01.11]. Đồng thời, Nhà trường cũng có các chế độ đãi ngộ, thu hút đội ngũ nhân viên như: thu nhập tăng thêm, tiền hỗ trợ phục vụ đào tạo, chế độ tham quan, du lịch trong và ngoài nước, học tập, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ... được quy định chi tiết trong *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN* [H7.07.01.12].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng phát triển đội ngũ nhân viên đảm bảo các yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trên thực tế, đội ngũ nhân viên hỗ trợ của Trường và của Khoa GDTC-QP có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **3. Điểm tồn tại**

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, thực hành, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ.

Việc lấy ý kiến của các bên liên quan về mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên chưa được thực hiện thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Nhà trường hoàn thiện đề án vị trí việc làm và trên cơ sở đó thực hiện công tác quy hoạch, bố trí đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách hợp lý.

Chú trọng công tác khảo sát, đánh giá hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên từ GV và người học để quy hoạch đội ngũ này đáp ứng tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí: 5/7**

***Tiêu chí 7.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm, điều chuyển được xác định và phổ biến công khai***

**1. Mô tả**

Trong những năm qua, Nhà trường và Khoa GDTC-QP rất chú trọng công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển đội ngũ nhân viên nhằm đạt được sự hỗ trợ tốt nhất cho công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, minh bạch thông qua *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN* và *Quy định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm viên chức lãnh đạo quản lý các đơn vị trực thuộc Trường ĐHQN* [H7.07.02.01], [H7.07.02.02]. Theo đó, các ứng viên khi ứng tuyển vào vị trí viên chức hành chính cần đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ như: phải có bằng tốt nghiệp đại học chính quy từ loại khá trở lên; có trình độ ngoại ngữ tối thiểu đạt bậc 3 (B1) và có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin..., phù hợp với vị trí việc làm được mô tả trong Đề án vị trí việc làm. Việc lựa chọn nhân viên để bổ nhiệm vào vị trí viên chức quản lý cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn cụ thể về trình độ chuyên môn, năng lực và kinh nghiệm công tác,... Bên cạnh đó, các văn bản quy định về việc tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý từ các đơn vị, cá nhân trong Trường trước khi chính thức ban hành và phổ biến công khai trên website của Nhà trường [H7.07.02.03].

Hàng năm, căn cứ chiến lược phát triển nhân sự của Nhà trường, kết quả khảo sát phân tích nhu cầu tuyển dụng nhân sự của các đơn vị, Nhà trường xây dựng và thông báo công khai kế hoạch tuyển dụng nhân viên với các chỉ tiêu và tiêu chí cụ thể trên các phương tiện thông tin đại chúng, website hay bảng tin của Nhà trường, Khoa... [H7.07.02.04], [H7.07.02.05]. Bên cạnh đó, để đảm bảo tính chính xác và khách quan trong quá trình tuyển dụng nhân sự, Nhà trường thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức có sự tham gia của đại diện lãnh đạo, viên chức các đơn vị có chuyên ngành hoặc chuyên môn liên quan đến vị trí tuyển dụng. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số [H7.07.02.06]. Kết quả thi tuyển, xét tuyển viên chức được Nhà trường công bố công khai, rõ ràng và minh bạch [H7.07.02.07]. Tất cả các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên hàng năm đều được Nhà trường phổ biến, công khai bằng văn bản đến các đơn vị trong Nhà trường [H7.07.02.08].

**2. Điểm mạnh**

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

### **3. Điểm tồn tại**

Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để xác định các chỉ tiêu tuyển dụng và sử dụng đội ngũ này hợp lý hơn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó có chính sách tuyển dụng, bổ nhiệm đội ngũ nhân viên hợp lý hơn.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7**

#### ***Tiêu chí 7.3. Năng lực của đội ngũ nhân viên được xác định và được đánh giá***

##### **1. Mô tả**

Việc đánh giá năng lực và phân loại viên chức được Nhà trường tổ chức định kỳ vào cuối mỗi năm học trên cơ sở *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức Trường ĐHQN [H7.07.03.01]*. Hằng năm, căn cứ vào *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng của Trường ĐHQN* và các văn bản hướng dẫn của phòng chức năng về việc phân loại đánh giá viên chức, các đơn vị tổ chức phân loại, đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao theo các tiêu chí cụ thể ở các mức độ từ không hoàn thành nhiệm vụ đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H7.07.03.02], [H7.07.03.03].

Trong mỗi năm học, trên cơ sở nhiệm vụ cụ thể được lãnh đạo đơn vị phân công, việc đánh giá, phân loại năng lực của nhân viên được thực hiện theo trình tự: nhân viên tự đánh giá kết quả công tác theo nhiệm vụ được giao và trình bày báo cáo tại cuộc họp đơn vị để toàn thể đồng nghiệp đóng góp ý kiến [H7.07.03.04]. Bên cạnh đó, quá trình đánh giá năng lực của đội ngũ nhân viên còn được đơn vị xem xét thông qua kết quả khảo sát ý sự hài lòng của GV và SV về thái độ phục vụ và hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên [H7.07.03.05]. Sau khi tiếp nhận các ý kiến của các bên, Trưởng đơn vị quyết định mức đánh giá và phân loại nhân viên trước tập thể và gửi cho Nhà trường. Kết quả đánh giá viên chức được Hiệu trưởng ra quyết định công nhận [H7.07.03.06].

Hiện nay Khoa GDTC-QP có 01 thư ký, 01 trợ lý giáo vụ và 01 chuyên viên quản lý kho dụng cụ, đều có trình độ từ đại học trở lên. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Khoa GDTC-QP hằng năm đều đạt danh hiệu Lao động tiên tiến, hoàn thành tốt nhiệm vụ của Khoa GDTC-QP và Nhà trường giao cho [H7.07.03.07].

##### **2. Điểm mạnh**

Hoạt động đánh giá và phân loại đội ngũ nhân viên của Trường nói chung và của Khoa GDTC-QP nói riêng được thực hiện thường xuyên hằng năm.

Các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể. Kết quả đánh giá đảm bảo chính xác, công bằng, công khai và phù hợp với quy định của Nhà trường.

### 3. Điểm tồn tại

Việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường thực hiện việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên thường xuyên, theo định kỳ nhằm có thêm cơ sở đánh giá chính xác năng lực của nhân viên trong việc thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7

**Tiêu chí 7.4. Nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên được xác định và có các hoạt động triển khai để đáp ứng nhu cầu đó**

#### 1. Mô tả

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là hoạt động rất quan trọng trong duy trì và nâng cao chất lượng của đội ngũ CB, GV và nhân viên. Trong những năm qua, Trường ĐHQN luôn chú trọng công tác đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ đội ngũ cán bộ, GV và nhân viên nhằm đáp ứng mục tiêu chung của Nhà trường đã đề ra. Việc đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên được Nhà trường xác định rõ ràng, cụ thể trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức Trường ĐHQN* với các hình thức và yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng: Đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ; Bồi dưỡng kiến thức quản trị học, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, lý luận chính trị và kiến thức hỗ trợ khác. Đồng thời, Quy chế cũng xác định rõ về các điều kiện, yêu cầu, quyền lợi và nghĩa vụ đối với viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng cũng như các quy định khác có liên quan [H7.07.04.01]. Căn cứ báo cáo tổng kết hằng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên, Nhà Trường đã xác định rõ nhu cầu cho năm tiếp theo, từ đó xây dựng và triển khai kế hoạch, phân bổ kinh phí.

Hằng năm, Trường đều có kế hoạch và triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức nói chung và đội ngũ nhân viên nói riêng. Các kế hoạch triển khai các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng viên chức đều dựa trên kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016 - 2020, tầm nhìn 2030 và dựa trên các tiêu chuẩn, yêu cầu của chức danh nghề nghiệp mà viên chức đảm nhận và nhu cầu phát triển nguồn nhân lực của Nhà trường [H7.07.04.02]. Trong 5 năm qua, đội ngũ nhân viên của Nhà trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng luôn được Nhà trường và Khoa tạo điều kiện và cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tại Trường hoặc tại các tỉnh, thành trên cả nước [H7.07.04.03], [H7.07.04.04]. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng được thể hiện qua các báo cáo tổng kết

hàng năm về kết quả đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên Nhà trường [H7.07.04.05].

Bên cạnh đó, trong giai đoạn từ 2015-2020, Nhà trường thường xuyên phân bổ ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên theo *Quy chế chi tiêu nội bộ Trường ĐHQN*. Qua đó, Trường hỗ trợ, khuyến khích và tạo điều kiện về thời gian và kinh phí cho đội ngũ nhân viên được đi học nghiên cứu sinh, cao học, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, hội nghị khoa học ... Điều này góp phần tạo động lực cho nhân viên phấn đấu học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đáp ứng tốt các yêu cầu hỗ trợ về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.06].

## **2. Điểm mạnh**

Hàng năm, Nhà trường luôn xác định rõ ràng những nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ hỗ trợ.

Khoa luôn cử đội ngũ nhân viên của Khoa tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng theo yêu cầu của Nhà trường. Mặc dù, số lượng cán bộ hỗ trợ của Khoa còn ít nhưng luôn đảm bảo sự trợ giúp tối đa cho SV trong các hoạt động đào tạo của ngành GDTC.

## **3. Điểm tồn tại**

Tuy Nhà trường đã tổ chức nhiều khóa đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên nhưng các hoạt động này chưa phong phú và thường xuyên.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP tiếp tục xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên của Khoa và đề nghị Nhà trường thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ thiết thực cho đội ngũ nhân viên nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng của Khoa và của Trường.

## **5. Tựu đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7**

***Tiêu chí 7.5. Việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên (gồm cả khen thưởng và công nhận) được triển khai để tạo động lực và hỗ trợ cho đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng***

### **1. Mô tả**

Chất lượng, hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên nói chung, của viên chức hành chính nói riêng đóng vai trò rất quan trọng đối với CLĐT và sự phát triển của Nhà trường. Nhằm đảm bảo và góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác của đội ngũ viên chức, Nhà trường đã ban hành các văn bản: *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức* và *Quy định về công tác thi đua, khen thưởng Trường ĐHQN* làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại viên chức và bình xét thi đua, khen thưởng cho viên chức

theo từng năm học. Quy trình theo dõi, giám sát, đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên được thể hiện rõ trong *Quy chế tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức*. Hằng năm, căn cứ vào mức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhân viên, Nhà trường có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các cá nhân như: Lao động tiên tiến; Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; Chiến sĩ thi đua cấp Bộ; Chiến sĩ thi đua toàn quốc,... dựa trên các tiêu chuẩn cụ thể [H7.07.05.01]. Ngoài ra, Nhà trường còn có Quy định về việc xét nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các viên chức đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, được nhận bằng khen cấp Bộ, cấp Tỉnh,... nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ viên chức phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.02].

Cụ thể, hằng năm dựa trên khối lượng công việc cụ thể đối với nhân viên đã được xác định và phân công phù hợp thông qua bản mô tả vị trí công việc và vị trí việc làm của đơn vị, Trưởng đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của từng nhân viên theo kế hoạch công tác [H7.07.05.03]. Trên cơ sở đó, hàng tháng Khoa tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện công tác và báo cáo Nhà trường bằng văn bản hoặc qua các cuộc họp giao ban [H7.07.05.04]. Mỗi nhân viên có trách nhiệm tự xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ, thời gian hoàn thành công việc được giao.

Kết thúc mỗi năm học, căn cứ các Quy định về công tác thi đua, khen thưởng; các văn bản hướng dẫn, triển khai việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của Nhà trường, nhân viên tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của mình, đơn vị tổ chức họp lấy ý kiến đánh giá của đồng nghiệp và của cấp trên đối với viên chức và thống nhất kết quả đánh giá và bình xét các danh hiệu thi đua khen thưởng đối với cá nhân. Kết quả phân loại đánh giá viên chức được Hiệu trưởng phê duyệt làm cơ sở cho việc bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng đối với từng cá nhân được Hội đồng thi đua khen thưởng cấp Trường họp xét duyệt và thông qua [H7.07.05.05], [H7.07.05.06], [H7.07.05.07].

Ngoài việc công nhận và khen thưởng, Nhà trường còn có quy định về việc xét nâng lương trước hạn đối với các nhân viên đạt được các danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp, nhằm khuyến khích, động viên và tạo động lực cho đội ngũ nhân viên phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao [H7.07.05.02]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch, đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác. Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá viên chức, thi đua khen thưởng, nâng lương trước thời hạn trước khi được ban hành đều được Nhà trường tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi trong toàn trường bằng văn bản do Phòng chức năng soạn thảo dựa trên các văn bản quy định của cấp trên hoặc tiếp thu ý kiến

trực tiếp của cán bộ viên chức thông qua các Hội nghị Viên chức – Người lao động hằng năm trước khi chính thức ban hành hoặc điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung [H7.07.05.08].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa có sự phân công công việc cụ thể, rõ ràng cho đội ngũ cán bộ hỗ trợ. Ngoài ra, đội ngũ nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao và luôn tuân thủ những quy định của Khoa và Nhà trường đề ra.

Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, góp phần tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên việc quản trị theo kết quả công việc của nhân viên chưa thực sự hiệu quả.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

## **5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7***

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 7**

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa GDTC-QP đảm bảo về số lượng và chất lượng, được tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển theo đúng quy định của Nhà trường, được công bố công khai, minh bạch. Nhà trường có cơ chế hỗ trợ, tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ nhân viên học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đội ngũ cán bộ hỗ trợ của Nhà trường nói chung và của Khoa nói riêng hàng năm được đánh giá, khen thưởng và công nhận theo kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ hỗ trợ, phục vụ công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng của Trường và của Khoa. Trong năm học tới, Nhà trường xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc theo từng vị trí việc làm để có cơ sở theo dõi, giám sát và đánh giá hiệu quả công việc của đội ngũ nhân viên khoa học và hiệu quả hơn.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7, 04 tiêu chí đạt 5/7.

### **Tiêu chuẩn 8. Người học và hoạt động hỗ trợ người học**

#### **Mở đầu**

Khoa GDTC-QP trường ĐHQN đã chính thức đào tạo SV chuyên ngành GDTC trình độ đại học từ năm 2003 theo hình thức niên chế. Bắt đầu từ năm học 2009-2010,



Trường ĐHQN đã chuyển đổi hình thức đào tạo từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống TC. Đây là giai đoạn mà nhiều trường đại học khác trong nước có sự thay đổi và cạnh tranh lớn về số lượng cũng như chất lượng của người học. Vì vậy, Nhà trường và Khoa GDTC-QP buộc phải xây dựng lại chính sách tuyển sinh cho phù hợp, rõ ràng, và đã đưa ra các phương pháp xét tuyển công khai. Bên cạnh đó trong quá trình đào tạo nhà trường đã thiết lập hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học một cách minh bạch. Các hoạt động tư vấn và hỗ trợ người học được thực hiện một cách kịp thời và thường xuyên. Nhà trường đặc biệt quan tâm cải thiện môi trường tâm lý xã hội tích cực, làm cho cảnh quan xung quanh đẹp và tiện ích hơn. Từ đó nâng cao chất lượng người học, hoạt động hỗ trợ người học và góp phần nâng cao CLĐT của Trường nói chung và của Khoa GDTC-QP nói riêng.

***Tiêu chí 8.1. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật***

### **1. Mô tả**

SV ngành GDTC của Khoa GDTC-QP được tuyển sinh theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT [H8.08.01.01]. Hình thức, chỉ tiêu và quy trình xét tuyển luôn được xác định rõ ràng, đầy đủ và chi tiết thông qua các đề án tuyển sinh của Nhà trường [H8.08.01.02]. Các thông tin xét tuyển được cập nhật và công bố công khai trong các thông báo, kế hoạch tuyển sinh của Nhà trường, trên website của Trường, của Khoa, trên cổng thông tin tuyển sinh điện tử của Bộ GD&ĐT và dán tại các bảng tin trong Trường [H8.08.01.03], [H8.08.01.04], [H8.08.01.05], [H8.08.01.06], [H8.08.01.07].

Ngoài ra, thông qua Kế hoạch tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT trong tỉnh Bình Định và các vùng lân cận, Ban tư vấn tuyển sinh của Trường phối hợp với Khoa cung cấp cho học sinh đầy đủ các thông tin về chính sách tuyển sinh của ngành GDTC [H8.08.01.08]. Đồng thời, hằng năm, Trường phối hợp với Báo Tuổi trẻ tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh ngay tại Trường ĐHQN dưới hình thức ngày hội tư vấn hướng nghiệp - tuyển sinh và ngày hội tư vấn xét tuyển [H8.08.01.09]. Chính sách tuyển sinh ngành GDTC được xây dựng theo đúng các quy định hiện hành, có sự góp ý của các bên liên quan, dựa trên báo cáo phân tích dự báo nhu cầu nhân lực [H8.08.01.02].

Với chính sách tuyển sinh như trên, trong 05 năm qua, Khoa GDTC-QP đã có số lượng thí sinh được tuyển và số lượng SV theo học như sau (*dựa vào thống kê tình hình người học theo học các CTĐT tính đến tháng 8/2020*):

*Bảng 8.1.1. Tình hình tuyển sinh của Khoa GDTC-QP trong 05 năm học gần đây*

<b>Năm học</b>	<b>Số lượng trúng tuyển</b>	<b>Số lượng nhập học</b>
2015 – 2016	30	30
2016 – 2017	38	35
2017– 2018	33	29
2018 – 2019	19	15
2019 – 2020	12	12

*Bảng 8.1.2. Số lượng SV Khoa GDTC-QP trong 05 năm học gần đây*

<b>Năm học</b>	<b>Chính quy</b>	<b>Không chính quy</b>	<b>Tổng số</b>
2015 – 2016	211	64	275
2016 – 2017	170	69	239
2017– 2018	147	23	170
2018 – 2019	101	13	114
2019 – 2020	99	179	278

(Nguồn: Phòng Đào tạo Đại học)

Các bảng số liệu trên cho thấy tổng số SV của Khoa GDTC-QP giảm dần trong 05 năm gần đây theo lộ trình giảm dần chỉ tiêu ngành Sư phạm của Bộ GD&ĐT. Đến năm học 2019-2020 do nhu cầu giáo viên tăng cao nên Bộ GD&ĐT đã mở rộng chỉ tiêu cho Trường ĐHQN nên số lượng SV và học viên tăng nhiều so với những năm trước đó.

## **2. Điểm mạnh**

Chính sách tuyển sinh của Khoa GDTC-QP luôn được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên trên website của Trường ĐHQN, website của Khoa GDTC-QP và một số địa chỉ khác. Từ đó, người học luôn có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, tạo ra tâm thế học tập tích cực ở SV ngay từ năm thứ nhất.

## **3. Điểm tồn tại**

Số lượng học sinh đăng ký và trúng tuyển ngành GDTC giảm do quy chế tuyển sinh và sự phân bổ về chỉ tiêu đối với các ngành sư phạm của Bộ GD&ĐT.

Hình thức quảng bá tuyển sinh Khoa chưa thu hút được nhiều thí sinh yêu thích ngành GDTC vào học tại Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để giải quyết những tồn tại nêu trên, từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi GV trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi

tiết, và tích cực về Khoa. (3) Lãnh đạo Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020-2021 và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh năng khiếu và đam mê thể thao vào học ngành GDTC.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

**Tiêu chí 8.2. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng và được đánh giá**

### 1. Mô tả

Đối với Trường ĐHQN nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng, việc tuyển chọn người học được xác định là một khâu rất quan trọng góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ đào tạo. Việc tuyển chọn người học được quy định bằng những tiêu chí rõ ràng, cụ thể và với những phương pháp tuyển chọn hợp lý, khoa học. Các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh được cập nhật sửa đổi thường niên **[H8.08.02.01]**.

Từ năm học 2017-2018 trở về trước, các tiêu chí và phương pháp tuyển sinh của Khoa được đưa ra dựa trên quy định của Bộ GD&ĐT: Ngành GDTC tuyển sinh các thí sinh có điểm trung bình 2 môn Toán và Sinh là 13 điểm, đây là tiêu chí rất cao đối với chuyên ngành GDTC **[H8.08.02.02]**. Vì vậy rất khó khăn trong công tác tuyển sinh của Khoa.

Từ năm học 2018-2019, trên cơ sở yêu cầu của thị trường sử dụng lao động, các tiêu chí tuyển sinh được cập nhật và sửa đổi theo đề xuất của Khoa. Gần đây nhất, công tác tuyển sinh ngành GDTC của Khoa được thực hiện theo Đề án tuyển sinh mới của Nhà trường **[H8.08.02.03]**. Trong Đề án đó, Nhà trường đã bổ sung nhiều phương pháp xét tuyển người học như dựa trên kết quả của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia, xét tuyển dựa vào học bạ THPT. Đối với ngành GDTC, thí sinh được xét tuyển dựa theo kết quả của 04 tổ hợp môn xét tuyển: T00 (Toán - Sinh học - Năng khiếu TDTT), T02 (Toán - Ngữ văn - Năng khiếu TDTT), T03 (Ngữ văn - Sinh học - Năng khiếu TDTT), T05 (Ngữ văn - Giáo dục công dân - Năng khiếu TDTT). Về xét học bạ, đối với ngành GDTC thí sinh phải có học lực lớp 12 xếp loại từ khá trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên; thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0) thì có học lực lớp 12 xếp loại từ trung bình trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 5,0 trở lên.

Ngoài ra, Nhà trường cũng có thêm hình thức xét tuyển thẳng cho ngành GDTC đối với các thí sinh đạt giải trong các kỳ thi thể thao cấp quốc gia và quốc tế **[H8.08.02.03]**.

Với các tiêu chí và phương pháp để tuyển chọn người học theo cách mới như trên, Khoa GDTC-QP đã tuyển được thí sinh đạt các tiêu chí đặt ra và cơ bản đạt chuẩn chất lượng đầu vào [H8.08.02.04].

Hàng năm, dữ liệu tuyển sinh của Khoa GDTC-QP luôn được lưu trữ tại Phòng Đào tạo Đại học của Nhà trường. Sau mỗi đợt tuyển sinh, Ban tuyển sinh của Trường tiến hành rà soát, đánh giá, rút kinh nghiệm để làm cơ sở điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho năm sau. Ban tư vấn tuyển sinh của Trường cũng tiến hành phân tích xu hướng người học và dự báo tình hình tuyển sinh để tư vấn cho các năm sau. Trên cơ sở đó, tiêu chí và phương pháp tuyển người học sẽ được điều chỉnh phù hợp với thực tế, tầm nhìn và sứ mạng của Trường ĐHQN, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho các tỉnh khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên [H8.08.02.01].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có chính sách tuyển sinh rõ ràng, được công khai đến người học. Kết quả thi tuyển khách quan, chính xác.

## **3. Điểm tồn tại**

Mặc dù có những ưu điểm nêu trên, tiêu chí và phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành GDTC yêu cầu ngày càng nâng cao, điều đó dẫn đến tình trạng một số SV không theo kịp CTĐT của Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để giải quyết những tồn tại trong công tác tuyển chọn người học, trong kỳ tuyển sinh cho năm học 2020-2021, Khoa sẽ phối hợp chặt chẽ với Ban tuyển sinh của Nhà trường, trao đổi, thảo luận và đưa ra các giải pháp như sau: Đưa ra điểm sàn được công nhận trúng tuyển vào Khoa một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 8.3. Có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của người học***

### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN có hệ thống giám sát phù hợp về sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện, KQHT và khối lượng học tập của SV. Công tác giám sát được thực hiện bởi sự phối hợp chặt chẽ giữa Khoa GDTC với các phòng chức năng trong Trường.

Về học tập, KQHT của SV được đánh giá dựa trên Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo học chế TC và ĐCCT của từng học phần do Nhà trường

ban hành [H8.08.03.01], [H8.08.03.02]. Cụ thể, điểm đánh giá của mỗi học phần là trung bình của của 3 hình thức đánh giá: điểm chuyên cần (trọng số 10%), điểm quá trình (trọng số 30%) và điểm cuối kỳ (trọng số 60%). Theo cách đánh giá, SV sẽ được giám sát chặt chẽ, chính xác trong mỗi tiết học cũng như trong suốt quá trình học tập của mỗi học phần bởi chính các GV trực tiếp giảng dạy học phần. Hơn nữa, với việc tổ chức thi kết thúc học phần nghiêm túc và khoa học của Trường ĐHQN, điểm thi cuối kỳ của SV được đánh giá khách quan và chính xác [H8.08.03.03]. Hệ thống giám sát, đánh giá phù hợp như trên đã tạo cho SV thói quen học tập chăm chỉ, trung thực và nghiêm túc.

Về rèn luyện, kết quả rèn luyện của SV được đánh giá thông qua KQHT và các hoạt động phong trào của Đoàn thanh niên, Hội SV và hoạt động NCKH SV trong Trường. Kết quả rèn luyện được đánh giá theo từng học kỳ cũng như cuối khóa học và theo đúng quy định của Nhà trường [H8.08.03.04]. Hơn nữa, để khuyến khích SV tham gia NCKH, Nhà trường đã dành một phần kinh phí để hỗ trợ cho hoạt động này [H8.08.03.05]. Điều này đã góp phần thúc đẩy SV có nhiều tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Để giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của SV, Khoa GDTC-QP và Nhà trường đã xây dựng phần mềm quản lý điểm của SV, đồng thời thành lập một đội ngũ CVHT làm công tác kiêm nhiệm, chịu trách nhiệm giám sát, tư vấn SV trong các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện [H8.08.03.06], [H8.08.03.07]. Mỗi tháng, CVHT được quy định gặp lớp SV mình phụ trách một lần để thông báo các nội dung hoạt động hàng tháng của Khoa và Trường, đồng thời tiếp thu, tư vấn, hỗ trợ cho SV các vấn đề liên quan đến học tập và rèn luyện [H8.08.03.08]. Do đó, CVHT luôn nắm được cụ thể tình hình học tập cũng như rèn luyện của từng SV trong tháng. Từ đó, phối hợp với Khoa và Nhà trường đưa ra các biện pháp phù hợp để giúp đỡ SV tiến bộ hơn trong học tập cũng như rèn luyện.

Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo Đại học và Phòng Công tác chính trị và SV cung cấp cho Khoa, CVHT, và SV bảng điểm rèn luyện và bảng điểm tổng hợp các học phần của mỗi SV, trong đó ghi rõ tổng số TC mà SV đã tích lũy, điểm trung bình chung các học phần [H8.08.03.09], [H8.08.03.10]. Điều này sẽ giúp SV nắm được đầy đủ thông tin liên quan đến quá trình học tập và rèn luyện của mình. Trên cơ sở đó, cùng với sự hỗ trợ từ các CVHT, SV sẽ đề ra kế hoạch hành động cụ thể để đạt được KQHT và rèn luyện tốt hơn.

CVHT phối hợp với Trợ lý đào tạo cung cấp cho SV thông tin về CTĐT, khối lượng kiến thức theo học kỳ, khối kiến thức chuyên ngành, các học phần bắt buộc và tự chọn, giúp SV lựa chọn và đăng ký đúng và đủ số TC theo quy định [H8.08.03.07]. Sự

phân bổ các học phần theo học kỳ đảm bảo SV có học lực trung bình có thể hoàn thành CTĐT đúng hạn.

Trên cơ sở Quy chế đào tạo Đại học và cao đẳng chính quy theo học chế TC của Bộ GD&ĐT, Quy định Đào tạo Đại học và Cao đẳng chính quy theo học chế TC của Trường ĐHQN, Khung CTĐT và KQHT của SV ngành GDTC, Nhà trường cùng với Khoa GDTC-QP và CVHT sẽ xét cảnh báo KQHT, buộc thôi học đối với SV có điểm học tập và rèn luyện dưới mức quy định [H8.08.03.01], [H8.08.03.07]. KQHT và rèn luyện của SV được Khoa GDTC-QP, Phòng Đào tạo Đại học, Phòng Công tác chính trị và SV và CVHT thông báo kịp thời cho SV và gia đình để theo dõi sự tiến bộ của SV qua mỗi học kỳ [H8.08.03.10], [H8.08.03.11].

*Bảng 8.3.1. Đối sánh Tỷ lệ SV ngành GDTC tốt nghiệp trong 5 năm gần đây giữa ngành GDTC Trường ĐHQN và Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội*

Năm	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	
	Ngành GDTC ĐHQN	Trường ĐH SP TDTT Hà Nội
2015	81,1	98,3
2016	88,9	98,8
2017	92,6	97,2
2018	85,1	95,4
2019	93,3	93

Bảng số liệu trên cho thấy rằng tỷ lệ SV của ngành GDTC hoàn thành CTĐT qua từng năm học là rất cao, nhưng vẫn chưa bằng tỷ lệ SV của ngành GDTC của Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội.

## **2. Điểm mạnh**

CTĐT có tỷ lệ phù hợp giữa các khối kiến thức chung, kiến thức chuyên ngành và kiến thức đào tạo và rèn luyện NVSP. Phân bổ thời gian giảng dạy học tập các học phần hợp lý. Khối lượng học tập được xếp thành các khối kiến thức chuyên ngành hẹp trong khối kiến thức ngành và bổ trợ, giúp người học có nhiều cơ hội lựa chọn các môn phù hợp với nhu cầu và định hướng nghề nghiệp của bản thân.

Đội ngũ CVHT của Khoa GDTC-QP là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn sẵn sàng hỗ trợ và tư vấn kịp thời cho người học khi cần thiết.

Việc giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện chặt chẽ và nghiêm túc dưới nhiều hình thức khác nhau giúp GV, CVHT kịp thời nắm bắt được tình trạng học tập và rèn luyện của người học để có thể nhắc nhở, động viên giúp người học cải thiện kết quả trong học tập và rèn luyện.

### 3. Điểm tồn tại

Một số học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành chung chiếm thời lượng quá nhiều ngay từ năm thứ nhất. Điều đó làm cho người học giảm hứng thú học tập ngay thời gian mới nhập học.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống TC.

### 4. Kế hoạch hành động

Đề xuất Nhà trường phân bố lại các môn chung trong CTĐT sao cho phù hợp, từ đó tạo khí thế học tập tốt hơn cho SV ngay từ năm thứ nhất.

Hàng năm, Khoa GDTC sẽ thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá KQHT và rèn luyện đến người học.

Đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống TC để người học cập nhật được thông tin kịp thời.

### 5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 8.4. Có các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học***

#### 1. Mô tả

Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, thi đua và các dịch vụ hỗ trợ khác nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học được tiến hành liên tục và hiệu quả trong suốt quá trình học tập của SV tại Trường ĐHQN.

Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị triển khai các hoạt động đào tạo. Phòng Công tác chính trị và SV có chức năng tham mưu, đề xuất các hoạt động tư vấn học tập cho SV [H8.08.04.01]. Năm 2010, Nhà trường đã thành lập Trung tâm HTSV&QHĐN. Trung tâm này có chức năng, nhiệm vụ là tổ chức các hoạt động tư vấn việc làm cho SV [H8.08.04.02].

Nhà trường đã ban hành quy định về công tác CVHT và quyết định danh sách GV làm CVHT trên cơ sở đề xuất phân công của Khoa [H8.08.04.03]. Đội ngũ CVHT của Khoa là những GV có kinh nghiệm, được tập huấn nghiệp vụ, trao đổi kinh nghiệm làm công tác tư vấn học tập cho SV thông qua các hội nghị, cuộc họp do Khoa và Nhà trường tổ chức [H8.08.04.04].

Các hoạt động tư vấn học tập cho SV được Khoa và Nhà trường triển khai ngay đầu mỗi khóa học, năm học. Ngay sau ngày nhập học, SV được các CVHT trong khoa tổ chức gặp mặt tư vấn, hướng dẫn đăng ký học phần, đổi học phần, tạm dừng học tập, bảo lưu KQHT, phương pháp học tập, cách thức tham gia các hoạt động ngoại khóa và rèn luyện [H8.08.04.05]. Nhà trường tổ chức tuần sinh hoạt công dân SV đầu khóa học

nhằm phổ biến các quy chế, quy định về đào tạo, NCKH, mô hình hoạt động của của các câu lạc bộ đội nhóm, hoạt động thi đua và ngoại khóa giúp người học nắm vững quy định và hình dung về môi trường học tập và rèn luyện ở đại học [H8.08.04.06]. Hàng tháng, nhà trường ban hành văn bản hướng dẫn sinh hoạt lớp, CVHT phổ biến các thông tin cần thiết liên quan đến các hoạt động đào tạo, đồng thời định hướng, tư vấn các hoạt động học tập phù hợp cho SV [H8.08.04.07].

Đối với SV năm cuối được tham gia các hoạt động thực tập sư phạm tại các trường THPT, khóa thực tập này giúp SV trau dồi thêm kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng sư phạm [H8.08.04.08].

Để cải thiện chất lượng học tập và cơ hội có việc làm cho SV, Nhà trường tổ chức các khóa học ngắn hạn, đào tạo kỹ năng mềm nhằm tăng cường kiến thức và kỹ năng cần thiết đáp ứng nhu cầu xã hội. Đoàn Thanh niên, Hội SV các cấp, các câu lạc bộ tổ chức đa dạng các hội thi thiết kế bài giảng điện tử, ý tưởng khởi nghiệp, các hoạt động ngoại khóa trên giúp người học nhận thức, định hướng nghề nghiệp, việc làm, tăng cường kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu xã hội [H8.08.04.09]. Ngoài ra, Khoa còn tổ chức nhiều giải thi đấu thể thao cho SV tham gia. Đây là sân chơi bổ ích cho SV, tạo sự gắn kết giữa SV với SV, nâng cao thể lực, tăng cường nhận thức nghề nghiệp và hỗ trợ chuyên môn nghiệp vụ [H8.08.04.10].

Các hoạt động hỗ trợ khác như học bổng, chi phí học tập, khen thưởng, khuyến khích SV NCKH góp phần tạo động lực và trợ giúp kinh phí trong học tập cho SV luôn được nhà trường quan tâm [H8.08.04.11]. Đồng thời công tác hỗ trợ việc làm sau khi tốt nghiệp cho SV được Nhà trường triển khai qua các kênh ngày hội việc làm, ký thỏa thuận hợp tác với các cơ quan doanh nghiệp, đăng thông tin tuyển dụng trên các trang website, fanpage nhằm cung cấp thông tin tuyển dụng kịp thời cho SV [H8.08.04.12].

Việc khảo sát lấy ý kiến của NH về sự hài lòng về chất lượng, hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hỗ trợ việc làm được nhà trường thực hiện định kỳ. Đồng thời qua nhiều kênh thông tin khác như chương trình đối thoại giữa Hiệu trưởng và SV, khảo sát sự hài lòng của người học về CSVC, phục vụ đào tạo làm cơ sở để nhà trường đổi mới các hoạt động tư vấn và hỗ trợ NH có việc làm [H8.08.04.13], [H8.08.04.14].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có các đơn vị chức năng thực hiện công tác tư vấn học tập, tổ chức hoạt động ngoại khóa cho SV.

Khoa có đội ngũ CVHT có kinh nghiệm, luôn quan tâm hỗ trợ và tư vấn kịp thời việc học tập cho SV.

Các hoạt động ngoại khóa nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm được tổ chức phong phú, đa dạng.



### 3. Điểm tồn tại

SV còn chưa tích cực, chủ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa.

SV chưa chủ động, tỷ lệ SV tham gia NCKH và các cuộc thi học thuật còn ít.

### 4. Kế hoạch hành động

Tiếp tục duy trì và phát huy tốt vai trò của đội ngũ CVHT trong việc tư vấn, hỗ trợ SV trong học tập và rèn luyện. Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa để cải thiện chất lượng học tập và khả năng sớm có việc làm cho SV.

Tăng cường các nguồn kinh phí để khuyến khích và tạo động lực thu hút SV NCKH.

Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan thường xuyên hơn về các giải pháp nhằm cải thiện việc học tập và khả năng có việc làm của người học.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

**Tiêu chí 8.5. Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân người học**

#### 1. Mô tả

Khuôn viên của Trường ĐHQN gồm có các khu vực: Khu giảng đường, thực hành, thí nghiệm; Khu làm việc hành chính; Khu ký túc xá SV và Khu thư viện. Không gian của Trường rất thoáng đãng, sạch sẽ, tiện lợi với nhiều cây xanh, vườn hoa, tượng đài, ghế đá, sân bóng đá, sân bóng chuyền, sân bóng rổ, sân cầu lông, hội trường và nhà luyện tập TDTT đa năng. Sơ đồ các khu vực trong Trường rất rõ ràng và được công bố rộng rãi trên website của Trường và trên các pano, áp phích đặt trong khuôn viên của Trường nhằm tạo sự thuận tiện cho SV khi di chuyển trong khuôn viên Trường [H8.08.05.01].

Môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan của Nhà trường luôn được quan tâm cải tạo và xây dựng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và tạo sự thoải mái cho cán bộ, GV và SV toàn trường. Các giảng đường, hội trường, nhà luyện tập TDTT luôn được đầu tư, sửa chữa và nâng cấp. Nhà trường cũng chú trọng đầu tư mua sắm nhiều trang thiết bị hiện đại đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người học. Thư viện của Trường được trang bị nhiều sách giáo trình và tài liệu phục vụ người học. Nhà trường hiện có 6 khu Ký túc xá SV có sức chứa hơn 3000 chỗ ở, được trang bị wi-fi, nước máy và luôn đảm bảo tốt vấn đề an ninh. Các dịch vụ giữ xe, nhà ăn, căn tin, văn phòng phẩm, photocopy được Nhà trường tổ chức đấu thầu với giá cả hợp lý, chất lượng phục vụ tốt. Các khu nhà chức năng được bố trí phù hợp, tiện lợi cho SV trong học tập và sinh hoạt.

Trường ĐHQN đã ban hành Quy tắc ứng xử trong Nhà trường, trong đó nhấn mạnh đến quan hệ ứng xử của công chức, viên chức, người lao động trong Nhà trường;

quan hệ ứng xử của người học nhằm tạo môi trường làm việc, học tập thân thiện, hợp tác, trách nhiệm, cởi mở, trung thực, văn minh trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo [H8.08.05.02]. Nhà trường cũng đã ban hành các nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, nội quy thư viện và nội quy ký túc xá [H8.08.05.03], [H8.08.05.04], [H8.08.05.05], [H8.08.05.06]. Trong tiến trình xây dựng Trường ĐHQN trở thành trường đại học định hướng ứng dụng, Đảng ủy và Ban Giám hiệu nhấn mạnh triết lý khai phóng trong giáo dục, tạo động lực mới và sự thoải mái trong tư tưởng của toàn thể cán bộ, GV và SV.

Trong các hoạt động đào tạo và NCKH, GV Khoa GDTC-QP luôn nhiệt tình, thân thiện, chu đáo, từ đó kích thích sự đam mê tìm tòi trong học tập và NCKH của SV. GV Khoa GDTC-QP luôn lắng nghe và tôn trọng ý kiến của SV, đồng thời luôn khuyến khích SV độc lập suy nghĩ.

Khoa GDTC và Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động TDTT, các cuộc thi bổ ích để tạo sân chơi lành mạnh, rèn luyện thể lực cho SV, tăng cường tinh thần giao lưu, đoàn kết trong cộng đồng SV trong Trường [H8.08.05.07], [H8.08.05.08]. Chẳng hạn, Giải bóng đá Liên chi Đoàn được tổ chức hằng năm thu hút sự ủng hộ và tham gia đông đảo của SV trong Khoa.

Văn phòng Khoa GDTC-QP nằm ở tầng 11, nhà 15 tầng, một vị trí thoáng mát và đẹp. Có thể nhìn thấy trực tiếp từ Văn phòng Khoa GDTC toàn bộ cảnh quan bờ biển dài và công viên với nhiều cây xanh ở phía trước công Trường. Cảnh quan này tạo không khí thoải mái và dễ chịu cho SV và khách đến liên hệ làm việc với Khoa GDTC-QP.

Sức khỏe là yếu tố quan trọng để người học thực hiện được nhiệm vụ học tập và NCKH của mình. Chính vì vậy, Trường ĐHQN duy trì tổ chức các hoạt động khám sức khỏe cho SV mới nhập học [H8.08.05.09], [H8.08.05.10]. Trường cũng tổ chức các chương trình tư vấn, chia sẻ kiến thức và kỹ năng chăm sóc sức khỏe cho các SV nữ [H8.08.05.11].

Công tác vệ sinh an toàn thực phẩm ở các nhà ăn trong Trường cũng được chú trọng và thường xuyên quan tâm [H8.08.05.12]. Công tác phòng chống cháy nổ cũng được chú trọng đầu tư [H8.08.05.13], [H8.08.05.14], [H8.08.05.15]. Công tác bảo đảm an ninh trong Trường và trong khu vực cũng được Nhà trường phối hợp với các cơ quan an ninh của khu vực thực hiện nghiêm túc [H8.08.05.16], [H8.08.05.17].

## **2. Điểm mạnh**

Với CSVC đầy đủ và hiện đại, Trường ĐHQN luôn đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, sinh hoạt và rèn luyện của người học.

Môi trường học tập có cảnh quan sạch đẹp, rộng rãi, bố trí hợp lý, an toàn, lành mạnh tạo điều kiện sinh hoạt thuận lợi và tâm lý thoải mái cho người học.

Vấn đề y tế học đường và an toàn người học được đảm bảo.

Khi học tập tại Khoa GDTC-QP, SV sẽ thấu hiểu tầm quan trọng của sự tôn trọng tính chủ thể, chấp nhận sự khác biệt, quyền tự quyết của mỗi cá nhân, không phân biệt đối xử. Từ đó mỗi quan hệ, ứng xử giữa thầy - trò Khoa có sự mềm mại và linh hoạt, tạo ra môi trường tâm lý xã hội tích cực trong học tập và giảng dạy.

### **3. Điểm tồn tại**

Không gian làm việc của Khoa GDTC còn chật hẹp, chỉ có văn phòng Khoa, dẫn đến những khó khăn và bất tiện trong việc gặp gỡ SV, cũng như các sinh hoạt chuyên môn của các tổ Bộ môn.

### **4. Kế hoạch hành động**

Khoa GDTC tiếp tục tuyên truyền, phổ biến cho SV ngành GDTC duy trì công tác bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp, có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội và thực hiện tốt nếp sống văn hoá trong Nhà trường. Đoàn thanh niên, Hội SV và CVHT phổ biến thường xuyên nếp sống văn minh trong SV, giữ gìn và cải thiện cảnh quan trong các buổi ngoại khóa, sinh hoạt lớp. Đồng thời, Khoa cũng sẽ phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Liên chi Hội SV Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn như các cuộc thi SV khỏe, thúc đẩy SV đam mê học tập.

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP sẽ điều chỉnh phòng và vị trí làm việc của từng Bộ môn, tạo điều kiện môi trường thuận lợi để nâng cao hiệu quả làm việc của GV trong hoạt động tư vấn, hỗ trợ SV cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho người học trong việc liên hệ giải quyết những vấn đề cần thiết liên quan đến học tập và các hoạt động khác.

### **5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.***

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 8**

Trong những năm qua, chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học được Khoa GDTC-QP xác định là một trong những khâu then chốt trong hoạt động đào tạo của Khoa. Chính sách tuyển sinh được xác định rõ ràng, công bố công khai và cập nhật thường xuyên. Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học luôn được xác định rõ ràng, được thực hiện đúng theo quy chế tuyển sinh của Trường ĐHQN và thường xuyên được đánh giá. Từ khi nhập học đến khi kết thúc quá trình học tập, người học luôn được tư vấn, hỗ trợ kịp thời để giải quyết những khó khăn trong học tập và rèn luyện. Hệ thống giám sát sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học đã được Nhà trường phối hợp với Khoa xây dựng và công bố công khai. Khối lượng học tập được phân bổ đồng đều giữa các năm giúp người học không bị quá tải ở mỗi học kỳ. Trường ĐHQN đã có sự quan tâm và đầu tư thích đáng CSVC đáp ứng tốt nhất nhu cầu học tập, sinh hoạt, phục vụ các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT nhằm nâng cao sức khỏe, tinh thần cho SV. Môi trường tâm lý xã hội tích cực, cảnh quan

xung quanh Khoa và Trường xanh sạch đẹp đã góp phần phát huy sự sáng tạo, sự thoải mái cho người học.

Đoàn thanh niên và Hội SV của Trường và Khoa đã có nhiều mô hình hiệu quả với nhiều hình thức tổ chức hoạt động phong phú, đa dạng thu hút đông đảo SV tham gia, góp phần giáo dục tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh cho người học. Bên cạnh đó, Nhà trường còn tạo nhiều cơ hội cho người học được nâng cao kiến thức, kỹ năng khi tham gia thực tập, thực tế, tham gia các hoạt động ngoại khóa.

Tuy nhiên, do cơ hội việc làm của giáo viên mới ra trường còn thấp, khiến cho số lượng thí sinh thi và đăng ký xét tuyển vào học ở Khoa giảm. Khoa và Trường vẫn chưa có nhiều chiến lược hành động thu hút học sinh vào học tại Khoa.

Trong những năm học tới, Khoa cần có những chiến lược phát huy hơn nữa thành tích đã đạt được và các giải pháp mang tính đồng bộ để giải quyết những vấn đề còn tồn đọng nhằm nâng cao chất lượng người học và hoạt động hỗ trợ người học, góp phần vào sự lớn mạnh của Khoa GDTC-QP.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 02 tiêu chí đạt mức 5/7, 03 tiêu chí đạt mức 4/7.

### **Tiêu chuẩn 9. CSVC và trang thiết bị**

#### ***Mở đầu***

Trường ĐHQN có tổng diện tích sử dụng là 241.202m<sup>2</sup>, bao gồm 01 trụ sở chính với diện tích 131.700m<sup>2</sup> tại 170 An Dương Vương, thành phố Quy Nhơn và 01 Khu thực nghiệm với diện tích 109.502m<sup>2</sup> nằm ở xã Nhơn Tân, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

Nhà trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng luôn đảm bảo các điều kiện về CSVC, sân bãi, dụng cụ tập luyện TDTT và trang thiết bị để hỗ trợ tốt các hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và người học. Hệ thống phòng làm việc, phòng học, phòng chức năng, phòng thí nghiệm, thực hành được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy tính, máy in, máy photocopy, máy chiếu và các thiết bị đảm bảo nhiệt độ, âm thanh và ánh sáng... Thư viện có đủ giáo trình, sách tham khảo, đề cương bài giảng và các loại tạp chí; hệ thống mạng internet được kết nối toàn trường, các phần mềm quản lý đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng. Tọa lạc tại trung tâm thành phố biển Quy Nhơn, Trường ĐHQN có cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp; các vấn đề an toàn, vệ sinh, an ninh, trật tự luôn được đảm bảo; các sân bóng, nhà tập luyện được trang bị các thiết bị hiện đại phục vụ tốt các hoạt động thể dục thể thao.

Trong những năm gần đây, Nhà trường tập trung đầu tư, cải tạo, tu bổ các khu giảng đường, thư viện, khu làm việc hành chính, khu tập luyện TDTT...; chú trọng cải tiến, nâng cấp các trang thiết bị và hệ thống công nghệ thông tin; thường xuyên cập

nhật giáo trình, tài liệu; cải tạo cảnh quan, môi trường, đảm bảo về sức khỏe, trật tự, an ninh, an toàn cho cán bộ, GV, viên chức và người học.

***Tiêu chí 9.1. Có hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng với các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Khoa GDTC-QP được Nhà trường trang bị hệ thống phòng làm việc, nhà tập luyện đa năng, sân bãi với các điều kiện trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu cho GV và SV của Khoa. Phòng làm việc chính của Khoa GDTC-QP được Nhà trường bố trí tại phòng 116, 118 tầng 11 của tòa nhà hành chính 15 tầng [H9.09.01.01]. Văn phòng Khoa được trang bị đầy đủ các điều kiện làm việc cho GV, chuyên viên như: bàn ghế, tủ đựng tài liệu, máy tính với các phần mềm quản lý, máy in, máy chiếu, internet và các thiết bị ánh sáng, nhiệt độ phù hợp để phục vụ các hoạt động quản lý đào tạo, NCKH và sinh hoạt chuyên môn của Khoa [H9.09.01.02], [H9.09.01.03], [H9.09.01.04], [H9.09.01.05].

Nhà trường có 6 khu giảng đường: A1, A2, A3, A5, A8 và nhà 4 tầng với 144 phòng học có tổng diện tích sàn xây dựng là 25.748m<sup>2</sup>, trong đó có 30 phòng học có sức chứa từ 100 đến 200 chỗ ngồi, 101 phòng học có sức chứa từ 50 đến 100 chỗ ngồi, 13 phòng học có sức chứa dưới 50 chỗ ngồi [H9.09.01.06]. Các phòng học đều được trang bị đầy đủ bàn ghế, máy chiếu, tivi, bảng đen và có hệ thống điện chiếu sáng, quạt thông gió, wireless internet,... đảm bảo phục vụ tốt nhất hoạt động giảng dạy, học tập của GV và SV [H9.09.01.07], [H9.09.01.08]. SV Khoa GDTC-QP sử dụng các phòng học ở giảng đường để học các học phần lý thuyết theo bố trí của phòng Đào tạo Đại học [H9.09.01.09].

Để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tổ chức hội nghị, hội thảo của các khoa, Nhà trường có đầu tư thiết kế lắp đặt 04 phòng hội thảo và 03 hội trường lớn được trang bị đầy đủ CSVC và hệ thống internet [H9.09.01.01], [H9.09.01.04], [H9.09.01.06]. Thư viện của Trường có 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, có 80 máy tính được kết nối internet, kết nối hệ thống học liệu quốc gia, quốc tế, đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, GV và người học [H9.09.01.02], [H9.09.01.04], [H9.09.01.06], [H9.09.01.10].

Nhà tập luyện đa năng mà Nhà trường giao cho Khoa để tổ chức giảng dạy, tập luyện các môn thực hành TDTT cho SV có diện tích sàn xây dựng 6.622 m<sup>2</sup>, gồm 2 tầng, có hệ thống ghế ngồi di động đảm bảo không gian tập luyện và thi đấu, sử dụng cho các môn bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá FuTiến sãan, bóng ném, cầu lông, bóng bàn, võ thuật... [H9.09.01.11]. Sân tập luyện ngoài trời gồm có 01 sân bóng đá nhân tạo diện tích 3009 m<sup>2</sup>, 01 sân bóng đá công đoàn diện tích 6.118 m<sup>2</sup>, 01 sân bóng

chuyên diện tích 554 m<sup>2</sup>, 01 tổ hợp sân bóng rổ, sân bóng chuyên, sân cầu lông sau thư viện có diện tích 2040 m<sup>2</sup> [H9.09.01.12].

Hàng năm, Nhà trường triển khai khảo sát mức độ hài lòng của cán bộ, GV, viên chức và người học về hệ thống phòng làm việc, phòng học, sân bãi tập luyện và các phòng chức năng [H9.09.01.13]. Kết quả phản hồi là cơ sở để Nhà trường và Khoa điều chỉnh các biện pháp quản lý, bổ sung trang thiết bị, cải tạo, nâng cấp các phòng học, hội trường, thư viện ... nhằm đáp ứng các yêu cầu của hoạt động đào tạo và nghiên cứu [H9.09.01.14], [H9.09.01.15]. Nhà trường có kế hoạch bổ sung đầu tư trung hạn sử dụng 100% vốn từ nguồn thu để lại cho đầu tư CSVC giai đoạn 2016 - 2020 [H9.09.01.16].

## **2. Điểm mạnh**

Khoa có Nhà tập luyện đa năng với đầy đủ điều kiện CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy, học tập và NCKH cho cán bộ, GV và SV.

Nhà trường có kế hoạch kiểm tra định kỳ, kế hoạch sửa chữa và nâng cấp, bổ sung kịp thời các trang thiết bị, dụng cụ hỗ trợ hoạt động đào tạo của Khoa.

Nhà trường có hệ thống sân bãi khang trang, hiện đại đáp ứng tốt nhu cầu học tập, tập luyện cho GV, SV.

## **3. Điểm tồn tại**

Khoa GDTC-QP chưa được Nhà trường đầu tư xây dựng hồ bơi để giảng dạy thực hành môn bơi lội cho SV, nên phải thuê hồ bơi bên ngoài không đủ tiêu chuẩn về kích thước để giảng dạy.

Khoa GDTC-QP chưa được bố phòng semina riêng cho từng tổ Bộ môn, do đó GV phải sử dụng Văn phòng Khoa để tổ chức sinh hoạt chuyên môn nên ảnh hưởng đến các hoạt động khác của Khoa.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường xây dựng 01 hồ bơi kích thước 13,5m x 25m để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, giảng dạy của SV và GV. Đề nghị Nhà trường bố trí phòng seminar với các trang thiết bị phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của GV.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 6/7.**

***Tiêu chí 9.2. Thư viện và các nguồn học liệu phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Thư viện của Trường ĐHQN có tổng diện tích sàn xây dựng là 3.339 m<sup>2</sup>, bao gồm tòa nhà Thư viện trung tâm 3 tầng và 01 dãy nhà trệt nằm liền kề. Trung tâm có 01 phòng giáo trình và 12 phòng đọc với 700 chỗ ngồi, trong đó bao gồm 02 phòng

đọc mở, 01 phòng mượn, 02 phòng truy cập internet với 60 máy tính được nối mạng tốc độ cao, và 07 phòng tự học [H9.09.02.01]. Tất cả các phòng đều được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động, bao gồm chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính, thiết bị, phần mềm tra cứu, internet; có nội quy, quy định, hướng dẫn cụ thể, rõ ràng tạo điều kiện thuận lợi cho GV, SV và học viên khai thác tài liệu phục vụ việc học tập và nghiên cứu [H9.09.02.02].

Thư viện của Trường có đầy đủ giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu của GV, SV và học viên [H9.09.02.03]. Giáo trình và tài liệu tham khảo (sách, báo, tạp chí, tài liệu) luôn được bổ sung, cập nhật theo các văn bản đề xuất từ các đơn vị [H9.09.02.04].

Những năm gần đây, Thư viện đã tổng hợp các dữ liệu theo dõi về hoạt động của Thư viện và các nguồn học liệu thông qua khảo sát bạn đọc [H9.09.02.05]. Trên cơ sở đó, Thư viện đã đề xuất các biện pháp nhằm đổi mới hoạt động, nâng cao hiệu suất phục vụ của Thư viện [H9.09.02.06].

Hàng ngày, Thư viện mở cửa buổi sáng từ 7h00 đến 11:30, buổi chiều từ 13:30 đến 17:00, để cho GV và SV học tập và nghiên cứu [H9.09.02.02]. Ngoài ra, để khuyến khích và phát triển văn hóa đọc trong SV, năm 2015 và năm 2017, Thư viện trường và Hội SV đã phối hợp tổ chức “Ngày sách Việt Nam” [H9.09.02.07].

Để mở rộng nhu cầu học tập, nghiên cứu của SV và GV, từ năm 2016 Thư viện Trường ĐHQN đã liên kết hợp tác với Trung tâm học liệu Trường Đại học Cần Thơ về quyền khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử, tham gia hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, mua quyền khai thác tài liệu tại Thư viện pháp luật trực tuyến, mua dùng chung 3 cơ sở dữ liệu: Cơ sở dữ liệu Proquest Central, Cơ sở dữ liệu STD (Tài liệu KH&CN Việt Nam), Cơ sở dữ liệu KQNC (Báo cáo kết quả đề tài nghiên cứu) [H9.09.02.08].

Ngoài ra Khoa GDTC-QP có một tủ sách thanh niên được đặt ở văn phòng Khoa GDTC-QP dành cho GV, SV mượn đọc tham khảo, nguồn sách được các cán bộ GV trong Khoa GDTC-QP sưu tầm và tặng cho Khoa bao gồm các loại sách báo, tạp chí khoa học về lĩnh vực GDTC và TDTT, các đề tài KLTN, đề tài thạc sỹ về lĩnh vực TDTT [H9.09.02.09].

## **2. Điểm mạnh**

Ngoài nguồn học liệu từ hệ thống thư viện, Khoa GDTC-QP còn có một tủ sách tham khảo đến từ nguồn đóng góp của GV, SV, đây là nguồn học liệu quý hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Khoa.

## **3. Điểm tồn tại**

Hoạt động của Thư viện chưa thật sự theo hướng hiện đại, chưa hiện đại thu hút người học

Nguồn học liệu về lĩnh vực TĐTT của Khoa GDTC-QP còn hạn chế, đã cũ và đặc biệt thiếu học liệu tiếng nước ngoài, chưa đáp ứng được nhu cầu khai thác dữ liệu của cán bộ, GV, SV và học viên.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020 - 2021, Khoa đề xuất với Nhà trường tăng cường đầu tư CSVC, hiện đại hóa thư viện và đổi mới phương thức khai thác nhằm thu hút người đọc đến với thư viện. Đồng thời đề nghị Nhà trường đầu tư kinh phí mua những đầu sách mới xuất bản, những đầu sách tiếng nước ngoài để đảm bảo tính cập nhật các tri thức mới trong lĩnh vực GDTC và TĐTT. Cán bộ, GV Khoa GDTC-QP triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

***Tiêu chí 9.3. Phòng thí nghiệm, thực hành và trang thiết bị phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

##### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN có hệ thống phòng thí nghiệm, thực hành với đầy đủ các trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu. SV ngành Sư phạm GDTC được sử dụng 03 phòng thực hành tin học ở Nhà 4 tầng. Mỗi phòng thực hành tin học được trang bị 40 máy tính với các phần mềm tin học và các thiết bị cung cấp ánh sáng và nhiệt độ phù hợp đáp ứng tốt nhu cầu thực hành của SV [H9.09.03.01], [H9.09.03.02]. Các trang thiết bị trong phòng thực hành tin học thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, cập nhật, bổ sung để phục vụ tốt cho người học.

Nhà trường đã bố trí nhân viên phụ trách, ban hành quy định, hướng dẫn sử dụng phòng thực hành tin học, sổ ghi lịch thực hành [H9.09.03.03]. Định kỳ, hàng năm Nhà trường tổ chức kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng, triển khai khảo sát mức độ đáp ứng nhu cầu của SV, GV về trang thiết bị và chất lượng phục vụ của phòng thực hành tin học [H9.09.03.04], [H9.09.03.05], từ đó đưa ra các giải pháp kịp thời và phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng.

Công tác rèn luyện nghiệp vụ sư phạm luôn được Nhà trường và Khoa quan tâm, là hoạt động cơ bản có vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực giảng dạy các môn GDTC cho SV. Nhà trường thiết kế, bố trí 02 phòng thực hành sư phạm giảng dạy lý thuyết tại Nhà A7, mỗi phòng có diện tích 60m<sup>2</sup> được trang bị đầy đủ các thiết bị: âm thanh, ánh sáng, máy chiếu, bảng, bàn, ghế phù hợp cho việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và 02 phòng học thông minh với trang thiết bị hiện đại tại giảng đường A1 để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu của GV, SV [H9.09.03.01]. Về rèn luyện nghiệp vụ sư phạm giảng dạy thực hành các môn TĐTT SV được sử dụng nhà



tập luyện đa năng với đầy đủ trang thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu thực hành giảng dạy của SV.

## **2. Điểm mạnh**

Các phòng thực hành tin học, phòng thực hành sư phạm, nhà tập luyện TĐTT được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phù hợp với hoạt động thực hành của SV.

Các thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số sân bãi tập luyện ngoài trời đang xuống cấp, làm ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập của cán bộ, GV và SV.

## **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường đầu tư nâng cấp, sửa chữa các sân tập luyện ngoài trời để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giảng dạy và học tập của cán bộ, GV và SV ngành GDTC.

## **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống công nghệ thông tin phù hợp và được cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu***

### **1. Mô tả**

Hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường bao gồm: hệ thống máy tính, phần cứng, phần mềm, mạng internet, trang thông tin điện tử... đáp ứng tốt các hoạt động đào tạo và NCKH.

Nhà trường hiện có 14 phòng máy tính tại nhà A7 và nhà 4 tầng với 715 máy, đảm bảo 100% SV có máy tính để thực hành; 02 phòng máy tính tại Trung tâm Thông tin tư liệu với 60 máy phục vụ nhu cầu khai thác tư liệu của SV, 308 máy tính tại các phòng làm việc của các Khoa, phòng và các đơn vị trực thuộc [H9.09.04.01], [H9.09.04.02]. Ngoài ra, các phòng học đều được trang bị máy chiếu, micro, loa để phục vụ hoạt động giảng dạy [H9.09.04.03]. Nhà trường sử dụng các phần mềm máy tính có bản quyền để phục vụ cho công tác quản lý, giảng dạy và NCKH như phần mềm kế toán Misa, phần mềm diệt vi-rút BKAV, phần mềm quản lý đào tạo,...[H9.09.04.04]. Toàn bộ các cổng thông tin, hệ thống email công vụ, các phần mềm ứng dụng đều được bộ phận chuyên trách kiểm tra, bảo dưỡng, gia hạn sử dụng thường xuyên, đồng thời có hệ thống an ninh mạng tốt để đảm bảo hoạt động thông suốt [H9.09.04.05]. Quá trình sử dụng các thiết bị công nghệ thông tin đều được ghi chép trong các sổ theo dõi [H9.09.04.06], [H9.09.04.07], [H9.09.04.08].

Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt nhu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH của cán bộ, GV và SV [H9.09.04.04]. Toàn trường hiện đang sử dụng 02 đường cáp quang tốc độ cao (FTTH) để cung cấp dịch vụ

internet cho tất cả các phòng máy, phòng Lab, nhà làm việc, hội trường và phủ sóng wifi toàn trường [H9.09.04.09]; một đường truyền kênh riêng cho các máy chủ để cung cấp các dịch vụ như website, Trung tâm Thông tin tư liệu hay các dịch vụ tiện ích khác phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH [H9.09.04.09], [H9.09.04.10].

Từ năm học 2017 - 2018, Nhà trường quyết tâm thực hiện kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tăng cường đầu tư về hạ tầng công nghệ thông tin. Nhà trường đã hợp đồng với Công ty PSC nâng cấp và hoàn thiện website của Trường, Khoa; hoàn thiện và đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý đào tạo, tính thù lao giảng dạy (PMS), quản trị nhân sự (HRM), khảo sát ý kiến (eSurvey), quản lý tạp chí (JMS), dạy học trực tuyến (eLearning), quản lý tài sản [H9.09.04.03], [H9.09.04.09], [H9.09.04.11], [H9.09.04.12].

Hiện nay công nghệ thông tin là công cụ hỗ trợ đắc lực và rất quan trọng trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu của GV, SV trong Nhà trường. Thông qua phần mềm quản lý đào tạo GV có thể xem lịch giảng dạy, SV có thể đăng ký học, xem điểm thi, nộp học phí qua hệ thống internet banking bằng tài khoản cá nhân mà nhà trường cấp cho các em ngay khi nhập học

Nhà trường đã cấp tài khoản email với tên miền @qnu.edu.vn cho tất cả cán bộ, GV, viên chức [H9.09.04.13]. Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông là đầu mối tiếp nhận và xử lý các vấn đề kỹ thuật về đường truyền, mạng máy tính thông qua việc bố trí chuyên viên phụ trách hệ thống mạng, phụ trách phần mềm với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt giúp hệ thống hoạt động ngày càng hiệu quả [H9.09.04.05].

Bên cạnh đó, Khoa GDTC-QP cũng xây dựng website của Khoa nhằm phục vụ cho hoạt động đào tạo và NCKH của cán bộ, GV, và SV [H9.09.04.14].

Mỗi năm Nhà trường đều tổ chức lấy ý kiến phản hồi của cán bộ, GV, viên chức và SV về hệ thống máy tính, phần mềm, website và các trang thiết bị tin học. Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, GV, SV hài lòng với hệ thống công nghệ thông tin của Nhà trường [H9.09.04.15].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường tăng cường đầu tư hiện đại hóa hạ tầng cho công nghệ thông tin, hỗ trợ tốt cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Khi có sự cố về mạng internet, cán bộ, GV, viên chức và SV luôn được nhân viên kỹ thuật hỗ trợ kịp thời.

Nhà trường rất quan tâm đến việc cải thiện nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, đào tạo, nghiên cứu và học tập của SV, hệ thống mạng wifi được phủ sóng toàn trường nên GV, SV có thể truy cập dễ dàng.

Tất cả các khoa, phòng đều được trang bị phần mềm quản lý đào tạo như phần mềm quản lý SV, phần mềm quản lý thi, phần mềm quản lý điểm và thường xuyên được cập nhật, chỉnh sửa cho phù hợp với nhu cầu sử dụng của Khoa.

### **3. Điểm tồn tại**

Thông tin đăng tải trên trang web của Khoa còn hạn chế, chưa phong phú, hình ảnh chưa được quan tâm cập nhật thường xuyên.

Nhà trường chưa cấp tài khoản cho mỗi cán bộ, GV, viên chức để cập nhật thông tin cá nhân.

Chất lượng wifi ở một số khu vực chưa được đảm bảo.

### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020-2021, Khoa cử 01 cán bộ lãnh đạo và 01 chuyên viên phụ trách quản trị trang web của Khoa và có kế hoạch, chính sách khuyến khích, động viên GV, SV của Khoa viết tin, bài để đăng tải lên trang web của Khoa. Đồng thời Khoa kiến nghị với Nhà trường nâng cấp, trang bị thêm các điểm phát sóng cho những vị trí mạng wifi còn yếu và nâng cấp tốc độ đường truyền để GV, SV có thể truy cập nhanh hơn.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

**Tiêu chí 9.5. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác định và triển khai có lưu ý đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật**

#### **1. Mô tả**

Trường ĐHQN đã ban hành các quy định về an ninh, trật tự, an toàn; về bảo vệ môi trường, rèn luyện sức khỏe; về phòng cháy, chữa cháy; về vệ sinh an toàn thực phẩm... [H9.09.05.01]. Tất cả các khu nhà làm việc, giảng đường, thí nghiệm, thực hành, thể dục thể thao, ký túc xá, nhà ăn, căn tin... đều có các bảng nội quy, quy định [H9.09.05.02]. Những văn bản này hoàn toàn phù hợp với các quy định của Chính phủ và các bộ ngành liên quan [H9.09.05.03].

Nhà trường đặc biệt quan tâm đến công tác an ninh, trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm. Nhà trường đã phối hợp với Phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an tỉnh Bình Định tổ chức tập huấn, diễn tập các biện pháp ứng phó khẩn cấp với các tai nạn lao động, cháy nổ [H9.09.05.04].

Môi trường, cảnh quan của Trường ĐHQN luôn xanh, sạch, đẹp, và an toàn. Cây xanh, vườn hoa, thảm cỏ được trồng và chăm sóc chu đáo nhằm tạo không gian thoáng mát, trong lành. Nhà trường hợp đồng với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quy Nhơn về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt trước khi thải ra môi trường, hợp đồng với Công ty TNHH TM&MT Hậu Sanh trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại ở các khu thí nghiệm, thực hành; và hợp đồng với Công ty TNHH Khoa học kỹ thuật và môi trường Trung Việt trong việc tiến

hành quan trắc môi trường trong khu vực Nhà trường, viết báo cáo giám sát và báo cáo quản lý chất thải nguy hại [H9.09.05.05].

Trạm Y tế phối hợp với các bệnh viện ở thành phố Quy Nhơn khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần cho cán bộ, GV, viên chức và SV [H9.09.05.06].

Nhà trường thường xuyên kiểm tra điều kiện đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm của căn tin, nhà ăn tập thể theo tiêu chuẩn của Bộ Y tế [H9.09.05.07]; hợp đồng với Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Quy Nhơn phun thuốc diệt muỗi, phòng chống mối các khu nhà làm việc, giảng đường, ký túc xá để phòng tránh các dịch bệnh [H9.09.05.08].

An ninh trật tự luôn được Nhà trường chú trọng. Lực lượng bảo vệ của Nhà trường có nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn tài sản và con người trong Trường, trực bảo vệ 24/24 giờ trong tất cả các ngày, kể cả ngày lễ, Tết. Hàng năm, lực lượng này đều được tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ. Trong các dịp nghỉ lễ, nghỉ Tết, Nhà trường đều có phân công trực lãnh đạo và thông báo kế hoạch bảo vệ đến tất cả các đơn vị và cán bộ, GV [H9.09.05.09]. Nhà trường đã phối hợp tốt với Công an Phường Nguyễn Văn Cừ và các phường lân cận trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự; giải quyết kịp thời những sự vụ, góp phần giữ gìn trật tự an toàn tại khu vực Trường [H9.09.05.10].

Nhà trường tiến hành khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi của cán bộ, GV và SV về chất lượng môi trường, về an toàn, an ninh, trật tự; thông tin phản hồi là một cơ sở quan trọng để Nhà trường tiếp tục đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường ngày càng đẹp, cán bộ, GV, viên chức và người học được làm việc, học tập và nghiên cứu trong môi trường an toàn, văn hóa [H9.09.05.11].

Nhà Trường đặc biệt quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật, các khu giảng đường, nhà tập đa năng đều có thiết kế lối đi cho người khuyết tật, có chính sách miễn hoặc chuyển đổi hình thức thi thực hành TĐTT, các môn học phù hợp với đặc thù của SV khuyết tật [H9.09.05.12].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sức khỏe, an ninh trật tự cho cán bộ, GV, viên chức và SV.

Trạm Y tế của Trường đáp ứng tốt nhu cầu y tế ban đầu của cán bộ, GV, viên chức và SV; Định kỳ 1 năm 1 lần Nhà trường hợp đồng với bệnh viện lớn của tỉnh Bình Định tổ chức khám sức khỏe cho toàn thể cán bộ, GV và SV; phun thuốc diệt khuẩn phòng dịch toàn khuôn viên trường.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số khu vực của Nhà trường còn thiếu cây xanh.

Nhà trường đã có chính sách quan tâm đến người khuyết tật nhưng còn hạn chế.

#### **4. Kế hoạch hành động**

Năm học 2020 - 2021, Khoa phát động đoàn viên thanh niên của Khoa và đề xuất với Nhà trường đầu tư trồng thêm các loại cây xanh ở những khu vực còn thiếu. Đồng thời, Nhà trường triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 6/7.*

#### **Kết luận về Tiêu chuẩn 9**

Khoa GDTC-QP được Nhà trường quan tâm tạo điều kiện đầy đủ về CSVC, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của ngành GDTC. Hệ thống phòng học, phòng làm việc, phòng chức năng, sân bãi, nhà tập luyện TDDT của Nhà trường hoàn toàn phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của ngành GDTC; Thư viện của Nhà trường có đủ giáo trình, tài liệu tham khảo, sách giáo khoa, tập bài giảng về lĩnh vực GDTC và TDDT; Hệ thống công nghệ thông tin hiện đại hỗ trợ tốt các nhu cầu học tập, giảng dạy và NCKH; Các phòng thực hành tin học, thực hành sư phạm với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho công tác NCKH, hoạt động dạy học và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của GV và SV; Nhà trường có nhà luyện tập TDDT và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, cầu lông ... thuận lợi cho SV học tập và cho cán bộ GV rèn luyện sức khỏe; Các chính sách và quy định về bảo vệ an toàn, sức khỏe và môi trường được xây dựng, triển khai tạo môi trường tốt nhất cho cán bộ, GV và SV làm việc, học tập và nghiên cứu.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí trong đó 01 tiêu chí đạt 4/7, 02 tiêu chí đạt 5/7 và 02 tiêu chí đạt 6/7.

#### **Tiêu chuẩn 10. Nâng cao chất lượng**

##### **Mở đầu**

Việc nâng cao chất lượng trong giáo dục đại học là yếu tố quan trọng giúp đảm bảo môi trường đào tạo, cải tiến và nâng cao CLĐT. Vì vậy, Khoa GDTC-QP đã thường xuyên rà soát, cập nhật và phát triển CTĐT dựa trên các quy trình do Bộ GD&ĐT và Trường ban hành, sử dụng kết quả NCKH để cải tiến việc dạy và học. CTĐT được bổ sung cập nhật định kỳ, chuyển đổi phù hợp với phương thức đào tạo theo hệ thống TC; được đánh giá và cải tiến dựa trên các thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan. Việc đánh giá KQHT của người học trong quá trình dạy và học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CDR và nâng cao CLĐT.

**Tiêu chí 10.1. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ để thiết kế và phát triển chương trình dạy học.**

##### **1. Mô tả**

Căn cứ các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT về việc xây dựng chương trình

đào tạo đại học theo CDR, Nhà trường đã và đang tiến hành triển khai nhiều công việc nhằm phát triển CTDH, trong đó có việc thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan [H10.10.01.01], [H10.10.01.02].

Việc thu thập ý kiến phản hồi làm căn cứ cho việc thiết kế và phát triển CTDH từ các bên liên quan được triển khai thực hiện một cách hệ thống với nhiều hình thức khác nhau như: Khảo sát trực tuyến, gửi phiếu khảo sát; phỏng vấn trực tiếp hoặc gián tiếp qua điện thoại; tổ chức hội thảo,... theo quy định của Nhà trường. Thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan bao gồm nhà sử dụng lao động là các sở GD&ĐT, các trường THPT, SV đang học, cựu SV, GV, chuyên gia cùng chuyên ngành và cán bộ quản lý được Khoa sử dụng làm căn cứ để thiết kế và điều chỉnh CTĐT ngành GDTC trình độ đại học. Khoa kết hợp với Nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các đơn vị đã, đang và có tiềm năng sử dụng SV tốt nghiệp/sắp tốt nghiệp của Khoa như các sở GD&ĐT, các trường THPT về CTDH. Ngoài ra, Khoa cũng thu thập các ý kiến phản hồi của SV sắp tốt nghiệp, cựu SV Khoa GDTC-QP, đặc biệt là các ý kiến của đội ngũ GV trực tiếp thực hiện để xây dựng và điều chỉnh CTDH [H10.10.01.03], [H10.10.01.04], [H10.10.01.05].

Ngoài ra, sau các đợt thực tập sư phạm của SV tại các cơ sở giáo dục, Khoa đều họp tổng kết, trao đổi ý kiến trực tiếp với đại diện các sở GD&ĐT, các trường THPT là các cơ sở đã tiếp nhận, tuyển dụng SV tốt nghiệp của Khoa về các yêu cầu thực tế đối với CTDH của ngành GDTC để từ đó có những điều chỉnh phù hợp hơn [H10.10.01.06].

Bên cạnh đó, Khoa còn thường xuyên cử cán bộ, GV tham gia các hội nghị chuyên đề về giảng dạy; tổ chức các cuộc tọa đàm về phương pháp giảng dạy và học tập bậc đại học để trao đổi về phương pháp dạy và học GDTC, trong đó SV có thể nêu các câu hỏi và đóng góp ý kiến về chương trình [H10.10.01.07].

Khoa GDTC-QP cũng xây dựng mạng lưới liên kết cựu SV thông qua nhiều phương tiện: internet (website, facebook, ...), các buổi lễ kỷ niệm thành lập Khoa hay các mối quan hệ xã hội khác nhằm nắm bắt thông tin và nhu cầu của các bên liên quan về CTDH [H10.10.01.08].

Từ những nguồn thông tin này, Khoa tổ chức các cuộc họp tổng hợp ý kiến đánh giá phản hồi của các bên liên quan vào hoạt động tổng kết năm học và xây dựng phương hướng hoạt động trong năm học kế tiếp, từ đó làm cơ sở cho việc tìm kiếm, xác định những giải pháp đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội như sửa đổi chương trình, xác định CDR [H10.10.01.09], [H10.10.01.10], [H10.10.01.11].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan với hình thức đa dạng, phân công nhiệm vụ rõ ràng. Việc thu thập thông tin phản hồi của

các bên liên quan được phân loại, xử lý, phân tích với tính khoa học, độ tin cậy cao. Việc thiết kế và phát triển CTDH của Khoa GDTC-QP được thiết kế, xây dựng, điều chỉnh và phát triển dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan.

Khoa thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT nhờ có mạng lưới cựu SV rộng lớn đang làm việc tại các nơi này. Do vậy việc liên hệ để thu thập thông tin sẽ dễ dàng hơn, khu vực lấy thông tin sẽ rộng và tăng phần khách quan hơn, ít cục bộ hơn.

### **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi đang được thực hiện theo yêu cầu của Nhà Trường, còn thiếu sự chủ động từ phía Khoa. Hơn nữa, kế hoạch lấy ý kiến phản hồi từ cựu SV và nhà sử dụng lao động về CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa sẽ tận dụng tối đa điểm mạnh của GV trong Khoa để xây dựng kế hoạch cụ thể, bám sát kế hoạch của Nhà trường nhằm tạo sự chủ động hơn nữa trong thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

Tiếp tục thiết kế và phát triển CTDH ngành GDTC thực hiện đúng quy trình, quy định của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN căn cứ trên ý kiến phản hồi từ các bên liên quan.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 5/7.**

***Tiêu chí 10.2. Việc thiết kế và phát triển chương trình dạy học được thiết lập, được đánh giá và cải tiến***

#### **1. Mô tả**

CTDH của ngành GDTC được dựa xây dựng trên các quy trình và quy định mà Bộ GD&ĐT ban hành tại thời điểm xây dựng hoặc điều chỉnh. CTDH ngành GDTC đã được ban hành, sửa đổi và cải tiến nhiều lần trong những năm qua. Các thành phần cơ bản của CTDH gồm mục đích, mục tiêu đào tạo, nội dung đào tạo, phương thức đào tạo, các hình thức tổ chức hoạt động đào tạo, các hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá kết quả người học.

Trong những năm qua, việc thiết kế và phát triển CTDH ngành GDTC đã được Khoa thực hiện theo quy trình và quy định của Bộ GD&ĐT và của Trường ĐHQN [H10.10.02.01]. Theo đó, CTDH được thiết kế và phát triển theo xu hướng và cách tiếp cận phát triển Giáo dục hướng đến CĐR – Outcomes -based Education (OBE) với nguyên lý nhấn mạnh vai trò trung tâm của CĐR và mối liên kết giữa các thành phần của CTDH: CTĐT đáp ứng CĐR - Phương thức dạy và học đáp ứng CĐR - Kiểm tra đánh giá người học đo lường mức độ đáp ứng CĐR. Quy trình thiết kế và phát triển

CTDH được Nhà trường/Khoa thiết lập: Từ yêu cầu của các tổ chức độc lập như: chính phủ (Luật Giáo dục...), các cơ quan quản lý nhà nước (quy chế, hướng dẫn...), các tổ chức nghề nghiệp, các tổ chức nghiên cứu... và yêu cầu, nhu cầu của Nhà trường, các GV, đại diện các tổ chức sử dụng SV tốt nghiệp, các cựu SV, các SV đang học, Khoa xác định CDR của ngành đào tạo, thiết kế CTĐT dựa trên CDR, thực hiện CTĐT và đánh giá CTĐT [H10.10.02.01], [H10.10.02.02], [H10.10.02.03].

Năm 2015, năm 2017, và năm 2020 Khoa GDTC-QP đã tiến hành tổ chức đánh giá, sửa đổi và cập nhật CTĐT ngành GDTC hệ đại học chính quy dựa trên các văn bản hướng dẫn của Nhà trường [H10.10.02.01]. Trong mỗi lần điều chỉnh, Khoa đã thực hiện trình tự các bước theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Nhà trường. Trước tiên, Khoa mời các chuyên gia cùng chuyên ngành có uy tín từ các trường đại học, các sở GD&ĐT sử dụng SV tốt nghiệp của Khoa, GV và cán bộ quản lý các cấp, cựu SV tham gia vào thảo luận, điều chỉnh góp ý sửa đổi chương trình. Ngoài ra, các ý kiến phản hồi của SV năm cuối về CTĐT và SV đang học về hoạt động giảng dạy các học phần cũng là cơ sở quan trọng cho việc điều chỉnh và đánh giá tính hiệu quả của chương trình. Điều này được thể hiện trong Bản báo cáo đánh giá ngoài của Trường ĐHQN [H10.10.02.03], [H10.10.02.04].

Sau khi phân tích, đánh giá nhu cầu của các bên liên quan thông qua các các ý kiến phản hồi, Hội đồng khoa Khoa GDTC-QP họp thảo luận để thống nhất điều chỉnh, cập nhật, phát triển chương trình. Theo hướng dẫn của Nhà trường, Khoa tiến hành biên soạn các ĐCCT cụ thể từng học phần đáp ứng CDR của CTĐT. Hội đồng nghiệm thu có trách nhiệm đánh giá tính cần thiết, chất lượng chuyên môn, sự cân đối giữa nội dung đào tạo, tính sư phạm, mức độ khả thi để có thể đưa vào vận hành trong CTDH [H10.10.02.05], [H10.10.02.06]. Sau khi thẩm định, Khoa tiếp thu ý kiến góp ý của Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Nhà trường và chỉnh sửa theo kết luận trong biên bản để Nhà trường chính thức ban hành CTDH sau khi điều chỉnh [H10.10.02.01].

Hàng năm theo thông báo của Nhà trường về biên soạn giáo trình, theo quy định chung về giờ chuẩn giảng dạy của Nhà trường, Khoa cũng tiến hành lập danh sách và đề nghị các GV tiến hành đăng ký viết giáo trình phù hợp với CTDH vừa cập nhật để phục vụ việc học tập của SV. Việc điều chỉnh, cập nhật CTDH có sự đối sánh với các CTDH chuyên ngành GDTC của các trường đại học có uy tín trong nước [H10.10.02.07], [H10.10.02.08].

Trong quá trình thực hiện CTDH, Nhà trường và Khoa định kỳ tổ chức hoạt động khảo sát ý kiến GV và các bên liên quan về chất lượng CTĐT, tính thiết yếu của các học phần trong chương trình để thường xuyên cải tiến nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt KQHT mong đợi của SV và đáp ứng yêu cầu của xã hội. Kết quả khảo sát SV trong những năm qua cho thấy phần lớn SV của Khoa hài lòng về CTDH



cũng như sự đổi mới liên tục của CTDH đáp ứng kịp thời với nhu cầu xã hội [H10.10.02.09], [H10.10.02.10].

## 2. Điểm mạnh

Việc thiết kế và phát triển CTDH được thiết lập, được đánh giá và cải tiến định kỳ theo kế hoạch của Nhà trường, có sự tham gia của các chuyên gia, cán bộ quản lý, GV, nhà tuyển dụng, cựu SV và SV.

CTDH thường xuyên được cập nhật, điều chỉnh nhằm nâng cao CLĐT, đáp ứng yêu cầu của xã hội.

## 3. Điểm tồn tại

Một số môn học chưa biên soạn giáo trình kịp thời để đáp ứng nhu cầu của người học. Hệ thống giáo trình, học liệu tham khảo sử dụng chủ yếu của các trường đại học trong nước.

Việc xây dựng quy trình thiết kế, cải tiến và đánh giá CTDH chủ yếu phụ thuộc vào sự chỉ đạo từ phía Nhà trường và sự thay đổi của Chương trình giáo dục phổ thông.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 – 2021, Khoa GDTC-QP sẽ triển khai cho các Bộ môn và đề xuất với Nhà trường biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng. Hơn nữa, Khoa cũng tập trung phát triển một số tập bài giảng thành giáo trình. Đồng thời, việc cải tiến CTDH sẽ được căn cứ theo chiến lược của Nhà trường và đề xuất của Hội đồng Khoa. Khoa tăng cường đăng ký dịch các giáo trình của một số trường đại học ở nước ngoài nhằm tăng thêm nguồn học liệu cho SV.

Từ năm học 2021-2022, Khoa sẽ tiếp tục lấy ý kiến của các bên liên quan một cách thường xuyên và đa dạng về phạm vi khảo sát để việc thiết kế và phát triển CTDH có cơ sở đánh giá và cải tiến cho phù hợp với nhu cầu của xã hội và của nhà sử dụng lao động.

## 5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

***Tiêu chí 10.3. Quá trình dạy và học, việc đánh giá kết quả học tập của người học được rà soát và đánh giá thường xuyên để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với chuẩn đầu ra.***

### 1. Mô tả

Kiểm tra, đánh giá KQHT của SV là một khâu rất quan trọng không thể thiếu trong quá trình đào tạo tại Trường ĐHQN nói chung và đào tạo ngành GDTC nói riêng. Nó là khâu cuối cùng, không chỉ có ý nghĩa đánh giá độ tin cậy kết quả học tập của quá trình dạy và học mà còn có tác dụng điều tiết trở lại hết sức mạnh mẽ đối với quá trình đào tạo. Việc đánh giá KQHT của SV được quy định rõ trong ĐCCT học phần, chỉ rõ hình thức, thời gian và trọng số của từng loại điểm cho từng lần kiểm tra. Các lần kiểm tra trong một học kỳ gồm 3 thành phần: đánh giá chuyên cần, đánh

giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ. Các hình thức kiểm tra đánh giá cho mỗi học phần được đa dạng hoá theo yêu cầu và sự chủ động của GV và đáp ứng mục tiêu học phần, bao gồm: bài tập thực hành, bài tập nhóm, bài thảo luận trên lớp, tự luận, vấn đáp... và được ghi rõ trong ĐCCT của học phần đó. Việc kiểm tra đánh giá KQHT của SV được thực hiện theo Quy định tổ chức thi kết thúc học phần của Trường ĐHQN [H10.10.03.01].

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường có bảng Kế hoạch năm học chung cho cả trường giúp các khoa chủ động trong công tác giảng dạy cả năm học. Vào đầu mỗi học kỳ, Khoa kết hợp với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành thông báo mở lớp học phần để SV đăng ký TC và các tổ chuyên môn của Khoa tiến hành đăng ký GV phụ trách các học phần [H10.10.03.02]. Vào cuối mỗi học kỳ, Khoa phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức nghiêm túc các kỳ thi kết thúc học phần theo quy định. Kết thúc mỗi kỳ thi, Khoa đều có công văn về việc báo cáo tình hình tổ chức thi kết thúc học phần và báo cáo tổng kết công tác tổ chức kỳ thi kết thúc học phần của Nhà trường bao gồm cả công tác ra đề thi, coi thi, chấm thi; Phòng Thanh tra – Pháp chế của Nhà trường định kỳ tiến hành thanh tra việc vào điểm và quản lý điểm của trợ lý Khoa để đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan và chính xác [H10.10.03.03].

Ngoài ra, căn cứ vào kế hoạch đào tạo năm học, Khoa triển khai và giám sát hoạt động dạy và học của GV và SV. Hoạt động giảng dạy của GV được báo cáo hàng tháng thông qua các cuộc họp của Bộ môn và được kiểm tra qua phiếu ghi giờ giảng [H10.10.03.04]. GV cần giải trình nếu việc giảng dạy, kiểm tra, đánh giá KQHT của SV không đúng theo kế hoạch để Khoa kịp thời điều chỉnh.

Quy trình đảm bảo chất lượng của kiểm tra, đánh giá được thực hiện ngay từ đầu vào của mỗi kỳ thi, từ hoạt động tuyên truyền bằng băng rôn, khẩu hiệu của Đoàn thanh niên, Hội SV cho đến việc phát huy vai trò của CVHT trước mỗi kỳ thi qua các buổi sinh hoạt lớp cuối tháng [H10.10.03.05].

Các hình thức đánh giá và thi cử được thực hiện đúng theo quy định về “*Đánh giá kết quả và thực hiện của các kỳ thi cuối khóa*”. Nhà trường và Khoa sử dụng phần mềm quản lý dữ liệu kiểm tra đánh giá SV nhằm nâng cao hiệu quả quản lý KQHT của SV [H10.10.03.06].

Việc ra đề, chấm thi đều được thực hiện theo quy trình như sau: đầu tiên, Phòng KT&BDCL gửi đến Khoa danh sách và kế hoạch thi học phần (các môn tự luận), trong vòng 01 tuần, các giáo viên bộ môn gửi lại đề thi kèm đáp án có chữ ký của Trưởng bộ môn cho trợ lý Khoa. Sau đó, bộ phận này gửi đề thi và đáp án cho Phòng KT&BDCL để tổ chức thi cho SV. Lịch chấm thi đã được thông báo cho GV ít nhất là 2 tuần trước khi môn thi đầu tiên bắt đầu, vì vậy, theo lịch đó, GV chấm thi vào nộp điểm cho bộ phận đào tạo của Khoa [H10.10.03.07], [H10.10.03.08].

Về quy trình thực hiện KLTN (KLTN): đầu năm thứ 4, SV được thông báo danh sách các SV được làm KLTN (gồm 20% SV có điểm cao nhất lớp và điểm trung bình cộng học tập không dưới 7,0/10). Sau đó, thông báo danh sách GV hướng dẫn để SV liên hệ và giao đề tài. Đến thời gian bảo vệ KLTN, Khoa tiến hành các bước sau: (1) thông báo cho GV và SV trước 1 tháng về thời gian, địa điểm chấm KLTN; (2) phân công GV phản biện cho khóa luận của SV; (3) bộ phận đào tạo của Khoa thu KLTN của SV và gửi đến các GV phản biện, GV hướng dẫn để viết nhận xét KLTN của SV, đồng thời yêu cầu các GV hướng dẫn nộp nhận xét về SV thực hiện khóa luận; (4) thành lập hội đồng và các tiểu ban chấm KLTN; (5) bộ phận đào tạo tổng hợp điểm của các khóa luận; (6) Ngay sau mỗi hội đồng bảo vệ KLTN, hội đồng họp và cho điểm KLTN ngay; (7) ngay sau khi mọi hội đồng chấm điểm xong, các hội đồng chấm khóa luận họp lại lần nữa (bao gồm các trưởng tiểu ban và các thư ký tiểu ban) để tổng hợp điểm khóa luận cuối cùng, xem xét toàn cục chất lượng khóa luận của SV và cuối cùng (8) thông báo ngay điểm khóa luận cho SV [H10.10.03.09].

Quá trình dạy học và đánh giá KQHT tại Khoa còn được xem xét, đánh giá qua các ý kiến phản hồi hằng năm của SV năm cuối về CTĐT vào cuối mỗi năm học. Từ đó, Nhà trường và Khoa đưa ra những quyết định khen thưởng phù hợp để động viên, khích lệ tinh thần của GV và SV, từ đó làm động lực phát huy hơn nữa năng lực dạy của GV và học của SV toàn Khoa [H10.10.03.10].

## **2. Điểm mạnh**

Quy trình kiểm tra đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện một cách có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ, nghiêm túc và được rà soát thương xuyên theo từng học kỳ. CDR của mỗi học phần trong quá trình dạy và học luôn được GV xem là mốc để đánh giá KQHT của người học. CDR này đóng góp và thống nhất với CDR của CTĐT.

Các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với đào tạo TC và quy định chung của Trường, góp phần quan trọng vào việc nâng cao CLĐT trên cơ sở đánh giá được thực chất chất lượng dạy và học đồng thời phát huy được tính chủ động, sáng tạo của cả GV và người học.

## **3. Điểm tồn tại**

Việc lấy ý kiến của cựu SV, nhà sử dụng lao động về quá trình dạy-học và đánh giá KQHT chưa có tính hệ thống và rộng khắp. Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV tuy được Nhà trường thực hiện thường xuyên nhưng chưa thu thập được ý kiến đánh giá đối với 100% học phần.

Việc tiến hành kiểm tra thường xuyên bằng các bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thảo luận, thi vấn đáp, thi trắc nghiệm chưa được thực hiện ở tất cả các học phần.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát ý kiến SV; Các CVHT các lớp, Phòng công tác SV tăng cường việc nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR.

Khoa GDTC-QP tiếp tục tổ chức triển khai các Bộ môn rà soát, đánh giá quá trình dạy và học, quá trình kiểm tra đánh giá, phân tích KQHT của người học để đảm bảo sự tương thích và phù hợp nhất với CĐR của mỗi học phần để đóng góp vào CĐR của CTĐT. Tổ chức khảo sát ý kiến cựu SV, nhà sử dụng lao động về các nội dung quá trình dạy học và đánh giá KQHT có tính hệ thống và rộng khắp.

Khoa tiếp tục lấy CĐR của mỗi học phần trong quá trình dạy và học làm mốc để đánh giá KQHT của người học. Quá trình dạy học, việc đánh giá KQHT của người học được đánh giá định kỳ để có sự thống nhất cao với CĐR.

Khoa tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho GV trong Khoa; các Bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các GV trong Bộ môn, đặc biệt là các GV trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CĐR.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

***Tiêu chí 10.4. Các kết quả nghiên cứu khoa học được sử dụng để cải tiến việc dạy và học***

### **1. Mô tả**

Giảng dạy và NCKH có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, NCKH tạo cơ sở cho việc thực hiện tốt hơn hoạt động dạy và học. Nhận thức được tầm quan trọng đó, Nhà Trường đã xây dựng Đề án nâng cao CLĐT và NCKH đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo 2015 - 2020, xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHQN giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H10.10.04.01].

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của NCKH ở cơ sở GDĐH, Đội ngũ GV Khoa GDTC-QP đã xác định NCKH vừa là nhiệm vụ bắt buộc đồng thời cũng là hoạt động được khuyến khích. Khoa có nhiều đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Trường... liên quan đến việc dạy và học và nó được coi là một trong những căn cứ quan trọng để xếp hạng thi đua đối với GV của Nhà trường, từ đó tạo động lực NCKH đối với mọi GV trong Trường nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng [H10.10.04.02], [H10.10.04.03].

Trong quá trình giảng dạy, các GV của Khoa đã thực hiện hoạt động NCKH dưới nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: Chủ trì, tham gia đề tài NCKH các cấp; viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành; viết bài và tham gia hội thảo khoa học; viết giáo trình; hướng dẫn SV NCKH;... [H10.10.04.02]. Khoa đã có nhiều cán bộ tham gia viết và xuất bản giáo trình phục vụ đào tạo và đã được Nhà trường đưa vào sử dụng trong Trường [H10.10.04.04].

Hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ của Khoa luôn gắn kết với nhiệm vụ đào tạo. Phần lớn các đề tài KH&CN cấp Trường được triển khai nhằm phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo của Nhà trường. Nội dung các đề tài nghiên cứu đều bám sát với CTĐT của ngành GDTC và nhiều đề tài được Khoa ứng dụng vào hoạt động giảng dạy, học tập và làm tài liệu tham khảo cho GV và SV ngành GDTC trong Khoa [H10.10.04.02], [H10.10.04.05].

Trong giai đoạn đánh giá, GV trong Khoa đã thực hiện 07 đề tài NCKH cấp trường, 01 đề tài cấp Tỉnh; biên soạn 3 giáo trình và sách tham khảo; có 01 bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế, 12 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành và Tạp chí khoa học cấp trường; có 04 bài báo đăng trong hội thảo khoa học quốc tế và 02 bài đăng trong hội thảo khoa học trong nước; tham dự 15 hội thảo khoa học (từ năm 2016 - 2020) và có 04 bài báo đăng trong hội thảo khoa học quốc tế và 02 bài đăng trong hội thảo khoa học trong nước; Các kết quả nghiên cứu đều có tính ứng dụng và phục vụ giảng dạy các học phần thuộc CTĐT của ngành GDTC như Bơi lội và phương pháp giảng dạy, Bóng ném phương pháp giảng dạy, Cầu lông phương pháp giảng dạy, Bóng đá phương pháp giảng dạy và Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm [H10.10.04.02], [H10.10.04.05].

Với thành tích NCKH xuất sắc, cán bộ của Khoa đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Định tôn vinh “*Trí thức tiêu biểu về khoa học và công nghệ tỉnh Bình Định*” năm 2018 [H10.10.04.06].

Bên cạnh hoạt động NCKH của mình, GV của Khoa GDTC-QP còn tích cực khuyến khích, tạo điều kiện để khuyến khích SV có nguyện vọng tham gia NCKH. Số lượng đề tài NCKH SV trung bình là 1 đề tài/năm. Nội dung các đề tài NCKH của SV ngành GDTC thuộc các lĩnh vực chuyên môn đào tạo như Bóng đá, Bóng chuyền, Bóng rổ, Cầu lông... để giúp SV hiểu rõ hơn kiến thức chuyên ngành, nắm được phương pháp, cách thức tổ chức nghiên cứu, phát huy khả năng tư duy độc lập, tập hợp tài liệu, phân tích, so sánh, lý giải các vấn đề lý luận, thực tiễn đặt ra một cách khoa học. Việc tổ chức đánh giá các đề tài NCKH SV được thực hiện ở các tiểu ban do Hội đồng Khoa đề xuất. Căn cứ vào kết quả hội nghị NCKH SV, Nhà trường xuất bản kỷ yếu NCKH của SV bao gồm các đề tài đạt giải tại các tiểu ban. [H10.10.04.07].

Ngoài ra, Khoa cũng đã tham gia tổ chức thành công các hội thảo chuyên ngành về GDTC. Cán bộ GV của Khoa cũng tích cực tham gia các hội nghị, hội thảo về GDTC nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu và giảng dạy GDTC và hợp tác NCKH trong nước như đã nói ở đầu mục này [H10.10.04.08], [H10.10.04.09].

## **2. Điểm mạnh**

Thông qua kết quả NCKH của GV và của người học, Khoa đã sử dụng những kết quả này để đưa vào việc dạy và học nhằm gắn chặt việc dạy và học với NCKH.

Những kết quả NCKH nhờ gắn chặt với việc dạy và học nên đã tạo ra nguồn động lực giúp GV và người học hăng say NCKH hơn nữa. Hầu hết các đề tài NCKH của GV và SV dưới mọi cấp độ và những hình thức khác nhau đều gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ đào tạo, có ý nghĩa thực tế trong phục vụ công tác dạy và học.

Thông qua NCKH, SV hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và giảng dạy GDTC ở phổ thông sau khi tốt nghiệp đại học.

### **3. Điểm tồn tại**

Các GV Khoa GDTC-QP ít có tham luận ở các hội thảo khoa học quốc tế; việc đăng bài trên các tạp chí quốc tế còn hạn chế. Số lượng các công trình NCKH liên quan đến việc dạy và học của GV chưa đa dạng.

Công trình NCKH của SV chưa nhiều và chưa đồng đều hằng năm.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Ban chủ nhiệm Khoa, Hội đồng Khoa sẽ yêu cầu các Bộ môn thành lập các nhóm NCKH để triển khai các đề tài NCKH phục vụ công tác đào tạo cũng như hỗ trợ các GV trẻ và SV thực hiện các đề tài NCKH theo hướng ứng dụng. Khoa cũng sẽ ưu tiên cho các đề tài NCKH về Phương pháp giảng dạy để trau dồi thêm năng lực dạy học cho SV. Khoa GDTC-QP tiếp tục gắn chặt hơn nữa việc sử dụng các kết quả NCKH vào việc dạy và học, đề ra những chính sách thiết thực để khuyến khích những loại đề tài NCKH như vậy.

Khuyến khích và tạo động lực để GV tham gia viết các bài báo trên tạp chí nước ngoài có chất lượng, bài báo đăng trên tạp chí có chỉ số ISI, SCI và Scopus. Khuyến khích GV tham gia các hội thảo quốc tế trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Khoa GDTC-QP tăng cường công tác NCKH của SV, khuyến khích SV đăng bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

***Tiêu chí 10.5. Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến***

#### **1. Mô tả**

Để nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ GV và SV, Trường ĐHQN đã có những văn bản hướng dẫn cụ thể về công tác đảm bảo chất lượng trong đó có liên quan đến dịch vụ hỗ trợ GV và SV. Hằng năm Nhà trường tổ chức kiểm kê tài sản nhằm thống kê lại CSVC của năm học trước và có định hướng sửa chữa, cải tiến cho năm học tiếp theo [H10.10.05.01]. Một cách tổng quan, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích cho việc giảng dạy và học tập được Nhà trường và Khoa đánh giá định kì và cải tiến chất lượng. CSVC của Khoa gắn liền với CSVC của Nhà Trường (bao gồm nhà thi đấu, phòng học và các thiết bị đi kèm: loa, máy chiếu, đèn chiếu, thư viện, dữ

liệu truy cập internet,...). Từ năm 2016, Khoa GDTC-QP đã xây dựng tủ sách chuyên ngành cho GV và SV đặt tại Văn phòng Khoa với đầy đủ các sách chuyên ngành, trong đó chủ yếu là các sách dùng cho các học phần trong CTĐT. Từ 2016, Thư viện Trường ĐHQN đã kết nối với thư viện của một số trường đại học trong nước, đặc biệt với Trung tâm Học liệu của Trường Đại học Cần Thơ và Thư viện quốc gia, để khai thác cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nghiên cứu và học tập của GV và SV [H10.10.05.02].

Hằng năm, Nhà trường định kỳ tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học về chất lượng CSVC phục vụ cho việc học tập cũng như các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác. Kết quả khảo sát trong những năm gần đây cho thấy SV có xu hướng đánh giá theo hướng tích cực về điều kiện CSVC cũng như các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ học tập [H10.10.05.03]. Bên cạnh đó, hằng tháng Nhà trường duy trì thường xuyên chế độ sinh hoạt lớp. Trong các buổi sinh hoạt lớp, các ý kiến phản hồi của SV về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích sẽ được ghi vào biên bản sinh hoạt lớp. Phòng Công tác chính trị và SV sẽ tập hợp các ý kiến phản hồi của SV. Ngoài ra, thông qua các buổi làm việc giữa Lãnh đạo Khoa với các lớp trưởng, bí thư, chi hội trưởng các lớp, Khoa cũng tập hợp các ý kiến phản hồi của SV và phản ánh trong các cuộc họp giao ban của Nhà trường. Từ các kết quả này, Nhà trường, Khoa và các đơn vị có liên quan kịp thời có những giải pháp cải tiến phù hợp nhằm phục vụ tốt hơn các nhu cầu học tập của SV [H10.10.05.04].

Ngoài việc lấy ý kiến đánh giá của SV về điều kiện vật chất phục vụ trực tiếp cho việc học, Khoa cũng đánh giá những hoạt động hỗ trợ khác liên quan đến đời sống của SV thông qua các CVHT, Hội SV và Đoàn thanh niên. Những dịch vụ này (như chất lượng phòng ở kí túc xá, hiệu quả của công tác chăm sóc sức khỏe cho SV, của công tác CVHT,...) cũng ít nhiều có ảnh hưởng đến chất lượng học tập của SV và cảm nhận hài lòng của SV về môi trường đại học nói chung, về Khoa GDTC-QP nói riêng. Nhìn chung, SV của Khoa hài lòng với chất lượng của các hoạt động hỗ trợ này ở mức trung bình cao. Để phát huy vai trò của CVHT, Khoa cũng sát sao trong việc nhắc nhở các CVHT ngoài việc duy trì lịch làm việc cố định với SV (một lần/tháng), CVHT nên thường xuyên tiếp xúc với SV trong các giờ giải lao giữa các tiết học để nắm bắt tình hình SV kỹ hơn. Phần lớn các cán bộ trong Khoa luôn sẵn sàng tư vấn cho SV mỗi khi các em có nhu cầu. Khoa và Nhà trường luôn tìm những nguồn học bổng trao cho các SV có thành tích nổi bật nhằm khuyến khích các em phấn đấu hơn nữa trong học tập và công tác khác [H10.10.05.03], [H10.10.05.05].

## **2. Điểm mạnh**

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích (tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác) được đánh giá và cải tiến

định kỳ. Việc đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ và tiện ích được thực hiện hàng năm theo một quy trình thống nhất của Trường ĐHQN.

Hệ thống công thông tin và các dịch vụ hỗ trợ được Nhà trường xây dựng theo hướng hiện đại, cung cấp dịch vụ hỗ trợ đầy đủ và tiện ích cho GV và người học. Công tác lấy ý kiến phản hồi của cán bộ viên chức, GV và người học về chất lượng dịch vụ hỗ trợ được tiến hành thường xuyên hằng năm, thông qua nhiều kênh, nhiều hình thức để làm cơ sở đánh giá và cải tiến chất lượng dịch vụ; kết quả phản hồi, phần lớn là hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ.

### **3. Điểm tồn tại**

Một số phản hồi của các bên liên quan về CSVC, tiện ích chưa được đáp ứng kịp thời do còn phụ thuộc vào kế hoạch ngân sách và quy hoạch tổng thể chung của Nhà trường.

Mặc dù thư viện đã có kho tư liệu rất lớn nhờ sự đầu tư kịp thời của Nhà trường để cập nhật kịp thời những tư liệu mới nhất, phù hợp với yêu cầu đào tạo; nhưng vì ngành đặc thù nên hiện tài liệu chuyên ngành GDTC còn ít, chưa phong phú về chủng loại, do vậy phần nào gây khó khăn trong việc học tập, nghiên cứu của SV.

### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020-2021, Khoa đề nghị Nhà trường rà soát lại chất lượng của các thiết bị máy móc ở các giảng đường và thay thế những thiết bị đã sử dụng lâu, chất lượng kém. Thành lập bộ phận sửa chữa trang thiết bị ở các phòng học, giảng đường có đường dây nóng nhằm kịp thời khắc phục các sự cố hỏng hóc trang thiết bị phục vụ cho việc giảng dạy và học tập.

Nhà trường tiếp tục đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ của thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống phòng thí nghiệm và hệ thống công nghệ thông tin để đáp ứng tốt hơn nữa yêu cầu đào tạo và nghiên cứu.

Về tư liệu, các cán bộ của Khoa có cơ hội học tập, tham dự hội thảo ở nước ngoài sẽ tăng cường việc giới thiệu nguồn tài liệu mới để Khoa cập nhật. Khoa cũng đề nghị Nhà trường có cơ chế để tuyển chọn một số giáo trình tốt trên thế giới và đầu tư mua thêm sách chuyên ngành GDTC để giúp SV tiếp cận được với các chương trình giáo dục hiện đại của thế giới, đồng thời đáp ứng yêu cầu chương trình đào tạo.

### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

***Tiêu chí 10.6. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến***

#### **1. Mô tả**

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác đảm bảo chất lượng đối với sự phát triển của Nhà trường, Phòng KT&BDCL của Trường được thành lập theo Quyết định số 1301/QĐ-TCCB ngày 23/10/2009 trên cơ sở tách bộ phận Khảo thí và Kiểm



định chất lượng giáo dục ra từ Phòng Đào tạo Đại học và Sau đại học. Phòng KT&BDCL có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng trong công tác đánh giá, đảm bảo và kiểm định CLĐT cho Nhà trường; đồng thời là đơn vị nghiên cứu, tư vấn về các vấn đề đảm bảo chất lượng đào tạo. Hiện nay, Phòng KT&BDCL là đầu mối xây dựng các quy định về việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về CTĐT, CĐR; chất lượng hoạt động giảng dạy của GV; hoạt động phục vụ và hỗ trợ đào tạo của đội ngũ chuyên viên và nhân viên; tình hình việc làm của SV tốt nghiệp [H10.10.06.01].

Việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được phòng KT&BDCL thực hiện đúng trình tự, khoa học và dưới nhiều hình thức khác nhau, cụ thể: Xây dựng kế hoạch khảo sát ý kiến của SV trên nhiều kênh thông tin khác nhau (phiếu hỏi trực tiếp, hỏi online) về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến của SV năm cuối về chất lượng CTĐT; khảo sát ý kiến của SV mới tốt nghiệp (6-12 tháng) về tình hình việc làm và CTĐT; khảo sát cựu SV, nhà sử dụng lao động về CĐR và CTĐT; khảo sát ý kiến NH về CSVC và hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo... Ngoài các hình thức khảo sát trên, KT&BDCL xây dựng hệ thống khảo sát online qua phần mềm khảo sát E-survey, ngoài ra còn tiếp nhận thông tin phản hồi qua nhiều kênh khác như email, facebook... [H10.10.06.02], [H10.10.06.03], [H10.10.06.04].

Bên cạnh đó, cơ chế phản hồi của các bên liên quan cũng được Nhà trường cụ thể hóa trong văn bản “*Quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN*” nhằm đảm bảo việc thu thập, lựa chọn, xử lý và sử dụng thông tin phản hồi được thực hiện đúng trình tự, khoa học; phương pháp đa dạng; công cụ khảo sát có độ tin cậy cao, nội dung được cập nhật; có thể đối sánh được ý kiến của các bên liên quan trong nhiều năm. Văn bản này quy định mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong công tác lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan tại Trường ĐHQN về chất lượng hoạt động giảng dạy; CTĐT, CĐR; tình hình việc làm; các hoạt động dịch vụ hỗ trợ đào tạo một cách rõ ràng, cụ thể và công khai minh bạch [H10.10.06.02].

Để cải tiến CLĐT, theo quy định của Nhà trường, sau khi tiếp nhận kết quả khảo sát, Khoa và các đơn vị có liên quan phải tổ chức họp thảo luận về các ý kiến phản hồi trong đơn vị nhằm đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng trong năm học tiếp theo và báo cáo cho Nhà trường. So với giai đoạn trước 2015, Nhà trường đã có nhiều cải tiến trong việc lấy ý kiến phản hồi như: nội dung lấy ý kiến bao phủ hơn bao gồm lấy ý kiến về chất lượng CTĐT, dịch vụ hỗ trợ, CSVC, hoạt động dạy và học, hỗ trợ của đội ngũ viên chức [H10.10.06.03]. Hình thức khảo sát ý kiến được cải tiến từ phiếu hỏi sang phần mềm khảo sát online, từ phần mềm khảo sát online ở mức cơ bản sang phần

mềm khảo sát E-Survey chuyên dụng, tích hợp với phần mềm quản lý đào tạo nên đảm bảo được tính khách quan và hiệu quả hơn trong quá trình thu nhận ý kiến từ SV, GV [H10.10.06.04].

Trong các giai đoạn điều chỉnh, cập nhật CTĐT trình độ đại học ngành GDTC, kết quả phản hồi của các bên liên quan được sử dụng làm căn cứ điều chỉnh khối lượng kiến thức các học phần trong chương trình, điều chỉnh CDR... Trong các lần điều chỉnh, hệ thống bảng hỏi cũng có sự điều chỉnh phù hợp nhằm thu thập được các thông tin chuẩn xác nhất. Ngoài ra, Khoa còn tiến hành thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan đối với CTĐT thông qua nhiều hoạt động khác nhau như: Hội thảo, các đợt thực tập tốt nghiệp... [H10.10.06.05].

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường đã xác định được cơ quan chuyên trách thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan là Phòng KT&BDCL. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được Nhà trường quy định bằng văn bản, có tính hệ thống, được đánh giá và cải tiến thường xuyên.

Hệ thống phần mềm hỗ trợ việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đảm bảo tính hệ thống và khoa học. Nội dung các Phiếu khảo sát SV về hoạt động giảng dạy của GV và CTĐT thường xuyên được điều chỉnh, cập nhật. Kết quả phản hồi của các bên liên quan được đánh giá và có sự điều chỉnh, cải tiến.

## **3. Điểm tồn tại**

Trong quá trình vận hành, phần mềm khảo sát online còn thể hiện nhiều hạn chế cùng với việc ý thức của SV trong tham gia phản hồi ý kiến chưa cao dẫn đến kết quả khảo sát về hoạt động giảng dạy và CTĐT chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Một số phản hồi chưa thực sự chính xác với thực tế hoặc còn cảm tính; một số hình thức lấy ý kiến phản hồi (đặc biệt là kênh chưa chính thống như Facebook) chưa được đánh giá, phân tích về mức độ hiệu quả và độ tin cậy của thông tin.

## **4. Kế hoạch hành động**

Trong năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP đề nghị Nhà trường tích cực hoàn thiện và nâng cấp phần mềm khảo sát, đồng thời CVHT các lớp tích cực nhắc nhở, đôn đốc SV tham gia phản hồi ý kiến đóng góp cho Nhà trường.

Hàng năm, Khoa tổ chức Hội nghị trao đổi với nhà tuyển dụng, nhà khoa học, GV và cựu SV nhằm thu thập thông tin phản hồi, nâng cao chất lượng, phát triển CTDH.

## **5. Tự đánh giá: *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.***

### **Kết luận về Tiêu chuẩn 10**

Khoa GDTC-QP đã thực hiện thường xuyên và định kỳ nhiều công việc để đảm bảo và nâng cao CLĐT. Cụ thể, việc thiết kế CTĐT được tuân thủ theo đúng quy trình: (1) xây dựng chương trình trên cơ sở so sánh/đối chiếu với chương trình của các trường

đại học trong nước và thế giới có thể mạnh về nghiên cứu và giảng dạy GDTC; (2) lấy thông tin phản hồi từ nhà tuyển dụng, cựu SV và SV làm cơ sở để điều chỉnh chương trình; (3) hàng năm có cập nhật các nghiên cứu mới, các học phần mới về GDTC trên thế giới (không quá 20% CTĐT); (4) thường xuyên ứng dụng các kết quả NCKH của các cán bộ GV, SV trong Khoa vào nội dung của các học phần trong CTĐT.

Quy trình và phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng được đa dạng hóa, đảm bảo tính liên tục, sự nghiêm túc, khách quan theo đúng quy chế đào tạo của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN; công tác coi thi, chấm thi ở tất cả các kỳ thi/kiểm tra đều được thực hiện nghiêm túc; các hình thức thi/kiểm tra đã đánh giá được kiến thức và kỹ năng của người học ở từng học phần theo CĐR.

Các dịch vụ hỗ trợ và tiện ích, nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu của người học, đảm bảo cho việc học tập của SV. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

Tự đánh giá theo 6 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 6/6 tiêu chí trong đó 04 tiêu chí đạt 4/7 và 02 tiêu chí đạt 5/7.

## **Tiêu chuẩn 11. Kết quả đầu ra**

### **Mở đầu**

Kết quả đầu ra là thước đo phản ánh CLĐT của Khoa, của Nhà trường. Việc đánh giá kết quả đầu ra của người học được thực hiện dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHQN. Việc đánh giá bắt đầu ngay từ khi tuyển sinh đầu vào, trong suốt quá trình học tập của SV cho tới khi tốt nghiệp và sau khi tốt nghiệp thông qua tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình và tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp. SV tốt nghiệp ngành GDTC đáp ứng được yêu cầu của các bên liên quan.

Công tác NCKH của SV được Nhà trường và Khoa chú trọng, khuyến khích và đẩy mạnh triển khai thực hiện. Việc khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng dịch vụ giáo dục, CTDH, kết quả đào tạo được xác lập và giám sát. Hệ thống đảm bảo chất lượng và các hoạt động đảm bảo chất lượng được đối sánh, từ đó xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng CTĐT. Vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo.

***Tiêu chí 11.1. Tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

### **1. Mô tả**

Công tác đảm bảo CLĐT của ngành GDTC được thực hiện từ khâu tuyển sinh thông qua các kỳ thi tuyển sinh đại học. Nguồn SV đầu vào của Khoa được lựa chọn kỹ lưỡng qua các đợt thi năng khiếu TĐTT từ các học sinh chất lượng có tố chất và đam mê TĐTT [H11.11.01.01]. SV được đào tạo bài bản và được thực hành, thực tập

thực tế có sự đánh giá giám sát chặt chẽ trong suốt quá trình học tại Trường, Khoa. Vì vậy, chất lượng đầu ra của CTĐT luôn được đảm bảo. Để quản lý và giám sát cơ sở dữ liệu học tập của người học, Nhà trường đã xây dựng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Phòng Đào tạo Đại học là đơn vị chức năng được giao nhiệm vụ quản lý công tác này [H11.11.01.02]. Kết thúc mỗi kỳ học, Nhà trường tiến hành xét KQHT, xét tốt nghiệp theo quy chế đào tạo TC để đánh giá KQHT của SV, đặc biệt là tỉ lệ thôi học và tỉ lệ tốt nghiệp. Việc áp dụng phần mềm trong việc quản lý KQHT của SV giúp đánh giá kết quả với độ chính xác cao hơn [H11.11.01.03]. Từ các kết quả này, Nhà trường chỉ đạo các Khoa phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học, CVHT tiến hành các biện pháp hỗ trợ người học, cải tiến chất lượng để giúp SV tiếp tục học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn và giảm tỉ lệ thôi học.

Khi hoàn thành CTĐT, KQHT của SV được trích ra và được Trưởng Phòng Đào tạo Đại học đề nghị lên Hội đồng xét tốt nghiệp của Nhà trường xem xét để Nhà trường ra quyết định tốt nghiệp cho SV [H11.11.01.04]. Việc cảnh báo KQHT của SV cũng được Nhà trường tiến hành định kỳ, và quyết định cảnh báo KQHT cũng như quyết định buộc thôi học đều được thông báo kịp thời cho SV [H11.11.01.05].

Khoa thực hiện việc giám sát, đối sánh tỷ lệ SV thôi học và tỷ lệ SV tốt nghiệp hàng năm [H11.11.01.06]. Cụ thể thông tin về số lượng SV tốt nghiệp và số lượng SV bỏ học của Khoa GDTC-QP trong 5 khóa gần đây (2016-2020) được thể hiện qua bảng số liệu sau:

*Bảng 11.1.1. Đối sánh tỷ lệ SV thôi học qua các năm học*

Năm học	Tỷ lệ SV thôi học (%)	
	Ngành GDTC ĐHQN	Trường ĐH SP TĐTT Hà Nội
2015-2016	2,84	6,77
2016-2017	5,88	4,59
2017-2018	1,36	4,54
2018-2019	1,98	2,24
2019-2020	9,09	

Bảng 11.1.1 cho thấy tỉ lệ SV thôi học của Khoa hàng năm chiếm tỉ lệ rất nhỏ so với tổng số SV của khóa học. SV thôi học chủ yếu là vào ba năm đầu tiên của khóa học. Nguyên nhân thôi học là do SV không thể tích lũy đủ số TC tối thiểu quy định của CTĐT, chưa đạt được nguyện vọng chọn ngành nghề, mong muốn thi vào các trường đại học khác ở các thành phố lớn, hoặc do hoàn cảnh gia đình.

*Bảng 11.1.2. Đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình qua các năm*

Khóa học	Thời gian tốt nghiệp trung bình (%)	
	Ngành GDTC ĐHQN	Trường ĐH SP TDTT Hà Nội
2011-2015	4.20	4,21
2012-2016	4.16	4,21
2013-2017	4.14	4,21
2014-2018	4.13	4,25
2015-2019	4.09	4,25

Khoa đã tiến hành đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình qua các năm của ngành GDTC Trường ĐHQN và Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội, kết quả cho thấy thời gian tốt nghiệp trung bình của SV ngành GDTC Trường ĐHQN thấp hơn so với tỷ lệ của Trường ĐH Sư phạm TDTT Hà Nội.

Từ đó, Nhà trường và Khoa đã có một số biện pháp cải tiến chất lượng. Cụ thể là, đội ngũ CVHT luôn quan tâm, giám sát SV thông qua các buổi sinh hoạt lớp hàng tháng [H11.11.01.07], quỹ SV vượt khó của Khoa trao học bổng hàng năm cho SV để khuyến khích và động viên người học kịp thời [H11.11.01.08]. Hơn nữa, trong 5 năm gần đây, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức, đánh giá, sửa đổi, cập nhật và ban hành CTĐT [H11.11.01.09]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi KQHT và chủ động trong kế hoạch học tập [H11.11.01.10].

## 2. Điểm mạnh

Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giám sát KQHT của SV, thường xuyên thống kê và cập nhật chính xác tỉ lệ SV thôi học, bỏ học và tỉ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn.

Nhà trường duy trì cơ chế sinh hoạt lớp hàng tháng để thông báo, nhắc nhở kịp thời tình hình học tập của SV. Các CVHT, Trợ lý đào tạo, Hội SV của Khoa và Ban chủ nhiệm Khoa luôn cập nhật tình hình SV thông qua những buổi sinh hoạt lớp và các hoạt động khác, và có những hướng giải quyết phù hợp. Với những SV thôi học, CVHT có sự trao đổi để hiểu được những khó khăn vướng mắc và có những tư vấn phù hợp cho các em.

## 3. Điểm tồn tại

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả: thôi học vì không hứng thú, vì có định hướng học trường khác, ngành khác..., trên cơ sở đó có những tiêu chí lựa chọn SV phù hợp ngay từ khi tuyển sinh.

Với những SV tốt nghiệp trên 4 năm do chưa hoàn thành các điều kiện CĐR như ngoại ngữ, kỹ năng mềm, giáo dục quốc phòng, nguyên nhân là do tâm lý chủ quan từ phía SV, vì đào tạo theo TC đòi hỏi SV phải chủ động với kế hoạch học tập.

## 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban chủ nhiệm Khoa GDTC-QP chỉ đạo các CVHT và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CDR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 5/7.*

**Tiêu chí 11.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

### 1. Mô tả

Cùng với việc giám sát tỷ lệ SV tốt nghiệp và thôi học, Phòng Đào tạo Đại học cũng là bộ phận chịu trách nhiệm theo dõi thời gian tốt nghiệp trung bình của SV [H11.11.02.01]. Thời gian của một khóa đào tạo là thời gian được thiết kế cho những SV bình thường hoàn thành chương trình học tập của mình để được cấp bằng tốt nghiệp. Thời gian đào tạo trình độ đại học các ngành sư phạm được quy định là 4 năm và thời gian tối đa hoàn thành CTĐT là 6 năm [H11.11.02.02].

Khoa đã thực hiện việc giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình của SV hằng năm trong giai đoạn đánh giá [H11.11.02.03]. Số lượng thống kê và tỷ lệ người học hoàn thành CTĐT cử nhân GDTC trong 5 năm học gần đây được cho trong bảng đối sánh sau:

*Bảng 11.2.1. Đối sánh tỷ lệ SV tốt nghiệp qua các năm*

Năm	Tỷ lệ SV tốt nghiệp (%)	
	Ngành GDTC ĐHQN	Trường ĐH SP TĐTT Hà Nội
2015	81,1	98,3
2016	88,9	98,8
2017	92,6	97,2
2018	85,1	95,4
2019	93,3	93

Bảng 11.2.1 cho thấy, nhìn chung, tỷ lệ SV của Khoa hoàn thành CTĐT là cao, đều ở mức trên 80%, nhưng vẫn thấp hơn tỷ lệ của Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội. Những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp đều được thông báo kịp thời để có kế hoạch chủ động hoàn thành chương trình học [H11.11.02.04]. Riêng năm học 2019-2020, vì ảnh hưởng chung của tình hình dịch bệnh nên rất nhiều SV bị ảnh hưởng đến KQHT dẫn đến tỷ lệ tốt nghiệp không cao.

Từ kết quả giám sát, đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình, các CVHT của Khoa đã tìm hiểu nguyên nhân chậm tốt nghiệp của SV và Nhà trường đã đề ra một số giải pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn, như tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần

trong học kỳ phụ để cải thiện điểm và mở các lớp ôn tập để SV các lớp có sĩ số ít có thể đăng ký [H11.11.02.05].

*Bảng 11.2.2. Các biện pháp hỗ trợ SV tốt nghiệp đúng hạn*

TT	Lý do	Giải pháp	Cải thiện
1	SV chưa nắm rõ các yêu cầu của CTĐT và các CDR	CVHT tăng cường gặp gỡ, tư vấn cho SV	SV hiểu rõ yêu cầu của CTĐT và chủ động chuẩn bị các chứng chỉ đáp ứng CDR
2	SV học lại học phần	Nhà trường tạo điều kiện cho SV đăng ký học phần trong học kỳ phụ để cải thiện điểm. Đối với các lớp sĩ số ít nhà trường mở các lớp ôn tập để SV có thể đăng ký	SV có thể đăng ký học các học phần để cải thiện điểm hoặc học vượt để rút ngắn thời gian tốt nghiệp
3	SV không nắm được thông tin đăng ký TC	Nhà trường chủ động thông báo SV kế hoạch đăng ký TC trên phần mềm quản lý đào tạo và website, facebook	SV nắm bắt thông tin kịp thời. Trên 95% SV hoàn thành đăng ký tín chỉ trong đợt đầu tiên

Ngoài ra, sau đánh giá ngoài cấp trường, Trường lập kế hoạch nhằm cải tiến chất lượng giáo dục [H11.11.02.06]. Đối với SV khóa 43 trở đi, SV có thể nộp các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế để được miễn các môn học Ngoại ngữ 1 và 2 trong chương trình học. [H11.11.02.07].

## 2. Điểm mạnh

Hầu hết SV ngành GDTC luôn có ý thức học tập tốt. Đội ngũ GV của Khoa, đặc biệt là các CVHT, thường xuyên quan tâm, nắm bắt tình hình học tập của SV, kịp thời hỗ trợ và giải quyết những khó khăn trong học tập, giúp SV hoàn thành CTĐT.

Về phía Nhà trường, Ban Giám hiệu và Phòng Đào tạo Đại học kịp thời thông báo tới những SV bị chậm tiến trình, còn nợ môn, chưa hoàn thành chương trình học... để SV nắm thông tin và hoàn thành chương trình học.

## 3. Điểm tồn tại

Một số SV còn chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, dẫn đến chưa tích lũy đủ số TC quy định, hoặc chưa hoàn thành các điều kiện CDR. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Việc trả nợ một số học phần gặp khó khăn vì số lượng SV đăng ký học phần ít không đủ mở lớp dẫn đến việc kéo dài thời gian hoàn thành chương trình học của SV.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành GDTC (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành học GDTC đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

#### 4. Kế hoạch hành động

Từ năm học 2020 - 2021, Ban Chủ nhiệm Khoa GDTC-QP cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở SV chủ động với kế hoạch học tập và kịp thời hoàn thành các điều kiện CDR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ. Đồng thời, với CDR môn ngoại ngữ và tin học áp dụng từ khóa 40 trở đi, Khoa sẽ kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CDR theo đúng tiến độ.

#### 5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.

**Tiêu chí 11.3. Tỷ lệ có việc làm sau tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng**

##### 1. Mô tả

Tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp là một trong các khâu quan trọng đánh giá chất lượng của CTĐT. Vì vậy, từ năm học 2010 - 2011, Nhà trường đã ra quyết định thành lập Trung tâm HTSV&QHĐN [H11.11.03.01]. Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm HTSV&QHĐN có sự điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ theo nhu cầu thực tiễn [H11.11.03.02]. Trung tâm HTSV&QHĐN là đơn vị có chức năng hỗ trợ và tư vấn về việc làm cho SV và quản lý thông tin về việc làm của SV tốt nghiệp [H11.11.03.02].

Thông tin về việc làm của cựu SV tốt nghiệp từ năm 2015 được Nhà trường thực hiện khảo sát và dữ liệu được lưu trữ tại Trung tâm HTSV&QHĐN [H11.11.03.03], [H11.11.03.04], [H11.11.03.05]. Sau mỗi đợt khảo sát, Trung tâm HTSV&QHĐN đều tổng hợp kết quả gửi về các Khoa.

*Bảng 11.3.1. Bảng đối sánh tỷ lệ có việc làm của SV (số lượng SV phản hồi)*

Năm	Ngành GDTC ĐHQN (%)		Trường ĐH SP TĐTT Hà Nội (%)	
	Đúng ngành đào tạo	Không đúng ngành	Đúng ngành đào tạo	Không đúng ngành
2016	39,5	60,5	80,7	19,3
2017	24,4	75,6	81,3	18,7
2018	24,1	75,9	80,9	19,1
2019	31,8	68,2	82,5	18,5

Khoa đã tiến hành đối sánh tỷ lệ này với Trường ĐH Sư phạm TĐTT Hà Nội, Kết quả cho thấy tỷ lệ SV có việc làm sau tốt nghiệp của SV ngành GDTC Trường



ĐHQN ở mức cao, tuy nhiên tỷ lệ làm việc không đúng ngành đào tạo chiếm tỷ lệ lớn. Điều này cho thấy trong giai đoạn đánh giá, ngành GD&ĐT hạn chế tuyển dụng giáo viên GDTC, việc giảm quy mô đào tạo của Khoa GDTC-QP Trường ĐHQN hoàn toàn phù hợp với xu thế đó.

Trong những năm gần đây, Nhà trường tổ chức “Ngày hội việc làm” với sự tham gia của các nhà tuyển dụng nhằm tạo điều kiện cho SV đã tốt nghiệp và sắp tốt nghiệp tìm kiếm cơ hội việc làm phù hợp [H11.11.03.06].

Không những giám sát tỷ lệ SV ra trường có việc làm, Nhà trường còn quan tâm đến ý kiến và sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng người học đã tốt nghiệp. Cụ thể là, Nhà trường đã có kế hoạch và ký hợp đồng khảo sát ý kiến nhà tuyển dụng về chất lượng đào tạo và năng lực của cựu SV và lấy ý kiến của cựu SV tốt nghiệp khối ngành sư phạm về CTĐT [H11.11.03.07], [H11.11.03.08]. Các kết quả nhận được từ việc khảo sát các đơn vị sử dụng lao động đối với chất lượng của cựu SV là rất tích cực [H11.11.03.09].

## **2. Điểm mạnh**

Đa số SV tốt nghiệp ngành GDTC đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp, cụ thể là tại các trường THPT, trung học cơ sở, trung tâm giáo dục thường xuyên, các trường đại học, cao đẳng,... hoặc tiếp tục học tập bậc Sau đại học.

Mặt khác, nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời tuyển dụng SV của Khoa. Đây cũng chính là cầu nối, là cơ hội cho nhiều SV sớm tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp.

## **3. Điểm tồn tại**

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành GDTC làm trái nghề sau khi tốt nghiệp.

Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Do đó SV gặp khó khăn trong quá trình tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

## **4. Kế hoạch hành động**

Để SV Khoa GDTC-QP khi ra trường làm đúng ngành đúng nghề đã được đào tạo, từ năm học 2020 - 2021, Khoa tiếp tục đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp. Bên cạnh đó, Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng sẽ đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về ngành GDTC và CTĐT đối với xã hội.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

**Tiêu chí 11.4. Loại hình số lượng các hoạt động nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát, đối sánh để cải tiến chất lượng**

### **1. Mô tả**

Nhận thức được tầm quan trọng của NCKH trong việc nâng cao chất lượng dạy

và học, GV Khoa GDTC-QP không chỉ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đào tạo mà còn tích cực tham gia hướng dẫn SV NCKH. Các đề tài NCKH được giao cho SV và triển khai thực hiện từ đầu mỗi năm học với sự hỗ trợ kinh phí từ Nhà trường [H11.11.04.01]. Phòng KHCN&HTQT là đơn vị triển khai và giám sát tình hình thực hiện đề tài NCKH SV hàng năm [H11.11.04.02]. Theo định kỳ hàng năm, Nhà trường sẽ thông báo đến toàn bộ SV các khoa về kế hoạch đăng ký đề tài NCKH SV. Qua đó, những công trình NCKH xuất sắc được tham gia Hội nghị khoa học cấp Trường và được Nhà trường khen thưởng SV đạt giải thưởng “SV NCKH cấp Trường” [H11.11.04.03].

Việc NCKH của SV còn được thể hiện qua các hoạt động thực tập, thực tế và các hoạt động chuyên môn đặc thù của ngành GDTC như tổ chức các giải thi đấu, các hội thao, tham gia các lớp trọng tài... để bổ sung các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, để có thể đảm nhiệm nhiều công việc sau khi ra trường.

Hàng năm, Khoa tổ chức hội đồng nghiệm thu đề đánh giá kết quả thực hiện của các đề tài NCKH SV. Thông qua đó, Khoa lựa chọn các đề tài xuất sắc để gửi dự thi cấp Trường và định hướng cho hoạt động NCKH của SV năm tiếp theo cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Khoa. Trong 5 năm qua, số lượng SV tham gia NCKH ngày càng tăng về số lượng và chất lượng. Các hoạt động nghiên cứu của người học được tổng kết, đánh giá hàng năm thông qua Hội nghị tổng kết công tác NCKH SV của Trường [H11.11.04.05]. Qua đó, Nhà trường khuyến khích và khen thưởng các SV đạt thành tích cao, đồng thời chỉ ra những điểm tồn tại để có các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng NCKH SV.

## **2. Điểm mạnh**

Nhà trường có kế hoạch phát triển NCKH SV rõ ràng, tập trung các hướng nghiên cứu ứng dụng, có tính thực tiễn cao. Nhà trường có hệ thống theo dõi, giám sát hiệu quả hoạt động NCKH của SV.

GV trong khoa là các nhà khoa học có chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và NCKH. Đây là điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn các đồng nghiệp và SV NCKH.

Hàng năm, khoa có cơ chế khuyến khích SV tham gia NCKH thông qua các hoạt động hỗ trợ như: tổ chức buổi tư vấn đề tài nghiên cứu cho SV, giúp SV định hình hướng nghiên cứu, phân công giáo viên hướng dẫn SV thực hiện đề tài NCKH đạt chất lượng.

## **3. Điểm tồn tại**

Một số SV còn chưa hiểu rõ vai trò của NCKH nên chưa hào hứng với hoạt động này.

Tỷ lệ SV tham gia từ khi đăng ký đề tài cho đến thời hạn báo cáo đề tài nghiên cứu bị giảm, do một số yếu tố như SV bận kế hoạch cá nhân, SV chưa lựa chọn đúng

đề tài nên chưa đủ khả năng nghiên cứu, việc triển khai nghiên cứu thực tế của một số đề tài gặp khó khăn, kinh phí cho nghiên cứu vẫn còn hạn chế,...

#### **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 2020 - 2021, Khoa GDTC-QP đẩy mạnh việc NCKH trong SV bằng việc tăng cường hỗ trợ tài chính cho các đề tài tham gia, đồng thời cũng khuyến khích các đề tài tự giác không cần hỗ trợ tài chính từ Khoa và Trường. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV. Đặc biệt, Khoa sẽ có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các bài giảng đại chúng và seminar khoa học của các nhà khoa học đến thăm và làm việc tại Trường, góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong SV.

#### **5. Tự đánh giá: Mức đạt được của tiêu chí 4/7.**

***Tiêu chí 11.5. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chất lượng***

##### **1. Mô tả**

Sự hài lòng của các bên liên quan là căn cứ quan trọng để duy trì, cải tiến chất lượng CTĐT. Trường ĐHQN nói chung và Khoa GDTC-QP nói riêng rất chú trọng đến nâng cao chất lượng đào tạo, mà một căn cứ quan trọng là việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng KT&BDCL tiến hành khảo sát, thu thập ý kiến phản hồi để đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan. Các nội dung khảo sát bao gồm khảo sát ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy, hướng dẫn thực hành, thí nghiệm của GV; khảo sát ý kiến phản hồi người học sắp tốt nghiệp về CTĐT; khảo sát ý kiến cựu người học, nhà sử dụng lao động về CDR và CTĐT; khảo sát sự hài lòng của người học về chất lượng hoạt động, dịch vụ hỗ trợ đào tạo; sự hài lòng của GV về CSVC, các thiết bị phục vụ học tập và NCKH cũng như hoạt động hỗ trợ đào tạo của đội ngũ nhân viên các phòng, ban, khoa, viện, trung tâm [H11.11.05.01], [H11.11.05.02], [H11.11.05.05]. Việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được thực hiện theo quy định của Trường thông qua tài khoản cá nhân hoặc phiếu khảo sát trực tiếp [H11.11.05.03]. Nhà trường sử dụng phần mềm Esurvey tích hợp cùng với phần mềm Quản lý đào tạo nhằm đảm bảo việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan có hệ thống, khách quan, khoa học và tin cậy. Mỗi SV có một tài khoản cá nhân để đăng nhập và trả lời khảo sát. Việc khảo sát được tiến hành với nhiều hình thức và nội dung khác nhau.

*Đối với GV:* GV và chuyên viên của Khoa được mời dự các Hội nghị cán bộ viên chức hàng năm giữa lãnh đạo Nhà trường, lãnh đạo Khoa với cán bộ viên chức để tạo môi trường dân chủ, thẳng thắn đóng góp ý kiến của các cán bộ trong việc hoạch định chính sách, trong đó đặc biệt lưu ý đến việc nâng cao chất lượng các CTĐT, tạo thế phát triển vững chắc. Năm 2016, Nhà trường đã tiến hành thu thập mức độ hài lòng

của GV về CSVC, từ đó có kế hoạch nâng cấp trang thiết bị dạy và học, tạo môi trường học tập và nghiên cứu tốt nhất cho SV và GV **[H11.11.05.04]**.

*Đối với người học:* Việc khảo sát được thực hiện dựa trên quy định của Nhà trường về việc người học tham gia đánh giá hoạt động giảng dạy của GV **[H11.11.05.05]**. Hàng năm, Nhà trường cũng đề ra các kế hoạch về việc tổ chức lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy **[H11.11.05.06]**. Việc lấy ý kiến phản hồi của SV về hoạt động giảng dạy của tất cả GV theo từng học kỳ bằng hình thức khảo sát trực tuyến. Nội dung khảo sát gồm có 2 phần: trắc nghiệm và nêu ý kiến. Phần trắc nghiệm là các câu hỏi xoay quanh hoạt động giảng dạy của GV trong đó có các nội dung đánh giá về phương pháp giảng dạy của GV; khả năng khuyến khích sáng tạo và tư duy độc lập của người học; sự công bằng của GV trong kiểm tra đánh giá quá trình và đánh giá KQHT của người học; năng lực tư vấn và tổ chức, hướng dẫn hoạt động học tập và nghiên cứu của người học; tạo ra môi trường học tập tích cực,... Phần nêu ý kiến là câu hỏi mở để người học có thể bày tỏ cụ thể các ý kiến khác nhằm góp ý cho GV cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động giảng dạy. SV năm cuối của ngành đào tạo cũng được khảo sát mức độ hài lòng về CTĐT, chất lượng ngành học **[H11.11.05.07]**.

*Đối với cựu SV:* Nhà trường và Khoa chủ động lập kế hoạch và thực hiện khảo sát lấy ý kiến của cựu SV về CTĐT **[H11.11.05.08]**, **[H11.11.05.09]**. Kết quả khảo sát cho thấy đa số cựu SV ngành GDTC có sự hài lòng về kiến thức, kỹ năng và nghiệp vụ được đào tạo.

*Đối với thị trường lao động:* Tại Khoa GDTC-QP, việc thu thập thông tin phản hồi từ thị trường lao động được thực hiện theo quy định của Nhà trường. Từ kết quả khảo sát việc làm của cựu SV, Khoa đã gửi bảng hỏi đến các đơn vị đã, đang và sẽ sử dụng sản phẩm đào tạo của Khoa để lấy ý kiến đóng góp xây dựng CDR chương trình giáo dục đại học ngành GDTC **[H11.11.05.10]**.

Dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường và Khoa đã tiến hành cải tiến chất lượng. Cụ thể là, Nhà trường đã lập kế hoạch tổ chức đánh giá, sửa đổi cập nhật CTĐT hệ chính quy **[H11.11.05.11]**. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng lập kế hoạch về việc tập huấn xây dựng CTĐT đáp ứng CDR và cử cán bộ GV tham gia khóa tập huấn **[H11.11.05.12]**. Đồng thời, Nhà trường đã thiết lập phần mềm hệ thống quản lý đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho SV theo dõi KQHT và chủ động trong kế hoạch học tập **[H11.11.05.13]**. Đặc biệt, năm học 2019-2020, Nhà trường còn tổ chức hội nghị gặp gỡ, đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV nhằm giúp Nhà trường nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng, vướng mắc, khó khăn của SV trong quá trình học tập, sinh hoạt; từ đó Nhà trường sẽ có những biện pháp giúp SV học tập và rèn luyện tốt hơn, nâng cao chất lượng dạy và học **[H11.11.05.14]**.

## **2. Điểm mạnh**

CĐR của CTĐT ngành GDTC được các bên liên quan đánh giá cao. Có sự cân đối giữa lý thuyết và thực hành, đảm bảo cho SV có cơ hội được áp dụng kiến thức vào thực tế. Bên cạnh đó, trong quá trình đào tạo, SV của Khoa còn được giới thiệu đến các trung tâm thực hành, trường học để thực tập và làm quen với môi trường công việc. Những kiến thức, kỹ năng về nghiệp vụ mà SV được trang bị có thể đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội hiện nay.

## **3. Điểm tồn tại**

Điểm hạn chế của SV ngành GDTC khi tốt nghiệp là khả năng tiếng Anh còn hạn chế, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch còn chưa hiệu quả, số đông còn nhút nhát, thiếu tự tin mặc dù năng lực và nhiệt huyết có đủ. Điều này ảnh hưởng đến hiệu quả công việc của SV khi tham gia công việc thực tế.

## **4. Kế hoạch hành động**

Từ năm học 20209 - 2021, Khoa GDTC-QP phối hợp với Phòng KT&BDCL tổ chức lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, đồng thời điều chỉnh các tiêu chí đánh giá ở các mẫu phiếu để đảm bảo tính cập nhật hằng năm. Khoa GDTC-QP tăng cường khuyến khích SV học tiếng Anh, đọc dịch tài liệu bằng tiếng Anh qua các buổi ngoại khóa, NCKH hay báo cáo KLTN. Điều này sẽ giúp SV củng cố kiến thức và có môi trường học tập. Ngoài ra, Khoa GDTC-QP tăng cường kết hợp với Đoàn – Hội tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa.

**5. Tự đánh giá:** *Mức đạt được của tiêu chí 4/7.*

## **Kết luận về Tiêu chuẩn 11**

Đánh giá chung, SV ngành GDTC có tỷ lệ tốt nghiệp tương đối cao. SV nắm vững các kiến thức được học để có thể tham gia vào thị trường lao động. GV, SV, cựu SV và nhà tuyển dụng đánh giá hài lòng về CTĐT. Tuy nhiên, để có thể khắc phục một số hạn chế, Khoa cần tăng cường thời lượng thực tập thực tế, đẩy mạnh việc đào tạo kỹ năng mềm,... cho SV để người học đáp ứng tốt yêu cầu công việc sau khi tốt nghiệp.

Tự đánh giá theo 5 tiêu chí của tiêu chuẩn này, ngành GDTC đã đạt yêu cầu 5/5 tiêu chí, trong đó 4 tiêu chí đạt mức 4/7 và 1 tiêu chí đạt mức 5/7.

### PHẦN III. KẾT LUẬN

Việc triển khai công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT ngành GDTC dựa trên các tiêu chuẩn do Bộ GD&ĐT ban hành có ý nghĩa quan trọng, góp phần nhận diện thực trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo và NCKH; qua đó thấy được những mặt mạnh, mặt tồn tại trong công tác quản lý, hoạt động đào tạo, chuyên môn của Khoa GDTC-QP... Trên cơ sở đó, Khoa đề xuất những giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại, cải tiến và nâng cao chất lượng CTĐT trong quá trình hoạt động của mình.

Sau đây là tóm tắt những điểm mạnh, những điểm tồn tại và kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC:

#### **1. Những điểm mạnh của chương trình đào tạo**

##### ***1.1. Về mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo***

Khoa GDTC-QP đã xây dựng CTĐT ngành GDTC dựa trên các triết lý giáo dục hiện đại, có tham khảo nội dung các CTĐT của Khoa GDTC của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, và một số trường uy tín trong nước, cũng như qua kết quả điều tra nhu cầu và ý kiến phản hồi của SV năm cuối, cựu SV, GV và các nhà tuyển dụng. Mục tiêu của CTĐT ngành GDTC được xác định rõ ràng, phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, phù hợp với mục tiêu của GDDH quy định tại Luật GDDH.

CĐR của CTĐT được xác định rõ ràng, thể hiện rõ mục tiêu của CTĐT, bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt với các mức năng lực cụ thể, dễ đo lường và đánh giá mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp. CĐR của CTĐT ngành GDTC phản ánh yêu cầu đào tạo GV GDTC bậc THPT theo quy định; được định kỳ rà soát, điều chỉnh theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, của Trường ĐHQN và dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan; được công bố công khai dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo sự thuận lợi trong tiếp cận, nắm bắt đối với SV, CVHT và các bên liên quan.

##### ***1.2. Về bản mô tả chương trình đào tạo***

CTĐT ngành GDTC đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Bộ GD&ĐT, đảm bảo cơ hội học tập và phát triển học vấn cho người học. Bản mô tả CTĐT ngành GDTC thể hiện đầy đủ thông tin, tích hợp những nội dung mới nhất liên quan; thể hiện rõ ma trận CĐR và được bổ sung, điều chỉnh, cập nhật theo các xu hướng đào tạo hiện đại. ĐCCT các học phần thể hiện rõ mọi thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá, cụ thể hóa CĐR và liên tục được cập nhật, đáp ứng xu thế phát triển về các lĩnh vực liên quan đến ngành GDTC. Các thông tin liên quan đến học phần, cấu trúc, nội dung, phương pháp kiểm tra đánh giá được cung cấp đầy đủ để SV lựa chọn hợp lý cho lộ trình, kế hoạch học tập theo từng học kỳ, năm học và trong toàn khóa học.

Bản mô tả CTĐT và ĐCCT các học phần được công bố công khai, rộng rãi dưới nhiều hình thức, tạo điều kiện cho các bên liên quan dễ dàng tiếp cận, đóng góp ý kiến, đề trên cơ sở thông tin phản hồi tiến hành rà soát, điều chỉnh CTĐT cho phù hợp.

### ***1.3. Về cấu trúc và nội dung CTDH***

CTDH ngành GDTC được thiết kế khoa học, dựa trên CDR và đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa các khối kiến thức. CTDH ngành GDTC được cấu trúc theo hệ thống, bảo đảm trình tự logic đi từ kiến thức cơ bản chung đến kiến thức cơ sở ngành và chuyên môn của ngành. Tất cả các học phần trong CTDH đều được thiết kế bám sát CDR của CTĐT. Trình tự kiến thức trong mỗi học phần được sắp xếp hệ thống từ cơ bản đến nâng cao và đặc biệt, có tích hợp giữa lý thuyết với thực hành; có sự tích hợp giữa lý thuyết với ứng dụng và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Nội dung CTDH cũng luôn được cập nhật dựa trên ý kiến phản hồi của SV và cựu SV, của GV trực tiếp giảng dạy và các bên liên quan khác.

ĐCCT mỗi học phần đều được xây dựng rõ ràng, phù hợp, đáp ứng được mục tiêu và CDR của CTĐT. ĐCCT các học phần đều có yêu cầu kiến thức về điều kiện học phần học trước; thể hiện rõ ràng về mục tiêu cần đạt theo CDR của học phần và CDR của CTĐT; có nêu rõ phương pháp dạy học theo hướng tích cực, hình thức kiểm tra đánh giá đảm bảo tính khách quan, chính xác. Các học phần đều được phân bổ hợp lý giữa giờ lý thuyết, thực hành, thảo luận và tự học, tạo điều kiện thuận lợi cho SV tiếp cận, lĩnh hội kiến thức đầy đủ, dễ dàng và đạt được mục tiêu CDR của học phần yêu cầu. Nội dung các học phần được cập nhật, tích hợp, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông.

### ***1.4. Về phương pháp tiếp cận trong dạy và học***

Mục tiêu giáo dục của CTĐT ngành GDTC được xác định phù hợp với mục tiêu chung của giáo dục đại học là giáo dục toàn diện cho người học; mục tiêu CTĐT nhằm trang bị cho người học khả năng tự khám phá kiến thức, khả năng tạo ra kiến thức mới và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề... Mục tiêu giáo dục ngành GDTC được tuyên bố rõ ràng và được phổ biến rộng rãi tới người học, GV, cộng đồng và xã hội thông qua nhiều kênh khác nhau: bản mô tả CTĐT, website chính thức của Khoa, các hoạt động ngoại khóa, hội thảo,...

Các hoạt động dạy và học, nhất là các phương pháp dạy học lý thuyết và thực hành của các học phần được GV trong Khoa lựa chọn sử dụng đa dạng, tương thích với CDR. Các hoạt động dạy và học đáp ứng tốt tiêu chí đề ra, thường xuyên được cập nhật, giúp người học lĩnh hội kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp. Phương pháp dạy học được đổi mới theo hướng phát huy tính tích cực sáng tạo của người học nhằm đáp ứng mục tiêu CDR của CTĐT, tạo điều kiện cho người học rèn luyện các kỹ

năng, nâng cao khả năng tự học và học tập suốt đời. Có sự tương tác hỗ trợ giữa người dạy với người học. Môi trường học cởi mở và thân thiện, tôn trọng và nâng đỡ người học.

### **1.5. Về đánh giá KQHT của người học**

Việc đánh giá KQHT người học theo CTĐT ngành GDTC được thiết kế phù hợp với mục tiêu và đo được CDR của CTĐT; có các văn bản quy định, kế hoạch rõ ràng. Các phương pháp đánh giá đa dạng, đảm bảo tính giá trị, độ tin cậy, khách quan và công bằng theo các mức đánh giá biết, hiểu, vận dụng, phân tích,...; các học phần thực tập tại trường THPT có thêm sự đánh giá của giáo viên phổ thông về thái độ, kỹ năng nghề nghiệp...

Các quy định về đánh giá KQHT được thể hiện rõ trong các đề cương học phần, CTĐT và được thông báo công khai tới người học qua nhiều kênh thông tin. KQHT của người học được thông báo kịp thời, lưu trữ đầy đủ, chính xác và an toàn. Khoa luôn tạo điều kiện để người học tiếp cận dễ dàng với quy trình khiếu nại về KQHT và đã giải quyết tốt các trường hợp cụ thể.

### **1.6. Về đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

Khoa GDTC-QP đã xây dựng được một đội ngũ GV cơ hữu có trình độ chuyên môn cao, mạnh về năng lực, có nhiệt huyết, sẵn sàng thực hiện và đáp ứng tốt các yêu cầu giảng dạy, đào tạo và NCKH. Tỷ lệ người học/GV thấp so với quy định; khối lượng công việc của từng GV được xác định rõ ràng, hợp lý và được giám sát, góp phần đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và hoạt động phục vụ cộng đồng.

Việc tuyển dụng, bổ nhiệm GV, nghiên cứu viên của Khoa GDTC-QP theo kế hoạch, quy hoạch của Trường, của Khoa và tuân thủ quy trình, tiêu chí rõ ràng, công khai theo quy định Nhà trường đã ban hành. Đội ngũ GV phục vụ CTĐT thực hiện đủ định mức giờ giảng và NCKH theo quy định của Nhà trường. Nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn của đội ngũ GV GDTC đã được xác định; đồng thời Khoa và Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ về thời gian và cả kinh phí. Khoa GDTC có tỉ lệ GV có học hàm, học vị PGS, TIẾN SĨ khá cao; có năng lực NCKH tốt. Hằng năm, đa số GV được đánh giá hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ giảng dạy, NCKH.

Việc quản trị theo kết quả công việc của GV, chuyên viên được Nhà trường triển khai sâu rộng, tạo động lực và hỗ trợ cho các hoạt động đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhiều GV của Khoa đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, bằng khen cấp Tỉnh, cấp Bộ, giấy khen của Hiệu trưởng... vì có thành tích xuất sắc trong NCKH và các hoạt động khác.

Đội ngũ GV Khoa GDTC-QP tham gia nghiên cứu đề tài khoa học các cấp: cấp cơ sở, cấp Tỉnh; công bố nhiều bài báo khoa học, giáo trình, trong đó phần lớn các bài báo được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín được Hội đồng chức danh



nhà nước tính điểm. Một số GV có thành tích NCKH xuất sắc được tỉnh Bình Định vinh danh “Trí thức tiêu biểu về Khoa học và Công nghệ”.

### ***1.7. Về đội ngũ nhân viên***

Đội ngũ nhân viên của Trường ĐHQN và của Khoa GDTC-QP có đủ số lượng, có kinh nghiệm công tác và đảm bảo về phẩm chất, năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ hỗ trợ, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng.

Nhà trường có văn bản quy định các tiêu chí tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên rõ ràng, cụ thể và được công bố công khai. Các kế hoạch, thông báo, kết quả và quyết định tuyển dụng được thực hiện nghiêm túc, công khai và minh bạch.

Việc đánh giá, xếp loại đội ngũ nhân viên hằng năm của Trường, của Khoa được thực hiện nghiêm túc theo các tiêu chuẩn đánh giá được quy định cụ thể; kết quả đánh giá đảm bảo tính khách quan, công bằng, phù hợp quy định và được công khai, minh bạch.

Nhà trường có chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên; có triển khai các hoạt động để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên. Công tác đánh giá, thi đua khen thưởng đối với đội ngũ nhân viên được Nhà trường quy định rõ ràng, công khai, tạo động lực cho đội ngũ nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### ***1.8. Về người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Chính sách tuyển sinh của Khoa GDTC-QP được xác định rõ ràng, cập nhật thường xuyên và công bố công khai trên website của Trường, của Khoa và một số địa chỉ khác. Người học có đầy đủ thông tin về ngành học, chương trình học tập, giúp người học xác định ý thức, động lực học tập ngay từ năm thứ nhất.

Tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, công khai, cập nhật và được đánh giá khách quan, chính xác. Hệ thống giám sát, kiểm tra, đánh giá KQHT, rèn luyện của người học được thực hiện dưới nhiều hình thức. Đội ngũ CVHT của Khoa là những người có nhiệt huyết và kinh nghiệm trong công tác của mình, luôn hỗ trợ, tư vấn kịp thời cho người học về ngành học, CTĐT, hoạt động NCKH, ngoại khóa..., và luôn theo dõi kết quả, sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học. Khối lượng học tập được sắp xếp thành các khối kiến thức, giúp người học có cơ hội lựa chọn môn học phù hợp và thuận lợi trong việc giám sát, đánh giá KQHT.

Người học được hỗ trợ và tư vấn kịp thời trong việc lựa chọn các học phần trong CTĐT, phương pháp học tập, rèn luyện, thực tập sư phạm. Công tác tư vấn, giới thiệu việc làm, kết nối doanh nghiệp được thực hiện dưới nhiều hình thức, giúp người học có cơ hội tiếp cận việc làm trước khi ra trường.

CSVC của Trường đáp ứng tốt các nhu cầu học tập, rèn luyện và sinh hoạt của người học. Môi trường nhà trường, xã hội an toàn, an ninh trật tự; cảnh quan khuôn viên trường xanh - sạch - đẹp, tạo môi trường học tập, sinh hoạt tích cực, lành mạnh, giúp người học phát huy tính năng động và sáng tạo, rèn luyện kỹ năng mềm trong học tập và cuộc sống, phát triển cả về thể chất lẫn tinh thần.

### ***1.9. Về CSVC và trang thiết bị***

Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, nhà luyện tập TDTT và các sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ, được trang bị các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu của GV, SV ngành GDTC và thuận lợi cho GV và SV trong trường rèn luyện sức khỏe; một số giảng đường, khu luyện tập TDTT có lối đi riêng cho người khuyết tật. Thư viện của Trường đã tham gia vào hệ thống Liên hiệp thư viện Việt Nam, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác các cơ sở dữ liệu điện tử. Nguồn tài liệu được cập nhật, bổ sung thường xuyên, hỗ trợ tích cực cho hoạt động đào tạo và NCKH của GV, học viên và SV.

Các phòng thực hành tin học, thực hành sư phạm với các trang thiết bị phù hợp đã hỗ trợ tốt cho hoạt động thực hành, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của GV và SV; các thiết bị thường xuyên được bảo trì, bảo dưỡng nâng cấp đảm bảo hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu của người học. Nhà trường đã tăng cường đầu tư, hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo với hệ thống máy chủ, mạng internet, wifi, máy vi tính và các phần mềm chuyên dụng... đảm bảo hoạt động liên tục, phục vụ hiệu quả các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.

Nhà trường luôn quan tâm đến công tác an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, phòng chống cháy nổ, phun thuốc diệt côn trùng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho GV, viên chức và SV làm việc, học tập và nghiên cứu.

### ***1.10. Về nâng cao chất lượng***

Khoa GDTC-QP thường xuyên liên kết chặt chẽ với các sở GD&ĐT, các trường THPT, nơi có nhiều cựu SV của Khoa công tác. Trong các lần điều chỉnh CTĐT, Khoa đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các chuyên gia, các bên có liên quan. CTĐT/CTDH ngành GDTC được đánh giá và cải tiến định kỳ 2 năm/lần theo một quy trình thống nhất trong toàn trường dựa trên ý kiến phản hồi của các bên liên quan và tham khảo các CTĐT của các trường đại học có uy tín trong nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng tốt yêu cầu xã hội. Nhiều GV, cựu SV theo học các chương trình tiên tiến của nước ngoài và có kinh nghiệm giảng dạy trực tiếp đã tham gia đóng góp ý kiến xây dựng, thiết kế CTĐT.

Quy trình kiểm tra, đánh giá được thiết kế và tổ chức thực hiện có hệ thống, đồng bộ, chặt chẽ và nghiêm túc; các hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, linh hoạt, phù hợp với quy chế đào tạo TC và quy định chung của Bộ GD&ĐT, của Trường

DHQN. Khoa cũng đã xây dựng được phong trào NCKH trong GV và SV, phần lớn các đề tài, kết quả NCKH đều gắn với các nhiệm vụ đào tạo, giúp cải tiến, nâng cao chất lượng dạy và học và có giá trị thực tiễn trong phục vụ cộng đồng. Qua tham gia NCKH, SV hòa nhập tốt với công việc nghiên cứu và giảng dạy GDTC ở trường phổ thông sau này.

Chất lượng các dịch vụ hỗ trợ các hoạt động dạy và học, NCKH và hỗ trợ các hoạt động khác đã được đánh giá khi kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và hiện đang triển khai cải tiến theo kế hoạch hành động đã đặt ra. Nhà trường có hệ thống khảo sát, lấy ý kiến phản hồi online; cơ chế phản hồi của các bên liên quan có tính hệ thống và được áp dụng để đánh giá, cải tiến thường xuyên, liên tục các dịch vụ hỗ trợ giảng dạy và học tập.

### ***1.11. Về kết quả đầu ra***

Nhà trường có hệ thống phần mềm quản lý đào tạo hiện đại, đầy đủ các tiện ích giúp việc theo dõi, cập nhật danh sách SV, tỉ lệ SV thôi học, tốt nghiệp kịp thời và chính xác. Việc thống kê danh sách, tỉ lệ thôi học, tốt nghiệp của người học được thực hiện thường xuyên và có nhiều biện pháp hạn chế người học bị buộc thôi học, giúp người học tốt nghiệp đúng thời hạn.

Nhà trường và Khoa đã thực hiện tốt việc quản lý và giám sát kế hoạch học tập, KQHT và thời gian tốt nghiệp của SV thông qua các CVHT, duy trì sinh hoạt lớp hàng tháng để kịp thời nhắc nhở tình hình, kế hoạch, tiến độ học tập của SV, hỗ trợ SV, nhất là những SV bị chậm tiến trình do bảo lưu KQHT, trong việc lựa chọn các môn học chuyển đổi, học phần thay thế KLTN để SV được hoàn thành CTĐT.

Nhà trường có đơn vị chuyên trách hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp. Công tác khảo sát việc làm của SV được tiến hành nghiêm túc, kết quả thu được chính xác, tin cậy, góp phần điều chỉnh, cập nhật CTĐT phù hợp với nhu cầu xã hội. Đa số SV tốt nghiệp ngành GDTC đều có việc làm phù hợp sau khi tốt nghiệp: giảng dạy ở các trường phổ thông, trường đại học, cao đẳng hoặc tiếp tục học sau đại học. Nhiều đơn vị tuyển dụng gửi thư mời SV của Khoa tham gia tuyển dụng, tạo cơ hội cho SV sớm tìm được việc làm.

Đội ngũ GV của Khoa có trình độ chuyên môn cao, có nhiều kinh nghiệm và thành quả trong nghiên cứu. Do đó có điều kiện thuận lợi trong việc hướng dẫn SV NCKH. Hằng năm Khoa luôn khuyến khích SV tham gia NCKH và có các hoạt động hỗ trợ như tư vấn, tặng kinh phí hỗ trợ nghiên cứu, đầu tư có trọng điểm các đề tài được đánh giá cao...

CĐR của CTĐT ngành GDTC được các bên liên quan đánh giá cao. Những kiến thức và kỹ năng về nghiệp vụ được trang bị cho SV có thể đáp ứng tốt yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông và yêu cầu của xã hội hiện nay.

## **2. Những điểm tồn tại của chương trình đào tạo**

### **2.1. Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Khoa chưa xây dựng được quy trình chặt chẽ để thực hiện việc đo lường, đánh giá CDR của CTĐT; việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến CDR còn chưa rộng rãi; chưa triển khai được việc lấy ý kiến online về CDR dành cho SV sau mỗi năm học/khóa học.

### **2.2. Bản mô tả chương trình đào tạo**

Việc thông tin bản mô tả CTĐT tới các bên có liên quan vẫn chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, các đối tượng lấy ý kiến phản hồi chưa phong phú. Điều này có ảnh hưởng ít nhiều đến chất lượng của công tác rà soát, cập nhật CTĐT và ĐCCT học phần của Khoa GDTC-QP.

### **2.3. Cấu trúc và nội dung CTDH**

Ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về nội dung của các học phần trong việc đạt được CDR chưa thực sự rõ ràng, chủ yếu là những góp ý về cấu trúc ĐCCT học phần trong CTĐT. Một số học phần còn dạy theo cách truyền thống, chưa ứng dụng phương pháp, kỹ thuật hiện đại vào việc giảng dạy dẫn đến bài giảng chưa thực sự sinh động và trực quan.

### **2.4. Phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Việc tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các nhà tuyển dụng, cơ sở giáo dục phổ thông, cựu SV, ... đối với mục tiêu giáo dục chưa được tiến hành thường xuyên và rộng khắp. Chất lượng đầu vào không đồng đều là một rào cản nhất định ảnh hưởng đến các hoạt động dạy và học.

SV chưa thật sự thích nghi với phương pháp học tập tích cực như tự học, tự nghiên cứu, nhất là SV năm thứ nhất.

Hoạt động NCKH chưa thu hút được nhiều SV cùng tham gia do kinh phí còn hạn chế.

### **2.5. Đánh giá KQHT của người học**

Chưa có sự thống kê phân tích định lượng các đề thi theo các mức độ năng lực để phân loại, đánh giá KQHT của SV có độ tin cậy, chính xác. CDR về mức tự chủ và trách nhiệm hầu như chỉ được đánh giá qua 10% điểm chuyên cần.

Phương pháp đánh giá KQHT của SV còn thiên về tiếp cận nội dung, kiến thức, chưa chú trọng tiếp cận năng lực. Số lượng các học phần sử dụng hình thức thi trắc nghiệm khách quan chưa nhiều. Nhà trường và Khoa chưa xây dựng được ngân hàng đề thi các học phần.

### **2.6. Đội ngũ GV, nghiên cứu viên**

Công tác quy hoạch đội ngũ chưa được thực hiện thường xuyên. Trường còn thiếu những chính sách ưu đãi đặc biệt để có thể thu hút, giữ chân những GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Việc tiến hành phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV và chuyên viên hằng năm còn chưa được phân tích đầy đủ, toàn diện. Một số khóa đào tạo theo nhu cầu cấp thiết GV đưa ra còn chưa được triển khai hoặc triển khai bị chậm.

Việc điều tra, phân tích về nhu cầu đào tạo và phát triển chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ GV, chuyên viên chưa được thực hiện đầy đủ, toàn diện. Việc bố trí thời gian tổ chức một số khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, khóa học ngoại ngữ cho GV, chuyên viên chưa phù hợp; chưa triển khai một số khóa học theo nhu cầu của GV.

### **2.7. *Đội ngũ nhân viên***

Công tác quy hoạch đội ngũ nhân viên làm việc tại thư viện, phòng thí nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin và các dịch vụ hỗ trợ khác chưa được thực hiện thường xuyên và đồng bộ. Nhà trường chưa thường xuyên phân tích vị trí việc làm của đội ngũ nhân viên để tuyển dụng và sử dụng một cách hợp lý.

Việc khảo sát sự hài lòng của GV và SV đối với hoạt động hỗ trợ của đội ngũ nhân viên chưa được Nhà trường thực hiện thường xuyên và chưa được xem như kênh thông tin phản hồi bắt buộc khi thực hiện việc phân loại, đánh giá nhân viên.

Các khóa/lớp đào tạo, bồi dưỡng được Nhà trường tổ chức để đáp ứng nhu cầu về đào tạo và phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của nhân viên chưa phong phú và thường xuyên. Việc quản trị theo kết quả công việc của đội ngũ nhân viên chưa dựa trên quy định về khối lượng công việc cụ thể đối với từng vị trí việc làm nên chưa thực sự hiệu quả. Công tác đánh giá, xếp loại viên chức, xét tặng các danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm được thực hiện nghiêm túc nhưng vẫn chưa tạo động lực, phát huy hết năng lực của đội ngũ nhân viên.

### **2.8. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Phương pháp tuyển sinh theo hình thức dựa vào điểm thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia và xét học bạ đã làm cho chất lượng đầu vào của các thí sinh không đồng đều. Trong khi đó, CTĐT của ngành GDTC yêu cầu ngày càng nâng cao, dẫn đến tình trạng một số SV không theo kịp CTĐT của Khoa.

Việc quản lý đào tạo bằng phần mềm đôi lúc vẫn chưa kịp thời đáp ứng các yêu cầu của đổi mới trong quản lý đào tạo theo hệ thống TC.

SV chưa chủ động trong việc tiếp cận GV để làm NCKH và làm KLTN, thụ động trong việc tự trang bị các kỹ năng mềm cần thiết thông qua các hoạt động ngoại khóa. Việc lấy ý kiến phản hồi, đánh giá của người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập chưa được thực hiện thường xuyên.

### **2.9. CSVC và trang thiết bị**

Việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị chưa được tiến hành thường xuyên. Một số giảng đường, phòng học trang bị bàn ghế, thiết bị dạy học chưa đáp ứng được tiêu chuẩn của phòng học hiện đại. Công tác liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản chưa được phát triển mạnh. Nguồn tài liệu phục vụ chuyên ngành GDTC chưa nhiều.

Các tổ bộ môn của Khoa GDTC-QP chưa được bố trí phòng làm việc, làm hạn chế việc tối ưu hóa thời gian và chất lượng nghiên cứu của GV. Các trang thiết bị thực hành chỉ mới đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu của SV; Nhà trường chưa có phòng máy phục vụ cho hoạt động nghiên cứu của GV. Chưa có một chính sách riêng quan tâm đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **2.10. Nâng cao chất lượng**

Khoa còn thiếu sự chủ động trong việc lấy ý kiến phản hồi mang tính chính thức, được tiêu chuẩn hóa qua các bộ câu hỏi Trường đang thực hiện. Việc điều chỉnh CTDH, cải tiến nâng cao CLĐT dựa trên kết quả lấy ý kiến phản hồi từ SV, cựu SV và nhà sử dụng lao động chưa được thực hiện thường xuyên; kế hoạch thu thập thông tin phản hồi và nhu cầu của các bên liên quan về cập nhật, phát triển CTDH còn bị động vì phụ thuộc vào sự thay đổi chương trình, sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT.

Việc lấy ý kiến SV về hoạt động giảng dạy của GV chưa được tiến hành đối với 100% học phần. Ý thức của SV trong việc phản hồi ý kiến chưa cao; phần mềm khảo sát online còn nhiều hạn chế khi vận hành.

Các đề tài NCKH GV của Khoa chủ yếu là đề tài cấp trường với nguồn kinh phí hạn chế, chất lượng các đề tài còn nhiều mặt hạn chế, chưa có nhiều công bố trên các tạp chí khoa học quốc tế.

### **2.11. Kết quả đầu ra**

Nhà trường chưa có một hệ thống cập nhật lý do SV thôi học một cách hiệu quả. Một số SV chưa chủ động với kế hoạch học tập của cá nhân, mặc dù đã hoàn thành các môn học trong CTĐT nhưng chưa hoàn thành các điều kiện CĐR. Chính vì vậy SV bị chậm tốt nghiệp so với tiến độ của Nhà trường.

Một số SV bảo lưu KQHT khi tiếp tục học lại đã gặp khó khăn trong việc tìm học phần thay thế phù hợp (vì một số học phần thay đổi do cải tiến CTĐT các năm 2015, 2017) để đảm bảo đủ số lượng TC yêu cầu trong CTĐT.

Việc rút ngắn thời gian tốt nghiệp đối với SV ngành GDTC (ít hơn 4 năm) là tương đối khó. Điều này là do ngành học GDTC đòi hỏi SV đầu tư nhiều thời gian và công sức, khối lượng kiến thức nhiều nên SV e ngại khi đăng ký học vượt môn ở mỗi học kỳ.

Có một tỷ lệ nhất định SV ngành GDTC làm trái nghề sau khi tốt nghiệp. Một số SV còn chưa lập kế hoạch cá nhân, định hướng mục tiêu nghề nghiệp chưa rõ ràng. Một số SV chưa quan tâm, hứng thú với hoạt động NCKH vì chưa nhận thức được tầm quan trọng của NCKH đối với cải tiến chất lượng, KQHT và nghề nghiệp tương lai. Việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để rà soát, cải tiến chất lượng CTĐT ngành GDTC chưa được thực hiện thường xuyên.

### **3. Kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo**

Để khắc phục các tồn tại trên, Khoa GDTC-QP và Trường ĐHQN lên kế hoạch cải tiến chương trình bắt đầu từ năm học 2020 - 2021 như sau:

#### **3.1. Mục tiêu, CDR và bản mô tả CTĐT**

Tổ chức đánh giá, rà soát lại mục tiêu của CTĐT theo hướng phù hợp hơn với sứ mệnh, tầm nhìn của Trường ĐHQN, với Luật GDĐH sửa đổi, bổ sung năm 2018 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2019) và nhất là phù hợp với mục tiêu của Chương trình giáo dục phổ thông mới mà Bộ GD&ĐT vừa ban hành; rà soát toàn diện CDR của CTĐT so với các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, phẩm chất của SV cần đạt được; đề xuất Nhà trường từng bước xây dựng bộ tiêu chuẩn để đánh giá mức độ đáp ứng của SV với CDR được đặt ra trong từng năm học và đưa ra quy trình chặt chẽ để đo lường, đánh giá CDR.

Tăng cường hơn nữa việc công khai CDR của CTĐT bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú hơn để SV nắm bắt đầy đủ, kịp thời, từ đó có ý thức học tập và rèn luyện đúng đắn và chủ động, thực hiện khảo sát ý kiến phản hồi của người học, đơn vị sử dụng lao động trên hệ thống website, trang facebook Khoa GDTC-QP một cách đều đặn và thường xuyên hơn.

#### **3.2. Cấu trúc, nội dung CTDH và phương pháp tiếp cận trong dạy và học**

Tổ chức thường xuyên và trên quy mô rộng việc lấy ý kiến phản hồi từ SV, GV, cựu SV và các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường quốc tế về CTĐT và về chất lượng của SV ra trường để kịp thời chỉnh sửa CTĐT phù hợp với xu thế mới; đẩy mạnh việc xuất bản và quảng bá bản mô tả CTĐT tới các bên liên quan một cách bài bản hơn, chuyên nghiệp hơn. Tổ chức tập huấn về phương pháp giảng dạy với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin nhằm thay đổi hình thức và phương pháp giảng dạy cũ, kích thích tính chủ động của người học trong việc chiếm lĩnh kiến thức chuyên sâu. Đề xuất Nhà trường cho phép thay đổi cấu trúc các học phần ở năm thứ nhất và thứ hai theo hướng tăng cường thời lượng cho các học phần chuyên ngành

Triển khai việc rà soát, viết lại ĐCCT của một số học phần, phân bổ thời gian cho lý thuyết và thực hành; tiếp tục lấy ý kiến các bên liên quan một cách chuyên nghiệp và thường xuyên hơn để có thêm thông tin cho việc viết lại ĐCCT học phần.

Tiếp tục kết hợp với Phòng KT&BDCL và Phòng Công tác chính trị và SV của Nhà trường mở rộng phạm vi, đối tượng lấy ý kiến đánh giá từ các nhà tuyển dụng, GV

trong và ngoài khoa, cựu SV và SV năm cuối về CTĐT nói chung, về bản mô tả CTĐT và ĐCCT học phần để tiếp tục bổ sung, điều chỉnh CTĐT theo tiếp cận CĐR của ngành GDTC và quốc tế hóa CTĐT; tổ chức các hội nghị, tọa đàm chuyên môn để rút kinh nghiệm trong công tác dạy và học, nâng cao CLĐT.

### **3.3. Đánh giá KQHT của người học**

Tổ chức hội thảo lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về nội dung của các học phần nhằm đạt được CĐR của CTĐT rõ ràng hơn.

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh CTDH cho phù hợp với yêu cầu của xã hội dựa trên các khảo sát về người học, người dạy, cựu SV,... kết hợp với tham khảo các CTĐT tiên tiến trong nước và quốc tế để nâng cao chất lượng đào tạo SV ngành GDTC trong thời kì hội nhập.

Phối hợp với các phòng ban có liên quan sẽ đẩy mạnh việc quảng bá thông tin, tổ chức một cách khoa học việc lấy ý kiến phản hồi từ phía các nhà tuyển dụng, các cơ sở giáo dục phổ thông, GV cũng như cựu SV cho mục tiêu giáo dục của ngành đào tạo của Khoa; chú trọng công tác hoàn thiện, cải tiến CTĐT theo hướng phù hợp hơn với yêu cầu thực tiễn giảng dạy ở bậc phổ thông; phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội SV tổ chức các hoạt động ngoại khóa về nghiệp vụ, các hoạt động hỗ trợ kỹ năng nghề nghiệp cho SV.

Kiến nghị với các GV bổ sung tiêu chí *“khả năng tự học, khả năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp và phân tích tài liệu, khả năng tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch,...”* vào tiêu chí đánh giá KQHT từng học phần.

Kiến nghị Nhà trường tiếp tục xây dựng và ban hành các quy định về việc thiết kế đề thi tự luận, trắc nghiệm nhằm đáp ứng CĐR; Tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi cho mỗi học phần, mỗi câu hỏi được thiết kế đều chỉ rõ đánh giá theo yếu tố, theo mức độ phù hợp với CĐR. Tăng số lượng học phần thi cuối kỳ theo trắc nghiệm khách quan; thực hiện đánh giá theo tiếp cận năng lực; ra đề thi theo hướng tăng cường tư duy, vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề; khảo sát, phân tích, đánh giá mức độ đề thi đáp ứng yêu cầu CĐR; thúc đẩy và cam kết việc chấm thi kết thúc học phần và công bố điểm cuối kỳ đúng thời hạn; yêu cầu CVHT công khai, phổ biến đến tận SV quy trình khiếu nại về KQHT để SV tiếp cận, nắm bắt dễ dàng hơn.

Đề xuất Nhà trường về việc công khai đáp án chấm thi cuối kỳ để SV tự đối chiếu với bài thi và có kế hoạch điều chỉnh việc học tập, thúc đẩy việc chấm thi và công bố điểm giữa kỳ, cuối kỳ đúng thời hạn. Đề nghị Nhà trường ban hành và công bố công khai quy định, quy trình khiếu nại về KQHT trên website của Trường, của Khoa, trong sổ tay người học giúp người học tiếp cận dễ dàng và nắm bắt rõ hơn quy trình này.



### **3.4. *Đội ngũ GV, nghiên cứu viên và nhân viên***

Định kỳ thực hiện việc rà soát, quy hoạch đội ngũ GV của Khoa, tạo điều kiện thuận lợi để các GV, nhân viên được bồi dưỡng, nâng cao trình độ nghiệp vụ theo nhu cầu. Khuyến khích GV đăng ký thực hiện các đề tài nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng đồng và các đề tài gắn với hoạt động dạy và học nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng chương trình giáo dục phổ thông mới.

Tích cực đẩy mạnh việc hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh theo định hướng ứng dụng, trong có sự hợp tác với các tập đoàn lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin và các viện nghiên cứu uy tín, để thực hiện các đề tài có khả năng ứng dụng cao với mục tiêu phục vụ cộng đồng.

Định kỳ hằng năm khảo sát nhu cầu, xây dựng kế hoạch cụ thể, bố trí thời gian hợp lý để GV tham gia vào các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm do Nhà trường tổ chức và cử GV có chuyên môn tốt hướng dẫn, kèm cặp thêm cho đội ngũ GV trẻ trong công tác giảng dạy và NCKH.

Nhà trường tiến hành xây dựng bộ tiêu chí đánh giá công việc cụ thể của từng vị trí việc làm để từ đó triển khai đánh giá GV, nhân viên theo vị trí việc làm, kết quả công việc để tăng cường động lực cho GV, nhân viên; đẩy mạnh sự kết nối, hợp tác trong NCKH và các hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến nghị với Nhà trường trong việc đề ra các chính sách ưu đãi thiết thực để giữ chân, thu hút những GV, nhà khoa học có trình độ chuyên môn cao. Nhà trường tiếp tục thực hiện rà soát, điều chỉnh chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng sao cho kịp thời, đúng đối tượng và công bằng.

Khoa GDTC-QP thông qua nhiều kênh, nhiều phương thức để đẩy mạnh, tăng cường sự hợp tác giữa GV của Khoa với các đối tác nghiên cứu uy tín ở trong và ngoài nước. Đồng thời, Khoa chủ động đề xuất với Nhà trường có chính sách hỗ trợ tương xứng cho những đề tài NCKH nào có tính chất liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

### **3.5. *Người học và hoạt động hỗ trợ người học***

Phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học thực hiện một số công việc như sau: (1) Thay đổi, bổ sung hình ảnh và thông tin chi tiết về ngành học, chính sách tuyển sinh, tạo ra sự hấp dẫn và cuốn hút đối với thí sinh; (2) Trong các giờ giảng, các buổi nói chuyện, sinh hoạt chuyên đề, khóa tập huấn, mỗi GV trong Khoa phải có trách nhiệm giới thiệu đầy đủ, chi tiết, và tích cực về Khoa, ngành GDTC của Khoa. Từ đó người học, người tham gia có sự hiểu biết sâu sắc và ấn tượng tốt về Khoa, chuyên ngành đào tạo của Khoa nhằm tạo ra một kênh truyền thông về Khoa từ người học; (3) Lãnh đạo Khoa phối hợp chặt chẽ với Ban tư vấn tuyển sinh của Nhà trường để đưa ra các chiến lược, cách thức tuyển sinh phù hợp, tuyển đủ chỉ tiêu đề ra trong năm học 2020-2021

và những năm học tiếp theo. Đặc biệt là có thể thu hút được ngày càng nhiều các học sinh giỏi, có năng lực và đam mê TĐTT vào học ngành GDTC.

Khoa GDTC-QP đề xuất điểm sàn được công nhận trúng tuyển một cách phù hợp; theo dõi sát sao tỷ lệ thí sinh trúng tuyển nhập học/số lượng thí sinh được công nhận trúng tuyển để có sự điều chỉnh và can thiệp kịp thời; có các hình thức quảng bá phù hợp, đa dạng và hấp dẫn hơn nhằm thu hút nhiều hơn nữa các thí sinh có năng lực tốt vào học.

Khoa thường xuyên phổ biến rộng rãi CTĐT, quy chế kiểm tra, đánh giá KQHT và rèn luyện đến người học; đề xuất Nhà trường cải thiện phần mềm quản lý đào tạo theo hệ thống TC để người học cập nhật được thông tin kịp thời. Tăng cường các hoạt động tư vấn học tập, khuyến khích hoạt động NCKH, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm, rèn luyện nghiệp vụ để giúp SV nâng cao KQHT và rèn luyện; kết nối, nắm bắt nhu cầu của các cơ quan, đơn vị tuyển dụng để giới thiệu cho SV tìm kiếm việc làm khi ra trường.

Phòng KT&BDCL triển khai lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động tư vấn, hỗ trợ học tập của CVHT, Trợ lý đào tạo, GV phụ trách thực tập sư phạm để kịp thời có những điều chỉnh cần thiết.

Phát động và khuyến khích Liên chi đoàn, Liên chi Hội SV của Khoa tổ chức thêm các hoạt động sinh hoạt chuyên môn nhằm tạo động lực thúc đẩy SV đam mê học tập và NCKH.

### **3.6. CSVC và trang thiết bị**

Đề nghị Nhà trường sớm cải tạo, nâng cấp các phòng học và trang thiết bị xuống cấp, hư hỏng; bố trí thêm phòng làm việc và các trang thiết bị cho Khoa và các tổ Bộ môn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu của GV.

Cán bộ, GV Khoa GDTC-QP triển khai thực hiện kế hoạch biên soạn và cập nhật tài liệu, giáo trình để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng dạy học. Khoa kết hợp với các phòng chức năng trong Nhà trường, sẽ tiếp tục lấy ý kiến phản hồi từ người học về CSVC và trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH; liên kết, mở rộng quan hệ hợp tác với Thư viện tỉnh Bình Định, các tổ chức quốc tế, các nhà xuất bản. Đề xuất Nhà trường đầu tư kinh phí để bổ sung, cập nhật nguồn tài liệu phục vụ đào tạo ngành GDTC.

Đề nghị Nhà trường tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phủ sóng wifi toàn bộ khuôn viên Trường, sớm hoàn thiện đề án dạy học trực tuyến. Sau khi có quy hoạch tổng thể, Nhà trường đầu tư trồng các loại cây xanh; triển khai thực hiện các chính sách liên quan đến nhu cầu đặc thù của người khuyết tật.

### **3.7. Nâng cao chất lượng và kết quả đầu ra**

Từ năm học 2020-2021, Khoa GDTC-QP triển khai cho các tổ Bộ môn biên soạn mới các học phần hiện chưa có bài giảng. Ngoài ra, Khoa cũng tập trung phát triển một số bài giảng thành giáo trình.

Trường ĐHQN và Khoa GDTC-QP tổ chức lấy ý kiến phản hồi rộng rãi của các bên liên quan về sự tương thích và mức độ phù hợp giữa CĐR của CTĐT và yêu cầu nghề nghiệp thực tế. Khoa chủ động trong việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để đổi mới CTĐT, tăng cường thời lượng thực hành thực tế, rèn luyện cho SV kỹ năng và môi trường nghề nghiệp.

Khoa GDTC-QP chỉ đạo CVHT và Trợ lý đào tạo tiếp tục giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV, tìm hiểu lý do thôi học của SV để có những tư vấn, định hướng tốt hơn cho SV khi nhập học. Có sự báo cáo thường xuyên về tiến độ học tập của SV, qua đó nhắc nhở SV hoàn thành các điều kiện CĐR, đảm bảo việc tốt nghiệp đúng thời hạn. Khoa cùng với Phòng Đào tạo Đại học tiến hành rà soát, nhắc nhở SV kịp thời hoàn thành các điều kiện CĐR, để việc xét tốt nghiệp của SV được đảm bảo đúng tiến độ; kiến nghị với Nhà trường chủ động lên kế hoạch giảng dạy và tổ chức ôn thi ngoại ngữ, tin học nhiều đợt trong năm cho SV nhằm làm tăng cơ hội cho SV tham gia thi đạt CĐR theo đúng tiến độ.

Hơn nữa, từ năm học 2020-2021, Nhà trường tiếp tục công việc hoàn thiện phần mềm khảo sát ý kiến SV; Các CVHT các lớp, Phòng Công tác chính trị và SV tăng cường việc nâng cao ý thức của SV trong việc tham gia phản hồi ý kiến cho Nhà trường nhằm giúp Nhà trường có đầy đủ thông tin hơn để đảm bảo sự tương thích và phù hợp với CĐR. Khoa cũng tăng cường đào tạo định hướng nghề nghiệp cho SV thông qua các hoạt động Đoàn – Hội. Đồng thời, Khoa cũng đề xuất với Nhà trường có kế hoạch quảng bá về CTĐT ngành GDTC đối với xã hội.

Khoa tăng cường các đề tài NCKH gắn với CTĐT ngành GDTC, chú trọng áp dụng các kết quả NCKH vào cải tiến dạy học; tổ chức các buổi tập huấn phương pháp giảng dạy cho các GV trong Khoa; các Bộ môn tổ chức dự giờ giảng của các GV trong Bộ môn, đặc biệt là các GV trẻ, để góp ý cho nhau nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, phù hợp với CĐR.

Khoa sẽ đẩy mạnh việc NCKH trong SV, lồng ghép các cuộc thi phát triển kỹ năng, chuyên môn trong các hoạt động của Khoa; tổ chức các hoạt động nâng cao kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa. Bên cạnh đó, thông qua Đoàn – Hội, Khoa triển khai mạnh mẽ các hoạt động truyền thông, tư vấn cho SV về vai trò của NCKH trong SV; có kế hoạch tổ chức nhiều hơn nữa các seminar khoa học góp phần khơi dậy lòng say mê khoa học trong SV.

#### **4. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo**

Căn cứ vào bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT), tổng hợp kết quả đánh giá của 11 tiêu chuẩn gồm 50 tiêu chí, Hội đồng tự đánh giá nhận thấy 50 tiêu chí đạt. Kết quả cụ thể của từng tiêu chuẩn và tiêu chí như sau:

**Phần III. BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CTĐT NGÀNH GDTC**

Tên cơ sở giáo dục: Trường ĐHQN

Mã: DQN

Tên CTĐT: GDTC

Mã CTĐT: 7140206

**Bảng 4.1 Tổng hợp kết quả tự đánh giá CTĐT ngành GDTC**

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Thang đánh giá							Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
	Chưa đạt			Đạt				Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
	①	②	③	④	⑤	⑥	⑦			
<b><i>Tiêu chuẩn 1</i></b>								4,67	3	100
Tiêu chí 1.1					5					
Tiêu chí 1.2					5					
Tiêu chí 1.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 2</i></b>								4,67	3	100
Tiêu chí 2.1					5					
Tiêu chí 2.2				4						
Tiêu chí 2.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 3</i></b>								5	3	100
Tiêu chí 3.1					5					
Tiêu chí 3.2					5					
Tiêu chí 3.3					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 4</i></b>								4,33	3	100
Tiêu chí 4.1					5					
Tiêu chí 4.2				4						
Tiêu chí 4.3				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 5</i></b>								4.6	5	100
Tiêu chí 5.1					5					
Tiêu chí 5.2				4						
Tiêu chí 5.3					5					
Tiêu chí 5.4					5					

Tiêu chí 5.5				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 6</i></b>										
Tiêu chí 6.1					5					
Tiêu chí 6.2				4						
Tiêu chí 6.3					5					
Tiêu chí 6.4				4						
Tiêu chí 6.5					5					
Tiêu chí 6.6					5					
Tiêu chí 6.7				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 7</i></b>										
Tiêu chí 7.1					5					
Tiêu chí 7.2					5					
Tiêu chí 7.3					5					
Tiêu chí 7.4					5					
Tiêu chí 7.5				4						
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>										
Tiêu chí 8.1				4						
Tiêu chí 8.2					5					
Tiêu chí 8.3				4						
Tiêu chí 8.4				4						
Tiêu chí 8.5					5					
<b><i>Tiêu chuẩn 9</i></b>										
Tiêu chí 9.1						6				
Tiêu chí 9.2				4						
Tiêu chí 9.3					5					
Tiêu chí 9.4					5					

Tiêu chí 9.5					6				
<b>Tiêu chuẩn 10</b>									
Tiêu chí 10.1					5				
Tiêu chí 10.2				4					
Tiêu chí 10.3					5		4.33	6	
Tiêu chí 10.4				4				100	
Tiêu chí 10.5				4					
Tiêu chí 10.6				4					
<b>Tiêu chuẩn 11</b>									
Tiêu chí 11.1					5				
Tiêu chí 11.2				4					
Tiêu chí 11.3				4			4.2	5	
Tiêu chí 11.4				4				100	
Tiêu chí 11.5				4					
Đánh giá chung CTĐT							4.62	50	100

Bình Định, ngày 30 tháng 10 năm 2020

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

## PHẦN IV. PHỤ LỤC

### **Phụ lục 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 27/9/2020

#### **I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục**

1. Tên cơ sở giáo dục (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: TRƯỜNG ĐHQN

Tiếng Anh: QUY NHON UNIVERSITY

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục

Tiếng Việt: ĐHQN

Tiếng Anh: QNU

3. Tên trước đây (nếu có): Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: BỘ GD&ĐT

5. Địa chỉ: 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

6. Thông tin liên hệ: Điện thoại: (0256)3846156      Số fax: (0256)3846089

7. E-mail: dqn@moet.edu.vn      Website: www.qnu.edu.vn

8. Năm thành lập cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập): 21/12/1977 (Quyết định số 1842/QĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục)

9. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 1978

10. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: 1982

11. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập     Bán công     Dân lập     Tư thục

#### **II. Thông tin chung về đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

12. Tên Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT (theo Quyết định thành lập)

Tiếng Việt: KHOA GDTC – QUỐC PHÒNG

Tiếng Anh: PHYSICAL EDUCATION – NATIONAL DEFENCE DEPARTMENT

13. Tên viết tắt của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT:

Tiếng Việt: KHOA GDTC - QP

Tiếng Anh: PHYSICAL EDUCATION – NATIONAL DEFENCE DEPARTMENT

14. Tên trước đây (nếu có): KHOA THỂ DỤC THỂ THAO

15. Tên CTĐT

- Tiếng Việt: GDTC

- Tiếng Anh: Physical education

16. Mã CTĐT: 7140206

17. Tên trước đây của CTĐT (nếu có): Sư phạm Thể dục thể thao

18. Địa chỉ của Khoa/Bộ môn thực hiện CTĐT: Phòng 116, 118, Tầng 11 - Nhà 15 tầng, 170 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
19. Số điện thoại liên hệ: (0256)3647570 Số fax:
20. E-mail: [kgdte@qnu.edu.vn](mailto:kgdte@qnu.edu.vn) Website: <http://www.kgdteqnp.qnu.edu.vn>
21. Năm thành lập Khoa/Bộ môn (theo Quyết định thành lập):
- Khoa TĐTT năm 2005 (theo Quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB của Trường ĐHQN).
  - Khoa GDTC-QP năm 2010 (theo Quyết định số 86/QĐ- ĐHQN)
22. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I (của CTĐT): 2003
23. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

### **III. Giới thiệu khái quát về Khoa GDTC-QP**

#### **24. Lịch sử phát triển**

Năm 1977, hai năm sau ngày thống nhất đất nước, cơ sở Đại học Sư phạm Quy Nhơn được thành lập (theo Quyết định số 1842/QĐ ngày 21/12/1977 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục), có nhiệm vụ đào tạo bồi dưỡng giáo viên THPT cho khu vực miền Trung - Tây Nguyên và cả nước. Tổ Thể dục tiên thân của Khoa GDTC-QP hiện nay được thành lập năm 1977 và thuộc Khoa Toán, một trong 5 khoa đầu tiên của Trường lúc bấy giờ. Tổ Thể dục giảng dạy cho SV (SV) những kiến thức về GDTC.

Ngày 25 tháng 7 năm 2005, trường ĐHQN ra quyết định số 503/2005/QĐ-TCCB thành lập Khoa TĐTT thuộc trường ĐHQN trên cơ sở sát nhập hai Bộ môn: GDTC và Giáo dục quốc phòng. Đây là dấu mốc quan trọng cho quá trình phát triển của ngành GDTC, GDTC – Quốc phòng. Ngày 15 tháng 01 năm 2010, theo quyết định số 86/QĐ-ĐHQN đổi tên Khoa TĐTT thành Khoa GDTC-QP trường ĐHQN.

Cùng với sự lớn mạnh không ngừng về mọi mặt của Nhà trường, Khoa GDTC-QP ngày càng trưởng thành, vững mạnh và là địa chỉ tin cậy cho SV chọn làm nơi rèn đức luyện tài; là một trong những cơ sở đào tạo chuyên ngành GDTC có uy tín khu vực Nam Trung Bộ - Tây Nguyên và cả nước; là nơi tạo dựng tương lai tươi sáng cho hàng nghìn SV trong nhiều lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp.

Phát triển và hội nhập, đó là những điều mà Khoa GDTC-QP đã, đang hàng ngày, hàng giờ thực hiện và sẽ là mục tiêu lâu dài mà Khoa hướng tới. Sự phát triển đó trước hết là phát triển của đội ngũ cán bộ về cả trình độ, đạo đức và số lượng. Khoa GDTC-QP hiện nay có 24 cán bộ GV, bao gồm 1 PGS.TIẾN SĨ, 4 TIẾN SĨ, 12 thạc sĩ, 5 cử nhân và 2 sĩ quan biệt phái. Trong số 12 Thạc sĩ có 2 đang học NCS trong nước. Khoảng 50% GV có thâm niên công tác trên 15 năm và có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy.



Trong hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Khoa đã đào tạo hơn 4.500 cử nhân Sư phạm TDTT và cử nhân GDTC hơn 3.000 cử nhân GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Hiện nay, Khoa đang đào tạo 99 SV GDTC hệ đại học chính quy, 179 học viên GDTC hệ hoàn chỉnh kiến thức.

Từ năm 2005 đến nay, có hơn 85 bài báo khoa học cán bộ GV của Khoa GDTC-QP đăng trên các tạp chí trong nước và Hội thảo quốc tế. Đặc biệt, trong 10 năm gần đây (2010-2020) có 10 bài báo đăng trên các tạp chí chuyên ngành được Hội đồng Chức danh tính điểm.

Bên cạnh đó, Khoa đã đăng cai tổ chức thành công Hội thi Nghiệp vụ - Văn hóa - Thể thao toàn quốc 2005, Giải Bóng bàn người giáo viên nhân dân năm 2016... Trong các kỳ thi Đại hội TDTT, các giải Thể thao tỉnh Bình Định và toàn quốc, đội tuyển TDTT SV Khoa GDTC đã đạt được nhiều thành tích như Nhì toàn đoàn Đại hội TDTT tỉnh Bình Định lần thứ 5 (2006); Giải nhì Bóng chuyền SV toàn quốc năm 2006; Giải ba toàn đoàn Điền kinh - Quốc phòng tại Huế năm 2009; Giải nhất bóng đá, bóng chuyền khu vực Nam Trung bộ và Tây Nguyên; Giải nhất Bóng đá đại hội TDTT tỉnh Bình định năm 2005. Đặc biệt, tại các kỳ SEA GAME SV của Khoa tham gia thi đấu đạt thành tích cao như: Lê Minh Tùng giành huy chương bạc hạng cân 51 kg tại SEA Games 23 năm 2005, tại SEA Games 30 năm 2019, SV Phạm Thị Hồng Lệ của Khoa GDTC-QP giành huy chương đồng ở nội dung marathon- 42 km, huy chương bạc cự ly 10.000m.

Các danh hiệu thi đua và khen thưởng chính của Khoa GDTC-QP

- Nhiều năm Khoa GDTC-QP đạt danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến và Tập thể Lao động xuất sắc.

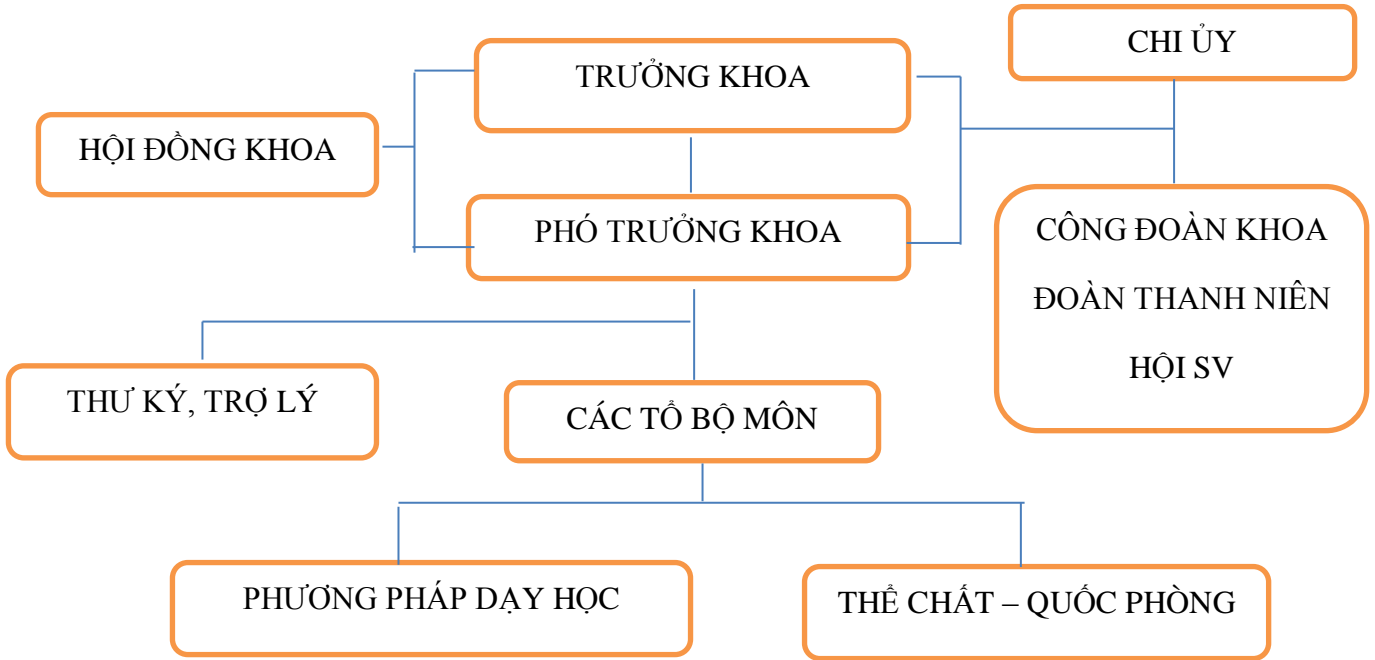
- Nhiều bằng khen của các cá nhân và tập thể Khoa các cấp: Bộ, Tỉnh.

- Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I (của CTĐT): 2007

25. Cơ cấu tổ chức hành chính

Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Trường ĐHQN



**Sơ đồ cơ cấu tổ chức của Khoa GDTC-QP**

26. Danh sách Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục và danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị thực hiện CTĐT.

<b>T T</b>	<b>Các bộ phận</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Năm sinh</b>	<b>Học vị, chức danh, chức vụ</b>	<b>Điện thoại</b>	<b>Email</b>
<b>Ban lãnh đạo cơ sở giáo dục</b>						
1	Hiệu trưởng	Đỗ Ngọc Mỹ	1963	PGS.TIẾN SĨ	0913422517	dnmy@qnu.edu.vn
2	Phó hiệu trưởng	Nguyễn Đình Hiền	1963	PGS.TIẾN SĨ	0903599502	nguyendinhkien@qnu.edu.vn
<b>Đơn vị thực hiện CTĐT</b>						
<b>I. Lãnh đạo chủ chốt của đơn vị</b>						
1	Trưởng Khoa	Nguyễn Sỹ Đức	1983	TIẾN SĨ	0938020909	nguyensyduc@qnu.edu.vn
2	Phó Trưởng Khoa	Mai Thế Anh	1976	TIẾN SĨ	0983098315	<a href="mailto:maitheanh@qnu.edu.vn">maitheanh@qnu.edu.vn</a>
3	Phó Trưởng Khoa	Nguyễn Thanh Hùng	1970	TIẾN SĨ	0919488938	<a href="mailto:nguyenthanhhung@qnu.edu.vn">nguyenthanhhung@qnu.edu.vn</a>
<b>II. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn, Hội</b>						
1	Chi bộ	Nguyễn Thanh Hùng	1970	TIẾN SĨ, Bí thư	0919488938	<a href="mailto:nguyenthanhhung@qnu.edu.vn">nguyenthanhhung@qnu.edu.vn</a>
2	Công đoàn	Lê Minh Tú	1982	Thạc sĩ, Chủ tịch	0366897096	leminhtu@gmail.com
2	Liên Chi đoàn	Trương Quốc Duy	1986	Thạc sĩ, Bí thư	0973709485	truongquocduy86@gmail.com
3	Hội SV	Hồ Ngọc Cường	1990	Thạc sĩ, Chủ tịch	0976991892	ngocuondk@gmail.com
<b>III. Các phòng, ban</b>						
1	Phòng Đào tạo đại học	Lê Xuân Vinh	1967	GVC. TIẾN SĨ Trưởng phòng	0914031785	lexuanvinh@qnu.edu.vn
2	Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng	Nguyễn Hữu Tiến	1962	GVC.Thạc sĩ Trưởng phòng	0914060611	nguyenhuutien@qnu.edu.vn
3	Phòng Khoa học công nghệ và hợp tác quốc tế	Nguyễn Tiến Trung	1979	GVCC. PGS.TIẾN SĨ Trưởng phòng	0904044157	nguyentientrung@qnu.edu.vn

4	Phòng Công tác chính trị - SV	Hồ Văn Phi	1967	GVC. TIẾN SĨ Trưởng phòng	0905021 688	hovanphi@qnu.edu.vn
5	Phòng CSVC	Đoàn Đức Tùng	1975	GVCC. PGS.TIẾN SĨ Trưởng phòng	0905799 386	<a href="mailto:doanductung@qnu.edu.vn">doanductung@qnu.edu.vn</a>
6	Phòng Kế hoạch - Tài chính	Phan Vũ Hạnh	1969	CN Trưởng phòng	0913454 366	phanvuhanh@qnu.edu.vn
7	Phòng Thanh tra – Pháp chế	Nguyễn Thị Kim Oanh		Thạc sĩ Trưởng phòng	0935603 630	<a href="mailto:nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn">nguyenthikimoanh@qnu.edu.vn</a>
8	Phòng Tổ chức – Nhân sự	Hà Thanh Hải	1969	TIẾN SĨ. Trưởng phòng	0983443 902	hathanhhai@qnu.edu.vn
9	Phòng Hành chính – Tổng hợp	Mai Xuân Miên	1961	TIẾN SĨ. Trưởng phòng	0905291 966	maixuanmien@qnu.edu.vn
10	Phòng Đào tạo sau đại học	Hồ Xuân Quang		Trưởng phòng		hoxuanquang@qnu.edu.vn
11	Trung tâm HTSV&QHD N	Nguyễn Khắc Khanh	1982	Thạc sĩ, Giám đốc	0985554 050	nguyenkhackhanh@qnu.edu.vn
12	Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông	Nguyễn Thành Đạt	1978	TIẾN SĨ, Giám đốc	0905139 393	nguyenthanhdat@qnu.edu.vn
13	Viện Khoa học giáo dục	Nguyễn Phi Hùng	1967	PGS.TIẾN SĨ, Viện trưởng	0931906 721	nguyenphihung@qnu.edu.vn
14	Thư viện	Lê Thanh Hải	1982	Thạc sĩ, Giám đốc	0987747 378	lethanhhai@qnu.edu.vn
<b>IV. Các bộ môn</b>						
1	Thế chất – Quốc phòng	Nguyễn Sỹ Đức	1983	TIẾN SĨ, TBM	0938020 909	nguyensyduc@qnu.edu.vn
2	Phương pháp dạy học	Nguyễn Ngọc Sơn	1963	PGS.TIẾN SĨ, TBM	0905792 386	<a href="mailto:nguyenngocson.qn@gmail.com">nguyenngocson.qn@gmail.com</a>

## 27. Các ngành/chuyên ngành đào tạo của Khoa GDTC-QP

Số lượng ngành đào tạo đại học: 01

## 28. Các loại hình đào tạo của đơn vị thực hiện CTĐT (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): không

## 29. Tổng số các ngành đào tạo: 01

**IV. Cán bộ, GV, nhân viên của đơn vị thực hiện chương trình đào tạo**

## 30. Thống kê số lượng cán bộ, GV và nhân viên của đơn vị thực hiện CTĐT:

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	Cán bộ cơ hữu	15	01	16
I.1	Cán bộ trong biên chế	15	01	16
I.2	Cán bộ hợp đồng dài hạn (từ 1 năm trở lên) và hợp đồng không xác định thời hạn	0	0	0
II	Các cán bộ khác Hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm, bao gồm cả GV thỉnh giảng)	0	0	0
	Tổng số			16

## 31. Thống kê, phân loại GV

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Số lượng GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	Ghi chú
			GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	1	0	1	0	
3	Tiến sĩ	4	4	0	3	0	
4	Thạc sĩ	11	11	0	0	0	
5	Đại học	0	0	0	0		
	Tổng số	16	16	0	4	0	

Tổng số GV cơ hữu = Cột (3) - cột (7) = 16 người

Tỷ lệ % GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 100%.

32. Quy đổi số lượng GV của đơn vị thực hiện CTĐT theo quy định tại khoản 3, Điều 3 Thông tư số 32/2015/TT-BGDĐT ngày 16/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

TT	Trình độ, học vị, chức danh	Hệ số quy đổi	Số GV	GV cơ hữu			GV thỉnh giảng	GV quy đổi
				GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng hạn trực tiếp giảng dạy	GV kiêm nhiệm là cán bộ quản lý		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Hệ số quy đổi			1,0	1,0	0,3	0,2	
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	3,0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	3,0	1	1	0	1	0	3,9
3	Tiến sĩ	2,0	4	4	0	3	0	9,8
4	Thạc sĩ	1,0	11	11	0	0	0	11
5	Đại học	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng số		16					24,7

Cách tính: cột 9 = cột 3\*(cột 5 + cột 6 + 0,3\*cột 7 + 0,2\* cột 8)

33. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo trình độ, giới tính và độ tuổi (số người):

TT	Trình độ / học vị	Số lượng người	Tỷ lệ %	Phân loại theo giới tính (người)		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	<30	30-40	41-50	51-60	>60
1	Phó Giáo sư, Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0			0		
2	Phó Giáo sư, Tiến sĩ	1	6,7	1	0		0	0	1	
3	Tiến sĩ	4	26,7	4	0	0	1	3	0	0
4	Thạc sĩ	11	66,6	10	1	0	9	2	0	
5	Đại học	0	0	0	0				0	
	Tổng số	16		15	1	0	10	5	1	0

33.1. Tuổi trung bình của GV cơ hữu: 39,66

33.2. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $05/16=31.25\%$

33.3. Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $11/16= 68.75\%$

34. Thống kê, phân loại GV cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) GV cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	15%	50%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	40%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	5%
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	25%	5%
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10%	0%
	Tổng	100	100

#### V. Người học (chỉ tính số lượng người học của chương trình đào tạo)

35. Người học bao gồm học sinh, SV, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

Tổng số người đăng ký dự tuyển vào CTĐT, số người học trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây (hệ chính quy):

Năm học	Số thí sinh đăng ký vào CTĐT (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào/ thang điểm	Điểm trung bình của SV được tuyển	Số lượng SV quốc tế nhập học (người)
2015-2016	112	30	3.73	30	20.75	23.75	0
2016-2017	120	38	3.16	35	23	25.9	0
2017-2018	115	33	3.48	29	18.5	20.7	01
2018-2019	55	19	2.89	15	20	21.9	0
2019-2020	78	12	6.50	12	18	24.3	01



36. Thống kê, phân loại số lượng người học của CTĐT trong 5 năm gần đây các hệ chính quy và không chính quy.

Đơn vị: người

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh					
2. Học viên cao học					
3. SV đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	211	170	147	101	99
Hệ không chính quy	64	69	23	13	179
4. SV cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh TCCN					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

37. Số SV quốc tế theo học CTĐT trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)			1		1
Tỷ lệ (%) trên tổng số người học			3.45%		8.33%

38. Người học của CTĐT có chỗ ở trong ký túc xá/tổng số người học có nhu cầu:

Các tiêu chí	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )					
2. Người học có nhu cầu về phòng ở (trong và ngoài ký túc xá) (người)					
3. Người học được ở trong ký túc xá (người)					
4. Tỷ số diện tích trên đầu người học ở trong ký túc xá (m <sup>2</sup> /người)					

## 39. Số lượng (người) và tỷ lệ (%) người học của CTĐT tham gia NCKH

	Năm học				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
Số lượng (người)	0	0	4	0	0
Tỷ lệ (%) trên tổng số SV			2,76%		

## 40. Thống kê số lượng người học của CTĐT tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. SV tốt nghiệp đại học					
Trong đó:					
Hệ chính quy	73	72	63	40	28
Hệ không chính quy	90	26	35	0	22
4. SV tốt nghiệp cao đẳng					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp					
Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng)

## 41. Tình trạng tốt nghiệp của SV hệ chính quy của CTĐT:

	Các tiêu chí	Năm học				
		2015- 2016	2016- 2017	2017- 2018	2018- 2019	2019- 2020
1	Số lượng người học tốt nghiệp	73	72	63	40	28
2	Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào (%).	81.1	88.9	92.6	85.1	93.3

3	<p>3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/Đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
3.1	3.1. Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.2	3.2. Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%).					
3.3	3.3. Tỷ lệ người học trả lời không học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4	<p>4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:</p> <p>A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5</p> <p>B. Cơ sở giáo dục/ đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:</p>					
	4.1. Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo (%).					
	- Sau 6 tháng tốt nghiệp.			15.87	17.5	28.57

- Sau 12 tháng tốt nghiệp.	39.5	24.4	8.23	14.3	21.43
4.2. Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo (%).	60,5	75,6	75,9	68,2	50.0
4.3. Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm.	3.9 triệu	3.9 triệu	3.9 triệu	3.9 triệu	4.2 triệu
5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này. B. Cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây:					
5.1. Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%).					7.14
5.2. Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%).					71.43
5.3. Tỷ lệ người học phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%).					3.57

Ghi chú:

- Người học tốt nghiệp là người học có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những người học chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Người học có việc làm là người học tìm được việc làm hoặc tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

Các mục bỏ trống đều được xem là cơ sở giáo dục/đơn vị thực hiện CTĐT không điều tra về việc này.

## VI. NCKH và chuyển giao công nghệ

42. Số lượng đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Hệ số	Số lượng					Tổng quy đổi
			2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Đề tài cấp NN	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1,0	0	0		0		0
3	Đề tài cấp trường	0,5	1	1	2	2	1	3,5
	Tổng							3,5

Cách tính: Cột 9 = cột 3\*(cột 4 + cột 5 + cột 6 + cột 7 + cột 8)

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước.

\*\*Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số đề tài quy đổi: 7

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $3.5/16=0,219$

43. Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ của đơn vị thực hiện CTĐT trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của đơn vị thực hiện CTĐT (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	2014			
2	2015			
3	2016			
4	2017			
5	2018			

44. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài			15	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số cán bộ tham gia			15	

45. Số lượng đầu sách của đơn vị thực hiện CTĐT được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Sách chuyên khảo	2,0	0	0	0	0	0	0
2	Sách giáo trình	1,5	0	1	0	1	1	4,5
3	Sách tham khảo	1,0	0	0	0	0	0	0
4	Sách hướng dẫn	0,5	0	0	0	0	0	0
	Tổng							4,5

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số sách (quy đổi): 4,5

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu:  $4,5/16 \sim 0,3$

46. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	0	9		
Từ 4 đến 6 cuốn sách				
Trên 6 cuốn sách				
Tổng số cán bộ tham gia	0	9		

47. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Tạp chí khoa học quốc tế	1,5	0	0	0	1	0	1,5
2	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	1,0	0	2	3	1	6	12
3	Tạp chí/tập san của cấp trường	0,5	0	1	0	3	2	3,0
	<b>Tổng</b>			3	3	5	8	16,5

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài đăng tạp chí (quy đổi): 16,5

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16,5/16 ~ 1,03

48. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí khoa học quốc tế	Tạp chí khoa học cấp ngành trong nước	Tạp chí / tập san cấp trường
Từ 1 đến 5 bài	1	11	6
Từ 6 đến 10 bài			
Từ 11 đến 15 bài			
Trên 15 bài			
<b>Tổng</b>	1	11	6

49. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Hệ số **	Số lượng					Tổng (đã quy đổi)
			2015	2016	2017	2018	2019	
1	Hội thảo quốc tế	1,0	0	0	2	0	2	4
2	Hội thảo trong nước	0,5		1	0	0	1	1
3	Hội thảo cấp trường	0,25						
	<b>Tổng</b>		0	1	2		3	5

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của cơ sở giáo dục vì đã được tính 1 lần)

\*\* Hệ số quy đổi: Dựa trên nguyên tắc tính điểm công trình của Hội đồng chức danh giáo sư Nhà nước (có điều chỉnh).

Tổng số bài báo cáo (quy đổi): 5.0

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5.0/16 ~ 0,3125

50. Số lượng cán bộ cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỹ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Cấp hội thảo		
	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo cấp trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	5	2	0
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	5	2	0

(Khi tính Hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các Hội thảo của Trường)

51. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp

Năm học	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)

52. NCKH của người học

52.1. Số lượng người học của đơn vị thực hiện CTĐT tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng người học tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp NN	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	1	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số người học tham gia	0	0	1	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

52.2. Thành tích NCKH của SV:

(Thông kê các giải thưởng NCKH, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích NCKH	Số lượng				
		2015-2016	2016-2017	2017-2018	2018-2019	2019-2020
1	Số giải thưởng NCKH, sáng tạo	0	0	0	0	0
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0



## VII. CSVC, thư viện

53. Tổng diện tích đất sử dụng của cơ sở giáo dục: 240.112 m<sup>2</sup>.

54. Tổng diện tích đất sử dụng của đơn vị thực hiện CTĐT: 130.610 m<sup>2</sup>.

55. Diện tích sử dụng cho các hạng mục sau:

Nơi làm việc: 6.855 m<sup>2</sup>, Nơi học: 36.416 m<sup>2</sup>, Nơi vui chơi giải trí: 18.905m<sup>2</sup>.

56. Diện tích phòng học (tính bằng m<sup>2</sup>):

- Tổng diện tích phòng học: 25.748 m<sup>2</sup>

- Tỷ số diện tích phòng học trên người học chính quy: 1,8 m<sup>2</sup>/người

57. Tổng số đầu sách thuộc ngành đào tạo được sử dụng tại Thư viện: 1.890

Tổng số đầu sách trong phòng tư liệu của đơn vị thực hiện CTĐT (nếu có): 50.

58. Tổng số máy tính của đơn vị thực hiện CTĐT:

- Dùng cho hệ thống văn phòng: 5

- Dùng cho người học tập: 580

## VIII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây:

1. GV:

Tổng số GV cơ hữu (người): 16

Tỷ lệ GV cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:  $16/16 = 100\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $5/16 = 31.25\%$

Tỷ lệ GV cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số GV cơ hữu của đơn vị thực hiện CTĐT:  $11/16 = 68.75\%$

2. Người học:

Tổng số người học chính quy (người): 99

Tỷ số người học chính quy trên GV:  $99/16 = 6,19$

Tỷ lệ người học tốt nghiệp so với số tuyển vào: 93,3%

3. Đánh giá của người học tốt nghiệp về chất lượng CTĐT:

Tỷ lệ người học trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

Tỷ lệ người học trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%):

4. Người học có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ người học có việc làm đúng ngành đào tạo: 28.57%

Tỷ lệ người học có việc làm trái ngành đào tạo: 50.0%

Thu nhập bình quân/tháng của người học có việc làm: 4.2 triệu VNĐ

5. Đánh giá của nhà tuyển dụng về người học tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ người học đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%):  
7.14%

Tỷ lệ người học cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 71.43%

6. NCKH và chuyển giao công nghệ:

Tỷ số đề tài NCKH và chuyển giao khoa học công nghệ (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 4,5/16 ~ 0,28

Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 0

Tỷ số sách đã được xuất bản (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 1/16 ~ 6,25%

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 16,5/16 ~ 1,03

Tỷ số bài báo cáo (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5,0/16 ~ 0,3125

7. CSVC: Tỷ số diện tích ký túc xá trên người học chính quy: 3 m<sup>2</sup>/người học.

## Phụ lục 2. CÁC QUYẾT ĐỊNH VÀ VĂN BẢN LIÊN QUAN KHÁC

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
Số: 1223/KH-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 24 tháng 6 năm 2020

### KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT

#### 1. Mục đích tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành Giáo dục thể chất nhằm giúp khoa Giáo dục thể chất – Quốc phòng (GDTC-QP) tự xem xét, đánh giá tình trạng chất lượng hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất, cũng như các vấn đề liên quan khác dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT, từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện, từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo cử nhân sư phạm ngành Giáo dục thể chất đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng; làm cơ sở để đăng ký kiểm định chất lượng, tiến tới xây dựng CTĐT tiên tiến cho ngành và đủ điều kiện mở chuyên ngành đào tạo vừa làm vừa học liên thông đại học và đào tạo trình độ thạc sĩ.

#### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động thực hiện CTĐT ngành Giáo dục thể chất của khoa GDTC-QP theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học, giai đoạn 2015-2020.

#### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Bộ Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn kèm theo:

- Công văn số 1074/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn sử dụng tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH.

- Công văn số 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo.

- Công văn số 1076/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục Khảo thí và Kiểm định Chất lượng giáo dục v/v hướng dẫn đánh giá ngoài chương trình đào tạo.

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 v/v sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 về việc thay thế Tài liệu đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD.

- Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT (Kèm theo Công văn số 1669/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng, thay thế Tài liệu hướng dẫn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của GDĐH ban hành kèm theo Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng).

#### 4. Hội đồng tự đánh giá

##### 4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá

Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành Giáo dục thể chất được thành lập theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn, Hội đồng gồm có 13 thành viên (danh sách kèm theo).

4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách (danh sách kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn).

##### 4.3. Phân công thực hiện:

TT	Tiêu chuẩn	Nhóm chịu trách nhiệm	Thời gian thu thập thông tin, minh chứng và viết BC TĐG	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 6: Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Nhóm 1	13/7/2020 – 20/9/2020	
2	Tiêu chuẩn 7: Đội ngũ nhân viên			
3	Tiêu chuẩn 11: Kết quả đầu ra			
4	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	Nhóm 2	13/7/2020 – 20/9/2020	



5	Tiêu chuẩn 2: Bản mô tả chương trình đào tạo			
6	Tiêu chuẩn 3: Cấu trúc và nội dung chương trình dạy học			
7	Tiêu chuẩn 5: Đánh giá kết quả học tập của người học	Nhóm 3	13/7/2020 – 20/9/2020	
8	Tiêu chuẩn 8: Người học và hoạt động hỗ trợ người học			
9	Tiêu chuẩn 9: Cơ sở vật chất và trang thiết bị			
10	Tiêu chuẩn 4: Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Nhóm 4	13/7/2020 – 20/9/2020	
11	Tiêu chuẩn 10: Nâng cao chất lượng			

#### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

TT	Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực cần được huy động/cung cấp	Thời gian	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 6, 7, 11	Thu thập minh chứng	Phòng TC-NS, Phòng KHCN&HTQT, Phòng KT&BDCL, Phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHĐN, giảng viên, cựu sinh viên, nhân viên các phòng ban, các khoa và sinh viên khoa	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Đội ngũ nhân viên	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		

		Đánh giá Kết quả đầu ra	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 1, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
2	Tiêu chuẩn 1, 2, 3	Thu thập minh chứng	Phòng HC-TH, Phòng ĐTDH, Thư viện, Trung tâm CNTT&TT, Phòng KT&BDCL, CTĐT của các khoa, trường trong và ngoài tỉnh, giảng viên, cựu sinh viên, các trường phổ thông, các Sở ban ngành.	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	Hội đồng Khoa, Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Mô tả CTĐT	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá cấu trúc và nội dung chương trình dạy học	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 2, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
3	Tiêu chuẩn 5, 8, 9	Thu thập minh chứng	Phòng ĐTDH, phòng KT&BDCL, phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHĐN, phòng CSV, phòng HC-TH, Phòng Kế hoạch-Tài chính, Trung tâm CNTT&TT,	13/7/2020 – 23/8/2020	

			giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, các trường phổ thông và các Sở ban ngành		
		Đánh giá hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Người học và hoạt động hỗ trợ người học	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Cơ sở vật chất và trang thiết bị	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 3, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	
4	Tiêu chuẩn 4, 10	Thu thập minh chứng	Phòng ĐTDH, Phòng KT&ĐBCL, Phòng HC-TH, Phòng KHCN&HTQT, Phòng CTCT&SV, Trung tâm HTSV&QHDN, Ban tuyển sinh trường, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên, các trường phổ thông và các Sở ban ngành.	13/7/2020 – 23/8/2020	
		Đánh giá Phương pháp tiếp cận trong dạy và học	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Đánh giá Nâng cao chất lượng đào tạo	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký, Giảng viên Khoa GDTC-QP		
		Viết báo cáo	Thành viên Nhóm 4, Ban thư ký	24/8/2020 - 20/9/2020	



**6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện chương trình đào tạo (nếu cần)**

6.1. Các CTĐT ngành Giáo dục thể chất của các trường, khoa trong và ngoài nước.

6.2. Kế hoạch, số liệu tuyển dụng, hồ sơ đánh giá năng lực cựu sinh viên từ các trường phổ thông, Sở ban ngành trong khu vực và cả nước.

6.3. Phòng vấn lãnh đạo các trường phổ thông, Sở ban ngành, cựu sinh viên.

**7. Kế hoạch thuê chuyên gia ngoài (nếu cần)**

Thuê chuyên gia về kiểm định chương trình tư vấn, tập huấn về quy trình, góp ý, chỉnh sửa.

**8. Thời gian biểu**

Thời gian thực hiện tự đánh giá CTĐT khoảng 06 tháng, theo lịch trình cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
15/6 - 12/7/2020	1. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>• Tập huấn về quy trình tự đánh giá và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT cho Hội đồng tự đánh giá và các nhóm công tác chuyên trách;</li> <li>• Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng;</li> <li>• Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul> 2. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên tham gia thực hiện CTĐT. 3. Tổ chức hội thảo/hội nghị về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các cán bộ chủ chốt liên quan. 4. Họp Hội đồng tự đánh giá CTĐT để thông qua: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Bản Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CTĐT;</li> <li>• Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và điều kiện cụ thể của Trường, Khoa);</li> <li>• Trình Hiệu trưởng phê chuẩn kế hoạch tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
13/7- 23/8/2020	1. Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.



	<p>2. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</p> <p>3. Mã hoá các thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>4. Mô tả thông tin và minh chứng thu được.</p> <p>5. Phân tích, lý giải nội hàm của các minh chứng để xem xét sự phù hợp của minh chứng với các yêu cầu trong từng tiêu chí của tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.</p>
24/8- 20/9/2020	<p>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p> <p>2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin bổ sung nếu cần thiết).</p>
21/9- 27/9/2020	<p>Hội đồng tự đánh giá CTĐT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo;</li> <li>• Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá;</li> <li>• Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>• Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung;</li> <li>• Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CTĐT.</li> </ul>
28/9- 11/10/2020	<p>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</p> <p>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp với các bộ môn, phòng, ban, ... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</p>
12/10- 28/10/2020	<p>1. Công bố bản báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý của các bộ môn, phòng, ban, ...) trong nội bộ cơ sở giáo dục và đơn vị thực hiện CTĐT.</p> <p>2. Các bộ môn, phòng ban, cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học, .... đóng góp ý kiến phản biện về báo cáo tự đánh giá.</p>
29/10- 05/11/2020	<p>1. Hội đồng tự đánh giá CTĐT họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến phản biện;</p> <p>2. Hội đồng tự đánh giá CTĐT thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và nộp báo cáo cho Hiệu trưởng để xem xét, phê duyệt.</p>

06/11- 15/11/2020	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trường gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hoàn thành Báo cáo TĐG CTĐT ngành GDTC.</li> <li>2. Trường, Khoa bảo quản báo cáo tự đánh giá, lưu giữ các thông tin minh chứng theo thứ tự mã minh chứng đã ghi trong báo cáo tự đánh giá, chuẩn bị cho việc thẩm định báo cáo tự đánh giá và đánh giá ngoài.</li> <li>3. Lập và triển khai thực hiện kế hoạch hành động khắc phục những điểm còn tồn tại đã được xác định trong Báo cáo tự đánh giá.</li> </ol>
----------------------	---

**Nơi nhận:**

- Hội đồng tự đánh giá CTĐT ngành GDTC;
- Phòng KT&BDCL;
- Các đơn vị trong trường;
- Đăng website Trường, Khoa GDTC-QP;
- Lưu: VT, VP. Khoa GDTC-QP.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. *Nguyễn Đình Hiền*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 945/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 11 tháng 6 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Công văn 1075/KTKĐCLGD-KĐĐH ngày 28/6/2016 của Cục trưởng Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục về việc hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo;

Theo đề nghị của Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng và Trường khoa Giáo dục Thể chất - Quốc phòng,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất gồm các ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất theo Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo ban hành kèm theo Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá chương trình đào tạo của Cục Quản lý chất lượng.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trường phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trường khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng, các Trường đơn vị liên quan và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Công bố website Trường;
- Lưu: VT, K.GDTC-QP, KTBĐCL.



HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Đỗ Ngọc Mỹ





**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT**

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên		Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Đỗ Ngọc Mỹ		PGS.TS, Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Ông Nguyễn Đình Hiền		PGS.TS, Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Ông Nguyễn Sỹ Đức		TS, Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Phó Chủ tịch
4	Ông Nguyễn Ngọc Sơn		PGS.TS, Trưởng bộ môn Khoa GDTC-QP	Thư ký
5	Ông Nguyễn Quang Ngoạn		PGS.TS, Chủ tịch HĐT	Thành viên
6	Ông Lê Xuân Vinh		TS, TP. ĐTDH	Thành viên
7	Ông Nguyễn Hữu Tiến		ThS, TP. KT&BDCL	Thành viên
8	Ông Nguyễn Thanh Hùng		TS, Phó Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Thành viên
9	Ông Mai Thế Anh		ThS, Phó Trưởng Khoa Khoa GDTC-QP	Thành viên
10	Ông Lê Minh Tú		ThS, Chủ tịch Công đoàn Khoa GDTC-QP	Thành viên
11	Ông Trương Quốc Duy		ThS, Bí thư liên chi Đoàn TN Khoa GDTC-QP	Thành viên
12	Ông Bùi Văn Kiên		ThS, GV Khoa GDTC-QP	Thành viên
13	Ông Lê Hữu Đăng		Sinh viên K.40 K.GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 13 người). *na*

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

STT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn, Khoa GDTC-QP	Trưởng Ban thư ký
2	Ông Hoàng Ngọc Anh	ThS, PTP. P. KT&BĐCL	Thành viên hỗ trợ
3	Ông Mai Thế Anh	ThS, Phó Trưởng khoa, Khoa GDTC-QP	Thành viên
4	Bà Lê Thu Hải	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thành viên
5	Bà Huỳnh Hà Phương Linh	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thành viên
6	Ông Nguyễn Thanh Ngọc	Giảng viên K. GDTC-QP	Thành viên
7	Ông Lê Minh Tú	Giảng viên K. GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 07 người). *uu*



### DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
Nhóm 1	1. Ông Nguyễn Sỹ Đức	TS, Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Bà Lê Thu Hải	Chuyên viên K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Bùi Văn Kiên	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Bùi Trọng Duy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Trương Quốc Duy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Lê Tứ Trụ	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 2	1. Ông Nguyễn Thanh Hùng	TS, Phó Trưởng khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Bà Huỳnh Hà Phương Linh	Chuyên viên K. GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Nguyễn Ngọc Châu	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Nguyễn Xuân Quắc	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Nguyễn Trọng Thủy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Lê Anh Tuấn	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 3	1. Ông Mai Thế Anh	ThS, Phó Trưởng Khoa K.GDTC-QP	Trưởng nhóm
	2. Ông Lê Minh Tú	ThS, GV K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Hồ Ngọc Cường	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Hồ Minh Mộng Hùng	TS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Ông Thái Bình Thuận	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	6. Ông Vũ Đức Luân	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
Nhóm 4	1. Ông Nguyễn Ngọc Sơn	PGS.TS, Trưởng bộ môn	Trưởng nhóm
	2. Ông Nguyễn Thanh Ngọc	ThS, GV K.GDTC-QP	Thư ký
	3. Ông Trương Hồng Long	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên
	4. Ông Nguyễn Văn Toàn	Giảng viên K.GDTC-QP	Thành viên
	5. Bà Hoàng Thị Thủy	ThS, GV K.GDTC-QP	Thành viên

(Danh sách gồm có 23 người). 40



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 1869/QĐ-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 01 tháng 9 năm 2020

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất

#### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Căn cứ Quyết định số 221/2003/QĐ-TTg ngày 30/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Sư phạm Quy Nhơn thành Trường Đại học Quy Nhơn;

Căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 945/QĐ-ĐHQN ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất;

Căn cứ Tờ trình số 40/TTr ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Trưởng khoa Giáo dục Thể chất – Quốc phòng về việc thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng,

#### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thay đổi thành viên trong nhóm công tác chuyên trách phục vụ Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất như sau:

Ông Trương Quốc Duy (GV Khoa GDTC-QP) được điều chuyển từ nhóm công tác số 1 sang nhóm công tác số 4 thay cho ông Nguyễn Thanh Ngọc (GV Khoa GDTC-QP) với nhiệm vụ là Thư ký nhóm chuyên trách số 4 và là thành viên của Ban Thư ký.

**Điều 2.** Ông Trương Quốc Duy thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng nhóm, Trưởng Ban Thư ký và Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo ngành Giáo dục Thể chất theo quy định.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng, Trưởng khoa Giáo dục Thể chất - Quốc Phòng và các ông có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, K.GDTC-QP, KTBĐCL.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền